

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THU TRANG

**KHÍA CẠNH TÂM LÝ CỦA XUNG ĐỘT VĂN HOÁ
Ở THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

Hà Nội, 2017

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

VŨ THU TRANG

**KHÓA CẠNH TÂM LÝ CỦA XUNG ĐỘT VĂN HOÁ
Ở THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY**

Chuyên ngành: Tâm lý học

Mã số: 62.31.04.01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ TÂM LÝ HỌC

Người hướng dẫn khoa học : GS.TS. Phạm Tất Dong

Hà Nội, 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các tài liệu, kết quả nghiên cứu trong luận án là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác.

Tác giả luận án

Vũ Thu Trang

LỜI CẢM ƠN

Để có được kết quả như ngày hôm nay, tôi xin bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc đến GS.TS. Phạm Tất Dong, người thầy đã tận tình hướng dẫn, chỉ bảo cho tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Tôi xin cảm ơn sâu sắc Ban Giám đốc Học viện Khoa học xã hội, các phòng ban của Học viện và các anh chị của Học viện đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để tôi thực hiện luận án.

Tôi xin cảm ơn sâu sắc PGS.TS. Nguyễn Thị Mai Lan, Phó trưởng khoa Khoa Tâm lý – Giáo dục, Học viện Khoa học xã hội đã tận tình giúp đỡ và tạo mọi điều kiện để tôi thực hiện luận án.

Tôi xin cảm ơn chân thành các thầy cô ở các cấp hội đồng đánh giá luận án đã chỉ bảo cho tôi những điều quý báu để tôi hoàn thiện luận án.

Tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè đã tận tình giúp đỡ tôi trong quá trình thực hiện luận án.

Xin trân trọng cảm ơn.

Tác giả luận án

Vũ Thu Trang

MỤC LỤC

	Trang
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VẤN ĐỀ	9
1.1. Nghiên cứu về xung đột văn hoá	9
1.2. Nghiên cứu về khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá	21
1.3. Nghiên cứu về xung đột văn hoá ở thanh niên	25
1.4. Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hoá	29
Tiểu kết chương 1	30
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHÍA CẠNH TÂM LÝ CỦA XUNG ĐỘT VĂN HÓA Ở THANH NIÊN	32
2.1. Xung đột	32
2.2. Văn hoá	36
2.3. Xung đột văn hoá	42
2.4. Khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên	44
2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên	65
Tiểu kết chương 2	67
Chương 3: TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU	69
3.1. Tổ chức nghiên cứu	69
3.2. Phương pháp nghiên cứu	80
Tiểu kết chương 3	88
Chương 4: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ CÁC KHÍA CẠNH TÂM LÝ CỦA XUNG ĐỘT VĂN HÓA Ở THANH NIÊN VIỆT NAM HIỆN NAY	89
4.1. Thực trạng biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam	89
4.2. So sánh các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên theo các biến số	112
4.3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam hiện nay	125
4.4. Kết quả thực nghiệm tác động	134
Tiểu kết chương 4	138
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	141
1. Kết luận	141
2. Kiến nghị	142
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ	146
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	147
PHỤ LỤC	

**DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT
SỬ DỤNG TRONG LUẬN ÁN**

DLC	Độ lệch chuẩn
DTB	Điểm trung bình
NXB	Nhà xuất bản
tr	Trang
TT	Thứ tự
XĐVH	Xung đột văn hoá

DANH MỤC CÁC BẢNG

	Trang
Bảng 3.1: Cơ cấu mẫu chọn khảo sát	76
Bảng 3.2: Tổng số khách thể khảo sát	76
Bảng 3.3: Cách tính điểm và thang đo	85
Bảng 4.1 : Mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên	89
Bảng 4.2: Đánh giá chung mức độ thể hiện khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở sinh viên	95
Bảng 4.3: Mức độ biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo nhóm xung đột	96
Bảng 4.4: Mức độ biểu hiện khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo nhóm	98
Bảng 4.5: Mức độ biểu hiện khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo nhóm	101
Bảng 4.6: Mức độ biểu hiện khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo nhóm	105
Bảng 4.7: Hành vi tìm hình mẫu để giải quyết xung đột	106
Bảng 4.8: Tương quan giữa ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá	110
Bảng 4.9: Tương quan giữa ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên (phân theo nhóm hành vi)	111
Bảng 4.10: Nhận thức về xung đột văn hoá theo giới tính	114
Bảng 4.11: Cảm xúc về xung đột văn hoá theo giới tính	114
Bảng 4.12: Hành vi giải quyết xung đột văn hoá theo giới tính	115
Bảng 4.13: Nhận thức về xung đột văn hoá (theo năm học)	117
Bảng 4.14: Cảm xúc về xung đột văn hoá (theo năm học)	118
Bảng 4.15: Hành vi giải quyết xung đột văn hoá (theo năm học)	118
Bảng 4.16: Nhận thức về xung đột văn hoá theo trường học	121
Bảng 4.17: Cảm xúc về xung đột văn hoá (theo trường học)	122
Bảng 4.18: Hành vi giải quyết xung đột văn hoá (theo trường học)	123
Bảng 4.19: Hệ số hồi quy của các yếu tố ảnh hưởng tới các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên	126
Bảng 4.20: Phương trình thử nghiệm quan hệ trung gian giữa mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây, mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây, và xung đột văn hoá	130
Bảng 4.21: Kết quả thực nghiệm tác động phân theo tình huống xung đột văn hoá	135

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

	Trang
Biểu đồ 4.1: Mức độ gắn bó với các cái tôi văn hoá của thanh niên Việt Nam theo nhóm	91
Biểu đồ 4.2: Mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo giới tính	112
Biểu đồ 4.3: Mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo năm học	116
Biểu đồ 4.4: Mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo trường học	120
Sơ đồ 4.5: Mối quan hệ trung gian giữa mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây, mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây, và xung đột văn hoá	129

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh mở cửa, hội nhập khu vực và quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam, sự du nhập của các nền văn hoá nước ngoài vào xã hội Việt Nam và cùng với đó là quá trình hoà nhập văn hoá đang diễn ra ngày một nhanh chóng và mạnh mẽ. Không thể phủ nhận là chúng ta đang sống trong một môi trường đa văn hoá. Văn hoá ngoại lai đang thấm dần vào đời sống của người dân Việt Nam, từ cách ăn, cách mặc đến cách suy nghĩ, lối ứng xử.

Sự tiếp biến văn hoá này một mặt giúp chúng ta tiếp nhận nhiều giá trị văn hoá mới, làm giàu cho hệ giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam, nhưng mặt khác nó dẫn tới sự va đập giữa các hệ giá trị văn hoá. Không phải hệ giá trị văn hoá nào cũng đề cao những giá trị văn hoá giống nhau, vì thế việc xung đột văn hoá là không thể tránh khỏi.

Khi cá nhân tiếp xúc với một nền văn hoá mới, tiếp xúc với những giá trị văn hoá khác biệt với hệ giá trị văn hoá nền tảng của anh ta, có thể dẫn tới tình trạng “sốc văn hoá” [18]. Ở người Việt Nam, sốc văn hoá không chỉ diễn ra khi người dân Việt sang nước ngoài và trải nghiệm độ chênh giữa văn hoá của nước bạn và văn hoá truyền thống Việt Nam. Sốc văn hoá ở nhiều cấp độ còn diễn ra chính trong xã hội Việt Nam, như khi bố mẹ tiếp xúc với văn hoá của giới trẻ, hay khi một thanh niên Việt Nam tiếp xúc với văn hoá nước ngoài qua phim ảnh hay qua truyền bá của những người xung quanh. Về bản chất, sốc văn hoá phản ánh tình trạng xung đột giữa các hệ giá trị văn hoá mà cá nhân đã lĩnh hội. Sự xung đột văn hoá này có thể dẫn tới những hệ quả tâm lý khác nhau, bao gồm cả hệ quả tích cực và tiêu cực, nhưng có thể khẳng định rằng xung đột văn hoá là một bước cần thiết trong quá trình tiếp biến văn hoá của cá nhân. Có giải quyết tốt xung đột văn hoá thì mới có tiếp biến văn hoá thành công.

Vấn đề xung đột văn hoá là vấn đề đã được nghiên cứu rộng rãi trên thế giới, với các nghiên cứu chủ yếu hướng vào đối tượng người nhập cư. Ở Việt Nam, các nghiên cứu về tiếp biến văn hoá nói chung và xung đột văn hoá nói riêng đã thu hút được sự quan tâm của nhà nghiên cứu trong những năm gần đây, song các nghiên cứu từ góc độ tâm lý học vẫn còn hạn chế về số lượng. Chính vì vậy, đề tài luận án này tập trung nghiên cứu vấn đề xung đột văn hoá từ góc độ tâm lý học trên nhóm khách thể là người bản xứ Việt Nam. So với các nghiên cứu trong tâm lý học văn

hoá về xung đột văn hoá, người bản xứ là nhóm khách thể mới, do đó những kết quả nghiên cứu của đề tài luận án này sẽ chỉ ra những đặc điểm tâm lý đặc trưng của xung đột văn hoá ở nhóm khách thể này. Quan trọng hơn, đề tài góp phần làm sáng tỏ đời sống tâm lý văn hoá của thanh niên Việt Nam, đặc biệt là cách tiếp biến văn hoá của thanh niên qua cách họ trải nghiệm và ứng phó với những xung đột văn hoá của mình. Luận án cũng thử nghiệm một số yếu tố dự báo mức độ xung đột văn hoá của thanh niên Việt Nam, từ đó đưa ra những khuyến nghị nhằm giúp cho quá trình tiếp biến văn hoá của thanh niên Việt Nam được thuận lợi hơn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu lý luận và thực trạng các biểu hiện tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam hiện nay, từ đó đề xuất các kiến nghị giúp thanh niên giải quyết xung đột văn hóa một cách hiệu quả hơn.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

1) Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về xung đột văn hóa, các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa nhằm xây dựng cơ sở lý luận của đề tài luận án.

2) Hệ thống hóa và xác định các vấn đề lý luận về các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam, xác định các yếu tố ảnh hưởng tới hiện tượng tâm lý này.

3) Đánh giá thực trạng biểu hiện và mức độ xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam hiện nay, mức độ tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan tới xung đột văn hóa ở thanh niên.

4) Đề xuất và tổ chức thực nghiệm nhằm làm rõ tính khả thi của một số phương pháp tác động nhằm giải quyết xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam hiện nay một cách hiệu quả hơn.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Mức độ và biểu hiện của các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam hiện nay.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

3.2.1. Phạm vi về nội dung nghiên cứu

Xung đột văn hóa của thanh niên rất đa dạng và phức tạp, đề tài chỉ tập trung nghiên cứu xung đột về cái tôi văn hóa ở thanh niên Việt Nam. Hai cái tôi văn hóa

được lựa chọn để làm tiền đề cho xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam là cái tôi văn hoá cá nhân (hình thành dựa trên hệ giá trị văn hoá phương Tây) và cái tôi văn hoá cộng đồng (hình thành dựa trên hệ giá trị văn hoá Việt Nam).

Trong quá trình hội nhập văn hoá, rất nhiều văn hoá du nhập vào Việt Nam, bao gồm cả văn hoá phương Tây, văn hoá Đông Á, văn hoá Trung Quốc, v.v. Chúng tôi lựa chọn văn hoá phương Tây vì những lý do sau:

Thứ nhất, thuật ngữ “văn hoá phương Tây” trong luận án này được hiểu là văn hoá Tây Âu và Bắc Mỹ. Thuật ngữ này được sử dụng thay vì thuật ngữ “văn hoá Tây Âu và Bắc Mỹ” vì trong ngôn ngữ đời thường, thuật ngữ “văn hoá phương Tây” được sử dụng phổ biến hơn mặc dù nó được hiểu đồng nghĩa với văn hoá Tây Âu và Bắc Mỹ. Quá trình phỏng vấn sâu phục vụ cho luận án này cho thấy thanh niên Việt Nam không phân biệt rạch ròi giữa văn hoá phương Tây và văn hoá Tây Âu và Bắc Mỹ.

Thứ hai, văn hoá phương Tây, cụ thể là văn hoá Tây Âu và Bắc Mỹ, được nhiều nghiên cứu chứng minh là nền văn hoá mang tính cá nhân cao, khác với văn hoá Việt Nam là nền văn hoá mang tính cộng đồng cao [62]. Văn hoá cá nhân và văn hoá cộng đồng có nhiều nét khác biệt rõ rệt về tác động của chúng tới các quá trình tâm lý của cá nhân, đặc biệt là quan niệm cái tôi. Sự khác biệt rõ rệt này tạo điều kiện thuận lợi cho việc so sánh giữa hai cái tôi văn hoá, cũng như phân tích xung đột văn hoá nảy sinh do sự khác biệt giữa hai cái tôi văn hoá.

Thứ ba, văn hoá phương Tây đã được truyền bá vào Việt Nam từ lâu (mà rõ rệt nhất là từ thời Pháp thuộc), và trong những năm gần đây, sự xâm nhập của văn hoá phương Tây vào đời sống của người Việt Nam nói chung và thanh niên Việt Nam nói riêng càng mạnh mẽ. Vì vậy, có thể nói ảnh hưởng của văn hoá phương Tây tới đời sống tâm lý của thanh niên Việt Nam là rõ nét và toàn diện hơn ảnh hưởng của các nền văn hoá khác như văn hoá Đông Á.

Như vậy, xung đột văn hoá trong luận án được hiểu là những khác biệt về cái tôi văn hoá của thanh niên. Các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên được xem xét ở ba khía cạnh là nhận thức, cảm xúc và hành vi của thanh niên.

3.2.2. Phạm vi về khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của đề tài là thanh niên Việt Nam, tuy nhiên chúng tôi chỉ giới hạn nghiên cứu thanh niên sinh viên vì những lý do sau:

Thứ nhất, sinh viên Việt Nam có độ tuổi từ 18 đến 25, thuộc giai đoạn đầu của tuổi thanh niên. Đây là giai đoạn mà quan niệm cái tôi đang dần hình thành rõ nét

[72]. Với nội dung nghiên cứu của đề tài là xung đột (cái tôi) văn hoá, đặc điểm này là hết sức quan trọng. Mỗi cá nhân đều có hình thành nhiều cái tôi văn hoá, nhưng qua quá trình trưởng thành, với những yêu cầu, đòi hỏi của hoàn cảnh sống và với sự trưởng thành tâm lý của cá nhân, một cái tôi văn hoá sẽ trở nên nổi trội hơn (những) cái tôi văn hoá còn lại. Quá trình định hình cái tôi văn hoá này thường cần thời gian, và thường được hoàn thành ở giai đoạn sau của tuổi thanh niên hoặc ở tuổi trưởng thành/người lớn. Ví dụ, một thanh niên Việt Nam sinh trưởng trong môi trường văn hoá đa dạng có thể hình thành cả cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng, nhưng càng về sau, môi trường sống và làm việc của anh ta chỉ tiếp xúc chủ yếu với người Việt Nam, đòi hỏi anh ta sống và hành động theo kiểu Việt Nam, và bản thân anh ta cũng thấy những giá trị văn hoá Việt Nam phù hợp với con người mình hơn, thì cái tôi văn hoá cộng đồng của anh ta sẽ phát triển mạnh mẽ hơn cái tôi văn hoá cá nhân. Để nảy sinh xung đột văn hoá thì hai cái tôi văn hoá phải có độ mạnh tương đương nhau; xung đột văn hoá không thể nảy sinh nếu một cái tôi lấn át cái tôi còn lại. Vì vậy, nghiên cứu trên những người ở giai đoạn đầu của tuổi thanh niên, khi mà hai cái tôi văn hoá đã hình thành nhưng chưa có cái tôi nào lấn át cái tôi nào, thì sẽ dễ tìm ra xung đột văn hoá hơn.

Thứ hai, sinh viên là đối tượng thanh niên có học vấn cao, vì vậy mà trình độ phát triển trí tuệ của họ cũng cao hơn. Một trong những đặc điểm của xung đột văn hoá là một dạng xung đột nội tâm diễn ra bên trong chủ thể, phải được chủ thể nhận biết được. Chủ thể có nhận biết được sự tồn tại của một quá trình tâm lý phức tạp như vậy thì mới có thể trải nghiệm hết sự xung đột, và mới có thể miêu tả nó cho người nghiên cứu. Vì thế, khách thể trong nghiên cứu xung đột văn hoá cần có trình độ phát triển trí tuệ ở mức nhất định. Chính vì vậy mà thanh niên sinh viên là đối tượng phù hợp hơn cả để nghiên cứu thay vì thanh niên ở các trình độ học vấn thấp hơn.

3.2.3. Phạm vi về địa bàn nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu trên thanh niên đang sinh sống và học tập tại hai thành phố lớn là Hà Nội và Tuyên Quang. Hà Nội là trung tâm chính trị, kinh tế và văn hóa của cả nước. Sự giao thoa văn hóa ở đây diễn ra rất mạnh mẽ và đa dạng. Thanh niên Hà Nội có điều kiện tiếp xúc nhiều với các nền văn hoá ngoại lai, đặc biệt là văn hoá phương Tây. Tuyên Quang là tỉnh miền núi phía Bắc, nơi sự giao thoa văn hóa, sự tiếp cận với nền văn hóa phương Tây của thanh niên có những hạn chế nhất định. Hai địa phương này có nhiều điểm khác nhau về mức độ mở cửa, giao thoa văn hóa; từ đó có thể dẫn tới những khác biệt về xung đột văn hóa ở thanh niên.

Hà Nội và Tuyên Quang là hai tỉnh ở phía Bắc Việt Nam. Luận án lựa chọn chỉ nghiên cứu trong một miền của nước Việt Nam vì văn hoá của mỗi vùng miền có nhiều điểm khác biệt nhau, như văn hoá miền Bắc khác với văn hoá miền Trung và miền Nam. Vì vậy, việc giới hạn trong nghiên cứu trong các tỉnh ở miền Bắc sẽ giúp đảm bảo tính thống nhất của khái niệm “văn hoá Việt Nam”, tránh sự đa dạng văn hoá vùng miền làm nhiều kết quả nghiên cứu. Mặc dù trong thực tế, thanh niên sinh viên học tại hai thành phố Hà Nội và Tuyên Quang đến từ nhiều tỉnh khác nhau, nhưng nhìn chung đều đến từ các tỉnh lân cận, nên sự khác biệt về văn hoá Việt Nam cũng như mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây giữa thanh niên sinh sống tại Hà Nội (hay Tuyên Quang) và các thanh niên từ các tỉnh phụ cận là không quá lớn.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

4.1. Phương pháp luận nghiên cứu

Nghiên cứu những khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên được thực hiện dựa trên các nguyên tắc có tính phương pháp luận sau:

4.1.1. Nguyên tắc của tâm lý học hoạt động

Tâm lý con người được hình thành qua hoạt động. Thông qua hoạt động, tâm lý của con người được thể hiện. Những khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa cũng vậy. Chúng được hình thành qua hoạt động của thanh niên, đồng thời nó cũng ảnh hưởng tới xung đột văn hóa của thanh niên.

Mặt khác, văn hóa được hình thành và phát triển thông qua hoạt động thực tiễn của con người. Chính hoạt động thực tiễn của con người phản ánh văn hóa. Xung đột văn hóa được hình thành thông qua hoạt động tiếp nhận các giá trị văn hóa mới, hoạt động hòa nhập giữa các nền văn hóa của chủ thể. Chính vì vậy, nghiên cứu các khía cạnh tâm lý của sự xung đột văn hóa ở thanh niên cần phải nghiên cứu qua hoạt động của họ.

4.1.2. Nguyên tắc hệ thống

Văn hóa là một vấn đề rộng lớn, phức tạp nhất, phản ánh đa dạng nhất đời sống của con người. Do vậy, tìm hiểu văn hóa phải được tiếp cận từ những góc độ khác nhau. Nghiên cứu những khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên được dựa trên mối quan hệ biện chứng giữa các yếu tố chủ quan và khách quan, dựa trên sự thống nhất giữa các yếu tố.

4.1.3. Nguyên tắc liên ngành

Nghiên cứu những khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên dựa trên sự kết hợp giữa một số ngành khoa học như Tâm lý học (Tâm lý học xã hội,

Tâm lý học văn hóa), Văn hóa học, trong đó Tâm lý học giữ vị trí trung tâm. Trong khi tiếp cận với văn hóa chúng tôi quan tâm nhiều đến những giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, xem xét các giá trị văn hóa truyền thống này có mâu thuẫn với các giá trị văn hóa mới mà thanh niên tiếp thu hiện nay không.

4.2. Giả thuyết khoa học

1) Thanh niên Việt Nam ít trải nghiệm xung đột văn hoá. Nói cách khác, tỉ lệ thanh niên Việt Nam trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức độ cao là thấp.

2) Xung đột văn hoá diễn ra rõ rệt hơn ở những thanh niên có điều kiện tiếp xúc nhiều với văn hoá nước ngoài. Nói cách khác, xung đột văn hoá ở thanh niên đô thị cao hơn ở thanh niên miền núi.

3) Hành vi giải quyết xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam chịu sự chi phối của các cơ chế tâm lý tiềm thức. Vì vậy, có thể tác động tới hành vi giải quyết xung đột văn hoá ở thanh niên qua các cơ chế tiềm thức.

4.3. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể (được trình bày ở chương 3)

- Phương pháp nghiên cứu văn bản tài liệu
- Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi
- Phương pháp chuyên gia
- Phương pháp phỏng vấn sâu
- Phương pháp thực nghiệm
- Phương pháp thống kê toán học

5. Đóng góp mới về khoa học của luận án

Nghiên cứu xung đột văn hóa là vấn đề không mới trên thế giới, nhưng lại là lĩnh vực nghiên cứu mới ở nước ta khi tiếp cận nó từ góc độ của khoa học tâm lý. Cho đến nay, các nghiên cứu trực tiếp về xung đột văn hóa mới được tiến hành từ góc độ triết học, sử học, văn hóa học, nhân học... Nghiên cứu xung đột văn hóa từ góc độ tâm lý học một cách có hệ thống và sâu thì còn rất ít đề tài thực hiện (nếu không nói đây là một trong những đề tài đầu tiên). Do vậy, kết quả nghiên cứu của luận án có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

5.1. Về lý luận

Luận án đã phân tích và hệ thống hóa các hướng nghiên cứu về xung đột và xung đột văn hóa dưới góc độ của khoa học tâm lý, trong đó nhấn mạnh tới hướng nghiên cứu về xung đột cái tôi văn hóa. Luận án đã trình bày một cách hệ thống những vấn đề lý luận về xung đột giữa các giá trị văn hóa, giữa các cái tôi văn hóa khi chủ thể tiếp cận với các nền văn hóa mới, từ đó chỉ ra sự tồn tại của xung đột

văn hóa qua mâu thuẫn nhận thức, qua cảm xúc giằng xé, qua hành vi lựa chọn giải quyết xung đột của chủ thể. Đây là vấn đề lý luận mới ở Việt Nam hiện nay.

Ngoài ra, về phương pháp nghiên cứu, lần đầu tiên các trắc nghiệm nghiên cứu về xung đột văn hóa của các tác giả nước ngoài được việt hóa, điều chỉnh cho phù hợp với đối tượng thanh niên sinh viên Việt Nam và phù hợp với văn hóa Việt Nam, và được tiến hành nghiên cứu ở Việt Nam. Nghiên cứu này như một lần thực nghiệm đầu tiên về sự phù hợp và độ tin cậy của các trắc nghiệm trong nghiên cứu xung đột văn hóa ở Việt Nam. Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy các thang đo đảm bảo độ tin cậy cần thiết, và hầu hết đều dễ sử dụng trên thanh niên Việt Nam.

5.2 .Về thực tiễn

Cho đến nay, những nghiên cứu về các hiện tượng tâm lý phức tạp nảy sinh ở thanh niên Việt Nam trong quá trình hội nhập văn hoá vẫn còn ít. Các nghiên cứu chủ yếu mô tả hệ giá trị đang biến đổi của thanh niên Việt Nam, chứ chưa đề cập đến những tác động của hệ giá trị này tới tâm lý của thanh niên. Luận án này là một trong các nghiên cứu tiên phong chỉ ra thực trạng xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam qua biểu hiện nhận thức, cảm xúc và hành vi trong xung đột văn hóa. Luận án đã chỉ ra những mâu thuẫn giữa các cái tôi văn hóa, giữa các giá trị văn hóa trong nhận thức của sinh viên được khảo sát, trong cảm xúc bị giằng xé và trong hành vi giải quyết đối với các vấn đề này của sinh.

Kết quả nghiên cứu của luận án cho thấy mức độ biểu hiện của nhận thức, cảm xúc và hành vi trong giải quyết xung đột văn hóa ở sinh viên được khảo sát đạt mức trung bình. Điều này thể hiện sự xung đột giữa văn hóa truyền thống và văn hóa phương Tây ở sinh viên được khảo sát không cao. Điều này cũng có nghĩa là sinh viên Việt Nam được khảo sát đã giải quyết một cách khá hài hòa những mâu thuẫn trong nhận thức, trong cảm xúc và trong hành vi khi họ tiếp nhận các giá trị văn hóa mới và giữ gìn các giá trị văn hóa dân tộc. Những thực trạng này là tiền đề quan trọng để đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hội nhập văn hoá của thanh niên Việt Nam.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

Kết quả nghiên cứu của luận án có nghĩa lý luận và thực tiễn rõ rệt thiết thực.

6.1. Về lý luận

Kết quả nghiên cứu của luận án góp phần bổ sung một số vấn đề lý luận về xung đột giá trị văn hóa, xung đột cái tôi văn hóa, hành vi giải quyết xung đột văn

hóa cho một phân ngành Tâm lý học còn rất mới mẻ ở nước ta hiện nay là Tâm lý học văn hóa.

Kết quả nghiên cứu của luận án bước đầu minh chứng cho khả năng có thể sử dụng trắc nghiệm về xung đột văn hóa theo mô hình của Baumeister trên thanh niên Việt Nam, cũng như có thể áp dụng quan điểm của Baumeister về xung đột văn hóa vào nghiên cứu các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở Việt Nam.

6.2. Về thực tiễn

Kết quả nghiên cứu của luận án có thể dùng làm tài liệu giảng dạy cho môn học Tâm lý học văn hóa trong các trường đại học ở nước ta hiện nay. Kết quả nghiên cứu của luận án cũng bước đầu mở ra hướng nghiên cứu chuyên sâu về các cơ chế tâm lý của văn hóa nói chung và xung đột văn hóa nói riêng.

7. Cấu trúc của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, kiến nghị, và phụ lục, luận án có 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu vấn đề

Chương 2: Cơ sở lý luận về khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên

Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực tiễn về khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VĂN ĐỀ

1.1. Nghiên cứu về xung đột văn hóa

1.1.1. Nghiên cứu xung đột văn hóa từ góc độ triết học, văn hóa học và xã hội học

Các nhà văn hóa học cho rằng văn hóa là nền tảng của mọi hoạt động xã hội, bất kể đó là hoạt động xã hội bên trong một quốc gia, một dân tộc hay giữa các quốc gia, các dân tộc với nhau. Quan hệ giữa các quốc gia, các dân tộc phản ánh những cam kết về văn hóa của các quốc gia, dân tộc đó, cũng như phản ánh sự đối kháng về văn hóa với các nước khác [9]. Do đó, xung đột giữa các quốc gia, dù là xung đột về chính trị hay tôn giáo, về bản chất cũng đều có thể được quy về xung đột văn hóa.

Alvin Toffler – nhà tương lai học nổi tiếng – đã nói tới sự xung đột văn hóa và vai trò của nó đối với sự phát triển của nhân loại. Ông ví những nền văn hóa như những đợt sóng đại dương, các đợt sóng tạo ra một đại dương gầm thét, đầy những luồng nước dữ dội và va chạm nhau, những cơn lốc, những dòng xoáy che giấu những dòng lịch sử sâu hơn, quan trọng hơn. Sự xung đột giữa các nền văn hóa tạo ra “*cú sốc văn hóa*”, hay cũng chính là xung đột văn hoá [47].

Theo *Phạm Thái Việt*, xung đột văn hoá giữa các quốc gia hay giữa các nhóm xã hội nảy sinh do sự khác biệt văn hoá giữa các quốc gia hay các nhóm xã hội này [54]. Mỗi nền văn hoá của một quốc gia, hay mỗi hệ quy tắc văn hoá của một nhóm xã hội đều có những đặc trưng riêng; sự mâu thuẫn giữa các nền văn hoá và các hệ quy tắc văn hoá này sẽ tạo nên xung đột văn hoá.

Xung đột văn hóa giữa các nhóm xã hội thường được biểu hiện dưới dạng xung đột giữa văn hóa của nhóm đa số và văn hoá của nhóm thiểu số, hay còn gọi là tiểu văn hóa. Tiểu văn hóa là những hệ thống biểu đạt ý nghĩa, những hình thức thể hiện hay phong cách sống do các nhóm yếu thế trong xã hội tạo nên để đối phó với những hệ thống chiếm vai trò chủ đạo trong xã hội [48]. Ở Việt Nam, chúng ta thường thấy xung đột văn hoá giữa văn hoá đa số với các tiểu văn hoá như văn hoá hip hop, văn hoá người đồng tính, văn hoá thanh niên, v.v.

Trong nhiều trường hợp, sự mâu thuẫn về giá trị văn hóa – tiền đề quan trọng của xung đột văn hóa – nảy sinh không phải do sự khác nhau trong hệ tư tưởng của

các nhóm xã hội mà do sự tồn tại tự thân của các tư tưởng này trong đời sống xã hội. Nhiều tư tưởng tự thân chúng có đời sống riêng, tồn tại không phụ thuộc vào nhóm xã hội nào, mà được truyền bá từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ nhóm này qua nhóm khác. Ví dụ, tư tưởng vô thần tồn tại đối lập với tư tưởng sùng bái tôn giáo, và hai luồng tư tưởng này tồn tại không phụ thuộc vào nhóm xã hội cụ thể nào. Tư tưởng sùng bái tôn giáo tồn tại ở nhiều nhóm người theo đạo, như nhóm Công giáo, nhóm Tin lành, nhóm Phật giáo, v.v.; còn tư tưởng vô thần tồn tại ở cả nhóm trí thức cao và nhóm thường dân. Sự xung đột giữa hai luồng tư tưởng này không phải là sự xung đột giữa các nhóm văn hoá – xã hội mà là sự mâu thuẫn giữa các giá trị văn hoá. Thuật ngữ *chiến tranh văn hóa* được các nhà văn hóa học – xã hội học sử dụng để mô tả quá trình phân cực thái độ của xã hội dân sự trước những vấn đề chính trị và đạo đức [54].

Xung đột tư tưởng văn hoá nhiều khi có những tác động nghiêm trọng đến đời sống văn hoá – xã hội không kém gì xung đột giữa các nhóm văn hoá. *James Davison Hunter*, trong cuốn sách *Cultural wars: The struggle to define America*, đã khẳng định: Nước Mỹ đang rơi vào một cuộc chiến tranh văn hóa mà ở đó, xã hội phân chia thành nhiều luồng dư luận trong các vấn đề như tôn giáo, nạo phá thai hay đồng tính [81]. Những xung đột văn hóa này khiến cho việc định nghĩa những gì đặc trưng cho nền văn hóa Mỹ trở nên khó khăn, và cuối cùng câu trả lời nằm trong tay của những kẻ có quyền (không chỉ quyền lực chính trị mà cả quyền lực đạo đức). Nói cách khác, việc song song tồn tại nhiều hệ giá trị văn hóa đối lập nhau đã dẫn tới mâu thuẫn xã hội trong việc xác định đặc điểm của văn hóa Mỹ nói chung và những vấn đề văn hóa cụ thể nói riêng.

Cùng với hội nhập văn hóa, toàn cầu hóa và quá trình hậu hiện đại hóa, sự song song tồn tại của nhiều luồng tư tưởng văn hóa trong một xã hội hiện đại đang ngày càng trở nên phổ biến. Trong bối cảnh đó, sự nảy sinh của xung đột văn hoá trở nên gần như tất yếu. Theo *Dương Phú Hiệp*, quá trình tiếp nhận văn hoá mới luôn đặt ra bài toán cân bằng giữa bảo lưu giá trị truyền thống và tiếp nhận giá trị mới [16]. Giải quyết được bài toán này là việc không hề dễ dàng, vì thế nên phép cân này thường tạo ra mâu thuẫn, xung đột trong từng cá nhân cũng như trong các nhóm xã hội. *Dominique Wolton* thì cho rằng sự xung đột giữa văn hóa ngoại lai và văn hóa truyền thống là kết quả tất yếu của quá trình toàn cầu hóa thông tin và truyền thông [dẫn theo 38]. Ông cảnh báo rằng sự xung đột này sẽ đặt con người trước nhiều thử thách, mà rõ rệt nhất là xung đột giá trị văn hóa

ở bản thân mỗi cá nhân. Đồng tình với quan điểm này, *Đặng Cảnh Khanh* cũng nhấn mạnh tính tất yếu của nó và ảnh hưởng của toàn cầu hóa đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, mọi tầng lớp của xã hội, đến xung đột giữa các nền văn hóa trong đời sống xã hội [27].

Một khi tính tất yếu của xung đột văn hoá đã được khẳng định, những nghiên cứu về tác động của xung đột văn hoá tới đời sống xã hội và đời sống cá nhân nhanh chóng nở rộ trong những thập niên 80, 90 và sau đó. Các nghiên cứu này phản ánh những quan niệm rất khác nhau của tác giả của chúng về hệ quả của xung đột văn hoá: có nghiên cứu cho rằng xung đột văn hoá là tốt, là cần thiết; có nghiên cứu lại cảnh báo sự nguy hại của nó.

Mike Featherstone miêu tả tác động của hiện đại hóa và toàn cầu hóa tới văn hóa tiêu dùng của cá nhân, cộng đồng và xã hội, dẫn tới sự thay đổi trong tập quán tiêu dùng và làm lung lay những tập quán truyền thống [74]. *Dương Phú Hiệp* chỉ ra nguy cơ đánh mất bản sắc văn hoá khi tiếp thu các giá trị của nền văn hoá khác [16]. Tác giả này cho rằng, dù con người Việt Nam hiện đại có biến đổi như thế nào thì vẫn cần giữ bản sắc văn hoá và tâm hồn Việt. Tuy nhiên, đây là vấn đề không đơn giản, vì sự phát triển và bảo lưu các giá trị truyền thống không phải bao giờ cũng đồng hành cùng với sự tiếp nhận giá trị mới, mà nhiều khi mâu thuẫn, xung đột với nhau trong từng cá nhân và trong các nhóm xã hội. Gay gắt hơn, *B. Martin* gọi xung đột văn hoá là sự xâm lấn của các giá trị văn hóa bên ngoài tới truyền thống của các dân tộc, ngầm cảnh báo về việc văn hóa truyền thống đang mất dần chỗ đứng trước văn hóa ngoại lai [89]. Đồng tình với quan điểm của Martin, *Lương Văn Kế* cho rằng mục đích của văn hoá phương Tây (cụ thể là văn hoá Tây Âu và Bắc Mỹ) khi truyền bá ra thế giới là nhằm nâng cao uy tín và vị thế của các nước phương Tây trên vũ đài chính trị quốc tế thông qua sức mạnh mềm [24]. Vì thế, ảnh hưởng của văn hoá phương Tây không chỉ dừng ở lĩnh vực văn hoá (phổ biến lối sống tự do, cá nhân) mà còn lấn sang lĩnh vực kinh tế, chính trị, tạo ra sự đối đầu ý thức hệ (đối đầu giữa các giá trị chính trị) cũng như sự phổ biến và chấp nhận kinh tế thị trường. Với Việt Nam, văn hoá phương Tây đã ảnh hưởng liên tục và toàn diện đến đời sống xã hội Việt Nam. Các thành tựu hiện đại của xã hội Việt Nam dường như đều dựa trên sự tiếp thu và kế thừa các giá trị tinh hoa của văn hoá phương Tây. Tuy nhiên, bên cạnh những ảnh hưởng tích cực, văn hoá phương Tây cũng có những tác động tiêu cực đến đời sống văn hoá Việt Nam do ảnh hưởng của những giá trị xa lạ với truyền thống của dân tộc.

Tuy nhiên, cũng có nhiều tác giả cho rằng hội nhập văn hoá là cần thiết, và xung đột văn hoá nếu có nảy sinh thì cũng là tiền đề của sự phát triển. *Ngô Đức Thịnh* nhấn mạnh rằng trong nền văn hoá hiện đại, quá trình tiếp nhận văn hoá mới (mà cụ thể là văn hoá phương Tây) đã chuyển từ thực trạng mang tính áp đặt, tính đồng hóa cưỡng bức của phương tiện vật chất, kỹ thuật, kinh tế của phương Tây đối với các quốc gia khác sang sự coi trọng vai trò của con người với tư cách là chủ thể của các nền văn hóa [43]. Theo tác giả, vai trò của văn hóa trong phát triển xã hội là khá mạnh mẽ, song nhân tố bản sắc dân tộc, bản sắc văn hóa có khi lại là yếu tố níu kéo, kìm hãm sự phát triển. Vì thế, tiếp nhận văn hoá mới là cần thiết, và xung đột văn hoá nên được giải quyết theo hướng chấp nhận những giá trị tích cực, phù hợp của văn hoá mới, văn hoá hiện đại. Tương tự, tác giả *Mauro Peressini* chỉ ra mặt trái của việc bảo lưu các giá trị truyền thống một cách cực đoan là hạn chế sự phát triển của một dân tộc, quốc gia [27]. Nó làm cho chủ thể của nền văn hóa bản địa không quan tâm đến việc tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Vì vậy, để giải quyết xung đột văn hóa không nhất thiết phải chọn bảo lưu văn hóa truyền thống.

Bàn về văn hoá Việt Nam hiện đại, *Trần Ngọc Thêm* cũng cho rằng việc đổi mới văn hoá là cần thiết [42]. Với công cuộc công nghiệp hoá – hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, đất nước ta đang đứng trước những cơ hội phát triển chưa từng có nhưng cũng đồng thời đang tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn nghiêm trọng. Giải pháp duy nhất không thể trốn tránh là phải sớm xây dựng văn hoá để phát triển dựa trên nền tảng của một hệ giá trị Việt Nam mới. Tác giả viết: “Việc xây dựng một hệ giá trị mới phù hợp hơn, giúp cho quốc gia và dân tộc có đủ khả năng miễn dịch để bảo đảm sự phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hoá – con người đã trở thành một nhu cầu bức thiết” (tr 3). Như vậy, Trần Ngọc Thêm khẳng định rằng nhu cầu thay đổi hệ giá trị văn hoá truyền thống, cũng chính là cởi mở hơn với việc tiếp nhận có chọn lọc các giá trị văn hoá ngoại lai.

Nhìn nhận lại các nghiên cứu về văn hoá và xung đột văn hoá của các tác giả Việt Nam, có thể thấy các nhà nghiên cứu văn hoá học, triết học hay xã hội học Việt Nam đã vận dụng đa dạng các lý thuyết của phương Tây để nghiên cứu con người và văn hoá Việt Nam, như Trần Ngọc Thêm (vận dụng lý thuyết hoạt hình học, lý thuyết cấu trúc); Đặng Cảnh Khanh (vận dụng lý thuyết trong tương tác biểu trưng thuộc trường phái Chicago); Phạm Văn Đức (vận dụng lý thuyết hệ thống, lý thuyết thích nghi phức tạp, lý thuyết sinh thái nhân văn); Phạm Minh Hạc (vận dụng lý thuyết hoạt động, lý thuyết giá trị) [15]. Sự vận dụng đa dạng các lý thuyết nước

ngoài vào nghiên cứu văn hoá Việt Nam cho thấy không có biên giới văn hoá cho các lý thuyết nghiên cứu về văn hoá nói chung và xung đột văn hoá nói riêng. Điều quyết định thành bại của nghiên cứu chính là lựa chọn lý thuyết phù hợp và ứng dụng hợp lý vào tình hình nghiên cứu văn hoá ở Việt Nam.

Như vậy, có thể thấy, từ góc độ văn hóa học và xã hội học, xung đột văn hóa được nhìn nhận như xung đột giữa các nhóm xã hội. Ở tầm vi mô, nhóm xã hội có thể là các nhóm tiểu văn hóa trong một xã hội, một quốc gia. Ở tầm vĩ mô, nhóm xã hội được hiểu là các nhóm dân tộc, các quốc gia. Đây chính là điểm khác biệt giữa góc nhìn khoa học xã hội và góc nhìn tâm lý học. Như sẽ phân tích dưới đây, xung đột văn hóa theo quan điểm của các nhà tâm lý học là xung đột ở cấp độ cá nhân (chứ không phải ở cấp độ nhóm), và văn hóa là yếu tố trọng yếu chi phối các quá trình tâm lý của cá nhân để từ đó hình thành hay giải quyết xung đột văn hóa.

Các nhà nghiên cứu văn hoá học, xã hội học và triết học cũng chỉ ra tính tất yếu của xung đột văn hoá trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập văn hoá, và chỉ ra bản chất hai mặt của xung đột văn hoá. Xung đột văn hoá không nhất thiết phải là hiện tượng xã hội tiêu cực, nguy hại, và có nhiều cách để giải quyết xung đột văn hoá tùy theo điều kiện, tình hình của từng xã hội, từng quốc gia. Đây là điểm nhìn quan trọng để đánh giá đúng tác động của xung đột văn hoá tới xã hội nói chung và cá nhân nói riêng.

1.1.2. Nghiên cứu xung đột văn hóa từ góc độ tâm lý học

1.1.2.1. Những công trình đặt nền móng cho việc nghiên cứu xung đột văn hóa

Những nhà nghiên cứu đầu tiên đặt nền móng cho nghiên cứu xung đột văn hóa là những nhà nghiên cứu tâm lý học xuyên văn hóa như *R.E. Park*, *E.V. Stonequist*, *J.W. Berry*, v.v. Những tác giả này gọi xung đột văn hóa dưới nhiều cái tên khác nhau, nhưng họ đều thống nhất về điều kiện xảy ra xung đột văn hóa.

Từ những năm 1928-1930, *Park* và *Stonequist* đã đưa ra khái niệm “người đứng bên lề xã hội” (*marginal man*) [108]. Họ là những người đứng ở điểm giao thoa giữa hai nền văn hóa, thu nhận giá trị của cả hai nền văn hóa đó. Khi hai nền văn hóa đó có xung đột, thì họ cảm thấy bối rối không biết lựa chọn hành xử theo nền văn hóa nào. Sự bối rối này khiến họ trở thành người đứng bên rìa của cả hai nền văn hóa. Theo *Stonequist*, để giải quyết những mâu thuẫn giữa các nền văn hóa cùng tồn tại trong mình, “người đứng bên lề xã hội” phải biến một nền văn hóa trở nên nổi trội hơn, lấn át nền văn hóa kia, để từ đó tuân theo các chuẩn mực của văn

hóa đó làm định hướng hành động. Thông thường, nền văn hóa gắn với gốc gác tổ tiên hoặc với cá nhân ngay từ khi sinh ra sẽ được chọn làm văn hóa nổi trội.

Quan điểm hiện đại về tiếp biến văn hóa đã khái quát quá trình hòa nhập văn hóa một cách toàn diện hơn, trong đó “người đứng bên lề xã hội” chỉ là một trong số 4 kiểu tiếp biến văn hóa. Một trong những người đặt nền móng cho quan điểm hiện đại này là *J.W. Berry*. Ông cho rằng tiếp biến văn hoá là quá trình biến đổi về văn hóa và tâm lý do hệ quả của việc tiếp xúc văn hóa giữa hai hay nhiều cộng đồng văn hóa và các cá nhân trong cộng đồng đó [31]. Ở cấp độ xã hội/nhóm, tiếp biến văn hóa bao gồm những thay đổi về cấu trúc xã hội và tập quán văn hóa. Ở cấp độ cá nhân, nó bao gồm những thay đổi về thói quen hành vi của cá nhân.

Theo *Berry*, trong quá trình tiếp biến văn hóa, xung đột văn hóa có thể xảy ra ở 2 cấp độ [64]. Nếu là xung đột văn hóa ở cấp độ nhẹ thì tùy theo phong cách tiếp biến văn hóa của chủ thể, chủ thể có thể hòa nhập, lảng tránh, kết hợp hay xa lánh cả hai nền văn hóa để giải quyết xung đột văn hóa. Nói cách khác, chủ thể có thể thay đổi hành vi để giải quyết xung đột văn hóa ở cấp độ nhẹ. Tuy nhiên, nếu là xung đột văn hóa ở cấp độ trung bình (phức tạp nhưng không phải là không thể giải quyết), thì xung đột văn hóa trở thành một yếu tố tâm lý gây áp lực văn hóa. Nó hình thành trong quá trình chủ thể tương tác với các lực văn hóa từ các nền văn hóa khác nhau, và nó ảnh hưởng đến quá trình tiếp biến văn hóa của chủ thể. Xung đột văn hóa ở cấp độ trung bình không thể giải quyết đơn thuần bằng việc thay đổi hành vi.

Như vậy, có thể thấy, quan điểm của *Berry* còn nhiều điểm không rõ ràng về bản chất và cách thức giải quyết xung đột văn hóa. Ông không đưa ra được khái niệm xung đột văn hóa, và đồng nhất xung đột văn hóa với áp lực tiếp biến văn hóa. Nguyên nhân nhiều phần có thể là do ông cố gắng tích hợp khái niệm này vào hệ thống các khái niệm đã có về tiếp biến văn hóa, gây chông chéo khái niệm.

Nhiều tác giả về sau đã làm tốt hơn trong việc định nghĩa và nêu ra bản chất của xung đột văn hóa trong tổng thể quá trình tiếp biến văn hóa. Trong thống kê này, có thể tổng hợp hai hướng nghiên cứu chính về xung đột văn hóa thường thấy trong các nghiên cứu tâm lý học xuyên văn hóa hiện nay.

1.1.2.2. Hướng nghiên cứu thứ nhất: Xung đột văn hóa là xung đột giá trị

Văn hóa được biểu hiện ở hệ giá trị. Mỗi nền văn hóa có một hệ giá trị tương đối ổn định, nhưng tất nhiên không phải là bất biến. Trong quá trình tiếp nhận văn hóa, các cá nhân tiếp thu các giá trị này và biến nó thành giá trị của cá nhân mình. Các nhà tâm lý học theo hướng nghiên cứu giá trị cho rằng sự mâu thuẫn giữa các

hệ giá trị văn hoá mà cá nhân đã học hỏi được là tiền đề cho xung đột văn hoá ở cá nhân đó.

Đại diện cho hướng tiếp cận này, có thể kể đến một số tác giả như: *Rosenthal, Sung, Inman, Gil, Vega, Smokowski, Dennis*, v.v. Các tác giả đi theo hướng này đã gọi xung đột văn hoá với những cái tên khác nhau: xung đột văn hoá (Lee), xung đột song văn hoá (Rosenthal, Chuang), xung đột tiếp biến văn hoá (Gil, Vega, Dennis), xung đột giá trị văn hoá (Inman, Varghese, Wasim). Điểm chung của các tác giả này là đề cao vai trò của giá trị trong quá trình tiếp biến văn hoá nói chung và xung đột văn hoá nói riêng. Các nghiên cứu này chỉ ra xung đột văn hoá là xung đột giữa các giá trị của văn hoá bản địa và các giá trị các nền văn hoá mới mà chủ thể tiếp nhận.

Những nghiên cứu tiên phong như nghiên cứu của *Rosenthal* không trực tiếp đề cập tới xung đột văn hoá dưới dạng xung đột giá trị, mà coi xung đột văn hoá là xung đột thế hệ, cụ thể là xung đột giữa cha mẹ và con [103]. Sự khác biệt giữa các thế hệ về bản chất chính là sự khác biệt giữa các hệ giá trị mà các thế hệ/nhóm xã hội này đại diện. Ví dụ, với thanh niên nhập cư, cha mẹ thường đại diện cho văn hoá gốc, văn hoá truyền thống, trong khi con thường đại diện cho nhóm văn hoá mới, pha tạp giữa văn hoá gốc và văn hoá đích của xã hội nhập cư. Sự xung đột giữa các hệ giá trị này dẫn tới xung đột văn hoá ở thế hệ con.

Tuy nhiên, quan điểm này đã được các nhà nghiên cứu như *Gil, Vega, Smokowski, Dennis*, v.v xem xét lại. Các nhà nghiên cứu này chỉ ra rằng xung đột thế hệ không phản ánh hết được xung đột giá trị, mà phải nghiên cứu nhận thức của cá nhân về xung đột thế hệ thì mới phản ánh hết được mức độ xung đột. Cụ thể, họ đo cảm xúc về mức độ xung đột giữa các thành viên trong gia đình trong quá trình tiếp nhận văn hoá mới, cảm giác buồn chán vì những người khác không đồng cảm với văn hoá mới mà mình tiếp nhận, và cảm giác không thoải mái khi phải lựa chọn giữa hai nền văn hoá. Các tác giả này tìm ra rằng nhận thức về xung đột thế hệ có tác động mạnh hơn tới quan hệ gia đình và tâm lý cá nhân hơn là xung đột thế hệ. [73, 77, 86, 106].

Đề cập trực tiếp hơn đến xung đột văn hoá dưới dạng xung đột giá trị phải kể đến nghiên cứu của *Rosenthal, Sung, Inman*, v.v.

B.L.Sung cho rằng xung đột văn hoá ở thanh niên Mỹ nhập cư từ Trung Quốc là xung đột bắt nguồn từ sự khác biệt về giá trị giữa văn hoá Mỹ và văn hoá Trung Quốc [110]. Dù không trực tiếp định nghĩa xung đột văn hoá nhưng các loại xung

đột văn hóa mà bà đưa ra trong nghiên cứu của mình đều xuất phát từ khác biệt giá trị này. Sung nêu ra một số ví dụ như sau: Về vấn đề bạo lực, văn hóa Trung Quốc dạy con người ta tránh xa bạo lực, sử dụng trí tuệ để giải quyết vấn đề. Ngược lại, văn hóa Mỹ cho phép con người, đặc biệt là đàn ông, thể hiện sự nam tính của mình qua hành vi bạo lực, như đánh lại kẻ đã ức hiếp mình, dùng bạo lực để phân định kẻ mạnh. Hai lối ứng xử khác hẳn nhau này có thể gây cho trẻ Mỹ gốc Hoa sự bối rối trong việc lựa chọn cách cư xử phù hợp, và gây cho gia đình và những người xung quanh hiểu lầm hành vi của trẻ nếu họ không biết về những giằng xé nội tâm mà trẻ phải chịu. Một ví dụ khác mà bà đưa ra là quan điểm về tính dục. Văn hóa Mỹ cho phép trẻ khác giới hẹn hò từ trung học cơ sở, và dạy trẻ ý thức về tính dục từ trung học phổ thông. Văn hóa Trung Quốc lại coi trọng giáo dục hơn là tính dục, nên tình cảm khác giới ở trẻ bị cấm kỵ vì nó có thể gây ảnh hưởng đến học tập. Sự kiểm soát quá chặt của cha mẹ Trung Quốc với trẻ trong vấn đề quan hệ bạn khác giới có thể dẫn tới những tình huống khiến trẻ xấu hổ với bạn bè người Mỹ, từ đó làm trẻ bị trêu chọc, xa lánh.

Inman nhấn mạnh tầm quan trọng của giá trị văn hóa trong xung đột văn hóa. Ông phê phán các nghiên cứu trước đó chưa phản ánh được khía cạnh giá trị văn hóa trong nghiên cứu tiếp biến văn hóa nói chung và xung đột văn hóa nói riêng, mà mới chỉ đề cập đến những biểu hiện bên ngoài (như hành vi sử dụng ngôn ngữ, hành vi lựa chọn đồ ăn/phong tục tập quán, v.v.). Tổng hợp các nghiên cứu trên người Mỹ gốc Nam Á, *Inman* chỉ ra rằng ở nhóm này dễ xảy ra xung đột văn hóa, bởi phần đông vẫn giữ những giá trị cốt lõi của văn hóa Nam Á liên quan tới quan hệ gia đình, vai trò giới, tôn giáo, v.v., nhưng lại chịu áp lực phải hành động theo những giá trị của văn hóa Mỹ. Khi đó, ở họ sẽ hình thành xung đột văn hóa. Xung đột văn hóa gây cho họ cảm giác lo lắng và những xu hướng nhận thức trái chiều nhau – hệ quả của hai hệ giá trị trái ngược nhau cùng tồn tại bên trong con người họ [84].

Tương tự như người Nam Á, phụ nữ Ấn Độ sống tại Mỹ cũng chịu sự ràng buộc của nhiều giá trị truyền thống Ấn Độ về hôn nhân, gia đình và kỳ vọng của cha mẹ; những giá trị này thường xung khắc với các giá trị của văn hóa Mỹ. Nghiên cứu trên nhóm khách thể này, *Varghese* và *Jenkins* tìm ra rằng phụ nữ Mỹ gốc Ấn thế hệ thứ hai (con của người nhập cư từ Ấn Độ) dễ trải nghiệm xung đột giá trị văn hóa hơn phụ nữ thế hệ thứ nhất (người nhập cư) do thế hệ thứ hai được sinh ra và lớn lên ở Mỹ nên họ chịu áp lực tiếp biến văn hóa Mỹ nhiều hơn thế hệ thứ nhất [112]. Ngoài ra, hai tác giả cũng chỉ ra những hệ quả tiêu cực của xung đột văn hóa tới tâm

lý cá nhân, khi tìm ra rằng xung đột văn hóa góp phần làm tăng tỉ lệ phụ nữ mắc trầm cảm và thiếu tự tin vào bản thân. Nói cách khác, để xung đột văn hóa xảy ra ở người nhập cư không chỉ cần có hai hệ giá trị xung khắc nhau mà hai hệ giá trị này cần được cá nhân tiếp thu ở mức độ sâu sắc nhất định.

Các tác giả *Trần Thị Thu Lương* và *Ahn Kyong Hwan* phân tích xung đột văn hóa trong các gia đình Việt-Hàn (gia đình cô dâu Việt Nam lấy chồng Hàn Quốc). Hai tác giả này định nghĩa xung đột văn hóa là vấn đề nảy sinh khi các chủ thể không hiểu văn hóa của nhau trong quá trình ứng xử, hoặc không thích nghi để hòa hợp văn hóa với nhau [32]. Nói cách khác, xung đột văn hóa chính là sự khác nhau khó có thể dung hòa về hệ giá trị giữa hai chủ thể (vợ - chồng). Hai tác giả đã liệt kê ra một số giá trị trong văn hóa Hàn Quốc khác biệt với văn hóa Việt Nam, như bất bình đẳng giới rõ rệt trong văn hóa Hàn Quốc và tính tập quyền gia trưởng của người đàn ông trong gia đình, trái với tính dân chủ, xuề xòa, ít quy tắc lễ nghi và sự bất bình đẳng giới không quá nặng nề trong văn hóa Việt Nam. Đây là nguồn gốc nảy sinh xung đột trong các gia đình đa văn hóa Việt-Hàn. Những mâu thuẫn này, cộng với việc văn hóa Hàn Quốc mang tính đơn văn hóa, không dễ dàng chấp nhận văn hóa ngoại lai đã khiến cho những xung đột văn hóa trong các gia đình Hàn – Việt trở nên khó giải quyết.

Tác giả *Vũ Dũng* khi nghiên cứu tâm lý các cộng đồng người ở Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Bắc Việt Nam đã chỉ những xung đột văn hoá mà người dân tộc thiểu số bản địa phải trải qua trong quá trình hoà nhập với văn hoá Kinh và cách thức giải quyết xung đột văn hoá của họ [3]. Xung đột văn hoá diễn ra rõ nét nhất ở thanh thiếu niên bản địa. Họ muốn ăn mặc theo truyền thống của dân tộc mình để giữ gìn bản sắc, nhưng họ lại sợ không hòa nhập được với mọi người, sợ bị chê cười vì không theo mốt. Quần áo của người Kinh cũng có những ưu điểm nhất định về giá trị sử dụng (thoáng mát hơn, tiện lợi hơn, phù hợp sử dụng trong lao động sản xuất), nên thanh niên dân tộc càng đắn đo hơn khi phải lựa chọn giữa quần áo dân tộc và quần áo Kinh. Tuy nhiên, thanh niên dân tộc thiểu số giải quyết xung đột văn hoá này khá nhanh và dễ dàng, thể hiện ở chỗ đa số thanh niên lựa chọn mặc quần áo người Kinh. Tất nhiên, có sự khác biệt trong cách thức giải quyết xung đột văn hoá của các nhóm dân tộc thiểu số. Nếu so với các dân tộc thiểu số Tây Nguyên thì một số dân tộc thiểu số vùng Tây Nam Bộ và Tây Bắc như dân tộc Chăm, Kh'me, Thái, H'mông, Dao... bảo lưu các giá trị truyền thống của mình tốt hơn. Đặc biệt ở dân tộc Chăm, sự tiếp nhận các giá trị văn hóa mới trong ăn mặc, sinh hoạt rất ít. Họ

giữ gìn rất tốt các giá trị văn hóa của dân tộc mình từ ăn mặc đến các thói quen sinh hoạt, các nghi lễ tôn giáo, bởi với họ đạo Hồi và các giá trị văn hóa của đạo Hồi chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội và đời sống tâm linh của mỗi cá nhân. Dân tộc Kh' mer lưu giữ tốt các giá trị văn hóa truyền thống về nhà ở, sinh hoạt tôn giáo. Dân tộc H' mông, Dao ở các tỉnh phía Bắc giữ gìn khá tốt các giá trị văn hóa trong ăn mặc, sản xuất và sinh hoạt.

Qua các nghiên cứu trên, dễ nhận thấy các nhà nghiên cứu đều định nghĩa xung đột văn hóa là xung đột giữa các hệ giá trị của một cá nhân, dẫn tới xu hướng tìm hiểu sâu, phân tích sâu tâm lý cá nhân trong phân tích xung đột văn hóa. Từ chỗ là xung đột liên nhóm trong nghiên cứu của Rosenthal, xung đột văn hóa đã dần dần được hiểu thành xung đột liên nhóm được phản ánh qua sự nhận thức của chủ thể, và cao hơn là xung đột được giữa các giá trị văn hóa được chủ thể nội tại hóa trở thành những giá trị của cá nhân trong nghiên cứu của Sung, Inman hay các nhà nghiên cứu sau này. Quá trình nội tại hóa giá trị để trở thành xung đột này mà bản chất chính là quá trình tiếp nhận văn hóa mới là đặc trưng của xung đột văn hóa nhìn từ góc độ tâm lý học.

1.1.2.3. Hướng nghiên cứu thứ hai: xung đột văn hóa là xung đột cái tôi văn hóa

Nếu như hướng tiếp cận thứ nhất mới chỉ dừng lại ở việc coi xung đột văn hóa là hệ quả của quá trình xã hội hóa – quá trình học hỏi về giá trị của các nền văn hóa, thì hướng tiếp cận thứ hai này nhìn nhận xung đột văn hóa ở mức độ sâu sắc hơn – xung đột về cái tôi.

Theo *Baumeister*, xung đột văn hóa là một dạng xung đột cái tôi [57]. Xung đột cái tôi là vấn đề xảy ra khi một cá nhân có nhiều cái tôi khác biệt nhau, những cái tôi này dẫn tới các xu hướng hành vi khác nhau, gây khó khăn trong quá trình hoạt động của chủ thể. Chủ thể cảm thấy bị “giằng xé”, cảm thấy mình rơi vào tình huống không thể giải quyết, và để giải quyết xung đột, chủ thể bị buộc phải lựa chọn một trong các cái tôi hiện có và từ bỏ những cái tôi không phù hợp.

Baumeister phân biệt giữa thiếu hụt cái tôi và xung đột cái tôi. Thiếu hụt cái tôi xảy ra khi cái tôi chưa được hình thành một cách rõ ràng trong quá trình phát triển. Điều này cũng tương tự như khủng hoảng cái tôi trong thuyết quá trình phát triển của Erikson. Thiếu hụt cái tôi khiến cho chủ thể không có cơ sở tâm lý để hành động một cách ổn định. Còn xung đột cái tôi xảy ra khi có nhiều cái tôi cùng tồn tại trong một chủ thể nhưng lại khó có thể dung hòa nhau. Chủ thể gặp khó khăn trong

việc đưa ra lựa chọn và quyết định hành động một cách ổn định vì không biết nên hành động theo cái tôi nào.

Với xung đột cái tôi văn hóa, trong quá trình tiếp xúc với nhiều nền văn hóa, chủ thể đã hình thành nhiều cái tôi ứng với từng nền văn hóa. Các cái tôi này phản ánh những hình ảnh khác nhau về bản thân tương ứng với các hệ giá trị và chuẩn mực hành vi khác nhau. Các cái tôi này khác biệt nhau do bản chất các nền văn hóa là khác biệt nhau. Từ đó xảy ra xung đột giữa các cái tôi văn hóa, gọi tắt là xung đột văn hóa.

Baumeister cho rằng xung đột cái tôi văn hóa có thể xảy ra ở người nhập cư, những người vừa muốn giữ gìn văn hóa của tổ tiên mình lại vừa muốn tham gia và hòa nhập vào nền văn hóa mới nên họ đang sinh sống.

Như vậy, điều kiện đầu tiên để nảy sinh xung đột văn hóa, theo thuyết của Baumeister, là sự tồn tại của nhiều cái tôi văn hóa trong một cá nhân. Nhiều tác giả đã đưa ra bằng chứng về sự song song tồn tại của nhiều cái tôi trong một cá nhân, và các cái tôi này có thể mâu thuẫn với nhau. *Singelis* tổng hợp một số nghiên cứu về cái tôi văn hóa cá nhân (phản ánh các giá trị của văn hóa cá nhân) và cái tôi văn hóa cộng đồng (phản ánh các giá trị của văn hóa cộng đồng) và khẳng định rằng hai cái tôi này là riêng biệt nhưng cùng tồn tại trong một cá nhân, dù bản chất của chúng là trái ngược nhau [104]. *Trafimow, Triandis và Goto* sử dụng phương pháp thực nghiệm để chứng minh rằng hai cái tôi này được ghi nhớ trong trí nhớ theo các cách khác nhau [111]. *Bhawuk và Brislin* tìm ra rằng hai cái tôi này có thể chi phối hành vi theo những cách khác nhau tùy theo ngữ cảnh của hành động [67]. Do đó, những người phát triển cả hai cái tôi này một cách hoàn thiện có thể “chuyên” giữa các cái tôi để hành động phù hợp với hoàn cảnh, khi thì hành động mang tính cá nhân, khi lại hành động mang tính cộng đồng [80]. Tóm lại, việc tồn tại hai cái tôi văn hóa đối lập nhau trong cùng một con người là tiền đề để xảy ra xung đột cái tôi văn hóa.

Nhiều nghiên cứu định tính đã chỉ ra minh chứng cho lý thuyết của Baumeister về xung đột cái tôi văn hóa. Hồi ký của nhiều người nhập cư và người đa văn hóa, cũng như nghiên cứu định tính trên người đa văn hóa cho thấy câu hỏi thường trực ở những người này là “*Tôi là ai?*”. Họ cảm thấy mình không thuộc về một nền văn hóa cụ thể nào dù họ gắn bó với rất nhiều nền văn hóa. Cái tôi văn hóa của họ bị lung lay, không rõ ràng. Họ gặp nhiều khó khăn trong việc đưa ra quyết định hành vi do những cái tôi văn hóa của họ mâu thuẫn với nhau, cản trở nhau

hành động. Thậm chí *Mary Antin*, một người Do Thái gốc Nga nhập cư vào Mỹ, còn miêu tả trải nghiệm xung đột văn hóa là một trải nghiệm “đau đớn” [56, tr.3].

Nhà tâm lý học người Nga *T.G.Stefanenko* đã tìm hiểu xung đột văn hóa ở Nga thời kỳ hậu Xô viết. Bà cho rằng những người dân Nga phải mặt đối mặt với cuộc sống không dễ dàng và không biết mình là ai, không biết định hướng theo giá trị nào. Ở đây xuất hiện sự đối lập giữa văn hóa Liên Xô – văn hóa xã hội chủ nghĩa và văn hóa phương Tây – văn hóa tư bản, khiến người dân Nga gặp khó khăn trong việc xác định cho mình một cái tôi rõ ràng [38].

Tương tự, *Stefanenko* khi phân tích về tâm lý người nhập cư đã cho rằng khi một đứa trẻ có bố mẹ là người châu Á, sang Mỹ định cư, đứa trẻ sinh ra và lớn lên tại Mỹ, sống trong nền văn hóa Mỹ, mang quốc tịch Mỹ, nhưng khi nó tới trường hay ở nơi công cộng nhiều khi đứa trẻ đầy bối rối và tự hỏi: Mình là một người châu Á (chẳng hạn Trung Quốc hay Việt Nam) hay mình là một người Mỹ? Đây chính là sự xung đột giữa các cái tôi văn hóa ở đứa trẻ [38].

Abdallah Laraoui là nhà xã hội học người Maroc đã phân tích rất hay về nhận thức cái tôi trong xung đột văn hóa của người Arập. Trong cuốn sách *Hệ tư tưởng Arập hiện nay* được xuất bản năm 1960 tại Pháp, ông cho rằng: “Ba phần tư thế kỷ, người Arập chỉ đặt cho mình một câu hỏi duy nhất: Ta là ai và kẻ khác là ai” và để hướng tới một tương lai tươi sáng thì “Ta phải là ta hay ta phải trở thành người khác?” [dẫn theo 16]. Ở đây, người Arập cũng băn khoăn và đi tìm lời giải cho câu hỏi: Ta còn là một người Arập nữa không hay đã là một người phương Tây?

Ward và cộng sự đã thực hiện một loạt những nghiên cứu định lượng về xung đột cái tôi văn hóa để kiểm chứng lý thuyết của Baumeister. Kết quả các nghiên cứu này chỉ ra sự tồn tại của xung đột văn hóa ở nhiều nhóm người nhập cư. Xung đột văn hoá gồm hai khía cạnh nhận thức và cảm xúc; hai khía cạnh này liên hệ chặt chẽ với nhau để tạo nên một khái niệm thống nhất [115]. Nhóm nghiên cứu này cũng tìm ra rằng dù bản chất của xung đột văn hóa là xung đột nội tâm nhưng nó vẫn chịu sự chi phối của các yếu tố hoàn cảnh. Xung đột văn hóa được thể hiện trong các tình huống xã hội một cách thường xuyên và ổn định, như trong quan hệ với các nhóm xã hội, các nhóm văn hóa [109].

Tuy nhiên, không phải lúc nào tiếp biến văn hóa cũng gây ra xung đột văn hóa. Nghiên cứu trên người thiểu số Mỹ, *Phinney* và *Devich-Navarrrro* cho thấy xung đột văn hóa xảy ra do chủ thể nhận thức rõ ràng về sự khác biệt giữa hai nền văn hóa của họ (cụ thể là văn hóa của nhóm dân tộc thiểu số và văn hóa Mỹ - văn

hóa của số đông) [100]. Xung đột văn hóa không phải lúc nào cũng xảy ra, mà nó là hệ quả của quá trình nhận thức về các nền văn hóa của chủ thể.

Tóm lại, có thể thấy rằng xung đột văn hoá dưới dạng xung đột cái tôi là sự phát triển cao hơn của xung đột văn hoá dưới dạng xung đột giá trị. Nếu như xung đột văn hoá dưới dạng xung đột giá trị là sự băn khoăn về hệ giá trị của bản thân, thì xung đột văn hoá dưới dạng xung đột cái tôi là sự băn khoăn về hình ảnh bản thân và bản chất của con người mình. Chính vì chiều sâu của khái niệm này nên xung đột văn hoá dưới dạng xung đột cái tôi thường được nghiên cứu dưới dạng nghiên cứu định tính, trên nhóm người nhập cư hoặc nhóm người đa văn hoá.

1.2. Nghiên cứu về khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa

Nghiên cứu về các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa, các nhà nghiên cứu đưa ra các cách phân chia rất đa dạng nhưng không có sự khác biệt rõ rệt giữa các hướng nghiên cứu.

Benet-Martinez cho rằng xung đột văn hóa chỉ bao gồm khía cạnh cảm xúc [59, 61]. Nghiên cứu trên mẫu 133 người nhập cư gốc Hoa đang sống tại Mỹ của bà đã chỉ ra rằng xung đột văn hóa gây cho người nhập cư cảm giác hai nền văn hóa của họ đối lập nhau và họ cảm thấy bị giằng xé giữa hai nền văn hóa. Một số biểu hiện của xung đột văn hóa được bà nêu ra bao gồm: “Tôi cảm thấy bị giằng xé giữa các cái tôi văn hóa”, “Tôi cảm thấy các cái tôi văn hóa của mình không tương thích nhau”, “Tôi cảm thấy lối hành xử trong các nền văn hóa khác nhau thường xung khác nhau”, “Là một người đa văn hóa, tôi cảm thấy như mình bị nhiều xung lực văn hóa ràng buộc cùng lúc”, v.v. Nghiên cứu của bà cũng cho thấy rằng xung đột văn hóa có mối tương quan chặt với kinh nghiệm tiếp biến văn hóa của cá nhân cũng như mức độ hiểu biết về các nền văn hóa, thái độ tích cực hoặc tiêu cực khi tiếp biến văn hóa, cũng như việc tồn tại các áp lực về ngôn ngữ và quan hệ nhóm khi tiếp biến văn hóa.

Để định lượng hóa khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa, *Benet-Martinez* đưa ra thang đo xung đột văn hóa gồm 11 item, trong đó có 6 item phản ánh xung đột văn hóa và 5 item đảo ngược (phản ánh sự hòa hợp văn hóa) [83]. Người dùng đánh giá các item trên thang Likert 5 điểm (từ 1 – hoàn toàn không đồng ý đến 5 – hoàn toàn đồng ý). Thang đo này có độ tin cậy cao ($\alpha = 0,86$) và có độ ổn định qua nhiều lần thử nghiệm ($r = 0,77$) [47]. Thang đo này phù hợp để nghiên cứu trên cả người song văn hóa và người đa văn hóa. Như vậy, nghiên cứu của *Benet-Martinez* cho rằng xung đột văn hóa thể hiện rõ nhất ở khía cạnh cảm xúc của chủ thể.

Vega và cộng sự thì cho rằng xung đột văn hóa gồm khía cạnh cảm xúc và hành vi, trong đó cảm xúc chiếm vai trò quan trọng hơn [113]. Thang đo xung đột văn hóa của ông gồm 4 item, trong đó có đến 3 item là về cảm xúc cá nhân trải nghiệm trong quá trình xung đột văn hóa. Cụ thể, khía cạnh cảm xúc gồm cảm giác buồn khi khó khăn trong quá trình tiếp biến văn hóa, sự không thoải mái khi phải chọn lựa giữa hai nền văn hóa, và cảm giác thích một văn hóa này hơn văn hóa kia. Khía cạnh hành vi bao gồm hành vi xung đột với người khác trong quá trình lựa chọn giữa các văn hóa.

Inman và cộng sự cho rằng xung đột văn hóa gồm hai khía cạnh là nhận thức và cảm xúc [84]. Nhận thức trong xung đột văn hóa là sự xung đột nhận thức do tiếp xúc với những giá trị và chuẩn mực hành vi của những nền văn hóa khác nhau mà cá nhân học tập được trong quá trình xã hội hóa. Xung đột văn hóa cũng bao gồm cảm xúc tiêu cực như cảm giác tội lỗi và lo lắng. Các biểu hiện của xung đột nhận thức và cảm xúc tiêu cực được *Inman* chỉ ra dựa theo giá trị. Một số biểu hiện của khía cạnh nhận thức bao gồm: Tôi tin rằng giá trị A là không phù hợp, Tôi không đồng ý với giá trị B, Tôi gặp khó khăn khi hành động theo giá trị C, Tôi thấy hành vi D trong văn hóa Nam Á xung đột với văn hóa Mỹ, v.v. Một số biểu hiện của khía cạnh cảm xúc bao gồm: Tôi cảm thấy lo lắng khi hành động theo giá trị A, Tôi cảm thấy tội lỗi khi làm ngược lại kỳ vọng của gia đình, Tôi cảm thấy áp lực khi làm theo giá trị B, v.v.

Dựa trên khung lý thuyết này, *Inman* thiết kế thang đo xung đột giá trị văn hóa ở người Mỹ gốc Nam Á dựa trên 2 giá trị tạo nên khác biệt cơ bản giữa hai văn hóa này là Quan hệ gần gũi và Kỳ vọng về vai trò giới. Với mỗi giá trị này, khía cạnh nhận thức và cảm xúc của xung đột văn hóa lại được thể hiện qua các item riêng. Thang gồm 24 item, đánh giá theo thang Likert 6 điểm (từ 1 – hoàn toàn không đồng ý đến 5 – hoàn toàn đồng ý và 6 – không liên quan). Các item phản ánh quan niệm về tình yêu, hôn nhân, kỳ vọng về vai trò của người phụ nữ, cũng như các cảm xúc tiêu cực khi phải lựa chọn giữa những quan niệm văn hóa trái ngược nhau về các vấn đề trên. Thang đo thể hiện độ tin cậy và độ ổn định cao (α từ 0,74-0,84; $r = 0,81$) [84, 112]. Điểm hạn chế của thang đo này là nó chỉ phù hợp để nghiên cứu trên nhóm khách thể là phụ nữ Mỹ gốc Nam Á do nó bị giới hạn bởi các giá trị đặc trưng của nhóm khách thể này. Như vậy, bằng nghiên cứu thực nghiệm, *Inman* cho rằng xung đột văn hóa thể hiện rõ hơn ở hai khía cạnh tâm lý là nhận thức và cảm

xúc. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với nhóm khách thể là phụ nữ Mỹ gốc Nam Á nhưng chưa chắc đã áp dụng được với các nhóm khách thể khác.

Nghiên cứu của tác giả *Sung* không chỉ ra cụ thể bản chất của xung đột văn hóa, nhưng dựa trên những ví dụ minh họa của bà về các trường hợp có thể xảy ra xung đột văn hóa ở trẻ Mỹ gốc Hoa, có thể thống kê được mặt biểu hiện của xung đột văn hóa là cảm xúc và hành vi [110]. Xung đột văn hóa có thể gây ra cảm xúc tiêu cực ở trẻ như xấu hổ, nghi ngờ bản thân. Do nhận thức được sự khác biệt giữa giá trị văn hóa Mỹ (do nhà trường, xã hội và bạn bè truyền thụ cho trẻ) với giá trị văn hóa Trung Quốc (do gia đình truyền thụ cho trẻ), trẻ thường có những cảm xúc tiêu cực với bản thân. Những hành vi nhằm giải quyết xung đột có thể bao gồm hành vi tìm sự tương đồng giữa hai văn hóa hoặc hành vi bạo lực nhằm đàn áp một trong hai văn hóa. Có thể nói, kết quả nghiên cứu của *Sung* đã chỉ ra xung đột văn hóa tập trung nhiều ở khía cạnh cảm xúc và hành vi. Có thể điều này chỉ đúng với khách thể là thanh niên Mỹ gốc Hoa.

Baumeister đưa ra ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa, bao gồm khía cạnh nhận thức, cảm xúc và hành vi [57].

- Về mặt nhận thức, chủ thể của xung đột văn hóa đặc trưng bởi tính thiếu thống nhất về cái tôi. Họ thường cảm thấy không rõ ràng về vị trí của mình trong mỗi nền văn hóa, mình không phải là thành viên của văn hóa này, cũng không phải là thành viên của văn hóa kia.

- Về mặt cảm xúc, chủ thể của xung đột văn hóa cảm thấy mình lâm vào tình huống khó giải quyết, không biết lựa chọn nên theo chuẩn mực của văn hóa nào. Họ cảm thấy giằng xé giữa các cách thức hành xử khác nhau. Họ cảm thấy bế tắc vì không tìm ra cách giải quyết.

- Về mặt hành vi, chủ thể có thể lựa chọn giữa các cách giải quyết xung đột văn hóa, bao gồm: a) Trì hoãn lựa chọn vì bế tắc, không biết lựa chọn văn hóa nào; b) Học hỏi từ những tấm gương đã giải quyết thành công xung đột văn hóa; c) Trực tiếp tìm cách giải quyết xung đột văn hóa của mình.

Có thể nói, nghiên cứu của *Baumeister* là nghiên cứu đưa ra cấu trúc của xung đột văn hóa với nhiều khía cạnh tâm lý nhất: nhận thức, cảm xúc và hành vi.

Nhiều nghiên cứu tìm cách đo xung đột văn hóa theo lý thuyết của *Baumeister* nhưng chưa có thang đo nào thể hiện được cả 3 khía cạnh tâm lý mà *Baumeister* đề xuất. *Ward* và cộng sự thiết kế thang đo xung đột cái tôi văn hóa gồm 20 item miêu tả các khía cạnh nhận thức và cảm xúc của xung đột văn hóa

[115]. Một số biểu hiện cụ thể của nhận thức về xung đột văn hóa mà nhóm tác giả đưa ra là: nghi ngờ/không hiểu rõ cái tôi văn hóa của mình, không nhận thấy sự tương đồng giữa các văn hóa, không tin rằng có thể hòa giải và đáp ứng những đòi hỏi khác nhau của các văn hóa. Các cảm xúc nảy sinh trong quá trình xung đột văn hóa thường là cảm xúc tiêu cực, như: bối rối, khó chịu, mất phương hướng. Người trả lời đánh giá các item theo thang Likert 5 điểm từ 1 – hoàn toàn đồng ý đến 5 – hoàn toàn không đồng ý. Được thử nghiệm trên nhóm mẫu khách thể lớn và đa dạng (gồm cả người nhập cư, sinh viên quốc tế và các nhóm dân tộc thiểu số), thang đo thể hiện độ tin cậy và độ hiệu lực tốt. Nghiên cứu chỉ ra mối liên hệ chặt chẽ giữa xung đột văn hóa với các khái niệm liên quan như các phương thức tiếp biến văn hóa (acculturation strategy), tính rõ ràng của cái tôi (self-concept clarity), mức độ phiền muộn về cái tôi (identity distress), v.v.

Lin (2008) xây dựng thang đo về khía cạnh cảm xúc và hành vi của xung đột văn hóa dựa trên thang đo của Leong và Ward [89]. Thang gồm 18 mệnh đề với lựa chọn từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 7 (hoàn toàn đồng ý). Độ tin cậy của thang là 0,82 khi nghiên cứu trên 186 thanh niên nhập cư từ Trung Quốc và Đài Loan sang New Zealand và 0,76 khi nghiên cứu trên 263 thanh niên nhập cư từ Trung Quốc và Đài Loan sang Singapore.

Như vậy, có thể thấy các nhà nghiên cứu đưa ra nhiều cách phân tích khác nhau về bản chất tâm lý của xung đột văn hóa, nhưng tựu chung lại đều sử dụng trực *nhận thức – cảm xúc – hành vi* để miêu tả các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa. Trong đó, khía cạnh nhận thức và cảm xúc được đề cập đến nhiều hơn cả. Có thể lý giải điều này bởi trạng thái xung đột là trạng thái còn chưa được giải quyết, chưa có câu trả lời rõ ràng, nên ít có hành vi đi kèm. Hành vi, như Baumeister đã chỉ ra, là hành vi giải quyết xung đột chứ không phải là hành vi thể hiện xung đột.

Trong luận án này, khi tìm hiểu khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam chúng tôi lựa chọn cách tiếp cận *nhận thức – cảm xúc – hành vi* của Baumeister. Cách tiếp cận này xuất hiện trong nhiều nghiên cứu về xung đột văn hóa và là cách tiếp cận phản ánh đầy đủ nhất những khía cạnh tâm lý tiêu biểu của cá nhân.

Khi đo các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa, các thang đo có nhiều điểm tương đồng và khác biệt khi thao tác hóa các khía cạnh của xung đột văn hóa. Điểm giống nhau thể hiện rõ nhất ở phương pháp đo (đánh giá các mệnh đề theo thang

Likert), cách thức tiếp cận khái niệm đo (trừ thang đo xung đột giá trị văn hóa của Inman, các thang đo khác đều đo khái niệm xung đột văn hóa dựa trên các đặc điểm của nó mà không phụ thuộc vào giá trị cụ thể), do đó các thang này đều dễ áp dụng trên nhiều nhóm khách thể khác nhau ở các quốc gia khác nhau. Tuy nhiên, chính việc đo trực tiếp các đặc điểm của xung đột văn hóa – một khái niệm trừu tượng – khiến các thang đo sử dụng ngôn ngữ phức tạp, đòi hỏi người trả lời phải có trình độ hiểu biết ngôn ngữ nhất định cũng như phải có hiểu rõ bản thân mình thì mới có thể đánh giá đúng bản thân theo các mệnh đề đã cho. Đây là điểm cần lưu ý khi áp dụng thang đo này cho các nhóm khách thể khác nhau và trong quá trình chuyển hóa thang đo giữa các ngôn ngữ.

1.3. Nghiên cứu về xung đột văn hóa ở thanh niên

Nghiên cứu trên nhóm thanh niên khá phổ biến trong nghiên cứu tâm lý nói chung và nghiên cứu xung đột văn hóa nói riêng, vì thanh niên, đặc biệt là sinh viên đại học, là mẫu tiện lợi cho các nhà nghiên cứu.

1.3.1. Những nghiên cứu về đặc điểm của xung đột văn hóa ở thanh niên

Xung đột văn hóa ở thanh niên khác biệt về bản chất so với xung đột văn hóa ở người trưởng thành. *Giguere, Lalonde và Lou* chỉ ra sự khác biệt này dựa trên quá trình tiếp biến văn hóa và hình thành cái tôi của hai nhóm lứa tuổi này thông qua so sánh giữa thanh niên nhập cư (người nhập cư thế hệ thứ hai) và bố mẹ của họ (người nhập cư thế hệ thứ nhất) [76]. Ở người nhập cư thế hệ thứ nhất, trong hầu hết quá trình trưởng thành của mình, họ được nuôi dạy trong môi trường đơn văn hóa (văn hóa gốc), họ thấm nhuần các quy tắc của nền văn hóa gốc và hình thành các thói quen suy nghĩ và hành xử tương ứng với các quy tắc này. Khi di cư sang một quốc gia khác, họ có xu hướng gìn giữ những quy tắc văn hóa gốc này vì chúng đã trở thành tập quán sinh hoạt hàng ngày. Với đối tượng này, xung đột văn hóa nảy sinh khi các quy tắc văn hóa gốc được áp dụng trong ứng xử trong một môi trường văn hóa mới (văn hóa đích). Ngược lại, ở người nhập cư thế hệ thứ hai (hay chính là thanh niên), họ cùng lúc tiếp xúc với hai nền văn hóa trong quá trình phát triển và hình thành cái tôi: văn hóa gốc do cha mẹ truyền thụ và văn hóa đích từ môi trường sống xung quanh. Quá trình song song hấp thụ hai nền văn hóa với những hệ chuẩn mực văn hóa khác nhau khiến cho thanh niên nhiều khi cảm thấy họ bị kẹt giữa hai nền văn hóa. Vì thế, xung đột văn hóa ở thanh niên nhập cư không chỉ là sự xung đột nảy sinh khi hành vi không phù hợp với hoàn cảnh, mà là xung đột diễn ra trong nội tâm, giữa những cái tôi văn hóa trái ngược nhau. Nói cách khác, xung đột văn

hóa ở thanh niên sâu sắc hơn xung đột văn hóa ở bố mẹ họ. *Sommer* còn cho rằng xung đột văn hóa chỉ tồn tại ở thanh niên (người nhập cư thế hệ thứ hai) chứ không tồn tại ở bố mẹ họ (người nhập cư thế hệ thứ nhất) do người nhập cư thế hệ thứ nhất thường gắn bó với văn hóa gốc của họ và không trải nghiệm những giằng xé do phải lựa chọn giữa hai nền văn hóa [dẫn theo 88].

Những nghiên cứu về xung đột văn hóa ở thanh niên đều chỉ ra sự tồn tại của hiện tượng tâm lý này trong đời sống tâm lý của thanh niên, đặc biệt là thanh niên gốc dân tộc thiểu số và thanh niên nhập cư. Xung đột văn hóa ở thanh niên được thể hiện ở cả ba mặt là nhận thức, thái độ và hành vi.

Xung đột văn hóa được thể hiện rõ ở thanh niên nhập cư. Nghiên cứu định tính của *Wong, Peiris-John, Sobrun-Maharaj và Ameratunga* trên thanh niên nhập cư gốc châu Á sinh sống tại New Zealand cho thấy thanh niên nhập cư trải nghiệm xung đột văn hóa khá rõ rệt. Họ không thể xác định được mình thuộc về nhóm văn hóa nào: “Là một người New Zealand gốc Á, nhiều khi tôi cảm thấy mình không thuộc về xã hội New Zealand này, nhưng khi tôi trở lại quê hương mình (ở châu Á) thì tôi cảm thấy mình cũng chẳng thuộc về nơi đó” [116, tr. 284]. Bản chất của xung đột văn hóa ở nhóm thanh niên này chính là nhận thức về sự khác biệt giữa các nền văn hóa. Đây cũng là kết luận của *Rasmi* khi nghiên cứu về xung đột văn hóa ở thanh niên Canada gốc Ả Rập [101].

Xung đột văn hóa cũng tồn tại ở thanh niên bản địa, đặc biệt là ở những thanh niên mang trong mình nhiều dòng văn hóa khác nhau, như người song văn hóa hay người đa văn hóa. Nghiên cứu của *Sirin và Fine* về xung đột cái tôi văn hóa thanh niên Mỹ theo đạo Hồi cho thấy những khó khăn trong của nhóm thanh niên này trong việc hài hòa giữa hai cái tôi văn hóa là cái tôi văn hóa Mỹ và cái tôi văn hóa đạo Hồi [105]. Thanh niên miêu tả hai cái tôi này tồn tại tách biệt, đối lập với nhau, chúng gắn liền với những nhận thức, cảm xúc và hành động trái ngược nhau. Về nhận thức, thanh niên nhìn nhận rõ sự khác biệt giữa hai nền văn hóa này: một bên là văn hóa Mỹ đầy phân biệt, kỳ thị với người theo đạo Hồi, và một bên là văn hóa đạo Hồi luôn hướng Chúa, bao bọc và chở che cho họ. Gắn liền với nhận thức này là những cảm xúc trái ngược nhau với từng nền văn hóa, một bên là cảm xúc đau đớn, giận dữ gắn với cái tôi văn hóa Mỹ, và một bên là cảm xúc tích cực gắn với cái tôi văn hóa đạo Hồi. Như vậy, cũng giống như ở thanh niên nhập cư, xung đột văn hóa ở thanh niên bản địa cũng gắn với nhận thức về sự khác biệt giữa các nền văn hóa.

Mối quan hệ này giữa xung đột văn hóa và nhận thức về sự khác biệt văn hóa có thể nói là mối quan hệ trung tâm, giải thích cho những kết quả trái ngược nhau giữa mức độ tiếp xúc văn hóa và xung đột văn hóa. Rất nhiều nghiên cứu, mà tiên phong là nghiên cứu của Berry, về xung đột văn hóa cho thấy việc tiếp xúc với nền văn hóa đích có thể làm giảm xung đột văn hóa do nó giúp thanh niên hiểu rõ hơn về văn hóa bản địa, từ đó có thể hòa nhập giữa văn hóa đích và văn hóa gốc dễ dàng hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu của Ward và cộng sự lại chỉ ra rằng thanh niên từ nhiều nền văn hóa khác nhau khi tới sinh sống tại Singapore, nếu càng tìm hiểu về văn hóa Singapore thì họ lại càng dễ gặp xung đột văn hóa. Điều này được lý giải là do văn hóa Singapore là văn hóa lai tạp (giữa văn hóa phương Tây và phương Đông), nên càng tiếp xúc và hiểu rõ về văn hóa Singapore tức là càng nhận thức rõ hơn về sự khác biệt giữa các nền văn hóa, dẫn tới tăng xung đột văn hóa [88, 114]. Tóm lại, nhận thức về sự khác biệt văn hóa là điều kiện tiên quyết của xung đột văn hóa ở thanh niên.

Cái tôi văn hóa đứng ở trung tâm của xung đột văn hóa, vì thế đặc điểm của cái tôi văn hóa chi phối đặc điểm của xung đột văn hóa ở thanh niên. Nghiên cứu của Guan Xin và Sandel¹ về xung đột văn hóa ở thanh niên sinh sống tại Macao cho thấy sự đa dạng của cái tôi văn hóa ở nhóm thanh niên này dẫn tới sự đa dạng trong hành vi giải quyết xung đột văn hóa của họ. Do đặc điểm văn hóa – lịch sử mà thanh niên Macao phân biệt rõ giữa cái tôi (văn hóa) Trung Quốc và cái tôi (văn hóa) Macao. Thanh niên bản địa có xu hướng gắn bó với cái tôi Macao mạnh mẽ hơn, và họ cũng có xu hướng giải quyết xung đột văn hóa theo những chuẩn mực của văn hóa Macao. Thanh niên nhập cư từ Trung Quốc đại lục sang Macao có xu hướng gắn bó hài hòa giữa cả hai cái tôi văn hóa trên, và trong hành vi của họ cũng thể hiện sự kết hợp giữa các chuẩn mực của văn hóa Macao và văn hóa Trung Quốc để giải quyết xung đột văn hóa [117].

Xung đột văn hóa là một phần của quá trình tiếp biến văn hóa, vì thế mức độ xung đột văn hóa cũng phụ thuộc vào trải nghiệm tiếp biến văn hóa của thanh niên. Nghiên cứu của nhiều tác giả trên các nhóm thanh niên khác nhau (như thanh niên Mỹ gốc Phi, thanh niên Mỹ gốc Mexico, và thanh niên Mỹ gốc Tây Ban Nha) cho thấy rõ điều này. Những thanh niên có khả năng hòa nhập giữa các nền văn hóa tốt

¹ Xin, G., & Sandel, T. L. (2015). The acculturation and identity of new immigrant youth in Macao. *China Media Research*, 11(1), 112-125.

(như người song văn hóa) thì mức độ xung đột văn hóa cũng thấp hơn; trong khi những thanh niên nghiêng về một trong hai nền văn hóa (thanh niên theo xu hướng bảo thủ văn hóa hay xu hướng đồng hóa) đều trải nghiệm xung đột văn hóa cao hơn [77, 100].

Những nghiên cứu trên cho thấy xung đột văn hóa ở thanh niên khác biệt về mức độ và bản chất so với xung đột văn hóa ở người trưởng thành. Xung đột văn hóa ở thanh niên nảy sinh trong quá trình thanh niên tiếp xúc với các nền văn hóa và hình thành những cái tôi văn hóa. Nó được biểu hiện ở cả ba khía cạnh tâm lý là nhận thức, cảm xúc và hành vi.

1.3.2. Những nghiên cứu về ảnh hưởng của xung đột văn hóa tới đời sống tâm lý và sức khỏe của thanh niên

Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng xung đột văn hóa thường để lại những ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tâm lý của thanh niên cũng như tới mối quan hệ giữa họ với những người xung quanh. Những tác động tiêu cực của xung đột văn hóa tới tâm lý cá nhân thường xuất phát từ mâu thuẫn giữa các cái tôi văn hóa cùng tồn tại trong cá nhân [116]. Xung đột văn hóa đặt thanh niên vào tình thế khó xử và bắt buộc phải lựa chọn giữa những gì họ được dạy ở nhà và những gì phổ biến trong xã hội [10]. Như Collins miêu tả, thanh niên có xung đột văn hóa cảm thấy rằng “mình là người ngoài cuộc trong chính xã hội mà mình đang sống” [dẫn theo 105, tr. 160]. Sự mâu thuẫn xuất phát từ bên trong, cộng với sự kỳ thị xã hội thường xảy ra với thanh niên nhập cư, dẫn tới những khó khăn tâm lý nhất định của thanh niên trong quá trình trải nghiệm xung đột văn hóa.

Xung đột văn hóa cũng tác động tới quan hệ giữa thanh niên với những người khác, đặc biệt là với bố mẹ, bởi như Rosenthal đã nhận định, xung đột thế hệ (hay xung đột giữa cha mẹ và con) chính là sự phản ánh của xung đột văn hóa trong mỗi cá nhân thanh niên. Nhiều tác giả tìm ra rằng: mức độ xung đột văn hóa ở thanh niên càng cao thì mức độ xung đột giữa cha mẹ với con càng tăng [101, 106]. Xung đột văn hóa ở thanh niên đã ảnh hưởng tiêu cực tới sự gắn kết trong gia đình, làm gia đình (với tư cách là một cấu trúc xã hội) giảm tính linh hoạt trong việc phản ứng với những tình huống trong cuộc sống.

Tuy nhiên, không phải lúc nào xung đột văn hóa cũng mang lại những hệ quả tiêu cực cho đời sống tâm lý của thanh niên. Với thanh niên Mỹ gốc Hoa ở New York, những trải nghiệm xung đột văn hóa đã mang họ xích lại gần nhau,

tạo thành một cộng đồng nơi họ cùng chia sẻ với nhau cách thức giải quyết xung đột văn hóa [110].

1.4. Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hóa

Nghiên cứu của *Leong* và *Ward* trên 106 thanh niên gốc Trung Quốc sinh sống tại Singapore cho thấy các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hóa bao gồm: Khả năng chấp nhận sự mập mờ của các giá trị văn hóa mới (văn hóa đích), độ phức tạp của quy gán, độ mạnh của cái tôi, mức độ tiếp xúc với văn hóa đích và mức độ kỳ thị xã hội. Khả năng chấp nhận sự mập mờ càng cao, độ phức tạp trong quy gán càng cao, cái tôi càng mạnh, mức độ tiếp xúc với văn hóa đích càng thấp, và mức độ kỳ thị càng thấp, thì xung đột văn hóa càng giảm. Kết quả này tương đồng với nhiều nghiên cứu khác về sức khỏe tâm lý của người nhập cư. Càng tiếp xúc nhiều với nền văn hóa mới thì sự kỳ thị mà người nhập cư phải chịu càng cao, do đó khả năng bị xung đột cái tôi càng cao [88]. Như vậy, việc phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hóa của tác giả *Leong* và *Ward* đã góp phần làm rõ thêm khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên, trong đó có yếu tố cái tôi.

Stuart và *Ward* nghiên cứu trên 262 thanh niên Đông Nam Á sống ở New Zealand với giả thuyết về các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hóa bao gồm cả yếu tố chủ quan và khách quan: Sự gắn bó với cha mẹ, quan hệ gia đình, tính dân tộc và tương tác giữa các cái tôi văn hóa. Kết quả cho thấy những kiểu gắn bó không bền chặt làm tăng xung đột văn hóa ở thanh niên. Với hình thức gắn bó này thanh niên thường cảm thấy họ khó được xã hội chấp nhận bởi vì họ cho rằng mình không xứng đáng được yêu thương. Cảm giác bị xa lánh này của chủ thể dễ gây nên xung đột văn hóa. Một yếu tố chủ quan khác là mức độ gắn bó với văn hóa gốc. Thanh niên càng gắn bó với văn hóa gốc thì càng ít trải nghiệm xung đột văn hóa. Ngoài ra, xung đột văn hóa còn chịu sự ảnh hưởng của quan hệ gia đình. Xung đột thể hệ trong gia đình cũng như sự thiếu gắn bó trong gia đình có thể làm tăng mức độ xung đột văn hóa mà thanh niên trải nghiệm [109].

Nghiên cứu của *Lin* trên 186 thanh niên nhập cư từ Trung Quốc và Đài Loan đến New Zealand [89]. Kết quả cho thấy nếu thanh niên nhập cư tương tác tốt với nền văn hóa mới (văn hóa đích), cảm thấy nền văn hóa mới rộng mở và dễ hòa nhập, ít bị kỳ thị và cảm thấy mình vẫn có thể duy trì văn hóa gốc trong xã hội mới thì họ sẽ ít gặp xung đột cái tôi. Tác giả đồng thời tìm thấy rằng các yếu tố liên quan đến gia đình như: Tính thống nhất trong gia đình và giá trị Trung Quốc truyền thống lại không có quan hệ với xung đột cái tôi. Như vậy, các yếu tố liên quan đến tương

tác nhóm xã hội có ảnh hưởng mạnh hơn các yếu tố về gia đình. Để đánh giá rõ hơn về tác động của bối cảnh văn hóa xã hội đến xung đột văn hóa, tác giả thực hiện nghiên cứu thứ 2 về các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hóa ở 263 thanh niên nhập cư từ Trung Quốc và Đài Loan sang Singapore. Do Singapore có nền văn hóa gần với văn hóa Trung Quốc hơn New Zealand, nghiên cứu này sẽ là bài toán thử thách hơn về tác động của bối cảnh văn hóa xã hội đến xung đột văn hóa. Kết quả cho thấy bất kể là Singapore hay New Zealand, yếu tố tương tác nhóm xã hội vẫn dự đoán xung đột văn hóa. Do đó, khoảng cách giữa văn hóa gốc và văn hóa đích không ảnh hưởng tới mức độ xung đột văn hóa ở thanh niên. Như vậy, nghiên cứu này ủng hộ thuyết nhận dạng xã hội, tức là nhấn mạnh tầm quan trọng của các yếu tố xã hội tới quá trình hình thành nhân cách và cái tôi, thay vì ủng hộ thuyết phát triển. Tức là, nhấn mạnh vai trò của các nhóm thân thiết như gia đình và cộng đồng dân tộc tới sự hình thành và phát triển cái tôi.

Có thể nói có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hóa của thanh niên, song những yếu tố có ảnh hưởng nhiều hơn là: Gia đình (Sự gắn bó với cha mẹ, quan hệ gia đình); các giá trị văn hóa gốc và tính dân tộc; và mức độ tương tác của chủ thể với nền văn hóa mới.

Tiểu kết chương 1

Là một vấn đề rộng lớn và phức tạp hàng đầu trong đời sống xã hội, văn hóa nói chung và xung đột văn hóa, các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa nói riêng luôn luôn được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm. Các công trình của các tác giả nhìn nhận vấn đề từ nhiều chiều cạnh và góc độ khác nhau. Có thể khái quát các nghiên cứu theo một số khía cạnh sau:

Thứ nhất, nghiên cứu về xung đột văn hóa được thực hiện từ nhiều góc nhìn khoa học xã hội khác nhau, như góc độ văn hóa học, xã hội học, triết học, tâm lý học.

Từ góc độ văn hóa học, xã hội học, triết học, các nghiên cứu chỉ ra rằng xung đột, dù là về chính trị, xã hội hay tôn giáo, về bản chất đều là xung đột văn hoá. Xung đột văn hoá được nhìn nhận như mâu thuẫn giữa các nhóm xã hội hay giữa các quốc gia. Trong bối cảnh toàn cầu hoá, xung đột văn hoá tồn tại như một lẽ tự nhiên và tất yếu, và nó để lại ảnh hưởng đa chiều tới đời sống kinh tế - văn hoá – xã hội của một quốc gia, một cộng đồng.

Từ góc độ của tâm lý học, các nghiên cứu chỉ ra xung đột văn hóa là sự xung đột diễn ra bên trong cá nhân hoặc giữa các cá nhân, trong đó sự mâu thuẫn giữa các

hệ giá trị văn hoá hay các cái tôi văn hoá làm nảy sinh xung đột văn hoá. Khác với các nghiên cứu của các ngành khoa học xã hội và nhân văn khác, nghiên cứu xung đột văn hoá từ góc độ tâm lý học đi vào chiều sâu tâm lý của cá nhân, khẳng định tính tất yếu của xung đột văn hoá trong quá trình tiếp biến văn hoá của cá nhân.

Thứ hai, nghiên cứu về các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá đưa ra nhiều cách cấu trúc xung đột văn hoá, nhưng khái quát lại thì các khía cạnh này đều xoay quanh trục cấu trúc *nhận thức – cảm xúc – hành vi*.

Thứ ba, nghiên cứu các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên rất đa dạng và phổ biến. Các nghiên cứu theo hướng này đã tìm hiểu xung đột giữa hai cái tôi văn hoá ở thanh niên là cái tôi của nền văn hoá gốc và cái tôi của nền văn hoá mới. Các nghiên cứu cũng phân tích khả năng hòa nhập văn hoá của thanh niên, mức độ giao tiếp và xung đột văn hoá. Theo hướng này các nghiên cứu còn phân tích ảnh hưởng của xung đột văn hoá đến đời sống tâm lý và sức khỏe của thanh niên. Kết quả nghiên cứu cho thấy mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên càng cao thì mức độ gắn kết trong gia đình càng thấp, khả năng thích ứng của gia đình giảm, và mức độ xung đột giữa cha mẹ và con cái tăng. Xung đột văn hoá gây ra nhiều hệ quả tiêu cực cho đời sống của thanh niên.

Thứ tư, các nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hoá của thanh niên. Đó là các yếu tố như khả năng tiếp nhận các giá trị văn hoá của các nền văn hoá mới; sự tiếp xúc với nền văn hoá truyền thống và xung đột văn hoá; sự tương tác xã hội...

Qua phân tích các công trình nghiên cứu nói trên cho ta thấy các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá được thể hiện rõ nhất là nhận thức, cảm xúc và hành vi. Đây cũng là ba khía cạnh mà đề tài luận án lựa chọn để nghiên cứu khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam hiện nay.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KHÍA CẠNH TÂM LÝ CỦA XUNG ĐỘT VĂN HÓA Ở THANH NIÊN

2.1. Xung đột

2.1.1. Xung đột theo quan điểm tâm lý học

Xung đột là vấn đề có truyền thống nghiên cứu lâu dài trong tâm lý học. Trong luận án này, chúng tôi xin nêu ra một số định nghĩa về xung đột được trích dẫn từ những từ điển thuật ngữ tâm lý học danh tiếng trong và ngoài nước.

Theo Từ điển thuật ngữ Tâm lý học do Vũ Dũng chủ biên, xung đột là “sự mâu thuẫn về các mục tiêu, lợi ích, quan điểm, ý kiến, cách nhìn có khuynh hướng đối lập nhau hoặc các chủ thể có tác động qua lại với nhau” [5, tr. 665]. Theo đó, cơ sở của xung đột là sự tồn tại của các xung lực không trùng hợp nhau hay đối lập nhau. Tuy nhiên, sự tồn tại này tạo ra xung đột ở trạng thái tiềm ẩn. Khi một trong các bên bắt đầu hành động làm tổn hại đến lợi ích của bên kia, và khi bên kia cũng đáp lại như vậy, thì xung đột chuyển sang trạng thái phát triển.

Theo Từ điển Tâm lý học của J.P. Chaplin, xung đột là “hai hay nhiều xung lực hay động cơ có tính chất đối kháng lẫn nhau xảy ra một cách đồng thời” [69, tr. 102].

Theo Bách khoa toàn thư về tâm lý học và khoa học hành vi của Corsini, xung đột “xảy ra khi hai hay nhiều xung lực không tương thích được kích hoạt đồng thời” [72, tr. 78].

Với hai định nghĩa của các tác giả nước ngoài trên, có thể thấy sự nhấn mạnh vào thời điểm diễn ra các xung lực trái chiều. Các xung lực này, ngoài việc đối lập nhau, còn phải diễn ra đồng thời thì mới tạo nên xung đột.

Từ các định nghĩa trên, chúng tôi đưa ra định nghĩa về xung đột sử dụng trong luận án này như sau:

Xung đột là sự mâu thuẫn giữa hai hay nhiều xung lực đối lập nhau xảy ra một cách đồng thời.

Như vậy, đặc trưng của xung đột là sự tồn tại một cách đồng thời nhiều xung lực đối lập nhau. Các xung lực này có thể là các quan điểm, mục đích, động cơ, cách thức suy nghĩ, v.v. Các xung lực có thể cùng tồn tại trong một cá nhân (xung đột nội nhân cách), hoặc có thể tồn tại giữa các cá nhân (xung đột liên nhân cách).

2.1.2. Xung đột nội tâm

Xung đột nội tâm là một dạng xung đột. Khác với xung đột nhóm hay xung đột liên nhân cách là xung đột diễn ra giữa nhiều cá thể, xung đột nội tâm diễn ra bên trong một cá thể.

Theo Từ điển thuật ngữ Tâm lý học do Vũ Dũng chủ biên, xung đột nội tâm là “sự nảy sinh mối quan hệ (mâu thuẫn) hai chiều ở chủ thể” [5, tr. 666].

S. Freud đề cập tới xung đột nội tâm trong cấu trúc nhân cách con người [37]. Sự xung đột xảy ra giữa cái nó, cái tôi và cái siêu tôi. Cái nó và cái siêu tôi luôn ở trong trạng thái mâu thuẫn, khi cái nó muốn thoả mãn những mong muốn vô thức, còn cái siêu tôi là người gác cổng nghiêm khắc của các chuẩn mực xã hội. Cái nó và cái tôi cũng luôn ở trong trạng thái mâu thuẫn, khi cái tôi phải điều hoà giữa những mong muốn của cái nó và những đòi hỏi của hoàn cảnh thực tế. Sự xung đột giữa các thành phần trên của cấu trúc nhân cách dẫn tới các trạng thái xung đột nội tâm, mà đỉnh điểm là chứng nhiễu tâm và chứng loạn thần khi các xung đột này không được giải quyết một cách phù hợp. Ngoài ra, Freud còn đề cập tới một dạng xung đột nội tâm khác giữa phản xạ có điều kiện và nhu cầu bản năng của con người.

Trong tâm lý học hiện đại, xung đột nội tâm được đề cập gắn liền với khái niệm kiểm soát bản thân (*self-control*). Một dạng xung đột nội tâm thường thấy là xung đột giữa xung lực “muốn” và xung lực “phải”, tức là giữa những nhu cầu hưởng thụ mà cá nhân muốn và những trách nhiệm mà anh ta phải thực hiện [94]. Đây là dạng xung đột nội tâm thường diễn ra trong đời sống hàng ngày, khi cá nhân phải thoả hiệp giữa những nhu cầu và trách nhiệm của mình để đưa ra được lựa chọn trong cuộc sống như: giữa ăn uống thoả thích hay ăn uống theo chế độ kiêng khem lành mạnh, giữa xem bộ phim mình thích và xem bộ phim người yêu thích,

giữa đi chơi nơi mình thích hay tham dự một buổi họp gia đình quan trọng mà mình không mấy hứng thú.

Ở một mức độ cao hơn là xung đột nội tâm diễn ra giữa các quan niệm cái tôi, như cái tôi hiện thực, cái tôi lý tưởng, cái tôi nghĩa vụ. Theo *Higgins*, cái tôi hiện thực là quan niệm của cá nhân về bản thân mình trong thực tế, cái tôi lý tưởng là quan niệm của cá nhân về con người mà anh ta muốn trở thành, và cái tôi nghĩa vụ là quan niệm của cá nhân về những phẩm chất, nghĩa vụ hay trách nhiệm mà anh ta phải có [79]. Ba quan niệm cái tôi này nhiều khi không thống nhất với nhau, gây ra những khó chịu và những cảm xúc tiêu cực nhất định (xem thêm về Thuyết khác biệt cái tôi của E.T. Higgins, 1987). Có thể thấy xung đột nội tâm diễn ra giữa các quan niệm cái tôi là xung đột ở mức độ sâu sắc hơn xung đột giữa các xung lực tâm lý (như xung đột giữa xung lực muốn và xung lực phải). Những mong muốn và nghĩa vụ đi kèm với các xung lực tâm lý nảy sinh hàng ngày đã được nội tại hoá một cách sâu sắc để trở thành một phần của những quan niệm ổn định về cái tôi mà cá nhân sở hữu. Nói cách khác, xung đột cái tôi là một dạng xung đột nội tâm ở chiều sâu tâm lý.

Từ nghiên cứu của Freud đến những nghiên cứu trong tâm lý học hiện đại, có thể thấy một bước chuyển quan trọng trong cách nhìn nhận về xung đột nói chung và xung đột nội tâm nói riêng. Xung đột nội tâm mà Freud chỉ ra là xung đột giữa hai (hay nhiều) xung lực tâm lý trái chiều với nhau, các xung lực này gây ra những xu hướng hành động trái ngược nhau, và sự mâu thuẫn giữa các xung lực mạnh mẽ tới mức nếu xung đột không được giải quyết thì nó đẩy chủ thể vào trạng thái tâm lý không ổn định, thậm chí là trạng thái bệnh lý. Trong khi đó, các nhà tâm lý học hiện đại quan tâm hơn đến những xung đột nội tâm diễn ra một cách nhẹ nhàng hơn. Các xung lực muốn – phải hay sâu sắc hơn là các quan niệm cái tôi có cường độ mâu thuẫn nhất định và có những ảnh hưởng trái chiều nhất định tới xu hướng hành động của chủ thể, nhưng sự mâu thuẫn này diễn ra và được thường giải quyết khi chủ thể ở trạng thái tâm lý ổn định.

Chính vì xung đột nội tâm trong quan niệm hiện đại không để lại những hậu quả tâm lý nghiêm trọng và tiêu cực như xung đột theo quan niệm truyền thống mà ranh giới để phân biệt giữa một tình huống xung đột và một tình huống phi xung đột trở nên mờ nhạt. Tuy vậy, để một tình huống tâm lý trở thành tình huống xung đột nội tâm, có những quy tắc nhất định. *J. Brown* đưa ra quy tắc để xác định xung đột nội tâm như sau [68]:

Một tình huống được gọi là *tình huống xung đột nội tâm* khi tình huống đó bao gồm ít nhất hai xung lực tâm lý trái chiều, và hai xung lực này có cường độ tương đương nhau đủ để gây ra những xu hướng hành động khác biệt mà chủ thể có thể nhận biết được.

Quy tắc này được xây dựng dựa trên quan niệm của *Brown* về xung đột nội tâm là sự mâu thuẫn giữa các xu hướng hành động không tương thích nhau. Dù vậy, chúng ta vẫn có thể chỉ ra những đặc điểm nổi trội của xung đột nội tâm nhằm phân biệt nó với một tình huống phi xung đột. *Thứ nhất*, trong tình huống xung đột nội tâm, cần tồn tại ít nhất hai xung lực tâm lý trái chiều. *Thứ hai*, cường độ của các xung lực này phải tương đương nhau. Nếu một xung lực mạnh hơn xung lực kia thì xung lực mạnh hơn sẽ lấn át, dẫn tới xu hướng hành động theo chiều của xung lực mạnh hơn. *Thứ ba*, sự khác biệt giữa các xung lực phải nhận biết được. Chủ thể phải ý thức được sự khác biệt của các xung lực này và những xu hướng hành động khác biệt nhau mà các xung lực này gây ra.

Mặc dù trong nghiên cứu này, chúng tôi quan tâm tới nhiều khía cạnh tâm lý của xung đột nội tâm chứ không chỉ xu hướng hành động tiềm ẩn mà xung đột nội tâm dẫn tới, nhưng quy tắc của *Brown* là định hướng quan trọng để đưa ra một định nghĩa đầy đủ về xung đột nội tâm, một định nghĩa phù hợp với xu hướng nghiên cứu về xung đột của tâm lý học hiện đại.

Dựa trên những nghiên cứu trên về xung đột nội tâm, cũng như dựa trên định nghĩa về xung đột, có thể đưa ra định nghĩa xung đột nội tâm như sau:

Xung đột nội tâm là sự mâu thuẫn giữa hai hay nhiều xung lực tâm lý có cường độ tương đương nhau xảy ra một cách đồng thời bên trong chủ thể mà chủ thể có thể nhận biết được.

Định nghĩa này tạo cơ sở cho luận án nghiên cứu xung đột nội tâm ở thanh niên thông qua tự đánh giá của thanh niên. Bởi vì, xung đột nội tâm nằm trong vòng ý thức của chủ thể và có thể diễn tả được. Dù vậy, xung đột nội tâm vẫn là một khái niệm khó nắm bắt và khó định lượng một cách chính xác. Vì vậy, khách thể nghiên cứu cần có trình độ nhận thức nhất định để có thể tự nhận biết được sự tồn tại của xung đột nội tâm, và quan trọng hơn là có thể diễn tả được các xung đột này cho người nghiên cứu.

2.2. Văn hoá

2.2.1. Văn hoá theo quan điểm tâm lý học

Rất khó để định nghĩa văn hoá một cách chính xác. Kroeber and Kluckhohn (1952) và sau này là Berry, Poortinga, Segall và Dasen (1992) đã thống kê 6 cách hiểu thường gặp trong ngôn ngữ hàng ngày về văn hoá [dẫn theo 93]:

- Văn hoá theo nghĩa miêu tả, ám chỉ những dạng hành vi khác nhau gắn với các phong tục và chuẩn mực văn hoá.
- Văn hoá theo nghĩa lịch sử, ám chỉ những truyền thống gắn với một nhóm người.
- Văn hoá theo nghĩa định danh, ám chỉ những quy tắc và chuẩn mực gắn với một văn hoá nào đó.
- Văn hoá theo nghĩa tâm lý, ám chỉ những quá trình học tập, giải quyết vấn đề.
- Văn hoá theo nghĩa cấu trúc, ám chỉ những thành tố cấu thành một nền văn hoá.
- Văn hoá theo nghĩa sinh học, ám chỉ những đặc điểm sinh học tạo nên nguồn gốc của một nền văn hoá.

Mặc dù những cách hiểu này được thống kê theo ngôn ngữ tiếng Anh, chúng khá tương đồng với cách hiểu về văn hoá trong ngôn ngữ tiếng Việt hàng ngày. Sự đa dạng trong cách sử dụng từ “văn hoá” trong ngôn ngữ thường ngày khiến cho việc định nghĩa văn hoá một cách chính xác càng trở nên khó khăn hơn nữa.

Trong luận án này, chúng tôi sử dụng định nghĩa của D. Matsumoto về văn hoá theo quan điểm tâm lý học [92]. D. Matsumoto là nhà nghiên cứu hàng đầu trong lĩnh vực tâm lý học văn hoá, và định nghĩa của Matsumoto về văn hoá rất hữu dụng trong việc nghiên cứu sự tác động của văn hoá tới các quá trình tâm lý của con người.

Văn hoá là một hệ thống các quy tắc, gồm cả quy tắc rõ ràng và quy tắc ẩn, được các nhóm tạo nên nhằm đảm bảo sự tồn tại của mình. Văn hoá bao gồm thái độ, giá trị, niềm tin, chuẩn mực và hành vi, được chia sẻ bởi một nhóm người, nhưng từng đơn vị cụ thể thuộc nhóm đó lại tiếp nhận và nuôi dưỡng các quy tắc này theo những cách riêng. Văn hoá được truyền bá giữa các thế hệ. Văn hoá tồn tại tương đối ổn định nhưng có thể thay đổi theo thời gian.

Định nghĩa trên bao quát được rất nhiều đặc tính quan trọng của văn hoá cần thiết cho nghiên cứu tâm lý học, nhưng quan trọng nhất là định nghĩa này có thể được áp dụng cho nhiều cấp độ phân tích. Văn hoá luôn tồn tại theo nhóm, bất kể đó là một cộng đồng với các nhóm xã hội thành phần, hay là một nhóm nhỏ với các cá nhân thành phần. Mỗi đơn vị thành phần này tiếp nhận văn hoá với các mức độ khác nhau, thống nhất đến một mức độ đủ để văn hoá đảm bảo tính ổn định của nó qua thời gian, nhưng khác biệt đủ để tạo nên tâm lý đặc trưng của mỗi cá nhân hay mỗi nhóm.

Văn hoá là một khái niệm trừu tượng, là cái vô hình. Vậy thì thông qua cơ chế nào mà văn hoá tác động tới tâm lý của con người? Định nghĩa của Matsumoto khẳng định rõ ràng văn hoá là một hệ thống các quy tắc được học hỏi qua thời gian. Trẻ sơ sinh không có văn hoá, mặc dù chúng có những đặc điểm sinh học và khí chất cho phép chúng thiên về tiếp thu một xu hướng văn hoá nào đó. Trẻ tiếp nhận văn hoá trong quá trình xã hội hoá của mình, thông qua học hỏi các lối suy nghĩ được cho là phù hợp, các quy tắc hành xử cần phải tuân theo, và các giá trị cần được tôn trọng. Những thông tin này phản ánh hệ thống quy tắc của nền văn hoá bao bọc môi trường sống của trẻ.

Định nghĩa của Matsumoto đồng thời cũng chỉ ra rằng văn hoá được mỗi cá nhân lĩnh hội theo những cách khác nhau, khiến cho nó không bao giờ là tuyệt đối và không bất biến. Quá trình tiếp nhận văn hoá là quá trình hai chiều, có học hỏi và có phản hồi, trong đó cá nhân học các quy tắc văn hoá, thực hành chúng trong đời sống hàng ngày, tiếp nhận phản hồi và điều chỉnh hệ quy tắc văn hoá của riêng mình cho phù hợp. Văn hoá hình thành nên cá nhân, nhưng việc cá nhân tự điều chỉnh hệ văn hoá của mình cho phù hợp với thực tế đời sống, khi đến một mức độ nhất định, có thể tạo ra những thay đổi trong nền văn hoá.

2.2.2. Tiếp biến văn hoá

Quá trình cá nhân học tập và lĩnh hội văn hoá trong một nền văn hoá ổn định, đơn sắc được gọi là quá trình tiếp nhận văn hoá. Nhưng trong một xã hội đa dạng văn hoá như xã hội hiện đại, khi mà sự giao thoa văn hoá trở thành xu thế tất yếu, thì ở mỗi cá nhân còn đồng thời xảy ra quá trình tiếp biến văn hoá.

Theo J.W. Berry, một trong những nhà nghiên cứu tiên phong trong lĩnh vực tiếp biến văn hoá, tiếp biến văn hoá được định nghĩa là “quá trình thay đổi tâm lý diễn ra khi hai hay nhiều nhóm văn hoá hoặc các thành viên của các nhóm đó tiếp xúc với nhau. Ở cấp độ cá nhân, tiếp biến văn hoá tạo ra thay đổi trong hành vi của cá nhân đó” [65, tr.608-609].

Nói cách khác, tiếp biến văn hoá là quá trình cá nhân thích ứng với một nền văn hoá khác với nền văn hoá mà anh ta đã tiếp nhận trước đó. Kết quả của quá trình thích ứng này là cá nhân hình thành lối tư duy, hệ giá trị, hay đơn giản là hành vi, giống với các thành viên của nền văn hoá đó [38].

Berry chỉ ra 4 kiểu tiếp biến văn hoá có thể xảy ra [62]. Kiểu thứ nhất, *đồng hoá*, xảy ra khi cá nhân muốn hoà nhập hoàn toàn vào nền văn hoá mới (văn hoá đích) nhưng không muốn giữ những bản sắc văn hoá cũ đã học tập trước đó (văn hoá gốc). Trong quá trình đồng hoá, cá nhân từ bỏ những quy tắc văn hoá của nền văn hoá gốc và thay thế bằng những quy tắc của nền văn hoá đích. Kiểu thứ hai, *dung hoà*, xảy ra khi cá nhân vừa muốn lưu giữ một phần bản sắc văn hoá gốc lại vừa muốn hoà nhập vào văn hoá đích. Với lựa chọn này, cá nhân học tập một số

quy tắc văn hoá mới trong khi vẫn tiếp tục duy trì một số quy tắc văn hoá gốc. Kiểu thứ ba, *bảo thủ*, xảy ra khi cá nhân không muốn hoà nhập vào văn hoá đích mà chỉ ưu tiên bảo tồn các giá trị văn hoá gốc. Trong trường hợp này, cá nhân từ chối tiếp nhận các quy tắc văn hoá mới và vẫn duy trì các quy tắc văn hoá gốc vốn có. Kiểu thứ tư, *xa lánh*, xảy ra khi cá nhân vừa không muốn tiếp nhận văn hoá mới lại vừa từ chối văn hoá gốc. Trường hợp này thường xảy ra khi cá nhân gặp nhiều bối rối và áp lực trong quá trình tiếp biến văn hoá. Cá nhân cảm thấy mình bị gạt ra ngoài lề, không phù hợp và không thể duy trì tiếp xúc với cả văn hoá gốc và văn hoá đích. Cá nhân theo kiểu tiếp biến xa lánh thường hành xử theo cách riêng, không tuân theo chuẩn mực văn hoá nào.

Trong các kiểu tiếp biến văn hoá trên, không có kiểu nào được coi là tối ưu. Hiệu quả của việc tiếp biến văn hoá trước hết phụ thuộc vào mỗi cá nhân, sau là phụ thuộc vào bối cảnh chính trị - xã hội của quá trình tiếp biến văn hoá. Có những xã hội chỉ cổ xúy đồng hoá, buộc những thành viên mới phải tuân thủ các quy tắc văn hoá vốn có thì mới có thể hoà nhập vào xã hội đó. Lại có những xã hội ủng hộ dung hoà, cho phép nhiều văn hoá khác nhau cùng tồn tại trong xã hội đó, và theo đó là tạo cơ hội cho những con người đa văn hoá.

Chính vì vậy mà những hệ quả của quá trình tiếp biến văn hoá đến tâm lý cá nhân cũng rất đa dạng. Trong rất nhiều trường hợp, tiếp biến văn hoá diễn ra thuận lợi, không để lại những hệ quả tâm lý tiêu cực cho cá nhân. Tuy nhiên, cũng không hiếm người gặp khó khăn trong quá trình tiếp biến văn hoá. Sốc văn hoá là hiện tượng thường thấy khi cá nhân phải tiếp xúc với một nền văn hoá mới, nhất là khi nền văn hoá đích khác biệt nhiều so với văn hoá gốc [20]. Sốc văn hoá nếu được giải quyết tốt thì sẽ dẫn tới thích nghi và chỉ để lại những áp lực tâm lý tạm thời, nhưng nếu không được giải quyết có thể dẫn tới tình trạng bệnh lý. Theo tổng kết của Stefaneko, có ba hướng tiếp cận chính về tiếp biến văn hoá, trong đó có một hướng đáng chú ý là coi tiếp biến văn hoá là một quá trình đầy áp lực và dễ xảy ra xung đột [38].

Trong luận án này, chúng tôi không hoàn toàn đồng tình với cách nhìn nhận trên về tiếp biến văn hoá. Tiếp biến văn hoá không phải lúc nào cũng là một trải nghiệm chất chứa cảm xúc tiêu cực. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng trong quá trình tiếp biến văn hoá với một nền văn hoá mới, cá nhân bao giờ cũng nhận thức được sự khác biệt giữa nền văn hoá mới (văn hoá đích) và nền văn hoá gốc của mình. Không có hai nền văn hoá nào là hoàn toàn tương đồng; và khác biệt văn hoá dù ít hay nhiều luôn tồn tại. Việc cá nhân ý thức được độ chênh giữa các hệ quy tắc văn hoá này là tiền đề để nảy sinh xung đột nội tâm trong quá trình tiếp biến văn hoá. Xung đột nội tâm này có thể được giải quyết dễ dàng hay khó khăn, nhanh hay chậm, toàn diện hay một phần, tùy thuộc vào sự tác động của các yếu tố chủ quan và khách quan khác nhau đối với chủ thể.

2.2.3. *Cái tôi văn hoá*

Quan niệm cái tôi theo Từ điển thuật ngữ Tâm lý học do Vũ Dũng chủ biên, là “*hệ thống các quan niệm tương đối ổn định, ít nhiều được ý thức của cá nhân về chính bản thân, trên cơ sở đó cá nhân xây dựng các mối quan hệ với người khác và thái độ với bản thân*” [5, tr. 444]. Trong tâm lý học, cái tôi, hay quan niệm cái tôi, là trung tâm của các quá trình tâm lý cá nhân. Cái tôi chi phối từ nhận thức, cảm xúc đến hành động của con người, giúp chúng ta tồn tại như một chỉnh thể thống nhất và riêng biệt.

Văn hoá, thông qua hệ quy tắc và chuẩn mực của mình, giúp định hình quan niệm cái tôi. Thông qua cái tôi, văn hoá định hình suy nghĩ, thái độ, giá trị, niềm tin, hay hành vi của mỗi cá nhân.

Mỗi nền văn hoá hình thành nên những quan niệm cái tôi đặc trưng, mà có thể gọi là *cái tôi văn hoá*. Như đã phân tích ở trên, văn hoá được mỗi cá nhân tiếp nhận theo những cách riêng, nhưng ở một mức độ nhất định, vẫn có thể tìm ra một văn hoá chung cho một nhóm, một cộng đồng, và từ đó có thể xác định những đặc điểm đặc trưng cho cái tôi văn hoá ứng với văn hoá đó. Như vậy, cái tôi văn hoá phản ánh những nét đặc trưng của nền văn hoá; và sự phân loại cái tôi văn hoá phụ thuộc vào sự phân loại các nền văn hoá.

Trong tâm lý học văn hoá hiện nay, phân loại văn hoá theo chiều cạnh cộng đồng – cá nhân vẫn là chiều phân loại được sử dụng phổ biến nhất. Có rất nhiều định nghĩa về chiều cạnh này, trong đó văn hoá cá nhân và văn hoá cộng đồng thường được coi là hai cực của chiều cạnh, và định nghĩa của văn hoá này thường được đặt trong mối quan hệ so sánh với văn hoá còn lại. Ở đây, chúng tôi dựa trên thống kê của Oyserman, Coon và Kemmelmeier về 170 nghiên cứu về chiều cạnh cộng đồng – cá nhân để đưa ra định nghĩa và phân tích ảnh hưởng của các văn hoá này tới cái tôi văn hoá [98]. Văn hoá cá nhân thường được hiểu là nền văn hoá coi trọng những yếu tố “cá nhân”, như mục tiêu cá nhân, nét riêng biệt cá nhân, hay sự kiểm soát của cá nhân, và coi cái “xã hội” là thứ yếu. Thế giới quan này tác động tới nhiều quá trình tâm lý như: quan niệm cái tôi, hạnh phúc, tư duy và cách lý giải vấn đề, v.v. Riêng với quan niệm cái tôi, văn hoá cá nhân dẫn tới những đặc trưng của cái tôi cá nhân như sau: 1) Hình ảnh cái tôi cá nhân là hình ảnh cái tôi tích cực, việc tạo ra và duy trì một cái tôi tích cực là ưu tiên hàng đầu của mỗi cá nhân; 2) Cái tôi cá nhân luôn gắn với thành công cá nhân, tính độc đáo của cá nhân hay cảm xúc tích cực về bản thân; 3) Quan niệm cái tôi được định nghĩa dựa trên những đặc điểm chung chung, không phụ thuộc vào hoàn cảnh hay xã hội. Văn hoá cộng đồng thường được hiểu là nền văn hoá coi trọng tính xã hội của sự tồn tại của con người, hướng con người tới nhóm nội (nhóm mà mình là thành viên) và xa khỏi nhóm ngoại (nhóm mà mình không phải là thành viên). Văn hoá cộng đồng dẫn tới những đặc trưng của cái tôi cộng đồng như sau: 1) Tính thành viên là khía cạnh trung tâm của quan niệm cái tôi cộng đồng, tức là cái tôi được định nghĩa dựa trên việc cá nhân là thành viên của nhóm xã hội nào; 2) Cái tôi cộng đồng coi trọng những nét tính cách phản ánh sự hy sinh cho mục đích chung của nhóm và sự duy trì mối quan hệ hài hoà với những người gần gũi.

Như vậy, dựa trên sự phân chia văn hoá cá nhân – văn hoá cộng đồng, tồn tại cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng với những nét đặc trưng riêng biệt. Tuy nhiên, không tồn tại nền văn hoá nào chỉ mang tính cá nhân hay chỉ mang tính cộng đồng; cũng như hiếm khi tồn tại cá nhân nào chỉ có cái tôi văn hoá cá

nhân mà không có cái tôi văn hoá cộng đồng. Thống kê của Oyserman, Coon và Kimmelmeier về các nghiên cứu về văn hoá cá nhân – cộng đồng ở 50 quốc gia trên toàn thế giới cho thấy không có nền văn hoá của quốc gia nào lại chỉ đơn chiều, hoặc cá nhân, hoặc cộng đồng [98]. Tuy nhiên, các quốc gia khác biệt nhau ở chỗ văn hoá nào nổi trội hơn, tức là quốc gia đó thiên về văn hoá cá nhân hay thiên về văn hoá cộng đồng. Tương tự, sự song song tồn tại của hai cái tôi văn hoá cá nhân – cộng đồng cũng được nhiều tác giả chỉ ra, có chăng khác biệt giữa các cá nhân là ở chỗ cái tôi văn hoá nào nổi trội hơn [102].

Việt Nam đứng ở đâu trong chiều cạnh văn hoá này? Cái tôi văn hoá của người Việt Nam thiên về cái tôi văn hoá cá nhân hay cái tôi văn hoá cộng đồng? Rất nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đồng tình rằng văn hoá Việt Nam là nền văn hoá mang tính cộng đồng cao [31]. Tuy nhiên, cho đến nay mới có duy nhất nghiên cứu của C.F. Rosen (1997) so sánh trực tiếp giữa sinh viên Việt Nam và sinh Mỹ gốc Ăng-lô-xắc-xông sử dụng một thang đo quốc tế đã được kiểm chứng về tính cộng đồng – tính cá nhân [102]. Kết quả cho thấy sinh viên Việt Nam có điểm số tính cộng đồng cao hơn và điểm số tính cá nhân thấp hơn sinh viên Mỹ. Kết quả này tái khẳng định rằng so với văn hoá Mỹ, văn hoá Việt Nam thiên về tính cộng đồng, và ở người Việt Nam cái tôi văn hoá cộng đồng cũng nổi trội hơn cái tôi văn hoá cá nhân.

2.3. Xung đột văn hoá

Như đã phân tích ở chương 1, nghiên cứu về xung đột văn hoá được chia thành hai hướng chính. Hướng nghiên cứu thứ nhất coi xung đột văn hoá là một dạng xung đột giữa các hệ giá trị văn hoá mà cá nhân đã lĩnh hội được. Hướng nghiên cứu thứ hai coi xung đột văn hoá là một dạng xung đột giữa các cái tôi văn hoá đã hình thành trong mỗi cá nhân. Luận án này quan tâm tới hướng nghiên cứu thứ hai. Tức là, coi xung đột văn hoá là một dạng xung đột giữa các cái tôi văn hoá.

Hướng tiếp cận thứ hai được xây dựng dựa trên quan điểm của Baumeister về xung đột cái tôi. Có thể kể đến một số tên tuổi điển hình trong hướng tiếp cận này như Ward, Leong, Lin, Phinney, Devich-Navarro, v.v. Các nhà nghiên cứu này sử dụng những tên gọi như xung đột cái tôi, xung đột cái tôi văn hoá - dân tộc để ám

chỉ khái niệm xung đột văn hóa. Dựa trên khung lý thuyết của Baumeister về xung đột cái tôi, các nhà nghiên cứu sau này đã nghiên cứu sâu về xung đột cái tôi văn hóa như: các mặt biểu hiện, thang đo và các yếu tố ảnh hưởng tới xung đột cái tôi văn hóa, nhưng họ vẫn sử dụng định nghĩa của Baumeister về xung đột cái tôi để dùng cho nghiên cứu xung đột văn hóa. Baumeister định nghĩa: “Xung đột cái tôi là trạng thái mà chủ thể đồng thời gắn bó chặt chẽ với hai cái tôi riêng biệt và không tương thích với nhau.” [57, tr.408]

Có thể thấy nổi bật ở định nghĩa của Baumeister là việc khẳng định xung đột văn hoá nảy sinh dựa trên sự tồn tại của nhiều cái tôi khác biệt nhau, thậm chí trái ngược nhau, và các cái tôi này phải được chủ thể gắn bó một cách chặt chẽ.

Nếu xung đột cái tôi là vấn đề xảy ra khi một cá nhân có nhiều cái tôi khác biệt nhau, thì xung đột văn hóa là vấn đề xảy ra khi một cá nhân có nhiều cái tôi văn hóa khác biệt nhau. Những cái tôi văn hóa này định hướng hệ giá trị, mục tiêu sống, suy nghĩ, thái độ và hành vi của chủ thể theo những hướng khác nhau dựa trên những hệ quy tắc văn hóa khác nhau.

Như đã khẳng định ở trên, trong mỗi cá nhân đều có thể song song tồn tại nhiều cái tôi văn hoá, cụ thể là cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng, nhưng mức độ gắn bó với các cái tôi văn hoá này là khác nhau ở mỗi người. Ở những người gắn bó chặt chẽ với cả hai cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng, xung đột văn hoá có thể xảy ra do hai cái tôi văn hoá này trái ngược nhau về bản chất. Định nghĩa xung đột nội tâm cũng chỉ rằng hai xung lực tâm lý trái chiều phải có cường độ tương đương nhau thì mới làm nảy sinh xung đột nội tâm. Như vậy, xung đột văn hoá sẽ tồn tại ở những người gắn bó chặt chẽ với cả cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng, và sự gắn bó này với hai cái tôi này ở mức tương đương nhau.

Dựa trên khái niệm về xung đột nội tâm, cái tôi văn hoá, và biểu hiện tâm lý của xung đột văn hóa là nhận thức, cảm xúc và hành vi chúng ta có thể đưa ra định nghĩa về xung đột văn hoá được sử dụng trong luận án này như sau:

Xung đột văn hoá là sự mâu thuẫn có thể nhận biết được giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng cùng tồn tại trong một chủ thể, được thể hiện qua nhận thức, cảm xúc và hành vi của chủ thể.

Baumeister chỉ rõ ba thành phần của xung đột cái tôi văn hóa là nhận thức, cảm xúc, và hành vi [57]. Các quá trình nhận thức (bao gồm tri giác, phân tích tình hình và ra quyết định) là những quá trình quan trọng trong sự hình thành và phát triển cái tôi, và cũng đồng thời là nền tảng của xung đột cái tôi văn hóa. Ở người có xung đột văn hóa, khía cạnh nhận thức bao gồm tri nhận về những chiều cạnh đối lập nhau của các cái tôi. Đi cùng với nhận thức này là cảm giác bị giằng xé giữa các cái tôi khác nhau và hành vi nảy sinh nhằm giải quyết xung đột văn hóa.

2.4. Khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên

2.4.1. Khía cạnh tâm lý

Trong từ điển Tiếng Việt, khái niệm khía cạnh được xác định như sau: Khía cạnh là “phần hay mặt nhìn tách riêng ra khỏi những phần khác, mặt khác của sự vật, sự việc” [52, tr.481].

Tâm lý con người là vấn đề rất phong phú và phức tạp. Chúng ta có thể tìm hiểu nó một cách toàn diện, song cũng có thể tìm hiểu một số biểu hiện, một số mặt của nó. Khi chúng ta tìm hiểu một số mặt biểu hiện tâm lý con người chính là chúng ta đã nói tới khía cạnh tâm lý con người. Trong đề tài luận án khái niệm khía cạnh tâm lý được xác định như sau:

Khía cạnh tâm lý được xem là mặt biểu hiện của tâm lý con người.

2.4.2. Thanh niên

Đến nay ở nước ta chưa có một khái niệm thống nhất về thanh niên. Theo Từ điển Tiếng Việt: “Thanh niên là người còn trẻ, đang ở độ tuổi trưởng thành” [52, tr.913]. Khái niệm này rất chung chung, chưa đưa ra được giới hạn về tuổi của thanh niên cũng như chỉ ra các đặc trưng của tuổi thanh niên.

Trong các văn bản pháp lý của nước ta cũng chưa có sự thống nhất về độ tuổi của thanh niên. Trong Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2010 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2003 thì thanh niên gồm những người ở

độ tuổi từ 15 đến 30 tuổi [dẫn theo 6]. Trong Luật Thanh niên (2005) lại cho rằng, thanh niên là công dân đủ từ 16 đến 30 tuổi [dẫn theo 6]. Hai định nghĩa về thanh niên này chủ yếu đề cập đến độ tuổi của thanh niên, nhưng ngay cả việc xác định chính xác khoảng tuổi cũng không tương đồng. Có thể thấy việc xác định khái niệm thanh niên dựa theo độ tuổi là việc làm quan trọng nhưng chưa phải là tiêu chí duy nhất. Trong nghiên cứu tâm lý học nói riêng và nghiên cứu khoa học xã hội nói chung, sẽ là thiết thực hơn khi xác định thanh niên dựa trên đặc điểm thể chất và tinh thần của lứa tuổi này.

Từ điển Tâm lý học của Raymond J. Corsini định nghĩa: “Thanh niên là giai đoạn của nam hoặc nữ đã qua tuổi thiếu niên và phát triển ở mức độ cao về thể chất và tinh thần, hướng đến sự độc lập khỏi gia đình, hướng đến sự lựa chọn nghề nghiệp, đối tác giao tiếp thường xuyên trong không gian sống của mình” [71].

Từ điển Tâm lý học của D. Matsumoto định nghĩa: “Thanh niên là giai đoạn chuyển tiếp giữa thiếu niên và người lớn, với những thay đổi đặc trưng về thể chất, tâm lý, xã hội và văn hoá, bao gồm sự phát triển trưởng thành của cơ quan sinh dục và các đặc điểm sinh lý, sự hình thành các hành vi giới tính phù hợp với phong tục văn hoá, sự tích hợp giới tính vào quan niệm cái tôi, và sự thay đổi về vai trò xã hội” [95, tr. 18].

Các khái niệm trên đều hướng tới xác định những đặc điểm tâm – sinh lý nổi trội của lứa tuổi thanh niên. Trong luận án này, chúng tôi cho rằng với nghiên cứu xung đột văn hoá ở thanh niên, các đặc điểm tâm lý – xã hội của lứa tuổi thanh niên đóng vai trò quan trọng hơn các đặc điểm sinh lý. Nghiên cứu tâm lý học phát triển chỉ ra rằng đặc trưng tâm lý của lứa tuổi thanh niên là sự phát triển cao hơn hẳn về năng lực tâm lý, trong đó đặc biệt là năng lực trí tuệ. Thanh niên có khả năng nhận thức về các quá trình tư duy của bản thân, khiến cho họ có năng lực tự nhận thức, tự soi xét bản thân [107]. Do đó, quá trình phát triển cái tôi ở thanh niên là một trong những quá trình tâm lý quan trọng của lứa tuổi này. Việc không xác định được cái tôi của mình được Erikson xếp vào một trong những khủng hoảng nghiêm trọng của

lứa tuổi thanh niên. Ngoài ra, thanh niên còn có khả năng suy nghĩ theo nhiều chiều, nhìn nhận vấn đề từ nhiều góc cạnh khác nhau [107].

Hai năng lực tâm lý trên – năng lực tư duy đa chiều và năng lực tự nhận thức hướng tới hình thành cái tôi, cộng với sự ham thích muốn tìm hiểu cái mới, tính sáng tạo và tinh thần độc lập – là những đặc điểm tâm lý quan trọng giúp cho thanh niên dễ dàng tiếp cận với nhiều nền văn hóa, dễ dàng phát triển những cái tôi văn hóa đa dạng, từ đó nảy sinh xung đột văn hóa.

Dựa trên những đặc trưng tâm lý – xã hội này, chúng tôi xác định khái niệm thanh niên sử dụng trong luận án này như sau:

Thanh niên là giai đoạn phát triển chuyển tiếp từ thiếu niên sang người lớn, đặc trưng bởi những đặc điểm thể chất và tinh thần phát triển ở mức độ cao, trong đó nổi trội nhất là năng lực tư duy, khả năng tự nhận thức, tính độc lập sáng tạo và sự thay đổi về vai trò xã hội.

2.4.3. Xung đột văn hóa ở thanh niên

Dựa trên những khái niệm “xung đột văn hóa” và “thanh niên” ở trên có thể đưa ra khái niệm xung đột văn hóa ở thanh niên như sau:

Xung đột văn hoá ở thanh niên là sự mâu thuẫn có thể nhận biết được giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng cùng tồn tại trong mỗi thanh niên, được thể hiện qua nhận thức, cảm xúc và hành vi của thanh niên.

Khái niệm trên đã chỉ ra một số đặc trưng của xung đột văn hoá ở thanh niên như sau:

Thứ nhất, xung đột văn hoá được xem xét từ góc độ cá nhân. Xung đột văn hoá ở thanh niên là một dạng xung đột nội tâm. Cụ thể hơn, nó là một dạng xung đột cái tôi. Những cái tôi hình thành nên xung đột được chỉ rõ là cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng. Sự mâu thuẫn giữa những quan niệm cái tôi dẫn tới mâu thuẫn nhận thức, sự không rõ ràng về cảm xúc và tạo động lực nảy sinh hành vi giải quyết mâu thuẫn ở thanh niên.

Thứ hai, xung đột văn hoá ở thanh niên nảy sinh khi hai cái tôi văn hoá cùng song song tồn tại trong chủ thể và được chủ thể - thanh niên gắn bó chặt chẽ ở mức

độ tương đương nhau. Nói cách khác, xung đột văn hoá là một hệ quả của quá trình tiếp nhận văn hoá (nếu thanh niên sống trong môi trường đa dạng văn hoá) hoặc quá trình tiếp biến văn hoá (nếu thanh niên sống trong môi trường đơn văn hoá có sự du nhập của văn hoá ngoại lai). Chỉ khi thanh niên tiếp xúc nhiều với cả văn hoá cá nhân và văn hoá cộng đồng thì ở họ mới hình thành cái tôi văn hoá mạnh mẽ. Độ mạnh của hai cái tôi văn hoá phải tương đương thì mới có cơ sở xảy ra xung đột văn hoá.

Đây là một điều kiện ngặt nghèo, bởi cái tôi văn hoá phải gắn bó ở mức nào thì mới gọi là đủ mạnh để xảy ra xung đột văn hoá? Mặc dù không có tác giả nào định lượng rõ về độ mạnh của cái tôi văn hoá trong xung đột văn hoá, thực tế cho thấy các nghiên cứu về xung đột văn hoá nói riêng và những quá trình tâm lý liên quan đến tiếp biến văn hoá nói chung thường được thực hiện trên những người song văn hoá, những người có tiếp xúc lâu dài với cả hai nền văn hoá và gắn bó với cả hai nền văn hoá. Hiện tượng song văn hoá không phải là hiếm ở thanh niên Việt Nam. Thanh niên Việt Nam, đặc biệt là thanh niên ở những vùng đô thị, có điều kiện tiếp xúc với văn hoá ngoại lai từ rất sớm. Văn hoá ngoại lai tồn tại trong âm thực, ngôn ngữ, văn học, nghệ thuật, và trong chính những người nước ngoài đang sinh sống và học tập tại Việt Nam. Ngay từ nhỏ, trẻ em Việt Nam đã được học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, được tiếp xúc với các món ăn nước ngoài, được tham dự các lễ hội bắt nguồn từ nước ngoài (như Lễ Giáng sinh, Lễ Tình yêu, Lễ Phục sinh), được chơi đồ chơi ngoại nhập và được nghe kể các câu chuyện cổ tích nước ngoài, được xem phim nước ngoài sản xuất, được nghe nhạc nước ngoài, và được tiếp xúc với người nước ngoài (qua các trung tâm ngoại ngữ, trong đời sống hàng ngày hay qua các mối giao thiệp của bố mẹ). Văn hoá ngoại lai trở thành một phần tự nhiên trong cuộc sống của trẻ, và sau này là trong cuộc sống của thanh niên. Vì thế, những phong tục, tập quán, cách suy nghĩ, cách hành xử, và hệ giá trị của các nền văn hoá ngoại lai cũng ngấm dần vào thanh niên Việt Nam qua thời gian. Hơn nữa, thanh niên với sự nhanh nhạy và cởi mở vốn có của độ tuổi phát triển của mình càng dễ tiếp thu văn hoá ngoại lai cho phù hợp với những đòi hỏi của xã hội hiện đại. Vì vậy, có thể nói rằng thanh niên Việt Nam, đặc biệt là thanh niên đô thị,

trường thành trong một trường văn hoá đa dạng, trong đó không chỉ có văn hoá Việt Nam truyền thống mà còn có nhiều nền văn hoá ngoại lai cùng tồn tại. Đây là tiền đề quan trọng để hình thành những cái tôi văn hoá đa dạng ở thanh niên Việt Nam.

Những nghiên cứu về thanh niên Việt Nam hiện đại cho thấy thanh niên Việt Nam hiện nay có một hệ giá trị văn hoá rất đa dạng. Khảo sát của *Phạm Hồng Tung* về lối sống thanh niên cho thấy nhiều giá trị văn hoá truyền thống vẫn được thanh niên Việt Nam duy trì và phát huy, nhưng nhiều giá trị cũng đang giảm sút và được thay thế bằng các giá trị văn hoá cá nhân [48]. Theo tác giả *Đặng Cảnh Khanh*, các điều tra xã hội học cho thấy: ngoại trừ đức tính cần cù, chịu khó, ý chí phấn đấu rèn luyện là những giá trị văn hoá truyền thống của Việt Nam hiện vẫn được duy trì và có xu hướng tăng lên, còn lại hầu hết các giá trị khác được cho là đã giảm sút [26]. Các giá trị bị biến đổi mạnh nhất là lòng hiếu thảo (48% người được hỏi cho rằng giá trị này kém hơn trước), truyền thống tôn sư trọng đạo (66,6% cho rằng kém trước), tinh thần đoàn kết (40,5% cho rằng kém trước). Sự biến đổi giá trị này ở thành phố diễn ra mạnh mẽ hơn ở nông thôn. Tuy nhiên, không thể nói rằng thanh niên nông thôn không chịu ảnh hưởng ít nhiều của quá trình mở cửa văn hóa. Nghiên cứu của *Đỗ Ngọc Khanh* và đồng nghiệp cho thấy: trong quan hệ gia đình, dù thanh niên nông thôn vẫn coi trọng giá trị truyền thống và nề nếp gia đình, nhưng họ đã bắt đầu học các giá trị “phương Tây”, “hiện đại” như tự lập, bình đẳng nam nữ [28]. Thanh niên nông thôn ngày nay vẫn tôn trọng các giá trị truyền thống gia đình nhưng họ cho rằng không nhất thiết phải nghe theo mọi chỉ dẫn, sắp đặt của cha mẹ mới là người con có hiếu, mà quan trọng là phải cố gắng học tập, tự lo cho cuộc sống bản thân. Như vậy, hệ giá trị của thanh niên Việt Nam nói chung đang thay đổi, không chỉ đơn thuần là những giá trị văn hoá truyền thống, mà họ đang dần tiếp thu các giá trị văn hoá ngoại lai, đặc biệt là văn hoá cá nhân.

Thứ ba, xung đột văn hóa được thể hiện qua ba khía cạnh tâm lý là nhận thức, cảm xúc và hành vi của thanh niên.

Thứ tư, xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam có nhiều nét đặc trưng khác với xung đột văn hoá ở thanh niên các nước khác do bản chất của quá trình tiếp biến

văn hoá ở thanh niên Việt Nam. Đa số các nghiên cứu về xung đột văn hoá được thực hiện ở người nhập cư hay thanh niên dân tộc thiểu số. Người nhập cư hay người dân tộc thiểu số là nhóm người chiếm số ít trong xã hội, văn hóa gốc của họ cũng là văn hóa của thiểu số. Họ chịu áp lực phải tiếp biến văn hóa để hòa nhập với văn hóa của số đông. Ngược lại, thanh niên Việt Nam tiếp nhận các văn hóa ngoại lai du nhập vào Việt Nam ở tư thế chủ động. Họ không chịu sức ép bắt buộc phải tiếp biến để hòa nhập với số đông. Văn hóa Việt Nam truyền thống – văn hóa gốc – của họ mới là văn hóa số đông, còn văn hóa ngoại lai là văn hóa của thiểu số. Chính sự chủ động này cho phép họ lựa chọn tiếp biến văn hóa nào và tiếp biến ở mức độ nào. Do đó, bản chất của xung đột văn hóa và mức độ xung đột văn hóa của thanh niên Việt Nam cũng có thể khác biệt với thanh niên nhập cư hay thanh niên dân tộc thiểu số.

2.4.4. Khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên

Từ phân tích các khái niệm xung đột, xung đột văn hóa, xung đột văn hóa ở thanh niên và khía cạnh tâm lý chúng ta có thể xác định khái niệm khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên như sau:

Khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên là các mặt biểu hiện tâm lý của thanh niên, phản ánh mâu thuẫn có thể nhận biết được giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng cùng tồn tại trong mỗi thanh niên, được thể hiện qua nhận thức, cảm xúc và hành vi.

Từ khái niệm này cho thấy khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên là nhận thức, cảm xúc và hành vi của họ trong quá trình xung đột văn hóa. Thống kê các nghiên cứu về xung đột văn hoá ở chương 1 cho thấy nhiều cách phân loại các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá, nhưng tựu chung lại đều xoay quanh ba khía cạnh tâm lý là nhận thức – cảm xúc – hành vi. Baumeister đã kết hợp cả ba khía cạnh này trong lý thuyết của mình về xung đột văn hoá. Trong đề tài này, chúng tôi áp dụng lý thuyết của Baumeister để phân tích xung đột văn hoá ở thanh niên dựa trên cả ba khía cạnh tâm lý là nhận thức, cảm xúc và hành vi. Chúng tôi cho rằng ba khía cạnh tâm lý này thường gắn bó chặt chẽ với nhau, ảnh hưởng lẫn

nhau, vì thế không thể cần phải nghiên cứu đồng bộ của ba khía cạnh để có được cái nhìn đầy đủ và toàn diện hơn về xung đột văn hoá ở thanh niên.

2.4.5. Các mặt biểu hiện khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên

2.4.5.1. Khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá ở thanh niên

Khía cạnh nhận thức là khía cạnh quan trọng hàng đầu trong việc hình thành xung đột văn hoá ở thanh niên. Baumeister khẳng định rằng các quá trình nhận thức như tri giác, phân tích bản thân và ra quyết định về bản thân là những khía cạnh cơ bản của xung đột cái tôi [57]. Với xung đột văn hoá thì những quá trình nhận thức liên quan bao gồm tự nhận thức về cái tôi văn hoá và các quá trình nhận thức về mối quan hệ giữa bản thân mình với văn hoá gốc và văn hoá ngoại lai. Xung đột xảy ra khi chủ thể gặp khó khăn trong việc hài hòa giữa những nhu cầu khác nhau và những ràng buộc trái chiều xuất phát từ các nhóm văn hoá khác nhau. Ví dụ, thanh niên Việt Nam có thể gặp xung đột văn hoá trong quá trình tiếp biến văn hoá phương Tây do họ không thể tìm ra điểm chung giữa nhu cầu hành động theo kiểu Việt Nam và nhu cầu hành động theo kiểu Tây.

Hệ quả của xung đột văn hoá là cái tôi (hoặc nhận thức về cái tôi) mất đi tính thống nhất và sự rõ ràng. Chủ thể gặp khó khăn trong việc xác định mình là ai. Đồng thời, xung đột văn hoá cũng ảnh hưởng tới sự gắn bó với các nhóm văn hoá mà chủ thể vẫn theo đuổi. Chủ thể không rõ mình thuộc về nhóm văn hoá nào, mình đứng ở đâu giữa các nền văn hoá đa dạng. Festinger gọi sự khó chịu, sự bối rối do xung đột nhận thức gây ra là mâu thuẫn nhận thức. Mâu thuẫn nhận thức là trạng thái tâm lý xảy ra khi chủ thể có “hai hay nhiều nhận thức không tương thích nhau, dẫn tới trạng thái áp lực, không thoải mái. Áp lực này có tính động lực và cần được giải tỏa” [dẫn theo 70, tr.7]. Như vậy, Festinger khẳng định rằng khi xuất hiện những suy nghĩ trái với ý niệm đã có, hay nói cách khác là khi tồn tại những nhận thức đối lập nhau, thì sẽ xuất hiện sự mâu thuẫn nhận thức, và mâu thuẫn nhận thức sẽ gây ra áp lực tâm lý. Festinger còn nhấn mạnh rằng cường độ của áp lực tâm lý này phụ thuộc vào tính chất của nhận thức. Nhận thức đối lập nhau càng rõ rệt thì

mâu thuẫn nhận thức càng lớn và áp lực càng tăng. Cần nhớ rằng áp lực tâm lý này không phải là một trạng thái cảm xúc mà là một trạng thái của nhận thức.

Áp dụng khái niệm trên vào xem xét khía cạnh nhận thức của xung đột văn hóa ta thấy khi cá nhân tiếp xúc với các hệ giá trị mâu thuẫn nhau, cá nhân hình thành nên những cái tôi văn hóa mâu thuẫn với nhau, và chịu một áp lực tâm lý nảy sinh từ sự đối lập giữa các cái tôi này. Sự khác biệt giữa các cái tôi càng lớn thì áp lực tâm lý mà cá nhân phải chịu càng lớn.

Dựa trên những miêu tả định tính về khía cạnh nhận thức của xung đột văn hóa, các nhà nghiên cứu thực nghiệm đã xây dựng các mệnh đề đo khía cạnh này. Các mệnh đề này chính là những ví dụ tốt về cách người trong cuộc miêu tả khía cạnh nhận thức (cũng như các khía cạnh tâm lý khác) của xung đột văn hóa. Ward sử dụng một số từ ngữ để miêu tả khía cạnh này như [115]:

- Tôi không rõ mình là ai,
- Tôi gặp khó khăn khi hòa nhập với số đông do tôi đến từ nền văn hóa thiểu số,
- Tôi không nghĩ rằng những người cùng nhóm văn hóa với mình thực sự hiểu tôi là ai,
- Đôi lúc tôi không biết mình thuộc về nhóm nào,
- Tôi là kẻ ngoài cuộc với cả hai nhóm văn hóa,
- Đôi lúc tôi nghi ngờ cái tôi văn hóa của mình.

Những mệnh đề của Ward cho thấy sự khó khăn của chủ thể trong việc tự nhận thức. Họ không rõ mình là ai, mình thuộc về nhóm văn hóa nào. Chính sự phức tạp của cái tôi văn hóa của họ khiến cho họ cảm thấy người khác khó có thể hiểu rõ mình. Họ tự nghi ngờ về tính rõ ràng của cái tôi. Như vậy, có thể thấy khía cạnh nhận thức của xung đột văn hóa được thể hiện ở hai biểu hiện chính: một là nhận thức về sự tồn tại của các xung lực văn hóa trái chiều, và hai là khó khăn trong tự nhận thức về cái tôi.

Với thanh niên Việt Nam, khi tiếp cận với các nền văn hóa khác từ bên ngoài tới Việt Nam, trong nội tâm của chủ thể có thể xảy ra xung đột. Xung đột nảy sinh khi anh ta nhìn nhận hai nền văn hóa, hai hệ giá trị văn hóa là đối lập nhau, mâu

thuần với nhau. Sự xung đột về nhận thức được biểu hiện ở sự trăn trở của người thanh niên. Anh ta trăn trở, nếu mình tiếp nhận các giá trị của các nền văn hóa đó thì anh ta có còn là mình nữa không (mình còn là một người Việt Nam nữa không). Nếu mình không tiếp nhận chúng thì mình có phát triển, có hòa nhập với đời sống xã hội, mà trước hết là với thanh niên và người xung quanh, hay không?

Dựa trên bản chất của cái tôi, chúng tôi xác định 3 nội dung nhận thức của khía cạnh nhận thức của xung đột văn hóa như sau.

1) *Chủ thể nhận thức về xung đột giữa các cái tôi văn hóa khi tìm hiểu về nguồn gốc văn hóa của bản thân*

Cái tôi nói chung và cái tôi văn hóa nói riêng được cho là hoàn thiện (hay đạt đến độ chín) khi chủ thể hiểu rõ về nguồn gốc cái tôi của mình, từ đó xác định được những đặc điểm của cái tôi của bản thân và các vai trò xã hội của bản thân với tư cách là thành viên của các nhóm xã hội. Hiểu được nguồn gốc văn hóa của bản thân chính là xác định được mình là ai, mình đến từ nền văn hóa nào và mình là thành viên của cộng đồng văn hóa nào.

Thông thường, nguồn gốc văn hóa của cá nhân được cá nhân tự xác định dựa trên nền tảng văn hóa của gia đình và cộng đồng gần gũi mà cá nhân đó sinh sống. Tuy nhiên, ở những người phải trải nghiệm xung đột văn hóa, việc xác định nguồn gốc văn hóa của bản thân trở nên khó khăn do họ sống trong môi trường đa văn hóa và chấp nhận nhiều hệ giá trị văn hóa. Ví dụ, với người nhập cư, văn hóa gia đình và văn hóa cộng đồng có thể là hai văn hóa khác hẳn nhau. Do vậy, nhận thức về nguồn gốc văn hóa của bản thân không còn là quá trình nhận thức mặc định, mà là quá trình tự suy ngẫm nghiêm túc về cái tôi và nền tảng văn hóa của bản thân.

Năm 1990, khi Liên Xô tan rã, người dân Xô viết đứng trước thách thức lớn về tâm lý. Liên Xô không chỉ là biểu tượng cho một hệ thống chính trị mới mà nó còn là một nền văn hóa, một phong cách sống. Sự suy thoái của nền văn hóa này khiến cho người dân Xô viết mất đi một điểm tựa tâm lý. Họ đứng trước đòi hỏi phải thay đổi, phải học tập văn hóa phương Tây – văn hóa của kẻ chiến thắng – để thích ứng với một xã hội đang chuyển giao. Miêu tả trạng thái tâm lý của người dân

Liên Xô lúc bấy giờ, nhà tâm lý học người Nga T. G. Stefanenko viết: “Nhưng thời gian đã thay đổi. Không còn cường quốc Liên bang Xô viết vĩ đại, Đảng hùng mạnh, đoàn thanh niên vinh quang. Con người mặt đối mặt với cuộc sống không dễ dàng và không biết mình là ai, không biết định hướng theo giá trị nào” [38, tr.27]. Có thể thấy rằng, sự đối lập giữa văn hóa Liên Xô – và văn hóa phương Tây đã khiến người dân Liên Xô gặp khó khăn trong việc xác định cho mình một cái tôi rõ ràng. Người dân Nga bối rối, mâu thuẫn khi quay về cội nguồn văn hóa của mình.

Một dẫn chứng khác mà Stefanenko đưa ra là khi tác giả phân tích về những người nhập cư – những người đang sống giữa văn hóa truyền thống của mình và văn hóa của nước sở tại nơi họ sống. Tác giả đã phân tích xung đột văn hóa ở những đứa trẻ nhập cư được sinh ra trên đất Mỹ (như đã nêu trong phần tổng quan). Sự xung đột văn hóa ở những đứa trẻ này thể hiện khi chúng bối rối trả lời cho câu hỏi: Mình là một người châu Á (chẳng hạn Trung Quốc hay Việt Nam) hay mình là một người Mỹ? Đây chính là sự xung đột giữa các cái tôi văn hóa ở đứa trẻ: Đó là cái tôi văn hóa mà bố mẹ nó mang theo và hàng ngày đang cố gắng truyền đạt cho nó trong cuộc sống gia đình (cái tôi văn hóa châu Á) với cái tôi văn hóa hiện tại mà nó đang sống hàng ngày – cái tôi của một người Mỹ?

2) Chủ thể nhận thức về xung đột giữa các cái tôi văn hóa khi đánh giá tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi văn hóa của bản thân

Một đặc điểm khác của cái tôi văn hóa là tính thống nhất giữa bản chất của cái tôi với các biểu hiện của cái tôi trong cuộc sống hàng ngày. Cái tôi được biểu hiện qua hệ giá trị văn hóa và qua hành vi. Hệ giá trị văn hóa phản ánh những giá trị cá nhân coi trọng, những gì làm nên bản sắc của cá nhân đó. Hành vi phản ánh những tương tác giữa cá nhân với môi trường sống. Một người có cái tôi rõ ràng sẽ có một hệ giá trị thống nhất (trong đó các giá trị không xung đột nhau), và có hành xử thống nhất với những giá trị mà họ coi trọng. Một người xung đột về cái tôi sẽ nhận thức được sự thiếu thống nhất trong hệ giá trị của bản thân, và trong cách thức ứng xử để phản ánh hệ giá trị đó.

Với chủ thể xung đột về cái tôi văn hóa, việc họ tiếp nhận nhiều giá trị văn hóa trái ngược nhau rất dễ tạo ra sự không thống nhất trong hệ giá trị văn hóa. Một khi hệ giá trị văn hóa không thống nhất thì cũng sẽ không có cơ sở rõ ràng để định hướng hành vi, dẫn tới các hành vi không thống nhất.

Khi nói về vấn đề này, nhà xã hội học người Maroc là Abdallah Laraoui đã phân tích rất hay về nhận thức cái tôi trong xung đột văn hóa của người Ả rập, về xung đột trong hệ giá trị của người Ả rập ngày nay [dẫn theo 16]. Khi người Ả rập tiếp xúc với các nền văn hóa phương Tây, sự xung đột văn hóa được thể hiện qua mâu thuẫn nội tâm của họ, mà trước hết đó là mâu thuẫn giữa cái tôi văn hóa truyền thống với cái tôi văn hóa phương Tây. Hàng nửa thế kỷ khi mà người Ả rập đi tìm và tiếp nhận các giá trị của văn hóa phương Tây (thể hiện rõ nhất trong kiến trúc đô thị, lối sống) khi ngoảnh lại người Ả rập ngỡ ngàng đến lo ngại về hệ giá trị hiện tại của mình, về hành vi ứng xử của mình.

Sự giằng xé giữa những ràng buộc văn hóa trái chiều nhau được Mary Antin, một người Do thái gốc Nga nhập cư vào Mỹ ở những năm đầu thế kỷ 20 miêu tả như sau: “Mọi thứ đều gây ấn tượng trong trí óc tôi, và đều được liên hệ hai lần, bởi tôi luôn nhìn nhận thế giới mới này trong sự so sánh với cái cũ, và nhìn nhận lại cái cũ dựa trên cái mới để tìm được lời giải thích rõ ràng... Thật đau lòng khi ta ý thức về cả hai thế giới” [56, tr.3]. Trải nghiệm của Antin cho thấy sự phức tạp trong thế giới nội tâm của những người đa văn hóa, khi mà quá trình học hỏi văn hóa mới của họ luôn bị cản trở những kiến thức đã có từ văn hóa gốc. Việc có hai cái tôi văn hóa cùng dẫn dắt hành vi chắc hẳn đã khiến bà gặp nhiều khó khăn trong việc đưa ra quyết định trong đời sống hằng ngày, cũng như trong việc nhận thức rõ ràng về bản thân, khiến bà phải dùng từ “đau lòng” để miêu tả trạng thái xung đột văn hóa này.

3) *Chủ thể nhận thức về xung đột giữa các cái tôi văn hóa khi tương tác với các nhóm văn hóa*

Sự khác biệt được thể hiện rõ rệt nhất khi đặt trong quan hệ so sánh. Với người xung đột văn hóa, sự mâu thuẫn giữa các cái tôi văn hóa đa dạng của họ được thể hiện rõ nét nhất khi họ so sánh mình với những người chỉ theo một văn hóa (hay

chính là đại diện của một nhóm văn hóa cụ thể). Quá trình tương tác này sẽ làm rõ những khác biệt giữa một bên đa văn hóa, đa giá trị và bối rối trước sự đa giá trị đó, và một bên đơn văn hóa, đơn giá trị và vững vàng với những giá trị rõ ràng của mình. Chính vì thế, một đặc điểm của khía cạnh nhận thức của xung đột văn hóa chính là nhận thức về xung đột giữa các cái tôi văn hóa trong quá trình tương tác với các nhóm văn hóa.

Ví dụ dễ hiểu nhất là xem xét những tương tác văn hóa của một người Trung Quốc nhập cư ở Mỹ. Văn hóa Mỹ và văn hóa Trung Quốc có nhiều điểm khác biệt, nên người nhập cư này vừa mang trong mình hệ giá trị Trung Quốc lại vừa mang trong mình hệ giá trị Mỹ, và hai hệ giá trị này đặt anh ta vào tình huống xung đột văn hóa. Khi tiếp xúc với một người Mỹ chính gốc hay một người Trung Quốc chính gốc, anh ta có điều kiện để nhận thức rõ về bản thân và sự xung đột cái tôi văn hóa của bản thân. Anh ta khác biệt với một người Mỹ chính gốc vì anh ta đồng thuận với những giá trị của văn hóa Trung Quốc. Anh ta khác biệt với một người Trung Quốc chính gốc vì anh ta đồng thuận với những giá trị của văn hóa Mỹ. Trong khi một người Mỹ hay một người Trung Quốc chính gốc dễ dàng quyết định được cách suy nghĩ hay ứng xử của bản thân dựa trên những chuẩn mực đơn văn hóa của mình, thì người nhập cư gặp nhiều khó khăn hơn vì hệ chuẩn mực đa văn hóa của anh ta.

2.4.5.2. Khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa ở thanh niên

Rất nhiều nhà nghiên cứu đồng tình rằng xung đột văn hóa mang đến cảm xúc tiêu cực cho chủ thể. Tác giả Inman còn đưa khía cạnh này vào trong định nghĩa về xung đột văn hóa để nhấn mạnh tầm quan trọng của khía cạnh tâm lý này. Trong thang đo của mình, Inman sử dụng nhiều từ để miêu tả các cảm xúc tiêu cực này, như “lo lắng”, “cảm thấy có lỗi”, “không thoải mái”, “áp lực”, “bực tức”, “phiền muộn” [84]. Có thể thấy, các cảm xúc tiêu cực rất đa dạng, từ cảm xúc cường độ thấp (như cảm thấy không thoải mái) đến cảm xúc cường độ cao (như bực tức, áp lực, phiền muộn), cùng với nhiều sắc thái cảm xúc đa dạng.

Baumeister lại cho rằng xung đột văn hóa có một cảm xúc đặc trưng. Ban đầu, ông cho rằng xung đột văn hóa mang lại “sự tê liệt cảm xúc” cho chủ thể [57]. Tê liệt không có nghĩa là không có cảm xúc gì, mà là sự dửng dăng về cảm xúc, không biết nên cảm thấy như thế nào bởi có nhiều cảm xúc trái ngược nhau. Ông dẫn ra ví dụ về cảm xúc của người Isarel Arập được miêu tả bởi Peres và Yuval-Davis. Khi đối mặt với xung đột văn hóa, những người này cảm thấy mình không phải người Isarel thật sự, cũng chẳng phải người Arập chính gốc. Khi cuộc chiến giữa Isarel và Arập diễn ra năm 1967, họ có cảm giác rõ ràng về việc ủng hộ cuộc chiến, mặc dù chiến tranh có thể mang lại thiệt hại cho nhiều người. Peres và Yuval-Davis cho rằng cảm xúc rõ ràng này có thể bắt nguồn từ nhu cầu phải chọn lựa theo phe nào, và đồng thời phải phản bội lại một phần cái tôi của mình. Tuy nhiên, cảm xúc rõ ràng này lại chưa đủ mạnh để buộc cá nhân hành động, do hai tác giả quan sát thấy sự dửng dăng, trì hoãn phải chọn phe càng lâu càng tốt ở nhóm người này. Baumeister gọi đây là trạng thái “tê liệt cảm xúc”, khi cảm xúc chưa đủ mạnh để hành động, nhưng cũng không phải là quá yếu để khiến chủ thể không hành động.

Sau này, Baumeister thay đổi cách nhìn về khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa khi cho rằng cảm xúc đặc trưng trong xung đột văn hóa phải là cảm xúc “bị giằng xé” [57]. Theo đó, xung đột văn hóa khiến chủ thể cảm thấy mình ở trong một tình thế bất khả thi, không thể giải quyết được. Sự bất khả thi này không hoàn toàn xuất phát từ hoàn cảnh xảy ra tình huống, mà quan trọng hơn là nó xuất phát từ những ràng buộc văn hóa chặt chẽ của chủ thể, khiến anh ta cảm thấy không biết phải lựa chọn hành động theo văn hóa nào. Anh ta cảm thấy mình không thể hành động mà không phản bội lại chính mình theo cách này hay cách khác, vì chọn văn hóa nào cũng là phản bội cái tôi văn hóa còn lại.

Thực chất, quan điểm mới của Baumeister hợp lý hơn quan điểm cũ bởi xung đột văn hóa không dẫn tới trạng thái không cảm xúc mà nó dẫn tới một cảm xúc phức tạp hơn, là tổng hòa của những cảm xúc như bối rối, mắc kẹt, v.v. Đồng tình với quan điểm mới này, Benet-Martinez cũng cho rằng xung đột văn hóa được đặc trưng bởi cảm xúc “bị giằng xé” [59]. Trong nghiên cứu định tính của mình, bà trích

dẫn ý kiến của hai thanh niên người Mỹ gốc thiểu số (một là người Mỹ gốc Án, một là người Mỹ gốc Hoa) về xung đột văn hóa.

“Song văn hóa là một trải nghiệm vừa đặc biệt, vừa gây bối rối với tôi. Đặc biệt vì nó là một phần cái tôi của tôi: Tôi thích văn hóa Ấn Độ của mình, nó vừa giàu về truyền thống, đạo đức lại vừa đẹp. Bối rối vì tôi thường gặp những tình huống mà không thể hành động phù hợp với cả hai văn hóa. Hai nền văn hóa của tôi có những cách nhìn rất khác nhau về nhiều vấn đề như hẹn hò và hôn nhân. Tôi cảm thấy mình phải chọn một trong hai.” (Thanh niên người Mỹ gốc Án, 19 tuổi)

“Đối với tôi, song văn hóa là một ẩn số: tôi là cả hai văn hóa, và cùng lúc, lại chả là văn hóa nào.” (Thanh niên người Mỹ gốc Hoa, 19 tuổi)

Dựa trên những miêu tả định tính này, Benet-Martinez và Haritos đã khái quát trải nghiệm cảm xúc về xung đột văn hóa qua những mệnh đề như sau:

- Tôi cảm thấy xung đột trong cách hành xử của hai nền văn hóa của mình
- Tôi cảm thấy mình như người đi đi lại lại giữa hai nền văn hóa
- Tôi cảm thấy mắc kẹt giữa hai nền văn hóa

Sau này, trong bản sửa đổi của thang đo xung đột văn hóa [82], Benet-Martinez bổ sung thêm một số mệnh đề khác để miêu tả trạng thái cảm xúc “bị giằng xé” như:

- Tôi cảm thấy bị giằng xé giữa hai nền văn hóa
- Tôi cảm thấy hai nền văn hóa của mình không tương thích nhau
- Là người song văn hóa đồng nghĩa với việc tôi bị hai lực văn hóa tác động

lên cùng lúc

Miêu tả của Benet-Martinez cho thấy sự khó khăn trong điều chỉnh cảm xúc nhằm tìm ra một cảm xúc rõ ràng, một hướng đi cụ thể cho bản thân khi chủ thể phải đối mặt với xung đột văn hóa. Các item trên đồng thời cũng giúp chúng ta hiểu rõ hơn về cảm xúc “bị giằng xé”. “Bị giằng xé” không phải là khi cá nhân phải đối mặt với nhiều cảm xúc trái chiều, mà là khi cá nhân phải đối mặt với nhiều nhận thức trái chiều, gây ra cảm giác xung đột và mắc kẹt.

Trong thang đo về xung đột cái tôi văn hóa, Ward, Stuart và Kus đã hiện thực hóa ý tưởng của Baumeister về khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa [115]. Mặc dù các cảm xúc họ liệt kê ra có phần đa dạng với Benet-Martinez, nhìn chung các cảm xúc này đều miêu tả trạng thái cảm giác xung đột và sự khó khăn của cá nhân. Có thể kể ra một số item như:

- Tôi cảm thấy xung đột về cái tôi của mình
- Tôi không rõ về hệ giá trị và niềm tin của mình
- Tôi cảm thấy cái tôi của mình không rõ ràng
- Tôi thấy bối rối khi gia đình và xã hội đặt ra cho tôi những yêu cầu trái ngược nhau
- Tôi không tự tin khi chuyển từ văn hóa này sang văn hóa khác.

Từ các mệnh đề trên, có thể thấy khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa cũng bao gồm những nội dung tương đồng với khía cạnh nhận thức. Cảm xúc bị giằng xé xảy ra khi chủ thể tự vấn về nguồn gốc cái tôi của bản thân và chỗ đứng của cái tôi văn hóa của mình. Cảm xúc bị giằng xé cũng diễn ra khi chủ thể đánh giá tính thống nhất trong hệ giá trị và niềm tin của bản thân. Và cuối cùng, cảm xúc bị giằng xé diễn ra khi chủ thể phải tương tác với các nhóm văn hóa khác.

2.4.5.3. *Khía cạnh hành vi của xung đột văn hóa ở thanh niên*

Văn hóa như phân tích ở trên là cái vô hình, là cái chúng ta không thấy được. Chúng ta chỉ thấy được những biểu hiện của văn hóa trong cuộc sống. Văn hóa được biểu hiện trước hết qua hành vi con người. Có thể nói, hành vi là khía cạnh tâm lý biểu hiện văn hóa rõ nét nhất. Với cách tiếp cận này, khía cạnh hành vi cũng là khía cạnh biểu hiện rõ nét nhất của xung đột văn hóa ở con người nói chung và ở thanh niên nói riêng. Khi nghiên cứu về hành vi giải quyết xung đột văn hóa, không phải khung lý thuyết nào về xung đột văn hóa cũng đề cập đến khía cạnh hành vi. Tuy vậy, chúng tôi cho rằng cần thiết phải nghiên cứu hành vi trong xung đột văn hóa vì nó là hệ quả tất yếu của nhận thức và cảm xúc về xung đột văn hóa.

Những nghiên cứu về mâu thuẫn nhận thức chỉ ra rằng sự tồn tại những nhận thức trái chiều, tạo ra động lực cho cá nhân hành động để làm giảm mâu thuẫn nhận

thức. Dù các nhà nghiên cứu còn tranh cãi về động cơ đằng sau nhu cầu hành động này, thì họ đều đồng tình rằng mâu thuẫn càng lớn thì nhu cầu hành động để làm giảm mâu thuẫn càng cao. Harmon-Jones và Harmon-Jones thậm chí còn đề xuất rằng mâu thuẫn nhận thức cản trở hành động, mà con người thì luôn hướng tới hành động một cách hiệu quả nhất, nên mâu thuẫn nhận thức cần được giải quyết [78]. Từ đó, có thể thấy mối liên hệ chặt chẽ giữa nhận thức và hành vi trong xung đột. Hơn nữa, mục tiêu cuối cùng của nghiên cứu xung đột là tìm ra hành vi hiệu quả để giải quyết xung đột nhằm khôi phục trạng thái cân bằng tâm lý cho con người. Do đó, chúng ta không thể bỏ qua khía cạnh hành vi của xung đột văn hóa.

Bàn về khía cạnh này, Baumeister cho rằng xung đột văn hóa thực chất là sự dư thừa những cam kết về cái tôi văn hóa, nên những hành vi do xung đột văn hóa mang lại thường xoay quanh việc loại bớt một kiểu hành vi gắn với một hệ giá trị văn hóa nào đó. Nói cách khác, chủ thể sẽ chọn một trong hai (hay nhiều) cái tôi văn hóa của mình để định hướng hành vi, thay vì mắc kẹt trong trạng thái xung đột giữa các cái tôi văn hóa [57]. Tuy nhiên, do cái tôi hàm ý một sự gắn bó, cam kết chặt chẽ với các giá trị văn hóa, nên quá trình loại bớt này sẽ không hề dễ dàng và nhanh chóng. Nó sẽ không mang lại những thay đổi mạnh mẽ và ngay lập tức, mà có thể là những hành vi khác như trì hoãn chọn lựa vì vẫn ở trong trạng thái bế tắc về nhận thức và cảm xúc, hay tìm kiếm những hình mẫu đã giải quyết thành công xung đột văn hóa để từ đó học tập cách giải quyết cho mình. Baumeister cũng không loại trừ những hành vi giải quyết xung đột trực diện hơn như tùy theo hoàn cảnh mà chọn lựa một trong hai cái tôi văn hóa vốn có để định hướng hành động.

Khi phân tích về khía cạnh hành vi của xung đột văn hóa, Baumeister đã chỉ ra rằng trong bối cảnh xung đột văn hóa (xung đột giữa các cái tôi văn hóa và giữa các giá trị văn hóa) chủ thể cố gắng đi tìm cho mình những hành vi để giải quyết xung đột. Baumeister đưa ra ba loại hành vi cơ bản mà chủ thể sử dụng để giải quyết xung đột: Hành vi lảng tránh; Hành vi tìm hình mẫu và Hành vi giải quyết xung đột trực tiếp [57].

1) *Hành vi lảng tránh trong giải quyết xung đột văn hóa*

Đây là hành vi mà chủ thể không muốn đối đầu với xung đột văn hóa. Anh ta đi tìm những cách thức như: Tạm gác xung đột sang một bên hay tránh tiếp xúc với những người có thể gọi lại những xung đột này. Đây là hành vi giải quyết xung đột văn hóa một cách không triệt để, mang tính đối phó.

2) Hành vi tìm hình mẫu để giải quyết xung đột văn hóa

Khác với hành vi lảng tránh, ở hành vi giải quyết xung đột văn hóa này chủ thể đi tìm những hình mẫu để có thể học hỏi kinh nghiệm, có thể giúp chủ thể giải quyết được xung đột văn hóa qua tham khảo ý kiến, kinh nghiệm của những người đã gặp những hoàn cảnh tương tự, đọc sách báo hay xem phim để tìm sự gợi ý về cách giải quyết xung đột.

Hành vi tìm hình mẫu phản ánh quá trình học tập xã hội vốn là đặc trưng cơ bản của tâm lý con người. Khi chúng ta gặp khó khăn, bối rối, việc tham khảo ý kiến của người khác là một việc làm gần như thường trực.

3) Hành vi giải quyết xung đột một cách trực tiếp

Một dạng hành vi giải quyết xung đột văn hóa khác là hành vi giải quyết vấn đề này một cách trực tiếp. Với xung đột văn hóa là xung đột về lựa chọn áp dụng chuẩn mực văn hóa nào vào định hướng hành vi, thì giải quyết xung đột một cách trực tiếp chính là chọn lựa một chuẩn mực văn hóa nào đó (trong số nhiều chuẩn mực văn hóa mà cá nhân đã lĩnh hội được) để áp dụng vào định hướng hành vi.

Có thể dẫn ra một ví dụ cho kiểu hành vi giải quyết xung đột văn hóa một cách trực diện như sau. Khi phân tích về hành vi giải quyết xung đột giữa văn hóa truyền thống và văn hóa phương Tây của người Arập Abdallah Laraoui đã chỉ ra hai dạng hành vi: hành vi đồng nhất với văn hóa phương Tây và hành vi bảo lưu văn hóa truyền thống, bài trừ văn hóa phương Tây [dẫn theo 15]. Tác giả cho rằng trong thế giới Arập, có không ít người đã tìm đến với sức thu hút và sự mê hoặc của phương Tây từ những giá trị nhân đạo, bình đẳng và bác ái được khởi nguồn từ tinh thần cách mạng Pháp, và cũng có không ít người đã đáp lại bằng cách bài bác quyết liệt thậm chí còn đi xa tới mức ghen ghét văn minh phương Tây với quỹ dữ, giải thích

sự xâu xa xã hội từ nguyên nhân về sự du nhập, truyền bá tư tưởng văn hóa và lối sống phương Tây.

Ví dụ trên chính là mô hình hành vi giải quyết xung đột văn hóa mà Baumeister đưa ra, trong đó thể hiện 2 cách thức giải quyết xung đột văn hóa trực tiếp là hành vi đồng nhất với văn hóa ngoại lai và hành vi bảo tồn văn hóa truyền thống. Về cách thức giải quyết trực diện xung đột văn hóa, Berry đưa ra mô hình đầy đủ hơn của Baumeister. Nếu như theo Baumeister, chỉ có 2 cách hành động, thì theo Berry, có tới 4 cách [63]. Hai cách đầu tiên, giống như Baumesiter, là chọn một trong hai cái tôi văn hóa. Cách thứ ba là kết hợp cả hai cái tôi văn hóa lại với nhau để cho ra một cách giải quyết riêng. Và cách thứ tư là không chọn cái tôi văn hóa nào cả, hay xa lánh cả hai cái tôi văn hóa. Bốn cách hành động này được đưa ra dựa trên hai câu hỏi về tiếp biến văn hóa của Berry. Câu hỏi thứ nhất là “Có cần thiết phải giữ gìn văn hóa gốc hay không?”. Câu hỏi thứ hai là “Có cần thiết phải theo văn hóa mới hay không?”. Hai câu hỏi này là tiền đề xây dựng mô hình về thái độ tiếp biến văn hóa, nhưng sau đó được Berry áp dụng rộng ra cho cả hành vi tiếp biến văn hóa [65].

Chúng tôi kết hợp cả hai lý thuyết của Baumeister và Berry để đưa ra các biểu hiện của khía cạnh hành vi của xung đột văn hóa. Theo đó, chủ thể của xung đột văn hóa có thể có ba kiểu hành vi: 1) Hành vi lảng tránh, trì hoãn giải quyết xung đột; 2) Hành vi học hỏi những hình mẫu đã giải quyết thành công xung đột văn hóa, và 3) Hành vi giải quyết trực diện xung đột văn hóa. Ở cách giải quyết trực diện, chủ thể có thể chọn văn hóa truyền thống, chọn văn hóa ngoại lai, kết hợp cả hai văn hóa, hoặc xa rời cả hai văn hóa để làm giảm bớt xung đột.

2.5. Các yếu tố ảnh hưởng đến khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên

Xung đột văn hóa là một vấn đề rộng lớn, phức tạp. Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hóa nói chung và các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa nói riêng. Trong khuôn khổ cả luận án, chúng tôi chỉ đề cập đến một số yếu tố

mà chúng tôi cho là có ảnh hưởng nhiều hơn đến các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở nước ta hiện nay.

2.5.1. Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan

Các yếu tố chủ quan có ảnh hưởng nhiều đến các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên. Xung đột văn hóa trước hết là sự xung đột tồn tại nội tại trong mỗi cá nhân thanh niên. Các yếu tố chủ quan như là những động lực trực tiếp tác động đến nhận thức, cảm xúc và hành vi của thanh niên trong xung đột văn hóa. Sự ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan thể hiện như sau:

2.5.1.1. Ảnh hưởng của mức độ tiếp xúc với các nền văn hóa ở thanh niên

Mức độ tiếp xúc với các nền văn hóa là một yếu tố quan trọng quy định trình độ tiếp biến văn hóa. Cá nhân phải tiếp xúc và hiểu nhiều về một nền văn hóa thì mới có thể học hỏi các giá trị của nó và biến nó thành một phần của bản thân mình. Những câu hỏi như số năm sống tại một quốc gia, khả năng ngoại ngữ hay tần suất thực hiện các phong tục tập quán văn hóa đã trở thành một phần không thể thiếu trong các nghiên cứu về tiếp biến văn hóa. Những câu hỏi này chính là biểu hiện của mức độ tiếp xúc văn hóa. Đa số các nghiên cứu cho thấy tiếp xúc văn hóa càng nhiều thì tiếp biến văn hóa càng dễ dàng hơn [61].

Mức độ tiếp xúc văn hóa là yếu tố quan trọng chi phối sự hình thành và bản chất của cái tôi văn hóa ở mỗi cá nhân. Phải có tiếp xúc đa văn hóa thì mới có xung đột văn hóa. Thanh niên hiểu biết ít về các nền văn hóa mới (bên cạnh văn hóa truyền thống) thì việc tiếp nhận các giá trị mới cũng hạn chế và xung đột văn hóa có thể không xảy ra hoặc xảy ra ở mức độ thấp. Hiểu biết hạn chế về các nền văn hóa mới cũng dễ gây ra tình trạng bài xích văn hóa mới, cho rằng các văn hóa này là không phù hợp với môi trường sống của mình, từ đó không tạo nên cơ sở để hình thành xung đột văn hóa.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra tác động của mức độ tiếp xúc văn hóa tới xung đột văn hóa ở thanh niên nhập cư. Nghiên cứu của Leong và Ward và nghiên cứu của Lin đều cho thấy việc tương tác tốt với văn hóa đích sẽ giúp làm giảm xung đột [88, 89]. Tương tác tốt được hiểu là cả về thời lượng và chất lượng của tương tác đều

cao. Do đó, chúng tôi dự đoán quan hệ nghịch giữa mức độ tiếp xúc với các nền văn hóa (đặc biệt là văn hóa phương Tây) và mức độ xung đột văn hóa.

2.5.1.2. Ảnh hưởng của mức độ gắn bó với các nền văn hóa của thanh niên

Mức độ gắn bó với một nền văn hóa phản ánh cái tôi văn hóa tương ứng. Sự gắn bó văn hóa càng mạnh thì cái tôi văn hóa càng mạnh. Do đó, không thể nghiên cứu xung đột cái tôi văn hóa mà không đề cập tới mức độ gắn bó văn hóa. Ngay cả khi xung đột văn hóa được nghiên cứu dưới góc độ là xung đột giá trị thì mức độ gắn bó văn hóa vẫn được xem xét như một yếu tố ảnh hưởng tới xung đột [20]. Vì vậy, mức độ gắn bó với các nền văn hóa là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng tới xung đột văn hóa.

Các nghiên cứu cho thấy sự gắn bó văn hóa càng chặt chẽ thì mức độ xung đột càng cao [84, 88]. Nói cách khác, cái tôi văn hóa mạnh khiến cho cá nhân thấy mình cần tuân thủ những chuẩn mực của nền văn hóa đó. Những cái tôi văn hóa mạnh sẽ tạo ra những nhu cầu, động lực trái chiều nhau, đẩy cá nhân vào trạng thái xung đột. Tuy nhiên, một số nghiên cứu cũng chỉ ra rằng sự gắn bó với văn hóa gốc sẽ giúp làm giảm xung đột văn hóa [89, 114]. Có thể việc gắn bó chặt chẽ với văn hóa gốc đã tạo ra cho người nhập cư một điểm tựa văn hóa, giúp họ xác định được mình là ai, từ đó giúp họ dễ dàng hòa nhập văn hóa hơn. Do đó, chúng tôi dự đoán rằng mức độ gắn bó với văn hóa phương Tây của thanh niên Việt Nam sẽ tỉ lệ thuận với xung đột văn hóa, nhưng mức độ gắn bó với văn hóa Việt Nam sẽ tỉ lệ nghịch với xung đột văn hóa.

2.5.1.3. Ảnh hưởng của nhân cách của thanh niên

Nhân cách và cái tôi luôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Nhân cách cũng có thể ảnh hưởng tới ý nghĩa và tác động của các quá trình giải mã văn hóa [106]. Mà giải mã văn hóa là một bước quan trọng trong quá trình học hỏi và tiếp biến văn hóa. Do đó, nhân cách có thể tác động tới xung đột văn hóa.

Nghiên cứu của Benet-Martinez và Haritos chỉ ra rằng nhân tố nhiều tâm của nhân cách có quan hệ thuận với khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa, nghĩa là cá nhân có nhân cách nhiều tâm sẽ dễ gặp xung đột văn hóa về mặt cảm xúc hơn

[59]. Stuart và Ward thì tìm ra rằng kiểu gắn bó với cha mẹ (một đặc tính tâm lý hình thành từ khi bé thơ) ảnh hưởng tới mức độ xung đột văn hóa ở thanh niên [109]. Nguyên nhân hai tác giả này đưa ra là quá trình tiếp biến văn hóa là quá trình đòi hỏi cá nhân gắn bó với một nền văn hóa mới, thích nghi với các tình huống lạ. Kiểu gắn bó với cha mẹ sẽ tác động tới khả năng thích nghi của cá nhân với các tình huống mới, do đó ảnh hưởng tới khả năng thích ứng với nền văn hóa mới của cá nhân, đồng thời ảnh hưởng tới khả năng nảy sinh xung đột văn hóa. Vì kiểu gắn bó với cha mẹ có mối quan hệ chặt chẽ với nhân cách, trong đó một trong năm nhân tố của nhân cách (nhân tố cởi mở) trực tiếp phản ánh khả năng thích nghi với các tình huống lạ, nên chúng tôi cho rằng nhân cách – một hệ quả của quá trình phát triển tâm lý lâu dài của cá nhân – sẽ có tác động trực tiếp lên xung đột văn hóa hơn là kiểu gắn bó với cha mẹ - một đặc điểm tâm lý được hình thành từ khi cá nhân còn quá nhỏ.

Dựa trên nghiên cứu này, chúng tôi đưa ra giả thuyết rằng những nhân tố nhân cách âm tính (như nhân cách nhiều tâm) sẽ làm tăng xung đột văn hóa, còn những nhân tố nhân cách dương tính (như tính cởi mở, hướng ngoại, dễ chịu) sẽ làm giảm xung đột văn hóa.

2.5.2. Các yếu tố khách quan

Ngay từ nghiên cứu lý thuyết của Baumeister đã đề cao vai trò của các yếu tố khách quan trong sự hình thành và phát triển của xung đột văn hóa ở thanh niên, bởi các quá trình tâm lý cá nhân có liên quan tới văn hóa thường chịu sự chi phối mạnh mẽ và nhiều khi vô thức của hoàn cảnh. Trong luận án này, chúng tôi lựa chọn những yếu tố khách quan thuộc về các nhóm xã hội gần gũi với thanh niên nhằm tìm ra những yếu tố có ảnh hưởng trực tiếp tới xung đột văn hóa ở thanh niên.

Trong khuôn khổ của luận án, chúng tôi phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố khách quan sau:

2.5.2.1. Ảnh hưởng của mức độ thống nhất giữa các thế hệ trong gia đình

Gia đình là nhóm xã hội đóng vai trò quan trọng trong quá trình xã hội hóa của cá nhân. Gia đình không chỉ là nơi ươm áp tình thân, mà gia đình còn là một đơn vị

văn hóa, giáo dục trẻ về những giá trị sống cần có trong xã hội. Trong xã hội hội nhập hiện nay, gia đình là đơn vị lưu giữ truyền thống của dòng họ, của dân tộc, là cái nôi gìn giữ văn hóa truyền thống.

Thanh niên thường là những người cởi mở tiếp nhận văn hóa mới nhanh hơn là thế hệ ông bà, bố mẹ của họ. Đặc biệt, ở những người có điều kiện tiếp xúc với nền văn hóa mới nhiều như thanh niên nhập cư (thế hệ người nhập cư thứ hai) thì khả năng chấp nhận các giá trị và tập quán văn hóa mới thường dễ dàng hơn cha mẹ họ (thế hệ người nhập cư thứ nhất) [112]. Chính vì thế, xung đột thế hệ hay khoảng cách thế hệ vốn đã phổ biến trong các gia đình đơn văn hóa, trở nên càng rõ rệt trong gia đình nhập cư. Ở thanh niên nhập cư, xung đột thế hệ không chỉ đơn thuần là khoảng cách giữa hệ giá trị của thế hệ trước và thế hệ sau, mà nó còn cộng thêm cả độ chênh lệch giữa văn hóa gốc và văn hóa đích. Do đó, nếu như xung đột thế hệ thường thấy nảy sinh và giảm dần trong quá trình phát triển bình thường và lành mạnh của thanh niên, thì xung đột thế hệ trong quá trình tiếp biến văn hóa lại có thể để lại những hậu quả nghiêm trọng hơn trong tâm lý của thanh niên nhập cư, như trầm cảm hay gặp vấn đề về hành vi [75].

Xung đột văn hóa có thể được phản chiếu qua xung đột thế hệ. Xung đột văn hóa là xung đột giữa các cái tôi văn hóa khác nhau, giữa các hệ giá trị văn hóa khác nhau, mà thường thấy nhất là giữa hệ giá trị văn hóa truyền thống và hệ giá trị văn hóa ngoại lai. Văn hóa của thế hệ ông bà, cha mẹ chính là đại diện của hệ giá trị văn hóa truyền thống; còn văn hóa đương đại, văn hóa của thanh niên chính là đại diện của hệ giá trị văn hóa ngoại lai. Chính vì vậy, có thể nói xung đột thế hệ là tấm gương phản ánh tương đối xung đột văn hóa ở thanh niên.

Xung đột thế hệ được thể hiện qua sự bất đồng thuận giữa cha mẹ và con cái về các vấn đề trong cuộc sống, đặc biệt là các vấn đề phản ánh rõ những khác biệt giữa văn hóa truyền thống (văn hóa của cha mẹ) và văn hóa du nhập (văn hóa của con). Vì thế, chúng tôi cho rằng mức độ thống nhất trong gia đình – một tiêu chí làm nên xung đột thế hệ - có thể ảnh hưởng tới xung đột văn hóa ở thanh niên.

Chúng tôi dự đoán rằng những thanh niên nhận thức rằng mâu thuẫn thế hệ trong gia đình mình ở mức cao thì sẽ dễ gặp phải xung đột văn hóa.

2.5.2.2. Ảnh hưởng của những áp lực nảy sinh trong quá trình tiếp biến văn hóa

Quá trình tiếp biến văn hóa có thể là một quá trình đầy áp lực và xung đột, do không phải lúc nào chúng ta cũng có thể tiếp nhận một nền văn hóa mới với thái độ cởi mở và sẵn sàng học hỏi. Với người nhập cư, áp lực đến từ nhu cầu phải hòa nhập với xã hội mới, nền văn hóa mới để tồn tại trong môi trường sống mới. Áp lực này có thể bắt nguồn từ cá nhân, nghề nghiệp hay vị trí xã hội [61]. Các nghiên cứu chỉ ra rằng người nhập cư trong quá trình tiếp biến văn hóa thường phải đối mặt với những áp lực như rào cản ngôn ngữ, khó khăn trong quan hệ với những người bản địa hay bị phân biệt chủng tộc. Những áp lực này gây khó khăn cho người nhập cư, khiến họ khó hòa nhập với xã hội mới.

Do xung đột văn hóa là hệ quả của quá trình tiếp biến văn hóa nên không khó hình dung sự tác động của áp lực tiếp biến văn hóa tới xung đột văn hóa. Nghiên cứu của Benet-Martinez và Haritos chỉ ra rằng khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa chịu sự chi phối của các nhân tố gây áp lực tiếp biến văn hóa như sự phân biệt đối xử, quan hệ xã hội với các nhóm văn hóa hay kỹ năng ngôn ngữ của người tiếp biến văn hóa [59]. Các mối quan hệ này đều mang chiều thuận, nghĩa là áp lực từ các yếu tố này càng nhiều thì mức độ xung đột văn hóa càng cao. Áp lực tiếp biến văn hóa gây ra cho cá nhân những cảm xúc tiêu cực trong quá trình tiếp biến văn hóa, nhẹ thì bối rối, nặng thì giận dữ, phiền muộn, gây cản trở cho cá nhân trong việc hài hòa các nền văn hóa, dẫn tới xung đột văn hóa.

Ở thanh niên Việt Nam – những người chủ động tiếp biến văn hóa – áp lực tiếp biến văn hóa vẫn tồn tại khá rõ ràng. Nó không mạnh như ở những người nhập cư – những người buộc phải học văn hóa mới để tồn tại, nhưng nó hiện hữu ở nhu cầu tiếp biến văn hóa để hòa nhập với thế giới, cũng như để tồn tại trong một xã hội hiện đại đang thay đổi. Đơn cử như vấn đề ngôn ngữ. Thanh niên Việt Nam cần phải học ngoại ngữ để kiếm việc làm, để tiếp xúc với những tri thức mới và để giao tiếp với bạn bè quốc tế. Nhu cầu này đã trở thành nhu cầu ở tầm xã hội, dễ thấy ở

việc môn học ngoại ngữ trở thành môn học bắt buộc trong nhà trường. Do đó, tác động của áp lực tiếp biến văn hóa vẫn tồn tại rõ ràng ở thanh niên Việt Nam và có thể ảnh hưởng tới mức độ trải nghiệm xung đột văn hóa trong quá trình tiếp biến văn hóa ở thanh niên. Chúng tôi dự đoán áp lực tiếp biến văn hóa sẽ tỉ lệ thuận với mức độ xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam: áp lực càng lớn thì mức độ xung đột càng cao.

Tiểu kết chương 2

Từ nghiên cứu tư liệu, từ phân tích các khái niệm, luận án đưa ra khái niệm công cụ của đề tài như sau: Xung đột văn hoá ở thanh niên là sự mâu thuẫn có thể nhận biết được giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng cùng tồn tại trong mỗi thanh niên, được thanh niên gắn bó chặt chẽ ở mức độ tương đương nhau và được thể hiện qua nhận thức, cảm xúc và hành vi.

Khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên là các mặt biểu hiện tâm lý của thanh niên, phản ánh mâu thuẫn có thể nhận biết được giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng cùng tồn tại trong mỗi thanh niên, được thanh niên gắn bó chặt chẽ ở mức độ tương đương nhau và được thể hiện qua nhận thức, cảm xúc và hành vi.

Nghiên cứu các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên, đề tài luận án tìm hiểu ba khía cạnh tâm lý cơ bản là nhận thức, cảm xúc và hành vi của thanh niên. Ba khía cạnh tâm lý này luôn nằm trong mối quan hệ biện chứng với nhau trong xung đột tâm lý của thanh niên.

Khía cạnh nhận thức của xung đột văn hóa ở thanh niên thể hiện ở mâu thuẫn nhận thức nảy sinh khi thanh niên tự nhận thức về cái tôi văn hóa và các quá trình nhận thức về mối quan hệ giữa bản thân mình với văn hóa gốc và văn hóa ngoại lai. Khía cạnh nhận thức phản ánh sự khó khăn của thanh niên trong việc xác định mình là ai, mình thuộc nhóm văn hoá nào, và mình có thể tương tác với các nhóm văn hoá khác mình hay không.

Khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá ở thanh niên được đặc trưng bằng cảm xúc “bị giằng xé”. Theo đó, xung đột văn hóa khiến chủ thể cảm thấy mình ở

trong một tình thế bất khả thi, không thể giải quyết được khi phải suy nghĩ về tính chất đa văn hoá của bản thân, phải lựa chọn giữa các hệ quy tắc văn hoá, hay phải tương tác với những người thuộc các nhóm văn hoá khác nhau.

Về mặt hành vi, chủ thể của xung đột văn hóa có thể có ba kiểu hành vi: 1) Hành vi lảng tránh, trì hoãn giải quyết xung đột; 2) Hành vi học hỏi những hình mẫu đã giải quyết thành công xung đột văn hóa, và 3) Hành vi giải quyết trực diện xung đột văn hóa. Ở cách giải quyết trực diện, chủ thể có thể chọn văn hóa truyền thống hay chọn văn hóa ngoại lai, hoặc kết hợp cả hai văn hóa, hoặc xa rời cả hai văn hóa để làm giảm bớt xung đột.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên. Có thể nêu ra một số yếu tố chính sau: các yếu tố chủ quan gồm nhân cách, mức độ tiếp cận với các nền văn hóa, và mức độ gắn bó với các nền văn hóa. Các yếu tố khách quan gồm mức độ thống nhất giữa các thế hệ trong gia đình và áp lực nảy sinh trong quá trình tiếp biến văn hóa. Các yếu tố chủ quan và khách quan này tác động trực tiếp đến nhận thức, cảm xúc và hành vi của thanh niên trong xung đột văn hóa.

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Tổ chức nghiên cứu

Quá trình thực hiện luận án được chia thành 3 giai đoạn chính, bao gồm:

3.1.1. Giai đoạn 1: Nghiên cứu lý luận

3.1.1.1. Mục đích

- Tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về xung đột văn hoá ở thanh niên và các khía cạnh tâm lý của nó.

- Hệ thống hoá một số lý luận cơ bản liên quan tới các khái niệm: xung đột, cái tôi văn hoá, xung đột văn hoá, và chỉ rõ các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá, bao gồm khía cạnh nhận thức, cảm xúc và hành vi.

- Xây dựng khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu, từ đó xác lập quan điểm chỉ đạo việc nghiên cứu các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam hiện nay.

3.1.1.2. Nhiệm vụ

- Phân tích, tổng hợp các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về xung đột văn hoá và các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên, chỉ ra những kết quả đã đạt được và những vấn đề còn tồn tại ở các nghiên cứu này để tiếp tục nghiên cứu.

- Xác định các khái niệm công cụ, các biểu hiện khía cạnh tâm lý của xung đột văn ở thanh niên và các yếu tố ảnh hưởng đến khía cạnh này.

- Xác định nội dung nghiên cứu thực tiễn: dựa vào khung lý thuyết lý thuyết của đề tài xác định các nội dung nghiên cứu thực tiễn, là:

+ Xác định các biểu hiện của các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên, gồm các khía cạnh: nhận thức, cảm xúc, hành vi.

+ Xác định một số yếu tố tác động đến các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam như: mức độ tiếp xúc văn hoá, mức độ gắn bó văn hoá, nhân cách, tính thống nhất trong gia đình, áp lực do tiếp biến văn hoá.

3.1.2. Giai đoạn 2: Xây dựng công cụ nghiên cứu

3.1.2.1. Mục đích

Mục đích của việc xây dựng các công cụ nghiên cứu là để xác lập bộ công cụ phục vụ thu thập dữ liệu thực tiễn.

3.1.2.2. Nội dung và cách thức tiến hành

a. Lựa chọn trắc nghiệm, xây dựng bảng hỏi

Xung đột văn hoá là vấn đề được nghiên cứu nhiều trên thế giới, với nhiều thang đo đã được các tác giả nước ngoài xây dựng để đo lường khái niệm này. Do đó, trong luận án này, chúng tôi dựa trên các thang đo đã được các tác giả nước ngoài khảo nghiệm độ hiệu lực và độ tin cậy để xây dựng bảng hỏi.

Các thang đo được lựa chọn bao gồm thang đo xung đột văn hoá và các thang đo các yếu tố ảnh hưởng tới xung đột văn hoá, bao gồm thang đo tiếp xúc văn hoá, thang đo gắn bó văn hoá, thang đo nhân cách, thang đo sự thống nhất trong gia đình, và thang đo áp lực do tiếp biến văn hoá. Tuỳ theo sự phù hợp của thang đo với văn hoá Việt Nam và thực tế tiếp biến văn hoá của thanh niên Việt Nam mà thang đo được giữ nguyên hay lược bớt mệnh đề. Các thang đo sau đó được Việt hoá, rồi lại được dịch sang tiếng Anh một lần nữa theo phương pháp dịch ngược (back translation method) và so sánh với bản gốc tiếng Anh để đảm bảo độ chính xác của việc dịch.

Cách xây dựng và nội dung cụ thể của từng thang đo như sau:

- Mức độ tiếp xúc văn hoá

Thang đo này được xây dựng dựa trên Thang đo tiếp biến văn hoá cho thanh niên Việt Nam (Acculturation Scale for Vietnamese Adolescents, ASVA) của Nguyễn Hương [97].

Thang ASVA được xây dựng nhằm đo mức độ tiếp biến văn hoá thể hiện qua mức độ tham gia vào các hoạt động văn hoá của văn hoá Mỹ và văn hoá Việt Nam. Các hoạt động được đo rất đa dạng, tập trung vào 4 lĩnh vực chính là: 1) Đời sống hàng ngày (16 mệnh đề); 2) Tương tác với nhóm văn hoá (14 mệnh đề), 3) Hoạt động gia đình (14 mệnh đề), và 4) Cảm giác gắn kết văn hoá (6 mệnh đề). Thang

AVSA gồm 50 mệnh đề, chia làm 2 thang thành phần là thang đo văn hoá Việt Nam và thang đo văn hoá Mỹ. Các mệnh đề của 2 thang thành phần phản chiếu nhau, cứ mỗi mệnh đề của thang này thì lại có một mệnh đề tương ứng về nội dung cho thang kia. Thang AVSA được tác giả xây dựng bằng tiếng Anh cho thanh niên Việt Nam sống tại Mỹ (độ tuổi từ 10 đến 23). Người trả lời đánh giá các mệnh đề trên thang Likert 5 điểm, với các mệnh đề thái độ thì thang điểm là: 1 - hoàn toàn không đồng ý đến 5 - hoàn toàn đồng ý, với các mệnh đề hành vi thì thang điểm là: 1 – hiếm khi đến 5 – luôn luôn. Khi được kiểm nghiệm trên mẫu 191 thanh niên Việt Nam, thang đo thể hiện độ tin cậy cao (Cronbach alpha = 0,89 cho thang đo văn hoá Việt Nam và 0,88 cho thang đo văn hoá Mỹ) và độ hiệu lực tốt (thể hiện sự phù hợp của thang với mô hình hai chiều của tiếp biến văn hoá).

Dựa trên thang ASVA, chúng tôi xây dựng thang đo Mức độ tiếp xúc văn hoá sử dụng trong luận án này. Thang đo mới sử dụng mệnh đề của cả hai thang thành phần. Chúng tôi loại bỏ những mệnh đề trong thang ASVA có nội dung trùng lặp và chuyển những mệnh đề dưới dạng câu hỏi thành mệnh đề trần thuật nhằm tạo sự thống nhất về format cho bảng hỏi. Chúng tôi cũng loại bỏ những mệnh đề thuộc lĩnh vực “cảm giác gắn kết văn hoá” vì khó Việt hoá và vì trùng lặp với thang đo *Mức độ gắn bó văn hoá* sẽ trình bày ở dưới.

Kết quả cuối cùng có 18 mệnh đề phản ánh mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam. Trong đó có 8 mệnh đề phản ánh mức độ tiếp xúc với văn hoá Việt Nam (gồm mệnh đề 3, 10, 12, 13, 14, 16, 17, 18) và 10 mệnh đề phản ánh mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây (gồm mệnh đề 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 15). Có 8 mệnh đề thuộc lĩnh vực đời sống hàng ngày, 5 mệnh đề thuộc lĩnh vực tương tác nhóm văn hoá, và 5 mệnh đề thuộc lĩnh vực hoạt động gia đình. Các mệnh đề được đánh giá trên thang Likert 5 điểm, với 1 – hoàn toàn không đồng ý đến 5 – hoàn toàn đồng ý. Điểm càng cao thể hiện mức độ tiếp xúc càng cao.

Một điểm khác đáng chú ý khi Việt hoá thang ASVA (hay các thang khác sử dụng trong luận án này) là đặc thù tiếp biến văn hoá của người Việt Nam. Do sự du nhập của các nền văn hoá ngoại lai đa dạng vào Việt Nam, trong nhận thức của

người Việt không tồn tại sự phân biệt rõ ràng giữa văn hoá của từng quốc gia, mà chúng ta gọi chung là văn hoá phương Tây và văn hoá phương Đông. Đặc biệt, trong văn hoá phương Tây thì sự phân biệt rạch ròi giữa văn hoá Mỹ, văn hoá Mexico hay văn hoá Anh, Pháp, v.v. lại càng không rõ ràng. Khái niệm văn hoá phương Tây được hình thành trong mối tương quan so sánh với văn hoá phương Đông và văn hoá Việt Nam. Do đó, trong khi xây dựng thang đo Mức độ tiếp xúc văn hoá và các thang đo khác, chúng tôi cũng không sử dụng thuật ngữ “văn hoá Mỹ” như trong thang gốc, mà dùng chung thuật ngữ văn hoá phương Tây và coi tiếng Anh là ngôn ngữ đại diện cho văn hoá này.

- Mức độ gắn bó với các nền văn hoá

Thang đo này được xây dựng dựa trên những câu hỏi đo mức độ gắn bó văn hoá thường gặp trong các nghiên cứu xuyên văn hoá. Thang đo gồm 1 mệnh đề thể hiện sự gắn bó với văn hoá Việt Nam và 1 mệnh đề thể hiện sự gắn bó với văn hoá phương Tây. Các mệnh đề được đánh giá trên thang Likert 5 điểm, với 1 – hoàn toàn không đồng ý đến 5 – hoàn toàn đồng ý. Điểm càng cao thể hiện mức độ gắn bó càng mạnh.

- Xung đột văn hoá

Thang đo xung đột văn hoá sử dụng trong luận án này được xây dựng dựa trên hai thang đo đã có là Thang đo Xung đột cái tôi văn hoá của Ward, Stuart & Kus, (2011) và dựa trên mô tả lý thuyết của Baumeister về các hành vi giải quyết xung đột văn hoá [57, 115].

Thang đo Xung đột cái tôi văn hoá (Ethno-cultural identity conflict scale, EIC) được Ward, Stuart và Kus xây dựng năm 2011 nhằm đo mức độ xung đột cái tôi văn hoá theo lý thuyết về xung đột văn hoá của Baumeister [115]. Thang đo gồm 20 mệnh đề, trong đó có 4 mệnh đề ngược, được đánh giá trên thang Likert 5 điểm với 1 là hoàn toàn không đồng ý và 5 là hoàn toàn đồng ý. Điểm càng cao thể hiện mức độ xung đột cái tôi văn hoá càng cao.

Các mệnh đề của thang EIC phản ánh khía cạnh nhận thức và cảm xúc của xung đột văn hoá. Để kiểm nghiệm các đặc tính của thang đo, nhóm tác giả đã thử

nghiệm thang này 3 lần trên 3 nhóm mẫu, cỡ mẫu khoảng 300 người/người nghiên cứu; thành phần mẫu thuộc các nhóm văn hoá thiểu số đang sống tại New Zealand. Mẫu nghiên cứu thể hiện sự đa dạng về độ tuổi (từ 16 đến 77), thành phần dân cư (học sinh quốc tế, người nhập cư, người dân tộc thiểu số bản địa), dân tộc (Ấn Độ, Trung Quốc, các nước châu Á khác, Pháp, Đức, Canada, Mỹ, Iran, và một nước khu vực Thái Bình Dương). Thang đo thể hiện độ tin cậy cao (Cronbach alpha chạy từ 0,89 đến 0,92 qua 3 nghiên cứu). Thang đo cũng thể hiện độ hiệu lực tốt.

Những mệnh đề đo khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá được luận án xây dựng dựa trên lý thuyết của Baumeister về hành vi giải quyết xung đột văn hoá. Baumeister đưa ra 3 kiểu hành vi giải quyết xung đột, là hành vi lảng tránh, hành vi tìm hình mẫu và hành vi giải quyết trực tiếp xung đột. Dựa trên lý thuyết này, chúng tôi xây dựng các mệnh đề đo hành vi giải quyết xung đột văn hoá, bao gồm 3 mệnh đề đo hành vi lảng tránh, 4 mệnh đề đo hành vi tìm hình mẫu, và 4 mệnh đề đo 4 kiểu hành vi giải quyết xung đột một cách trực tiếp. Tần suất thực hiện hành vi được đánh giá trên thang Likert từ 1 (rất thường xuyên) đến 5 (không bao giờ). Điểm càng cao thể hiện mức độ tích cực thực hiện hành vi thấp, hàm ý xung đột văn hoá ở mức cao.

- Nhân cách

Thang đo nhân cách được sử dụng là Bảng kiểm kê 5 thành tố của nhân cách (Big Five Inventory) do John và cộng sự đưa ra năm 1991 [85]. Thang đo này được dùng để đánh giá nhân cách theo thuyết Năm thành tố của nhân cách. Đây được coi là phiên bản ngắn hơn của thang NEO PI-R vốn hay được sử dụng trong nghiên cứu nhân cách. Thang đo này đã được sử dụng trong nhiều nghiên cứu khác nhau và đều thể hiện độ hiệu lực và độ tin cậy tốt (xem thống kê của Benet-Martinez & John, 1998, [60]). Thang đo được lựa chọn vì độ dài của thang vừa phải, tránh được sự mệt mỏi và nhầm chán ở người trả lời. Thang gồm 44 mệnh đề, trong đó có 8 mệnh đề đo nhân cách hướng ngoại, 9 mệnh đề đo nhân cách dễ chịu, 9 mệnh đề đo nhân cách tận tâm, 8 mệnh đề đo nhân cách nhiều tâm, và 10 mệnh đề đo nhân cách cởi mở.

- Sự thống nhất trong gia đình

Chúng tôi sử dụng Thang đo Sự thống nhất giữa các thế hệ trong gia đình nhập cư (Intergenerational Congruence in Immigrant Families) của Ying, Lee & Tsai (2004) [119]. Thang đo được áp dụng trên thanh niên/trẻ em và bố mẹ, nhằm đo đánh giá của con về sự thống nhất giữa con và cha mẹ trong hệ giá trị và hành vi trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Tùy theo khách thể mà những câu hướng dẫn cách đánh giá có thể thay đổi, nhưng nội dung đo thì được giữ nguyên, gồm 7 mệnh đề đánh giá sự thống nhất giữa cha mẹ và con về mục tiêu sống, tình bạn, thời gian sinh hoạt chung, cách thể hiện cảm xúc và cách giải quyết vấn đề trong các tình huống văn hoá khác nhau. Các mệnh đề được đánh giá trên thang Likert 5 điểm, từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý). Thang đo thể hiện độ tin cậy và độ hiệu lực tốt, với Cronbach alpha từ 0,85 đến 0,90 qua các lần đo và đối tượng đo khác nhau, và có tương quan phù hợp với các khái niệm liên quan [119].

Trong luận án này, chúng tôi sử dụng toàn bộ 7 mệnh đề của thang đo này để đo sự thống nhất trong gia đình. Điểm càng cao thể hiện mức độ thống nhất càng cao.

- Áp lực nảy sinh do tiếp biến văn hoá

Chúng tôi đo áp lực nảy sinh do tiếp biến văn hoá dựa trên Bảng kiểm kê Riverside về áp lực văn hoá (Riverside Acculturation Stress Inventory) [58]. Thang đo gồm 15 mệnh đề để đo 5 lĩnh vực dễ nảy sinh áp lực trong quá trình người nhập cư tiếp biến một văn hoá mới, bao gồm khả năng ngôn ngữ (3 mệnh đề), công việc (3 mệnh đề), quan hệ với các nhóm văn hoá khác (3 mệnh đề), phân biệt đối xử (3 mệnh đề) và cô lập văn hoá (3 mệnh đề). Độ tin cậy của các 5 thang đo thành phần là phù hợp (Cronbach alpha nằm trong khoảng từ 0,68 đến 0,84), và các thang thành phần có tương quan thuận với nhau, thể hiện độ hiệu lực tốt của thang đo.

Để phù hợp với khách thể là thanh niên Việt Nam, trong quá trình Việt hoá thang đo, chúng tôi thay đổi một số từ ngữ cho phù hợp với hoạt động sống hàng ngày của thanh niên, và lược bỏ một số mệnh đề không phù hợp với thanh niên hoặc với bối cảnh tiếp biến văn hoá của thanh niên Việt Nam. Cụ thể, trong thang đo áp lực tiếp biến văn hoá sử dụng trong luận án này, áp lực ngôn ngữ gồm 2 mệnh đề,

áp lực phân biệt đối xử gồm 3 mệnh đề, áp lực quan hệ liên văn hoá gồm 3 mệnh đề, áp lực cô lập văn hoá gồm 1 mệnh đề. Áp lực công việc không được đưa vào thang đo này vì đối tượng khảo sát của đề tài là sinh viên, những người ít có kinh nghiệm làm việc trong môi trường đa văn hoá. Thang đo mới gồm 9 mệnh đề, được đánh giá trên thang Likert 5 điểm, từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý).

b. Lấy ý kiến chuyên gia, hoàn thiện phiếu khảo sát

Sau khi được xây dựng hoàn chỉnh, bảng hỏi được gửi lấy ý kiến của 2 chuyên gia tâm lý học có kinh nghiệm về nghiên cứu văn hoá. Dựa trên ý kiến góp ý của các chuyên gia, chúng tôi chỉnh sửa về mặt từ ngữ của các mệnh đề trong bảng hỏi.

c. Thiết kế phiếu phỏng vấn sâu

Ngoài bảng hỏi khảo sát, chúng tôi cũng thiết kế hai phiếu phỏng vấn sâu gồm các câu hỏi mở để tìm hiểu sâu hơn về xung đột văn hoá ở thanh niên. Phiếu phỏng vấn sâu được thiết kế riêng cho giảng viên và sinh viên.

3.1.3. Giai đoạn 3: Khảo sát thực tiễn

3.1.3.1. Mục đích

Điều tra thực trạng các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam và các yếu tố có thể ảnh hưởng tới xung đột văn hoá ở thanh niên.

3.1.3.2. Mẫu nghiên cứu

Khảo sát định lượng được tiến hành trên sinh viên tại ba trường đại học, trong đó có 2 trường đại học trên địa bàn Hà Nội (Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Sư phạm Hà Nội) và 1 trường đại học tại Tuyên Quang (Đại học Tân Trào). Tại mỗi trường, 200 phiếu được phát cho sinh viên thuộc các ngành học và năm học khác nhau. Tổng số phiếu thu về là 541 phiếu. Chúng tôi loại bỏ 2 trường hợp (số 80 và 420) không trả lời đủ 80% các mệnh đề đo mức độ xung đột văn hoá, tức là biến phụ thuộc chính của nghiên cứu. Như vậy, số phiếu đạt yêu cầu để phân tích là 539 phiếu.

Bảng 3.1: Cơ cấu mẫu chọn khảo sát định lượng

Đặc điểm		Số lượng (N = 539)	Tỉ lệ %
1. Giới tính	Nam	169	31,3
	Nữ	370	68,7
2. Năm học	Năm 1	200	37,1
	Năm 2	169	31,4
	Năm 3	170	31,5
3. Trường	Đại học Ngoại ngữ	180	33,4
	Đại học Sư phạm Hà Nội	157	29,1
	Đại học Tân Trào	202	37,5

Số lượng mẫu ở bảng 3.1 cho thấy khách thể khảo sát là nữ sinh viên chiếm tỷ lệ cao gấp hơn 2 lần so với khách thể là nam sinh viên. Điều này phù hợp với thực trạng các khối ngành khoa học xã hội và nhân văn của các trường đại học ở nước ta hiện nay. Tỷ lệ chênh lệch giữa các năm học và các trường đại học là không nhiều.

Ngoài ra, đề tài còn phỏng vấn sâu 150 người giảng viên của 3 trường đại học trên. Trong đó, có 15 giảng viên và 135 sinh viên (Mỗi trường 5 giảng viên và 45 sinh viên). Thực nghiệm tác động được thực hiện trên mẫu là 62 sinh viên. Như vậy, tổng mẫu khảo sát của đề tài là 751 người.

Bảng 3.2: Tổng số khách thể khảo sát

Khách thể	Số lượng	Tỷ lệ %
1. Khách thể khảo sát định lượng (Bảng hỏi)	539	71,8
2. Khảo sát định tính (Phỏng vấn sâu)	150	20,0
3. Khách thể thực nghiệm tác động	62	8,2
Tổng số	751	100

3.1.4. Giai đoạn 4: Thực nghiệm tác động

3.1.4.1. Mục đích thực nghiệm

Thực nghiệm được thực hiện nhằm tìm hiểu khả năng định hướng hành vi giải quyết xung đột văn hoá của thanh niên thông qua các cơ chế tâm lý ở tầng tiềm thức, mà cụ thể là qua hiệu ứng môi (*priming effect*).

3.1.4.3. Cách thức tiến hành thực nghiệm

a. Xây dựng cấu trúc thực nghiệm

Thực nghiệm được xây dựng theo thiết kế liên đối tượng (between-subject design). Theo đó, người tiến hành thí nghiệm phân loại ngẫu nhiên nghiệm thể vào một trong hai điều kiện thực nghiệm, tiến hành tác động tương ứng với điều kiện thực nghiệm, đo phản ứng của nghiệm thể và so sánh giữa hai điều kiện thực nghiệm để tìm ra những khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê [91]. Thiết kế thực nghiệm theo cách này phù hợp với các nghiên cứu về hiệu ứng môi, và đã được sử dụng trong đa số nghiên cứu tâm lý học văn hoá có hiệu ứng môi. Nguyên nhân là do quá trình môi để kích hoạt văn hoá thường diễn ra rất nhanh. Nếu áp dụng đo trước-sau thực nghiệm thì nghiệm thể dễ đoán trước được tác động hiệu ứng, hoặc dễ cảm thấy chán vì phải đo phản ứng lặp lại nhiều lần trong thời gian ngắn.

Thực nghiệm được chia làm hai điều kiện tác động: điều kiện văn hoá Việt Nam và điều kiện văn hoá phương Tây. Trong trường hợp tác động văn hoá Việt Nam, nghiệm thể được kích hoạt vốn tri thức văn hoá Việt Nam. Trong trường hợp tác động văn hoá phương Tây, nghiệm thể được kích hoạt vốn tri thức văn hoá phương Tây. Nghiệm thể được phân vào một trong hai trường hợp tác động trên. Sau đó, nghiệm thể trả lời về cách thức xử lý hai tình huống xung đột văn hoá có sẵn.

b. Xây dựng tài liệu thực nghiệm

Để tránh nghiệm thể đoán được mục đích của thực nghiệm, thực nghiệm này được giới thiệu là Nghiên cứu về năng lực của sinh viên. Các nội dung được nghiên cứu là năng lực trí tuệ, năng lực xử lý tình huống và thông tin cá nhân. Tên gọi của các nội dung này tương ứng với các tài liệu thí nghiệm được sử dụng.

Phiếu năng lực trí tuệ là phiếu bài tập toán học, gồm 12 phép toán đơn giản được thực hiện trong vòng 5 phút (hoặc ít hơn tùy theo khả năng của nghiệm thể). Mục đích của phiếu này là tạo sự tập trung cho nghiệm thể khi tham gia thí nghiệm.

Do những đặc điểm của khu vực thí nghiệm và cách thức lựa chọn nghiệm thể được miêu tả ở phần sau, việc tạo sự tập trung cho nghiệm thể trước khi tham gia thí nghiệm là cần thiết.

Phiếu thông tin cá nhân là tài liệu tạo hiệu ứng môi, đưa ra kích thích nhằm gợi nhắc về khung tri thức văn hoá phương Tây hoặc Việt Nam. Có hai loại phiếu thông tin cá nhân tương ứng với hai trường hợp tác động. Việc tạo hiệu ứng môi được thực hiện qua Bài tập về sự tương đồng và khác biệt với gia đình và bạn bè (Similarities and differences with family and friends task, SDFF) do Trafimow và cộng sự đưa ra năm 1991 [111]. Trong đó, nghiệm thể được yêu cầu suy nghĩ về sự giống nhau (hoặc sự khác biệt) giữa bản thân mình với gia đình và bạn bè. Việc suy nghĩ về sự giống nhau giữa cá nhân và các nhóm này sẽ kích thích khung tri thức văn hoá cộng đồng; còn việc suy nghĩ về sự khác nhau giữa cá nhân và các nhóm này sẽ kích thích khung tri thức văn hoá cá nhân. Qua nhiều nghiên cứu, hiệu quả kích hoạt của bài tập này được thống kê là ở mức cao: $d=0,49$ [99]. Trong luận án này, chúng tôi Việt hoá phần hướng dẫn của bài tập SDFF để làm tài liệu tạo hiệu ứng môi.

Cụ thể, nghiệm thể trong trường hợp tác động văn hoá Việt Nam nhận được bài tập như sau:

Trong hai phút tới, anh /chị hãy nghĩ về chủ đề sau và viết từ 5-10 dòng về chủ đề này trong khoảng trống cho sẵn. Điểm chung giữa bạn và bạn bè và gia đình của mình là gì? Họ kỳ vọng bạn trở thành người như thế nào?

Nghiệm thể trong trường hợp tác động văn hoá phương Tây nhận được bài tập như sau:

Trong hai phút tới, anh/chị hãy nghĩ về chủ đề sau và viết từ 5-10 dòng về chủ đề này trong khoảng trống cho sẵn. Điều gì khiến bạn khác biệt với bạn bè và gia đình của bạn? Bạn kỳ vọng mình trở thành người như thế nào?

Phiếu năng lực xử lý tình huống là phiếu đo hành vi giải quyết xung đột văn hoá. Có hai tình huống xung đột văn hoá khác nhau được đưa ra, một tình huống là xung đột với bạn bè và một tình huống là xung đột với gia đình. Nghiệm thể được

yêu cầu trả lời về cách xử lý của mình với cả hai tình huống này. Tình huống được xây dựng trong đó cá nhân thể hiện quan điểm đối lập với một số (hoặc một nhóm) người khác, nhằm tạo cơ hội cho nhiều loại hành vi giải quyết tình huống khác nhau, trong đó có hành vi bảo vệ quan điểm cá nhân (đặc trưng của văn hoá cá nhân – văn hoá phương Tây), hành vi thuận theo ý kiến nhóm (đặc trưng của văn hoá cộng đồng – văn hoá Việt Nam) và các hành vi dung hoà lợi ích cả hai hoặc xa lánh lợi ích cả hai.

c. Mẫu chọn

Mẫu chọn tham gia thực nghiệm là 62 sinh viên của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Kết quả nghiên cứu định lượng của luận án này (như sẽ trình bày ở chương 3) cho thấy sinh viên Đại học Ngoại ngữ có mức độ xung đột cao hơn sinh viên ở các trường khác. Do đó, việc lựa chọn sinh viên Đại học Ngoại ngữ sẽ dễ cho kết quả có ý nghĩa về mặt thống kê hơn sinh viên các trường khác.

Nghiệm thể được lựa chọn ngẫu nhiên. Sinh viên của trường khi đi qua khu vực thực nghiệm được mời gọi tham gia vào thực nghiệm. Không có yêu cầu cụ thể nào về năm học hay ngành học của nghiệm thể trừ việc họ phải là sinh viên của Đại học Ngoại ngữ.

d. Cách thức tiến hành

Chúng tôi tạo lập khu vực thực nghiệm ở trong khuôn viên ký túc xá của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội. Khu vực thực nghiệm được đặt ở nơi có đông sinh viên qua lại, gồm 2 bàn và 4 ghế cho nghiệm thể. Không có thiết bị cách âm nào được sử dụng để phân tách khu vực thực nghiệm với các khu vực xung quanh.

Nghiệm thể sau khi đồng ý tham gia thực nghiệm được hỏi xác nhận họ có đúng là sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ không. Sau đó, nghiệm thể được mời ngồi vào bàn thí nghiệm. Nghiệm thể được giới thiệu sơ qua về nghiên cứu dưới dạng nghiên cứu về năng lực của sinh viên. Nghiệm thể được phát các tài liệu thực nghiệm theo thứ tự: (1) Phiếu năng lực trí tuệ, (2) Phiếu thông tin cá nhân, (3) Phiếu

năng lực xử lý tình huống. Nghiệm thể hoàn thành lần lượt các phiếu trên; người tổ chức thực nghiệm chỉ phát phiếu tiếp theo khi nghiệm thể đã hoàn thành xong phiếu trước. Sau khi nghiệm thể đã hoàn thành tất cả các phiếu, nghiệm thể nộp lại các phiếu này cho người tổ chức thí nghiệm. Người tổ chức thí nghiệm cảm ơn nghiệm thể.

Việc phân nghiệm thể vào trường hợp tác động nào được thực hiện ngẫu nhiên, tùy theo người tổ chức thí nghiệm phát cho nghiệm thể phiếu thông tin cá nhân nào.

e. Đánh giá kết quả thực nghiệm

Kết quả của thực nghiệm là câu trả lời của nghiệm thể cho hai tình huống trong Phiếu năng lực xử lý tình huống. Câu trả lời được mã hoá thành một trong 6 kiểu hành vi: lảng tránh, tìm hình mẫu, đồng hoá, bảo thủ, dung hoà và xa lánh. Quá trình mã hoá được thực hiện bởi hai người có kiến thức về xung đột văn hoá. Khi có bất đồng trong kết quả mã hoá, hai người mã hoá thảo luận ý kiến với nhau và lựa chọn ra một cách mã hoá mà cả hai đều đồng ý.

3.2. Phương pháp nghiên cứu

3.2.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Phương pháp này được thực hiện theo các bước: phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá các lý thuyết và công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan tới xung đột, hoà nhập văn hoá, xung đột văn hoá, thanh niên, xung đột văn hoá ở thanh niên, và các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên.

Trong quá trình thực hiện luận án chúng tôi đã nghiên cứu nhiều công trình của các tác giả trong và ngoài nước. Từ kết quả tìm hiểu các công trình của các tác giả chúng tôi xác định được các khái niệm công cụ (xung đột, xung đột văn hóa, thanh niên, xung đột văn hóa ở thanh niên, khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên); các biểu hiện khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên (nhận thức, cảm xúc và hành vi); các yếu tố ảnh hưởng đến khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên.

Kết quả nghiên cứu tài liệu cũng cho phép chúng tôi xác định các công cụ nghiên cứu và cách thức tiến hành nghiên cứu thực trạng.

3.2.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

Phương pháp này được sử dụng để thu thập phần lớn số liệu trong giai đoạn nghiên cứu thực tiễn. Chúng tôi sử dụng hai loại phiếu là phiếu khảo sát và phiếu phỏng vấn. Khách thể tự điền thông tin vào các phiếu này.

3.2.2.1. Phiếu khảo sát

Phiếu khảo sát gồm 6 thang đo và 1 phần về thông tin cá nhân của người trả lời (xem Phụ lục 1). Do khái niệm xung đột văn hoá là khái niệm tương đối mới và khó hiểu với sinh viên, chúng tôi sắp xếp các thang đo trong phiếu khảo sát theo thứ tự như sau để dẫn dắt người trả lời đi từ các hành vi văn hoá đơn giản tới các khái niệm văn hoá phức tạp: (1) thang đo tiếp biến văn hoá, (2) thang đo gắn bó văn hoá, (3) thang đo xung đột văn hoá, (4) thang đo nhân cách, (5) thang đo sự thống nhất trong gia đình, (6) thang đo áp lực tiếp biến văn hoá, (7) thông tin cá nhân của người trả lời.

a. Thang đo tiếp xúc văn hoá

- Mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây: các mệnh đề 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 15 của câu hỏi 1. Điểm càng cao thể hiện mức độ tiếp xúc càng cao. Độ tin cậy của thang đo là: $\alpha = 0,80$.

- Mức độ tiếp xúc với văn hoá Việt Nam: các mệnh đề 3, 10, 12, 13, 14, 16, 17, 18 của câu hỏi 1. Điểm càng cao thể hiện mức độ tiếp xúc càng cao. Độ tin cậy của thang đo là: $\alpha = 0,68$.

b. Thang đo gắn bó văn hoá

- Mức độ gắn bó với văn hoá Việt Nam: mệnh đề 1 của câu hỏi 2.

- Mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây: mệnh đề 2 của câu hỏi 2.

Điểm càng cao thể hiện mức độ gắn bó càng cao.

c. Thang đo xung đột văn hoá

- Khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá:

+ Nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân: các mệnh đề 1, 4, 5, 16 của câu hỏi 3. Trong đó mệnh đề 1 là mệnh đề đảo ngược.

+ Nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân: các mệnh đề 9, 12, 14 của câu hỏi 3.

+ Nhận thức về khả năng tương tác với các nhóm văn hoá: các mệnh đề 3, 11 của câu hỏi 3. Trong đó mệnh đề 11 là mệnh đề đảo ngược.

Điểm càng cao thể hiện mức độ xung đột càng cao.

- Khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá:

+ Cảm xúc về nguồn gốc văn hoá của bản thân: các mệnh đề 7, 20 của câu hỏi 3.

+ Cảm xúc về tính thống nhất trong hệ giá trị của bản thân: các mệnh đề 5, 10, 13 của câu hỏi 3.

+ Cảm xúc về khả năng tương tác với các nhóm văn hoá: các mệnh đề 2, 8, 15, 17, 18, 19 của câu hỏi 3. Trong đó mệnh đề 15, 17, 18 là mệnh đề đảo ngược.

Điểm càng cao thể hiện mức độ xung đột càng cao.

- Khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá

+ Hành vi lảng tránh xung đột: các mệnh đề 1, 2, 3 của câu hỏi 4.

+ Hành vi tìm hình mẫu: các mệnh đề 4, 5, 6, 7 của câu hỏi 4.

+ Hành vi đồng hoá: mệnh đề 8 của câu hỏi 4.

+ Hành vi bảo thủ: mệnh đề 9 của câu hỏi 4.

+ Hành vi dung hoà: mệnh đề 10 của câu hỏi 4.

+ Hành vi xa lánh: mệnh đề 11 của câu hỏi 4.

Điểm càng cao thể hiện tần suất thực hiện hành vi càng thấp, tương ứng với mức độ xung đột càng cao.

Điểm xung đột văn hoá là trung bình cộng của điểm nhận thức, cảm xúc và hành vi của xung đột văn hoá. Điểm càng cao thể hiện mức độ xung đột càng cao.

Độ tin cậy của thang đo Xung đột văn hoá là: $\alpha = 0,88$

d. Thang đo nhân cách

- Nhân cách hướng ngoại: các mệnh đề 1, 6, 11, 16, 27, 32, 40, 43 của câu hỏi 5. Trong đó mệnh đề 6, 16, 27 là mệnh đề đảo ngược. Điểm càng cao thể hiện nhân cách càng rõ rệt. Độ tin cậy của thang đo Nhân cách hướng ngoại là: $\alpha=0,62$

- Nhân cách cởi mở: các mệnh đề 5, 10, 12, 17, 20, 23, 31, 36, 39, 44 của câu hỏi 5. Trong đó mệnh đề 12, 44 là mệnh đề đảo ngược. Điểm càng cao thể hiện nhân cách càng rõ rệt. Độ tin cậy của thang đo Nhân cách hướng ngoại là: $\alpha=0,58$

- Nhân cách tận tâm: các mệnh đề 3, 8, 14, 18, 21, 25, 29, 34, 42 của câu hỏi 5. Trong đó mệnh đề 8, 18, 25, 42 là mệnh đề đảo ngược. Điểm càng cao thể hiện nhân cách càng rõ rệt. Độ tin cậy của thang đo Nhân cách hướng ngoại là: $\alpha=0,77$

- Nhân cách dễ chịu: các mệnh đề 2, 7, 13, 22, 24, 28, 33, 37, 41 của câu hỏi 5. Trong đó mệnh đề 2, 13, 22, 33 là mệnh đề đảo ngược. Điểm càng cao thể hiện nhân cách càng rõ rệt. Độ tin cậy của thang đo Nhân cách hướng ngoại là: $\alpha=0,52$

- Nhân cách nhiều tâm: các mệnh đề 4, 9, 15, 19, 26, 30, 35, 38 của câu hỏi 5. Trong đó mệnh đề 9, 19, 35 là mệnh đề đảo ngược. Điểm càng cao thể hiện nhân cách càng rõ rệt. Độ tin cậy của thang đo Nhân cách hướng ngoại là: $\alpha=0,59$

e. Thang đo sự thống nhất trong gia đình

Gồm mệnh đề 1 đến 7 của câu hỏi 6. Độ tin cậy của thang đo là: $\alpha=0,79$

** Thang đo áp lực tiếp biến văn hoá*

- Áp lực ngôn ngữ: mệnh đề 1, 2 của câu hỏi 7.
- Áp lực phân biệt đối xử: mệnh đề 3, 4, 5 của câu hỏi 7.
- Áp lực quan hệ liên văn hoá: mệnh đề 6, 7, 8 của câu hỏi 7.
- Áp lực cô lập văn hoá: mệnh đề 9 của câu hỏi 7.

g. Thông tin cá nhân

- Giới tính: câu 8.1
- Tuổi: câu 8.2
- Năm học: câu 8.3
- Trường học: câu 8.4

3.2.2.2. Phiếu phỏng vấn sâu

Phiếu phỏng vấn sâu được chia thành Phiếu phỏng vấn sâu cho sinh viên (xem Phụ lục 2) và Phiếu phỏng vấn sâu cho giảng viên (xem Phụ lục 3). Nội dung của hai phiếu là giống nhau. Phiếu phỏng vấn sâu gồm các câu hỏi mở về các vấn đề sau:

a. Tìm hiểu về mức độ hiểu biết văn hoá

Ở đây, đề tài tìm hiểu thực trạng mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây và phương tiện, cơ hội tiếp xúc với văn hóa phương Tây ở thanh niên. Tìm hiểu nhận thức của thanh niên về sự khác biệt và tương đồng giữa văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam, và các lĩnh vực thể hiện sự khác biệt và tương đồng này.

b. Tìm hiểu về mức độ xung đột văn hoá:

Ở đây, đề tài tìm hiểu về sự xung đột giữa khác biệt của hai nền văn hóa. Tìm hiểu mức độ trải nghiệm những tình huống xảy ra sự khác biệt văn hoá ở sinh viên. Tìm hiểu cảm xúc của sinh viên khi gặp phải những tình huống khác biệt văn hoá. Tìm hiểu hành vi giải quyết xung đột văn hóa của sinh viên. Tìm hiểu quan điểm của sinh viên về khả năng có thể dung hoà giữa cách tư duy kiểu phương Tây và cách tư duy kiểu Việt Nam, về sự kết hợp hai văn hoá, cách thức để dung hoà thành công những khác biệt giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây.

3.2.2.3. Cách xử lý dữ liệu thu thập qua phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

a. Xử lý số liệu thu thập qua phiếu khảo sát

Điểm của các mệnh đề được quy gán giá trị từ 1 đến 5 theo nguyên tắc: 1 là hoàn toàn không đồng ý/không bao giờ thực hiện, cho đến 5 là hoàn toàn đồng ý/rất thường xuyên thực hiện. Các mệnh đề đảo ngược được đổi điểm cho phù hợp với nguyên tắc này.

Điểm của các thang đo thành phần được tính là trung bình cộng điểm của các mệnh đề thuộc thang đo thành phần. Trong các thang có thang đo thành phần, chỉ có thang xung đột văn hoá là được ghép điểm trung bình cộng của các thang đo thành phần thành điểm tổng về xung đột văn hoá. Các thang đo còn lại như thang tiếp xúc văn hoá, gắn bó văn hoá, nhân cách, và áp lực tiếp biến văn hoá được tính điểm riêng cho các thang đo thành phần và không gộp các thang này vào.

Dựa trên dữ liệu thực tế về xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam thu thập được trong nghiên cứu này, chúng tôi chia các mức độ biểu hiện của xung đột văn hoá ở thanh niên như sau:

Bảng 3.3: Cách tính điểm thang đo

Cách tính khoảng	Khoảng điểm thực tế	Mức độ biểu hiện
$1 < X < \text{ĐTB} - 1 \text{ĐLC}$	Điểm từ 1 đến 2,26	Thấp
$\text{ĐTB} - 1 \text{ĐLC} < X < \text{ĐTB} + 1 \text{ĐLC}$	Điểm từ 2,26 đến 3,24	Trung bình
$\text{ĐTB} + 1 \text{ĐLC} < X < 5$	Điểm từ 3,24 đến 5,0	Cao

Ghi chú: X : điểm thực tế.

Trong luận án này, điểm trung bình (ĐTB) của xung đột văn hoá là 2,75. Độ lệch chuẩn (ĐLC) của xung đột văn hoá là 0,49.

Cách tính mức độ này được chúng tôi sử dụng thống nhất cho toàn bộ các thang đo thành phần của thang đo xung đột văn hoá.

b. Xử lý số liệu thu thập qua phiếu phỏng vấn

Dữ liệu thu thập qua phiếu phỏng vấn được thống kê, trích dẫn để minh hoạ, bổ sung cho kết quả thu thập được từ phiếu khảo sát.

3.2.3. Phương pháp xin ý kiến chuyên gia

Phương pháp chuyên gia được áp dụng trong quá trình xây dựng các bảng hỏi. Hai chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý học và tâm lý học văn hoá được tham khảo ý kiến về nội dung của bảng khảo sát và phiếu phỏng vấn sâu. Ý kiến của các chuyên gia được tập hợp và chúng tôi thực hiện các chỉnh sửa tương ứng trong các bảng hỏi này.

3.2.4. Phương pháp thống kê toán học

Dữ liệu thu thập được qua các phiếu khảo sát được nhập vào phần mềm SPSS phiên bản 20.0 và được làm sạch dữ liệu để đảm bảo tính chính xác của việc nhập số liệu. Dữ liệu sau đó được xử lý bằng SPSS. Dữ liệu mô tả thực trạng được phân tích bằng phép thống kê mô tả điểm trung bình, độ lệch chuẩn, tần suất. So sánh dữ liệu theo biến số sử dụng phép phân tích ANOVA và post hoc test nếu kết quả F của ANOVA có ý nghĩa về mặt thống kê. Đánh giá tác động của các yếu tố ảnh hưởng

sử dụng phép hồi quy tuyến tính. Đánh giá tác động của thực nghiệm tác động sử dụng phép phân tích Crosstab.

3.2.5. Phương pháp thực nghiệm tác động

Phương pháp thực nghiệm tác động được thực hiện nhằm kiểm nghiệm khả năng tác động tới xung đột văn hoá, mà cụ thể là khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá, qua cơ chế tâm lý tiềm thức. Đây là quá trình tâm lý mà thông tin thu thập từ phương pháp điều tra bằng bảng hỏi không thể cung cấp được.

3.2.5.1. Cơ sở đề xuất biện pháp tác động

Theo Bách khoa thư về khoa học nhận thức, *hiệu ứng môi* là “sự thay đổi trong phản ứng với một kích thích nào đó được gây ra bởi việc tiếp xúc với chính kích thích đó hoặc kích thích tương tự trong thời gian gần” [96, tr.55]. Nói cách khác, phản ứng của con người với các kích thích hằng ngày trong cuộc sống không chỉ phụ thuộc vào kinh nghiệm và kiến thức của cá nhân về vấn đề đó, mà còn phụ thuộc vào trải nghiệm gần nhất của cá nhân với kích thích đó hoặc các kích thích tương tự. Hiệu ứng môi được sử dụng đầu tiên trong những nghiên cứu về trí nhớ, và sau này được ứng dụng vào rất nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác, trong đó có tâm lý học văn hoá.

Tác giả Hong và cộng sự là một trong những người tiên phong đưa hiệu ứng môi vào nghiên cứu tâm lý của những người song văn hoá – những người mang trong mình hệ tư tưởng của hai hay nhiều nền văn hoá. Các tác giả này cho rằng những người song văn hoá có vốn tri thức về nhiều văn hoá song song tồn tại, được gọi là các khung tri thức văn hoá, và họ có thể sử dụng khung tri thức văn hoá này hay khung tri thức văn hoá kia để phân tích tình huống và hành xử tương ứng theo những quy chuẩn mà khung văn hoá đó định sẵn. Tùy theo hoàn cảnh, người song văn hoá có thể thay đổi giữa các khung tri thức văn hoá này, một hiện tượng mà Hong và cộng sự gọi là *chuyển khung tri thức* (frame switching) [80]. Bản chất của hiện tượng này chính là hiệu ứng môi, trong đó các kích thích từ môi trường bên ngoài gợi nhắc cá nhân về vốn tri thức văn hoá nào đó mà họ đã có sẵn, từ đó thúc đẩy cá nhân suy nghĩ và hành động theo những quy chuẩn văn hoá tương ứng.

Hiệu ứng môi có thể áp dụng cho mọi đối tượng, nhưng trong tâm lý học văn hoá, các nhà nghiên cứu thường áp dụng hiệu ứng này cho những người song văn hoá hoặc đa văn hoá, tức là những người đã nội tại hoá một cách sâu sắc hai hay nhiều nền văn hoá. Người Việt Nam tuy chưa được xác định là người song văn hoá, nhưng những tác động mạnh mẽ của văn hoá phương Tây lên đời sống của giới trẻ Việt Nam cho phép chúng ta kỳ vọng về tác động của hiệu ứng môi trong việc kích hoạt các vốn tri thức văn hoá khác nhau ở thanh niên, từ đó tác động tới hành vi giải quyết xung đột văn hoá của thanh niên.

Một cơ sở nữa để áp dụng hiệu ứng môi trong việc định hướng hành vi giải quyết xung đột của thanh niên là ở tính dễ quan sát của hành vi. Trong ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá, hành vi giải quyết xung đột là khía cạnh dễ quan sát khách quan nhất. Ngay cả khi không có điều kiện quan sát khách quan thì hành vi cũng là khía cạnh dễ miêu tả và phân loại hơn các khía cạnh còn lại của xung đột văn hoá. Do đó, chúng tôi lựa chọn khía cạnh hành vi giải quyết xung đột văn hoá thay vì toàn bộ khái niệm xung đột văn hoá hay hai khía cạnh còn lại để nghiên cứu tác động của hiệu ứng môi tới xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam.

3.2.5.2. Mục đích thực nghiệm

Tìm hiểu khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá ở thanh niên được khảo sát, cụ thể là thanh niên sẽ lựa chọn hành vi giải quyết xung đột văn hoá nào khi họ được kích hoạt về văn hoá.

3.2.5.3. Giả thuyết thực nghiệm

Để thực hiện thực nghiệm tác động, chúng tôi giả thuyết rằng :

Khi văn hoá phương Tây được kích hoạt, thanh niên thực hiện những hành vi phù hợp với chuẩn mực văn hoá phương Tây nhiều hơn là hành vi phù hợp với chuẩn mực văn hoá Việt Nam. Khi văn hoá Việt Nam được kích hoạt, thanh niên lựa chọn hành vi phù hợp với văn hoá Việt Nam nhiều hơn hành vi phù hợp với văn hoá phương Tây.

Áp dụng vào hành vi giải quyết xung đột văn hoá, khi văn hoá phương Tây được kích hoạt, thanh niên sẽ có xu hướng giải quyết xung đột bằng hành vi đồng

hóa nhiều hơn các loại hành vi khác. Khi văn hóa Việt Nam được kích hoạt, thanh niên có xu hướng lựa chọn hành vi bảo thủ nhiều hơn các hành vi khác. Với hành vi dung hoà và hành vi xa lánh, không có sự khác biệt theo văn hoá được kích hoạt.

3.2.5.4. Nội dung thực nghiệm

Thực nghiệm được xây dựng theo thiết kế liên đối tượng. Nghiệm thể tham gia thực nghiệm được lựa chọn ngẫu nhiên, và được phân ngẫu nhiên vào 1 trong 2 trường hợp tác động là trường hợp kích hoạt văn hoá Việt Nam hoặc trường hợp kích hoạt văn hoá phương Tây. Nghiệm thể sau khi đã được “mồi” khung tri thức văn hoá sẽ được yêu cầu giải quyết 2 tình huống xung đột văn hoá. Dữ liệu thu thập từ thực nghiệm tác động được phân tích bằng phần mềm SPSS. Phương pháp này được trình bày cụ thể trong mục 3.1.4.

Tiểu kết chương 3

Việc tổ chức nghiên cứu luận án được thực hiện theo chu trình khoa học và chặt chẽ, với sự phối hợp của nhiều phương pháp khác nhau. Quá trình nghiên cứu đi từ tổng quan các nghiên cứu đã có về xung đột văn hoá ở thanh niên, xây dựng khung lý thuyết cho vấn đề nghiên cứu hiện tại là xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam, đến tìm hiểu thực trạng các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam và xem xét tác động của các yếu tố khác nhau ảnh hưởng tới xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam. Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng đa dạng, bổ sung, hỗ trợ lẫn nhau, giúp cho kết quả nghiên cứu được đầy đủ và chính xác hơn. Dữ liệu điều tra được xử lý theo phương pháp định lượng và định tính, đảm bảo tính khoa học và độ tin cậy cho kết quả của đề tài. Những cơ sở trên cho phép luận án thu được những kết quả nghiên cứu mang tính khách quan và tính khoa học cao.

CHƯƠNG 4
KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TIỄN VỀ
CÁC KHÍA CẠNH TÂM LÝ CỦA XUNG ĐỘT VĂN HÓA
Ở THANH NIÊN VIỆT NAM

Như đã phân tích ở trên, khi nghiên cứu về khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam, luận án đã khảo sát thực tiễn ở sinh viên ba trường đại học là sinh viên Trường Đại học ngoại ngữ, Đại học quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và sinh viên Trường Đại học Tân Trào (Tuyên Quang). Chính vì vậy, phân tích kết quả nghiên cứu thực tiễn về khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam trong luận án này là phân tích khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên sinh viên của ba trường đại học được khảo sát. Để cho đơn giản, thuật ngữ thanh niên sinh viên được khảo sát được gọi tắt là thanh niên.

4.1. Thực trạng biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên

4.1.1. Đánh giá chung thực trạng biểu hiện các khía cạnh tâm lý

4.1.1.1. Thực trạng chung về mức độ xung đột văn hóa ở thanh niên

Để tìm hiểu thực trạng biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên, trước hết chúng tôi tìm hiểu thực trạng xung đột văn hóa ở thanh niên được khảo sát.

Bảng 4.1: Mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên

TT	Mức độ xung đột văn hoá	Số lượng (N)	Tỷ lệ %	ĐTB	ĐLC
1	Thấp	85	15,8	2,01	0,17
2	Trung bình	365	67,7	2,74	0,27
3	Cao	89	16,5	3,51	0,22
	Tổng	539	100	2,75	0,49

Ghi chú: ĐTB từ 1 đến 2,26: xung đột văn hoá ở mức thấp;

ĐTB từ 2,26 đến 3,24: xung đột văn hoá ở mức trung bình;

ĐTB từ 3,24 đến 5: xung đột văn hoá ở mức cao

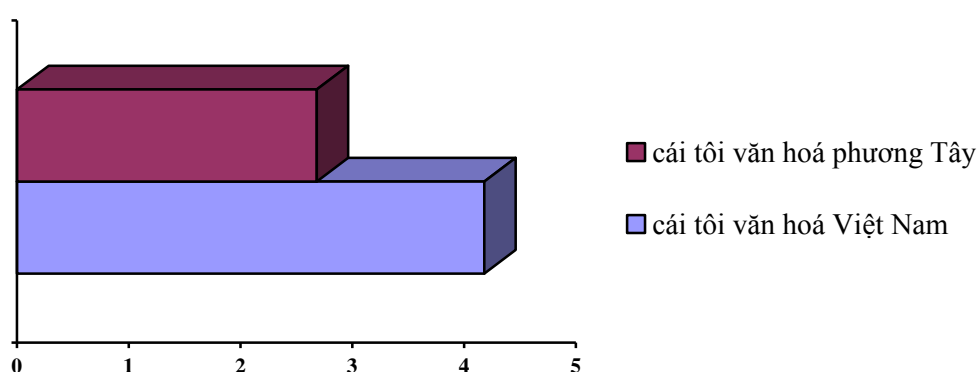
Số liệu khảo sát bảng 4.1 cho thấy đa số sinh viên được khảo sát có mức độ xung đột văn hóa ở mức trung bình. Có tới hơn 80% thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức trung bình và mức thấp. Như vậy, ở đại bộ phận thanh niên – sinh viên, cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng có sự tương đồng cao, ít mâu thuẫn. Kết quả này phản ánh quá trình hoà nhập và tiếp nhận văn hoá phương Tây của thanh niên Việt Nam là ở mức tốt. Thanh niên tỏ ra linh hoạt trong việc tiếp xúc với các nền văn hoá đa dạng, và giải quyết tốt những khác biệt giữa các nền văn hoá để tránh được sự mâu thuẫn giữa các cái tôi văn hoá. Sự tương đồng giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng ở đại đa số thanh niên là khá rõ.

Điểm đáng lưu ý là có gần 1/5 số sinh viên được khảo sát có mức xung đột văn hoá ở mức độ cao. Ở những thanh niên này, sự mâu thuẫn giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng là khá lớn. Số lượng thanh niên thuộc nhóm xung đột cao chỉ chiếm 16,5% của tổng số khách thể nghiên cứu, một tỉ lệ không cao. Kết quả này khẳng định giả thuyết nghiên cứu thứ nhất của luận án này, rằng thanh niên Việt Nam có trải nghiệm xung đột văn hoá, nhưng ít thanh niên trải nghiệm xung đột ở mức cao.

Bảng 4.1 cũng cho thấy tỉ lệ thanh niên có mức xung đột văn hoá cao và thanh niên có mức xung đột văn hoá thấp là tương đương nhau (khoảng 16%). Xem xét cụ thể hơn hai nhóm này cũng cho thấy điểm trung bình xung đột văn hoá của nhóm xung đột thấp và điểm trung bình của nhóm xung đột văn hoá cao có sự khác biệt rất rõ. Sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê: $Md = -1,50, p=0,00$. Đồng thời, độ lệch chuẩn của hai nhóm này cũng ở mức thấp, lần lượt là 0,17 và 0,22, cho thấy điểm số của các thanh niên thuộc mỗi nhóm khá tương đồng, không có độ chênh lệch cao. Đây là cơ sở quan trọng để tiến hành so sánh giữa các nhóm với các mức độ xung đột văn hoá khác nhau, bởi có tồn tại hai nhóm với những đặc điểm đặc trưng và có tính thống nhất cao giữa các thành viên trong nhóm thì sự so sánh mới có tính đại diện và có thể dự đoán xu hướng phát triển của vấn đề được nghiên cứu. Số lượng thanh niên thuộc hai nhóm này cũng tương đương nhau, cho phép việc so

sánh định lượng giữa các nhóm này được dễ dàng hơn. Vì thế, trong những phân tích tiếp theo, chúng tôi sẽ chỉ quan tâm so sánh các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá giữa nhóm thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức cao và nhóm thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức thấp.

Một đặc điểm của xung đột văn hoá ở thanh niên là thanh niên phải gắn bó chặt chẽ với cả hai cái tôi văn hoá ở mức tương đương nhau. Chúng tôi yêu cầu thanh niên tự đánh giá về mức độ gắn bó của mình với văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây. Kết quả cho thấy đại bộ phận thanh niên gắn bó với cái tôi văn hoá Việt Nam/cái tôi văn hoá cộng đồng chặt chẽ hơn cái tôi văn hoá phương Tây/cái tôi văn hoá cá nhân (xem Biểu đồ 4.1). Sự chênh lệch này có ý nghĩa về mặt thống kê: $Md = 1,50$, $p < 0,05$. Như vậy, ở đa số thanh niên Việt Nam, cái tôi văn hoá cộng đồng mạnh hơn và lấn át cái tôi văn hoá cá nhân, dẫn tới việc thanh niên Việt Nam ít trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức rõ rệt.



Biểu đồ 4.1: Mức độ gắn bó với các cái tôi văn hoá của thanh niên Việt Nam

Khi đánh giá về mức độ gắn bó với văn hoá Việt Nam, sinh viên cũng thường xuyên sử dụng các từ ngữ như “*Tôi là là người Việt Nam*” (Nữ sinh viên 21 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), “*Tôi sinh ra và lớn lên trong văn hoá truyền thống dân tộc*”(Nữ sinh viên 20 tuổi, Trường Đại học Ngoại ngữ), “*Văn hoá Việt Nam đã đi sâu vào con người tôi*” (Nam, 20 tuổi, Đại học Sư phạm Hà Nội), “*Tôi yêu văn hóa truyền thống vì đó là bản sắc văn hoá dân tộc*” (Nữ sinh viên 23 tuổi,

Trường Đại học Tân Trào). Các cụm từ này là sự khẳng định rõ ràng về vị trí thành viên của thanh niên trong nền văn hoá truyền thống, cũng chính là sự tự khẳng định về nguồn gốc văn hoá của bản thân thanh niên.

Kết quả này cũng phản ánh bản chất của quá trình tiếp biến văn hoá ở thanh niên Việt Nam. Mặc dù thanh niên Việt Nam rất cởi mở tiếp nhận văn hoá phương Tây, nhưng kết quả của quá trình tiếp biến văn hoá này vẫn là sự gắn bó chặt chẽ với văn hoá Việt Nam, với những giá trị của nền văn hoá truyền thống. Đại bộ phận thanh niên Việt Nam hình thành cái tôi văn hoá cộng đồng rõ ràng hơn cái tôi văn hoá cá nhân, hay nói cách khác là thanh niên Việt Nam tự ý thức về mình là một thành viên của nền văn hoá Việt Nam chứ không phải một nền văn hoá pha tạp hay nền văn hoá phương Tây. Chính vì vậy mà đa số thanh niên Việt Nam chỉ trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức trung bình.

Kết quả này cũng tương đồng với các kết quả nghiên cứu trước đó về hệ giá trị của thanh niên Việt Nam. Mặc dù thanh niên Việt Nam có một hệ giá trị văn hoá đa dạng, pha tạp giữa giá trị văn hoá cộng đồng và giá trị văn hoá cá nhân, nhưng rất nhiều giá trị cốt lõi của văn hoá Việt Nam truyền thống vẫn được duy trì, thậm chí còn có xu hướng tăng lên, như đức tính cần cù, chịu khó, ý chí phấn đấu rèn luyện [26]. Với những giá trị có xu hướng thay đổi như lòng hiếu thảo, truyền thống tôn sư trọng đạo hay tinh thần đoàn kết, sự biến đổi không theo hướng loại bỏ hoàn toàn giá trị cũ để thay thế bằng giá trị mới từ một nền văn hoá khác, mà thay đổi theo xu hướng thay thế một phần/một nội dung của giá trị cũ bằng một nội dung khác của giá trị mới. Ví dụ, nghiên cứu của Phạm Minh Hạc chỉ ra sự thay đổi trong quan niệm của thanh niên hiện nay về đạo đức gia đình [11]. Đa số thanh niên đồng tình rằng con cái phải luôn kính trọng ông bà cha mẹ, nhưng họ không đồng tình với việc con cái luôn phải yêu thương và tôn trọng cha mẹ dù cha mẹ có lỗi lầm như thế nào. Như vậy, nội dung phục tùng cha mẹ trong giá trị lòng hiếu thảo đã được thay thế, nhưng giá trị lòng hiếu thảo vẫn được tôn vinh và duy trì.

Kết quả này có thể được lý giải bằng bản chất chủ động của thanh niên Việt Nam trong quá trình tiếp biến văn hoá. Như đã phân tích ở chương 2, đặc trưng của

thanh niên bản xứ, trong đó có thanh niên Việt Nam, trong quá trình tiếp biến văn hoá là tính chủ động lựa chọn nền văn hoá mà mình muốn tiếp nhận. Thanh niên Việt Nam ít chịu áp lực buộc phải tiếp nhận một nền văn hoá mới, một hệ giá trị văn hoá mới để thích nghi. Nghiên cứu của Lê Thị Thanh Hương về thái độ của thanh niên Việt Nam với việc hội nhập văn hoá chỉ ra rằng phần lớn thanh niên đồng tình với việc mở cửa hội nhập văn hoá với thế giới, nhưng họ đánh giá mức độ hội nhập chỉ nên ở mức trung bình, tức là nên hài hòa giữa việc giữ gìn bản sắc dân tộc và hội nhập quốc tế [23]. Chính nhờ thái độ tiếp biến văn hoá một cách có chọn lọc này mà thanh niên Việt Nam vẫn gắn bó chặt chẽ với cái tôi văn hoá Việt Nam như kết quả mà đề tài này chỉ ra, mặc dù xét về hệ giá trị văn hoá thì hệ giá trị văn hoá của thanh niên Việt Nam là hệ giá trị văn hoá pha tạp.

Đáng chú ý là với thanh niên ở nhóm xung đột cao, không có sự khác biệt rõ trong tự đánh giá về mức độ gắn bó với hai nền văn hoá: $Md = 0,14, p > 0,05$. Nói cách khác, thanh niên ở nhóm xung đột cao gắn bó với cả hai nền văn hoá ở mức tương đương nhau. Chính điều này dẫn tới sự xung đột giữa các cái tôi văn hoá ở thanh niên thuộc nhóm này, hay chính là dẫn tới xung đột văn hoá cao. Như vậy, thanh niên ở nhóm xung đột cao đảm bảo điều kiện xảy ra xung đột văn hoá, trong khi thanh niên ở nhóm xung đột trung bình và thấp không đảm bảo điều kiện này. Kết quả này cũng gián tiếp khẳng định rằng những thanh niên gắn bó với cả hai cái tôi văn hoá ở mức tương đương nhau sẽ dễ trải nghiệm xung đột văn hoá hơn những thanh niên thiên về một trong hai cái tôi văn hoá.

Kết quả phỏng vấn sâu với một số thanh niên ở nhóm xung đột cao cho chúng ta cái nhìn rõ hơn về quá trình trải nghiệm xung đột văn hoá ở những thanh niên này. Khi được hỏi về hoàn cảnh mà thanh niên hay gặp phải xung đột văn hoá, nhiều thanh niên trải nghiệm xung đột cao thường viện dẫn các tình huống liên quan tới các thế hệ trong một gia đình, đặc biệt là tình huống xảy ra giữa thanh niên với tư cách là con và bố mẹ của họ. Một sinh viên nữ cho biết: *“Tôi thường xuyên gặp những tình huống như vậy (tình huống xung đột giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây) xảy ra giữa tôi và bố mẹ. Ví dụ, bố mẹ tôi thường sống vì con cái, chặt*

chịu để dành cho con. Thế hệ trẻ như chúng tôi thì thích dành tiền hưởng thụ cuộc sống, đi du lịch. Tôi nhiều lần gợi ý bố mẹ để dành tiền đi du lịch chỗ này chỗ kia vào các dịp lễ tết, nhưng bố mẹ tôi không thích. Rồi thì cả lối sống hàng ngày, lúc nào các cụ cũng tắt bật nhà cửa. Như mẹ tôi đi làm về là lao vào làm việc gia đình, chả có thời gian đâu chăm sóc bản thân. Nếu là tôi, tôi thích thuê người giúp việc để dành thời gian cho mình và gia đình nhiều hơn. Nhưng có góp ý thì các cụ cũng có nghe đâu. Nhiều khi cũng thấy chán” (Nữ, 24 tuổi, Đại học Ngoại ngữ).

Ý kiến phỏng vấn trên cho thấy các cái tôi văn hóa khác nhau của thanh niên ở nhóm xung đột cao được thể hiện trong hành vi, hoạt động sống hàng ngày như thế nào. Trong các tình huống này, có thể thấy rõ cái tôi văn hóa cộng đồng của thanh niên thuộc nhóm này được phản ánh gián tiếp qua cái tôi văn hóa cộng đồng của bố mẹ họ. Bố mẹ đại diện cho văn hoá truyền thống; cách suy nghĩ và hành xử của bố mẹ phản ánh cái tôi văn hóa cộng đồng nổi trội của họ. Còn thanh niên đại diện cho văn hoá mới, với nhiều giá trị pha tạp, nghiêng về giá trị văn hoá phương Tây; nên cách suy nghĩ và lối hành xử của họ phản ánh cái tôi văn hóa cá nhân. Xung đột nảy sinh khi hai cái tôi này mâu thuẫn với nhau, thể hiện trong các tình huống đời sống cụ thể như thói quen chi tiêu, quan niệm về thời gian dành cho gia đình và bản thân, v.v.

Tóm lại, thanh niên ở nhóm xung đột văn hóa cao có nhiều đặc điểm tâm lý đặc trưng, khác biệt với thanh niên nói chung, đặc biệt là thanh niên ở nhóm xung đột văn hóa thấp. So sánh biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa giữa hai nhóm này có ý nghĩa lý luận và thực tiễn thiết thực.

4.1.1.2. Thực trạng chung biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa

Như đã phân tích ở chương 2, xung đột văn hoá được thể hiện ở 3 khía cạnh tâm lý là khía cạnh nhận thức, cảm xúc và hành vi. Kết quả khảo sát 539 sinh viên của ba trường đại học cho ta kết quả chung về mức độ biểu hiện khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên sinh viên như sau:

Bảng 4.2 : Đánh giá chung mức độ thể hiện khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở sinh viên

TT	Khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá	ĐTB	ĐLC	Mức độ
1	Nhận thức	2,51	0,69	Trung bình
2	Cảm xúc	2,66	0,77	Trung bình
3	Hành vi	3,09	0,46	Trung bình
	Trung bình chung	2,75	0,49	Trung bình

Ghi chú: ĐTB từ 1 đến 2,26: xung đột văn hoá ở mức thấp;

ĐTB từ 2,26 đến 3,24: xung đột văn hoá ở mức trung bình;

ĐTB từ 3,24 đến 5: xung đột văn hoá ở mức cao

Bảng 4.2 cho điểm trung bình chung biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên sinh viên được khảo sát nằm ở mức *trung bình*, với độ đa dạng của ý kiến thấp (ĐTB = 2,75 và ĐLC = 0,49). Như vậy, ở đại bộ phận thanh niên, những biểu hiện tâm lý của xung đột văn hoá là không rõ ràng.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, khi được hỏi về cảm giác trải nghiệm xung đột văn hoá, rất nhiều thanh niên không cảm thấy xung đột rõ rệt. “*Tôi cảm thấy bình thường, vì mỗi đất nước có một nền giáo dục, văn hoá riêng. Tôi đã có sự hiểu biết từ trước, đã hiểu sự khác biệt giữa [văn hoá] phương Đông và phương Tây, nên nếu có gặp những tình huống xung đột thì tôi cũng không bất ngờ lắm*” (Nam, 23 tuổi, Đại học Sư phạm Hà Nội). Những suy nghĩ này cho thấy xung đột văn hoá không tác động quá nhiều tới đời sống tâm lý của đại bộ phận thanh niên Việt Nam.

Nếu so sánh giữa ba khía cạnh tâm lý thì khía cạnh hành vi biểu hiện rõ nhất, tiếp đến là khía cạnh cảm xúc và thấp nhất là khía cạnh nhận thức. Nói cách khác, ở đại bộ phận thanh niên Việt Nam, xung đột văn hoá biểu hiện rõ rệt hơn qua hành động, còn khi đi vào chiều sâu nhận thức và cảm xúc thì xung đột văn hoá trở nên nhạt nhoà. Sự mâu thuẫn về nhận thức cái tôi cũng như những cảm xúc giằng xé, băn khoăn do quá trình tranh đấu giữa các cái tôi này gây ra cho đại đa số thanh niên là không rõ rệt.

Những kết quả này cho thấy bức tranh toàn cảnh về xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam. Do đại đa số thanh niên Việt Nam chỉ trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức trung bình nên các biểu hiện cụ thể của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt

Nam, như biểu hiện về nhận thức, cảm xúc và hành vi, đều không rõ rệt. Đây là hệ quả của quá trình tiếp biến văn hoá một cách chủ động, ít áp lực ở thanh niên Việt Nam. Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, chúng tôi quan tâm nhiều hơn tới sự khác biệt trong biểu hiện xung đột văn hoá giữa thanh niên thuộc nhóm xung đột văn hoá cao và thanh niên thuộc nhóm xung đột văn hoá thấp. Vì vậy, dưới đây chúng tôi phân tích từng biểu hiện cụ thể của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam trong so sánh giữa hai nhóm này.

4.1.2. Thực trạng biểu hiện cụ thể các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên

Bảng 4.3: Mức độ biểu hiện chung các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên (Theo nhóm xung đột)

TT	Khía cạnh xung đột văn hoá	Nhóm XĐVH thấp		Nhóm XĐVH cao	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nhận thức	1,62	0,33	3,40	0,39
2	Cảm xúc	1,57	0,38	3,66	0,44
3	Hành vi	2,87	0,42	3,47	0,50

Ghi chú: ĐTB từ 1 đến 2,26: xung đột văn hoá ở mức thấp;
ĐTB từ 2,26 đến 3,24: xung đột văn hoá ở mức trung bình;
ĐTB từ 3,24 đến 5: xung đột văn hoá ở mức cao

So sánh giữa nhóm thanh niên xung đột văn hoá thấp với nhóm thanh niên có xung đột văn hoá cao, ta thấy điểm trung bình ở cả ba khía cạnh nhận thức, cảm xúc và hành vi đều có sự khác biệt lớn. Biểu hiện của các khía cạnh tâm lý ở nhóm thanh niên có xung đột văn hoá cao đều ở mức độ cao (ĐTB từ 3,40 đến 3,47), còn biểu hiện của các khía cạnh tâm lý ở nhóm thanh niên có xung đột văn hoá thấp đều ở mức độ thấp đến trung bình (ĐTB từ 1,62 đến 2,87). Điều này cho thấy sự thống nhất, đồng đều trong các mặt biểu hiện của xung đột văn hoá, với các mặt biểu hiện đều ở mức tương đương nhau.

Đối với nhóm thanh niên có xung đột văn hoá thấp, khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá thể hiện xung đột rõ nhất. Nói cách khác, mặc dù mức độ xung đột văn hoá của nhóm này là không cao, nhưng thanh niên vẫn gặp những khó khăn

nhất định khi quyết định hành vi giải quyết xung đột văn hóa. Thanh niên ở nhóm này ít gặp mâu thuẫn nhận thức khi tự nhận thức về các cái tôi văn hóa của bản thân, và ít gặp những cảm xúc giằng xé liên quan tới sự mâu thuẫn giữa các cái tôi văn hóa.

Đối với nhóm thanh niên có xung đột văn hóa cao thì khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa thể hiện xung đột rõ nhất. Như vậy, thanh niên ở nhóm này gặp nhiều khó khăn nhất khi giải quyết những cảm xúc giằng xé giữa cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng. Những khó khăn về mâu thuẫn nhận thức và hành vi giải quyết xung đột văn hóa ở nhóm này cũng rõ rệt nhưng không nổi trội bằng khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hóa.

Sự khác biệt rõ nhất giữa nhóm thanh niên có xung đột văn hóa thấp và nhóm thanh niên có xung đột văn hóa cao thể hiện ở mặt cảm xúc (sự chênh lệch điểm trung bình là 2,09, $p=0,00$), tiếp đến là mặt nhận thức (sự chênh lệch điểm trung bình là 1,78, $p=0,00$). Sự khác biệt ít nhất giữa hai nhóm này thể hiện ở mặt hành vi (sự chênh lệch điểm trung bình là 0,60, $p=0,00$). Kết quả này cho thấy xung đột văn hoá ở thanh niên gây ra những khác biệt căn bản về mặt nhận thức và cảm xúc cho những người trải nghiệm xung đột ở mức độ cao, trong khi những khác biệt về mặt hành vi là ít rõ ràng hơn. Nói cách khác, khi xung đột văn hoá đi vào chiều sâu của nhận thức và cảm xúc thì sự phân hoá giữa thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá thấp và nhóm xung đột văn hoá cao càng rõ ràng. Thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá cao trải nghiệm mâu thuẫn khi tự nhận thức về cái tôi văn hoá bản thân, và đặc biệt là cảm xúc băn khoăn, giằng xé khi phải lựa chọn giữa hai cái tôi này, rõ rệt hơn hẳn thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá thấp. Cần chú ý là khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá bao gồm nhiều loại hành vi giải quyết xung đột đa dạng, nên cần đi sâu phân tích từng loại hành vi giải quyết xung đột thì mới có thể làm rõ đặc trưng hành vi giải quyết xung đột văn hoá của thanh niên trải nghiệm xung đột ở mức cao.

Để hiểu rõ hơn biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn của thanh niên chúng tôi đi sâu vào phân tích biểu hiện cụ thể của từng khía cạnh tâm lý của xung

độ văn hoá ở thanh niên, đặt trong so sánh giữa thanh niên trải nghiệm xung độ văn hoá ở mức độ thấp và thanh niên trải nghiệm xung độ văn hoá ở mức độ cao. Mâu thuẫn giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng trong mỗi thanh niên sẽ được biểu hiện qua các khía cạnh tâm lý này.

4.1.2.1. Khía cạnh nhận thức của xung độ văn hoá ở thanh niên Việt Nam

Theo như phân tích ở trên, khía cạnh nhận thức của xung độ văn hoá bao gồm nhận thức về ba nội dung sau: nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân, nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân, và nhận thức về sự tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá. Điểm cụ thể của từng nội dung nhận thức được thể hiện qua bảng 4.4.

Bảng 4.4: Mức độ biểu hiện khía cạnh nhận thức của xung độ văn hoá ở thanh niên

TT	Nội dung nhận thức của xung độ văn hoá	Nhóm XĐVH thấp		Nhóm XĐVH cao	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân	1,24	0,33	3,22	0,63
2	Nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân	1,28	0,34	3,70	0,63
3	Nhận thức về khả năng tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá khác	2,36	0,95	3,29	0,71

Ghi chú: ĐTB từ 1 đến 2,26: xung độ văn hoá ở mức thấp;
 ĐTB từ 2,26 đến 3,24: xung độ văn hoá ở mức trung bình;
 ĐTB từ 3,24 đến 5: xung độ văn hoá ở mức cao

Bảng 4.4 cho thấy, ở nhóm thanh niên có xung độ cao, mức độ xung độ ở cả ba nội dung của khía cạnh nhận thức đều cao hơn nhiều so với nhóm có xung độ thấp.

Đối với nhóm thanh niên có xung độ cao, xung độ giữa các cái tôi văn hoá thể hiện rõ ràng nhất ở nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân, với sự chênh lệch điểm trung bình giữa hai nhóm là $Md = 2,42$, $p = 0,00$; tiếp đến là nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân: $Md = 1,97$, $p=0,00$; và cuối cùng là nhận thức về khả năng tương tác với các nhóm văn hoá khác: $Md = 0,93$, $p=0,00$. Kết quả này cho thấy thanh niên ở nhóm xung độ cao gặp mâu thuẫn

nhận thức nhiều nhất khi phải suy ngẫm về hệ giá trị văn hoá của bản thân. Như đã phân tích ở trên, ở những thanh niên này song song tồn tại cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng, và độ mạnh của hai cái tôi này là tương đương nhau do thanh niên gắn bó với cả hai cái tôi văn hoá này ở mức tương đương nhau. Chính vì vậy, khi phải xác định cho mình một hệ giá trị văn hoá duy nhất, thể hiện tính thống nhất với quan niệm cái tôi của mình, thì thanh niên ở nhóm này gặp nhiều khó khăn nhất, do bản chất của hai cái tôi văn hoá của họ là khác biệt nhau, và các hệ giá trị văn hoá gắn với hai cái tôi này cũng khác biệt nhau.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức cao thường khó xác định được cho mình một hệ giá trị văn hoá cố định nào. Ví dụ như: *“Tôi luôn cố gắng là chính mình, nhưng nhiều khi cũng phải khẳng định bản thân theo một cách nào đó. Kiểu như, không phải cứ là người Việt Nam thì làm gì cũng nhất nhất kiểu truyền thống. Khi suy nghĩ hay hành động một vấn đề gì, tôi thường xem xét tùy theo hoàn cảnh. Cũng có lúc văn hoá Việt Nam phù hợp, nhưng văn hoá phương Tây cũng có nhiều cái tiến bộ mà chúng ta cần học hỏi, tiếp thu để thay đổi cái cũ. Tôi luôn cố gắng chọn cách hành xử phù hợp nhất với mình và mọi người xung quanh, bất kể cách đó là theo văn hoá nào.”* (Nam, sinh viên 22 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội). Sự thiếu thống nhất trong hệ giá trị văn hoá của thanh niên này được thể hiện rõ nhất qua những câu trả lời cuối của thanh niên. Anh ta phải đấu tranh giữa một bên là sự phù hợp của những giá trị văn hoá Việt Nam và một bên là sự phù hợp của những giá trị văn hoá phương Tây. Sự tự tin về một hệ giá trị văn hoá đặc trưng Việt Nam giảm dần khi thanh niên này đề cập tới tính phù hợp của các giá trị văn hoá phương Tây trong thực tế đời sống của mình. Vì thế, một mặt anh ta cố giữ hình ảnh thống nhất về bản thân với tư cách là một người Việt Nam truyền thống (“cố gắng là chính mình”), một mặt anh ta muốn chứng tỏ hệ giá trị pha tạp của mình là phù hợp (“khẳng định bản thân”). Chính việc anh ta tự nhận thức được sự tồn tại của hệ giá trị văn hoá pha tạp này đã dẫn tới ý thức về tính thiếu thống nhất trong hệ giá trị của bản thân.

Hơn nữa, những thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức độ cao thường thiếu niềm tin vào hệ giá trị văn hoá của mình. Khi được hỏi về niềm tin vào các giá trị văn hoá mà họ đã lựa chọn, mặc dù hầu hết đều trả lời rằng mình có niềm tin, nhưng những lý do họ đưa ra khá khiên cưỡng, như “*đã chọn thì phải tin*” (Nam, 23 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), “*phải tin thì mới thành công*” (Nữ, 24 tuổi, Trường Đại học Tân Trào), “*tin vì nó giúp bản thân có mục đích để hướng tới, để cố gắng hơn*” (Nữ, 21 tuổi, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội). Với những thanh niên này, rất có thể niềm tin vào hệ giá trị của bản thân không bắt nguồn từ sự thống nhất trong chính hệ giá trị mà bắt nguồn từ sự nhận thức của bản thân về nhu cầu có một hệ giá trị thống nhất với động cơ, mục đích hoạt động và hành vi thực tế.

Như vậy, có thể thấy rằng, ở những thanh niên có mức độ xung đột văn hoá cao, tự ý thức về một hệ giá trị văn hoá thiếu thống nhất đã dẫn tới việc họ thiếu niềm tin vào hệ giá trị văn hoá của mình.

Thanh niên ở nhóm này ít gặp khó khăn hơn khi nhìn nhận về khả năng tương tác của mình với các nhóm văn hoá khác nhau, bao gồm cả nhóm đặc trưng văn hoá cộng đồng và nhóm đặc trưng văn hoá cá nhân. Mặc dù ở họ tồn tại nhiều cái tôi văn hoá đa dạng, họ vẫn cho rằng mình ít gặp khó khăn khi phải tương tác với các nhóm văn hoá – xã hội khác. Nguyên nhân có thể là do thanh niên Việt Nam nói chung đề cao tính linh hoạt, xử lý vấn đề tùy theo tình huống, nên việc tương tác với những người thuộc các nền tảng văn hoá khác nhau ít gây khó khăn cho thanh niên, ngay cả thanh niên ở nhóm xung đột cao.

Như vậy, với thanh niên ở nhóm xung đột cao, khi đi vào chiều sâu của nhận thức, đặc biệt là nhận thức về hệ giá trị của bản thân để hình thành nên các cái tôi văn hoá, thì thanh niên càng dễ gặp xung đột văn hoá hơn.

Ở nhóm thanh niên có xung đột văn hóa thấp, xung đột rõ nhất thể hiện ở nhận thức về khả năng tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá khác (xem bảng 4.4). Chính qua tiếp xúc với các nhóm văn hóa khác, thanh niên của nhóm này nhận ra nhiều hơn mâu thuẫn giữa cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng

của mình. Như vậy, với thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá thấp thì tính chất của xung đột văn hoá lại ngược chiều với thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá cao. Càng xa khỏi các vấn đề liên quan đến chiều sâu của nhận thức thì thanh niên càng dễ gặp xung đột văn hoá. Kết quả này cho thấy, với những thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá thấp, việc xác định cho mình một cái tôi văn hoá nổi trội (như ở trên đã chỉ ra là cái tôi văn hoá cộng đồng) khiến cho họ không gặp khó khăn khi tự nhận thức về bản thân (tức là khi nhận thức đi vào chiều sâu). Họ gặp khó khăn trong chính những tình huống ứng xử hàng ngày, khi mà cái tôi văn hoá cộng đồng lấn át hơn khiến cho họ dễ đóng khung vào cách suy nghĩ và xử lý tình huống theo kiểu văn hoá cộng đồng, dẫn tới việc họ dễ gặp khó khăn khi phải giao tiếp với các nhóm có nền tảng văn hoá khác với văn hoá cộng đồng, như nhóm văn hoá cá nhân.

4.1.2.2. *Khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam*

Bảng 4.5 cho thấy, ở nhóm thanh niên có xung đột cao, mức độ xung đột ở cả ba nội dung của khía cạnh cảm xúc đều cao hơn nhiều so với nhóm có xung đột thấp. Sự khác biệt về các nội dung này giữa hai nhóm đều có ý nghĩa về mặt thống kê.

Bảng 4.5 : Mức độ biểu hiện khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá ở thanh niên (Theo nhóm xung đột)

TT	Nội dung cảm xúc của xung đột văn hoá	Nhóm XĐVH thấp		Nhóm XĐVH cao	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
1	Cảm xúc về nguồn gốc văn hoá của bản thân	1,28	0,49	3,82	0,89
2	Cảm xúc về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân	1,69	0,66	4,01	0,58
3	Cảm xúc về khả năng tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá khác	1,71	0,56	3,16	0,40

Ghi chú: ĐTB từ 1 đến 2,26: xung đột văn hoá ở mức thấp;

ĐTB từ 2,26 đến 3,24: xung đột văn hoá ở mức trung bình;

ĐTB từ 3,24 đến 5: xung đột văn hoá ở mức cao

Ở nhóm xung đột văn hoá cao, xung đột giữa các cái tôi văn hoá thể hiện qua cảm xúc rõ nhất khi thanh niên bày tỏ cảm xúc về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân. Điểm trung bình của nội dung này đạt ở mức độ cao và cao hơn hẳn so với hai nội dung còn lại của khía cạnh cảm xúc. Điều này cho thấy việc

thiếu đi tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân mang lại cho thanh niên cảm giác giằng xé, bối rối và băn khoăn rõ rệt hơn cả. Sự song song tồn tại của hai cái tôi văn hoá cá nhân và cộng đồng với độ mạnh tương đương nhau ở những thanh niên này đã gây cho họ nhiều bối rối khi phải tự xác định cho mình một hệ giá trị văn hoá riêng biệt, thể hiện được quan niệm cái tôi mà vẫn đảm bảo tính thống nhất và mạch lạc.

Mặt khác, ở nhóm thanh niên có xung đột văn hóa cao, xung đột thể hiện qua cảm xúc về khả năng tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá khác lại ở mức thấp nhất. Tức là, khi chủ thể tương tác với các nhóm văn hoá khác thì cảm xúc bị giằng xé giữa cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng ít xảy ra hơn. Việc tương tác với các nhóm văn hoá khác nhau rõ ràng ít gây ra các cảm xúc tiêu cực như băn khoăn, bối rối hay bị giằng xé cho thanh niên ở nhóm này. Kết quả này sẽ được phân tích rõ hơn qua các ý kiến phỏng vấn sâu dưới đây.

Đánh giá về khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá ở thanh niên, một giảng viên nhận xét: *“Nhiều thanh niên hiện nay theo đuổi và hướng đến các giá trị của văn hóa phương Tây làm cho họ nhiều khi không hiểu hết các giá trị và những nét đẹp của văn hóa truyền thống trong khi họ đang sống ở môi trường của văn hóa truyền thống. Điều này nhiều khi làm cho họ bối rối”* (Nữ giảng viên, 26 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội).

Khi thanh niên ở nhóm xung đột cao được hỏi về những cảm xúc nảy sinh trong quá trình trải nghiệm và giải quyết xung đột văn hoá, mặc dù họ không sử dụng những từ ngữ như “băn khoăn” hay “bối rối” để miêu tả trạng thái cảm xúc của mình, nhưng chúng ta có thể thấy rõ sự giằng xé giữa hai cái tôi văn hóa thể hiện qua cách họ miêu tả thái độ và cảm xúc của mình với từng hệ giá trị văn hoá. Cùng là nói về văn hoá Việt Nam truyền thống, nhưng thái độ của thanh niên với hệ giá trị này thay đổi tùy theo hệ quy chiếu. Khi nói về những giá trị văn hoá của thế hệ bố mẹ mình (cũng chính là văn hoá Việt Nam), thanh niên dùng những từ như *“lối sống cũ”*, *“cổ hủ”*, cho thấy những cảm xúc thiếu tích cực với văn hoá truyền thống Việt Nam mà thế hệ bố mẹ họ đại diện. Khi nói về những giá trị văn hoá Việt

Nam mà bản thân mình theo đuổi, họ dùng những từ ngữ tích cực hơn như “*nét đẹp của văn hoá truyền thống*”, “*bản sắc văn hoá dân tộc*”. Thanh niên cũng dùng những từ ngữ tích cực tương tự khi đề cập tới những giá trị văn hoá phương Tây mà mình theo đuổi, như “*hiện đại*”, “*khoa học*”, “*tự lập*”, “*thoáng*”, “*tiến bộ*”. Như vậy, chỉ riêng với văn hoá Việt Nam, thanh niên đã thể hiện hai thái độ đối lập nhau tùy theo hoàn cảnh mà văn hoá này được đề cập tới (văn hoá của chính thanh niên hay văn hoá của bố mẹ họ). Sự thiếu thống nhất trong cảm xúc về hệ giá trị văn hoá Việt Nam – hệ giá trị mà nhiều thanh niên khẳng định là họ theo đuổi – tái khẳng định hệ giá trị văn hoá pha tạp của thanh niên thuộc nhóm xung đột cao, trong đó thanh niên lựa chọn một số giá trị văn hoá Việt Nam mà họ cho là phù hợp, và thể hiện những cảm xúc tích cực với những giá trị đã được lựa chọn; đồng thời họ cũng thể hiện thái độ tích cực và lựa chọn nhiều giá trị văn hoá phương Tây.

Chính sự đa chiều trong cảm xúc của thanh niên về hệ giá trị của bản thân đã dẫn tới những cảm xúc giằng xé thể hiện qua xung đột giữa các thế hệ trong gia đình: “*Ông bà, bố mẹ tôi nhiều khi không thích cách ăn mặc, các phim ảnh mà tôi thích xem. Mặc dù sinh viên chúng tôi cho đó là hợp mốt, là phù hợp*” (Nữ sinh viên 21 tuổi, Trường Đại học Ngoại ngữ). Như đã đề cập ở trên, gia đình là nơi mà sự va đập giữa các hệ giá trị diễn ra thường xuyên nhất, thể hiện qua xung đột giữa các thế hệ trong gia đình, cũng chính là phản chiếu xung đột văn hoá diễn ra trong nội tâm của thanh niên. Đáng chú ý là mặc dù thanh niên ghi nhận sự tồn tại phổ biến của các xung đột thế hệ trong gia đình, thanh niên lại cho rằng các xung đột thế hệ này là tất yếu, vì “*sống cùng nhau lâu sẽ nảy sinh mâu thuẫn... vì khác biệt về tâm lý giữa các thế hệ*” (Nam sinh viên 24 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), hay “*(xung đột thế hệ là) không sao, vì mọi thứ chỉ là quan niệm, quan điểm. Mà quan điểm không trùng nhau là bình thường*” (Nam sinh viên 21 tuổi, Trường Đại học Tân Trào). Chính vì tâm lý “tất yếu” này nên thanh niên không nảy sinh nhiều cảm xúc tiêu cực khi phải đối mặt với xung đột thế hệ trong gia đình. Họ chấp nhận nó như một phần của cuộc sống, họ cảm thấy như là tất yếu. Quan niệm này giải thích vì sao thanh niên Việt Nam, ngay cả thanh niên ở nhóm xung đột cao, không gặp

nhiều bởi rối khi đánh giá khả năng tương tác với các nhóm văn hoá khác (trong đó có nhóm bố mẹ đại diện cho nhóm văn hoá truyền thống).

Ở nhóm thanh niên có xung đột văn hóa thấp, điểm trung bình của cả ba khía cạnh cảm xúc đều ở mức độ thấp, cũng có nghĩa là thanh niên ở nhóm này ít trải nghiệm cảm xúc bất khoan trước những nội dung khác nhau của sự mâu thuẫn giữa hai cái tôi văn hoá. Ở nhóm này, cảm xúc bất khoan hiện diện nhiều nhất khi thanh niên phải tương tác với các nhóm văn hoá khác nhau. Ở họ, cái tôi văn hoá cộng đồng lấn át cái tôi văn hoá cá nhân, nên việc phải tương tác với các nhóm văn hoá khác như nhóm văn hoá cá nhân có thể gây cho họ nhiều cảm giác bất khoan, bất ngờ, thậm chí không đồng tình. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy, nhiều thanh niên ở nhóm này sử dụng các từ ngữ như “lạ”, “bất ngờ”, “khó chịu” để miêu tả cảm xúc của mình khi chứng kiến người khác có những hành vi ứng xử thể hiện rõ văn hoá cá nhân, như công khai bày tỏ tình cảm ở nơi công cộng.

Như vậy, có thể thấy sự tương đồng rõ rệt giữa khía cạnh nhận thức và khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá khi so sánh theo nhóm. Ở nhóm xung đột văn hoá cao, mức độ xung đột càng tăng khi đi sâu vào các nội dung của khía cạnh nhận thức và cảm xúc, đặc biệt là nhận thức và cảm xúc về tính thống nhất của hệ giá trị và hành vi của bản thân. Kết quả này phản ánh sự mâu thuẫn giữa hai cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng ở thanh niên thuộc nhóm này. Ở nhóm xung đột văn hoá thấp, mức độ xung đột càng giảm khi đi sâu vào các nội dung của khía cạnh nhận thức và cảm xúc, mà xung đột văn hoá thể hiện rõ hơn khi thanh niên ở nhóm này tương tác với các nhóm văn hoá khác. Sự lấn át của cái tôi văn hoá cộng đồng ở thanh niên thuộc nhóm này đã dẫn tới những khó khăn nhất định trong việc tương tác với các nhóm văn hoá đa dạng.

So sánh với khía cạnh nhận thức, ta thấy giữa nhóm thanh niên có xung đột văn hoá thấp với nhóm thanh niên có xung đột văn hoá cao, khía cạnh cảm xúc có sự khác biệt nhiều hơn giữa hai nhóm so với khía cạnh nhận thức (2,54; 2,32; 1,45 so với 1,78; 2,09; 0,60). Như vậy, xung đột văn hoá được thể hiện qua khía cạnh cảm xúc rõ rệt hơn qua khía cạnh nhận thức.

4.1.2.3. Khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam

Hành vi giải quyết xung đột văn hoá, cũng giống như hành vi giải quyết bất kỳ một loại xung đột nào, bao gồm hành vi giải quyết xung đột một cách trực tiếp và gián tiếp. Dù là loại hành vi nào, về lý thuyết, hành vi giải quyết xung đột càng ít được thực hiện thì mức độ xung đột càng cao. Vì vậy, một điểm cần lưu ý khi phân tích số liệu định tính về hành vi giải quyết xung đột là mức độ xung đột cao tương ứng với tần suất thực hiện hành vi thấp.

Bảng 4.6 : Mức độ biểu hiện khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá ở thanh niên

TT	Hành vi giải quyết XĐVH	Nhóm XĐVH thấp		Nhóm XĐVH cao	
		ĐTB	ĐLC	ĐTB	ĐLC
<i>Hành vi giải quyết xung đột gián tiếp</i>					
1	Hành vi lảng tránh	3,85	0,74	3,84	0,64
2	Hành vi tìm hình mẫu	2,26	0,64	2,91	0,83
	ĐTB chung	2,92	0,69	3,37	0,73
<i>Hành vi giải quyết xung đột trực tiếp</i>					
3	Hành vi đồng hoá	3,31	0,85	3,75	1,00
4	Hành vi bảo thủ	2,76	0,82	3,51	1,10
5	Hành vi dung hoà	2,18	0,95	3,31	1,08
6	Hành vi xa lánh	2,85	1,11	3,45	0,97
	ĐTB chung	2,77	0,93	3,50	1,02

Ghi chú: ĐTB từ 1 đến 2,26: xung đột văn hoá ở mức thấp;

ĐTB từ 2,26 đến 3,24: xung đột văn hoá ở mức trung bình;

ĐTB từ 3,24 đến 5: xung đột văn hoá ở mức cao;

ĐTB càng thấp thì tần suất thực hiện hành vi càng cao

Nhìn một cách tổng thể, trong 6 dạng hành vi giải quyết xung đột được khảo sát, hành vi được thanh niên thực hiện ít nhất là hành vi lảng tránh. Đây cũng hành vi có điểm trung bình cao nhất và hành vi duy nhất không ghi nhận sự khác biệt nhóm giữa nhóm thanh niên có xung đột văn hóa cao và nhóm thanh niên có xung đột văn hóa thấp: $Md = 0,01, p=0,92$. Điều này cho thấy khi gặp mâu thuẫn giữa cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng, thanh niên sinh viên được khảo

sát không lãng tránh mâu thuẫn này, mà họ có xu hướng tìm các cách khác nhau để giải quyết vấn đề.

Hành vi tìm hình mẫu được cả hai nhóm thực hiện thường xuyên nhất, cho thấy đây là hành vi phổ biến khi thanh niên phải đối mặt với một tình huống xung đột văn hoá. Trong các nhóm đối tượng để tham khảo ý kiến, bạn bè được chọn làm đối tượng tư vấn phổ biến hơn cả, mặc dù sự chênh lệch giữa nhóm bạn bè và các nhóm khác (ông bà/bố mẹ, xã hội, v.v.) là không cao (xem bảng 4.7). Nguyên nhân có thể là do nhóm bạn bè là một nhóm xã hội quan trọng trong sự phát triển tâm lý của giai đoạn tuổi thanh niên. Bạn bè vừa dễ tiếp cận hơn ông bà, bố mẹ, vừa có ý kiến phù hợp với quan điểm của thanh niên hơn là các thế hệ trước.

Bảng 4.7: Hành vi tìm hình mẫu để giải quyết xung đột

Mệnh đề số	Nội dung mệnh đề	ĐTB	ĐLC
1	Tham khảo những người đã gặp tình huống tương tự	2,56	0,91
2	Đọc sách báo, xem phim để tìm gợi ý về cách giải quyết vấn đề	2,51	0,98
3	Tham khảo ý kiến của ông bà, bố mẹ	2,55	0,97
4	Tham khảo ý kiến của bạn bè	2,38	0,90
	Trung bình chung	2,50	0,72

Nhóm “những người đã gặp tình huống tương tự” có điểm trung bình cao nhất, chỉ nhỉnh hơn nhóm gia đình, cho thấy thanh niên Việt Nam tham khảo ý kiến của hai nhóm này ít nhất. Việc tham khảo những người đã gặp tình huống tương tự là ít phổ biến nhất do việc xác định được nhóm đối tượng này là ai cũng là một vấn đề khó khăn cho sinh viên, xét thực tế cho thấy mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên sinh viên được khảo sát chỉ ở mức trung bình. Hơn nữa, khác với xã hội phương Tây thường nêu gương những người tiếp biến văn hoá thành công, tạo cơ hội cho những thanh niên gặp khó khăn trong xử lý xung đột văn hoá học tập những hình mẫu đó, thì thực tế tại Việt Nam những hình mẫu này không phổ biến. Mặc dù trong các chủ trương chính sách, cũng như trên các phương tiện thông tin đại chúng đều cổ xúy việc tiếp biến văn hoá theo kiểu dung hoà (hoà nhập nhưng không hoà tan),

nhưng không có mấy tấm gương điển hình theo kiểu này được đăng tải trên báo chí, mà chủ yếu là các tấm gương về việc giữ gìn, bảo tồn văn hoá truyền thống. Những tấm gương này không có tác dụng rõ rệt trong việc chỉ ra cách thức giải quyết xung đột văn hoá phù hợp cho thanh niên Việt Nam hiện nay.

Các kiểu hành vi còn lại đều có sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê giữa hai nhóm. Trong đó, sự khác biệt nhóm về hành vi dung hoà là rõ rệt nhất: $Md = 1,14$, $p = 0,00$. Thanh niên ở nhóm xung đột cao có điểm hành vi dung hoà cao hơn hẳn thanh niên ở nhóm xung đột thấp; đồng nghĩa với việc thanh niên ở nhóm xung đột cao ít thực hiện hành vi dung hoà giữa các cái tôi văn hoá để giải quyết xung đột hơn thanh niên ở nhóm xung đột thấp. Với các kiểu hành vi còn lại, tần suất thực hiện của thanh niên ở nhóm xung đột cao đều thấp hơn thanh niên ở nhóm xung đột thấp. Kết quả này cho thấy thanh niên ở nhóm xung đột cao ít thực hiện các hành vi giải quyết xung đột, bất kể đó là hành vi giải quyết xung đột trực tiếp hay gián tiếp.

Do tính chất của phương pháp điều tra bằng bảng hỏi là không thể cho phép chúng ta đưa ra kết luận mang tính nhân quả, nên kết quả này cần được hiểu theo hai chiều. Một mặt, việc thanh niên chịu những mâu thuẫn rõ rệt về nhận thức và cảm xúc khi phải hài hoà giữa hai cái tôi văn hoá khác biệt nhau, cộng với việc họ ít thực hiện các hành vi giải quyết các mâu thuẫn này, đã dẫn tới mức độ xung đột cao ở họ. Mặt khác, việc thanh niên ít thực hiện hành vi giải quyết xung đột văn hoá có thể càng củng cố thêm những xung đột văn hoá đang tồn tại, khiến mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên càng được đẩy cao.

Kết quả phỏng vấn sâu thể hiện rõ hơn những kết quả trên. Ở những thanh niên có mức độ xung đột văn hoá thấp, khả năng tự hài hoà trong nhận thức và cảm xúc về các nền văn hoá đã giúp thúc đẩy hành vi dung hoà của họ. Một thanh niên cho biết: “*Khi cần giải quyết một tình huống xung đột văn hoá, tôi thường chấp nhận từ từ, nhận ra ưu khuyết điểm của từng nền văn hoá để quyết định xem có học hỏi hay không học hỏi. Tôi nghĩ rằng cần có tư tưởng tiến bộ, không quá nặng nề so sánh nền văn hoá nào. Chỉ cần là điều tốt thì nên học tập, xấu thì loại bỏ*” (Nữ, 23 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội). Như vậy, với thanh niên ở nhóm xung đột

thấp, mặc dù gắn bó chặt chẽ hơn với cái tôi văn hoá cộng đồng nhưng họ vẫn có sự linh hoạt nhất định trong tiếp nhận văn hoá mới, nên họ thường xuyên sử dụng hành vi dung hoà văn hoá để giải quyết xung đột văn hoá. Ngược lại, những thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức độ cao cho rằng khó có thể dung hoà giữa hai nền văn hoá, nên hành vi dung hoà của họ ít hơn: “*(Khi đối mặt với một tình huống xung đột văn hoá), tôi nghĩ khó có thể làm gì. Vì quan niệm của từng văn hoá khác nhau, đã ăn sâu vào tư tưởng nên khó có thể thay đổi*” (Nữ, 20 tuổi, Đại học Tân Trào). Nguyên nhân có thể là do thanh niên ở nhóm này gắn bó chặt chẽ với cả hai cái tôi văn hoá, nhận thức được rõ sự mâu thuẫn giữa hai cái tôi văn hoá này, nên họ khó có thể kết hợp và dung hoà giữa hai cái tôi văn hoá.

Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu của Ward, Stuart và Kus. Các tác giả này tìm ra rằng người theo hướng dung hoà văn hoá sẽ trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức thấp hơn những người theo 3 phong cách tiếp biến văn hoá còn lại [115]. Kết quả của luận án này chỉ ra rằng thanh niên xung đột văn hoá thấp có xu hướng chọn dung hoà cao hơn các cách thức giải quyết còn lại.

Ít phổ biến nhất là hành vi đồng hoá, tức là giải quyết vấn đề xung đột văn hoá theo các chuẩn mực của văn hoá phương Tây. Hành vi này ở cả hai nhóm đều có điểm trung bình cao nhất trong các hành vi giải quyết trực tiếp xung đột, cho thấy tần suất thực hiện hành vi là thấp nhất. Mặc dù thanh niên Việt Nam có nhận thức và cảm xúc tích cực với văn hoá phương Tây, nhưng trong thực tế thanh niên lại ít áp dụng các chuẩn mực văn hoá phương Tây vào giải quyết tình huống. Nguyên nhân có thể là do thanh niên Việt Nam chịu nhiều áp lực từ gia đình và xã hội nếu họ áp dụng cách thức nhìn nhận và giải quyết vấn đề theo kiểu phương Tây. Là một người Việt Nam, sống trong cộng đồng người Việt Nam, thanh niên gặp nhiều phản hồi xã hội không tích cực khi áp dụng văn hoá ngoại lai vào giải quyết các vấn đề thường ngày. Nhận định này sẽ được phân tích rõ hơn khi chúng tôi bàn đến áp lực tiếp biến văn hoá, một trong các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hoá của thanh niên. Ngoài ra, tần suất thực hiện hành vi đồng hoá trong so sánh với các hành vi

giải quyết xung đột khác của thanh niên cũng được phản ánh rõ hơn qua kết quả thực nghiệm.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy, điều đáng chú ý nhất là ở thanh niên sinh viên Việt Nam được khảo sát, hành vi xa lánh (không lựa chọn văn hoá Việt Nam hay văn hoá phương Tây) lại là hành vi khá phổ biến (xem bảng 4.6). Mặc dù các nghiên cứu trên người nhập cư cho thấy phong cách xa lánh là phong cách tiếp biến văn hoá ít phổ biến nhất và những người theo phong cách này cũng dễ gặp nhiều vấn đề tâm lý do sự mất định hướng trong hệ giá trị văn hoá của họ. Ở các sinh viên được khảo sát, phong cách xa lánh được họ hiểu theo một nghĩa hoàn toàn khác. Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy thanh niên Việt Nam hiểu việc “Tìm cách giải quyết của riêng mình vì cho rằng cách thức truyền thống và cách thức phương Tây là không phù hợp” đồng nghĩa với việc giải quyết tình huống phù hợp với từng hoàn cảnh cụ thể. Thanh niên sử dụng các từ ngữ như “*tùy trường hợp*” (Nam sinh viên, 22 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), “*Tùy thuộc vào sự ảnh hưởng của tình huống và cân nhắc kỹ giữa hai nền văn hoá*” (Nữ sinh viên 20 tuổi, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội), “*Tùy thuộc vào hoàn cảnh, tình huống và mục đích để đạt được kết quả tốt, linh động xử lý tình huống*” (Nam sinh viên 24 tuổi, Trường Đại học Tân Trào), “*Nếu hài hoà được hai nền văn hoá thì sẽ tốt hơn, còn nếu không thì tôi không thích lựa chọn cụ thể một nền văn hoá nào*” (Nữ sinh viên 22 tuổi, Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội).

Cách suy nghĩ này phản ánh một đặc tính của văn hoá cộng đồng là sự phụ thuộc vào hoàn cảnh. Với những thành viên của nền văn hoá cộng đồng, nhận định được đưa ra dựa trên hoàn cảnh cụ thể, chứ không nhất nhất có một lựa chọn nào tối ưu. Vì thế, sự phổ biến của hành vi giải quyết tình huống theo hoàn cảnh ở thanh niên Việt Nam là phù hợp với bản chất cộng đồng của nền văn hoá Việt Nam.

4.1.2.4. Mối tương quan giữa các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam

Từ phân tích thực trạng biểu hiện các khía cạnh nhận thức, cảm xúc và hành vi của xung đột văn hóa ở thanh niên sinh viên được khảo sát ta có thể tìm hiểu mối tương quan giữa ba khía cạnh tâm lý này của xung đột văn hóa.

Bảng 4.8: Tương quan giữa ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá

	Nhận thức	Cảm xúc	Hành vi
Nhận thức	1	0,75*	0,04
Cảm xúc		1	0,08
Hành vi			1

Ghi chú: *: $p < 0,05$

Bảng 4.8 cho thấy thực trạng mối tương quan giữa ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên. Tồn tại mối tương quan chặt chẽ giữa khía cạnh nhận thức và khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá. Kết quả này cũng được phản ánh qua những phân tích về từng nội dung của nhận thức và cảm xúc của xung đột văn hoá.

Khía cạnh hành vi có tương quan rất thấp với hai khía cạnh còn lại. Nguyên nhân có thể do sự đa dạng trong hành vi giải quyết xung đột văn hoá. Bảng 4.9 thể hiện rõ hơn tương quan của từng nhóm hành vi với hai khía cạnh còn lại của xung đột văn hoá.

Bảng 4.9 cho thấy những mối tương quan thấp, nhưng có ý nghĩa giữa các loại hành vi giải quyết xung đột và khía cạnh nhận thức và cảm xúc của xung đột văn hoá.

Cả hai khía cạnh nhận thức và cảm xúc đều có tương quan nghịch với hành vi lảng tránh cho thấy xung đột văn hoá về mặt nhận thức và cảm xúc càng rõ rệt thì xu hướng lảng tránh vấn đề càng tăng. Xung đột ở mức cao dễ khiến thanh niên bối rối, khó xử, vì thế họ dễ chọn lảng tránh vấn đề. Tuy nhiên, với mức độ xung đột ở mức trung bình như của thanh niên sinh viên được khảo sát, cộng với mối tương quan thấp giữa khía cạnh nhận thức và cảm xúc với hành vi lảng tránh ($r=0,12$) thì sự phổ biến của hành vi lảng tránh là không cao.

Bảng 4.9: Tương quan giữa ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên (phân theo nhóm hành vi)

		Nhận thức	Cảm xúc	Hành vi					
				Lảng tránh	Tìm hình mẫu	Đồng hoá	Bảo thủ	Dung hoà	Xa lánh
Nhận thức		1	0,75*	-0,12*	0,15*	-0,08*	0,11	0,15*	-0,08
Cảm xúc			1	-0,12*	0,10*	-0,02	0,08	0,16*	0,01
Hành vi	<i>Lảng tránh</i>			1	-0,04	0,04	0,05	-0,01	0,09*
	<i>Tìm hình mẫu</i>				1	0,12*	0,22*	0,37*	-0,05
	<i>Đồng hoá</i>					1	0,02	0,15*	0,11*
	<i>Bảo thủ</i>						1	0,19*	0,13*
	<i>Dung hoà</i>							1	0,16*
	<i>Xa lánh</i>								1

Ghi chú: *: $p < 0,05$

Điểm hành vi càng cao thì tần suất thực hiện hành vi càng thấp

Trong khi đó, một hành vi giải quyết gián tiếp khác là hành vi tìm hình mẫu lại có tương quan thuận với nhận thức và cảm xúc, cho thấy khi xung đột văn hoá về mặt nhận thức và cảm xúc ở mức cao thì hành vi tìm hình mẫu trở nên không còn phù hợp và ít được thực hiện.

Nhận thức có tương quan nghịch với hành vi đồng hoá, nhưng lại có tương quan thuận với hành vi hoà nhập. Điều này cho thấy khi xung đột về mặt nhận thức tăng cao thì thanh niên có xu hướng chọn giải quyết vấn đề theo văn hoá phương Tây/văn hoá cá nhân hơn là hoà nhập giữa hai văn hoá. Tương tự, khi cảm xúc về xung đột văn hoá trở nên rõ rệt thì hành vi hoà nhập cũng ít được lựa chọn hơn. Nguyên nhân là do sự nhận thức và cảm xúc rõ rệt về sự khác biệt và mâu thuẫn giữa hai nền văn hoá khiến cho thanh niên cảm thấy khó có thể tìm ra điểm chung và dung hoà giữa hai nền văn hoá. Khi đó, nền văn hoá phương Tây vốn được gán

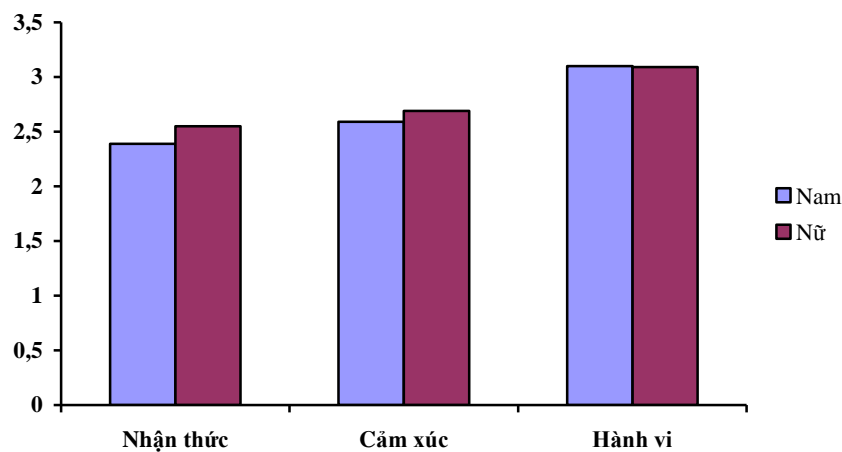
cho những đặc tính là khoa học, hiện đại, logic được thanh niên Việt Nam ưu tiên lựa chọn. Tuy nhiên, với mức độ xung đột ở mức trung bình như của thanh niên Việt Nam, hành vi dung hoà văn hoá vẫn là hành vi giải quyết xung đột phổ biến.

4.2. So sánh các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên theo các biến số

4.2.1. So sánh theo giới tính

Giới được nghiên cứu như một biến số tác động tới xung đột văn hoá do các nghiên cứu về xung đột từ trước đến nay đều chỉ ra những khác biệt đa dạng giữa nam và nữ trong việc nhận định tình huống xung đột, thể hiện xung đột và giải quyết xung đột. Vì thế chúng tôi đi tìm sự khác biệt giới tồn tại ở cả ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá.

4.2.1.1. Tác động chung của giới tới xung đột văn hoá



Biểu đồ 4.2: Mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo giới tính

Biểu đồ 4.2 cho thấy nhìn chung, không có sự khác biệt giữa nam và nữ thanh niên được khảo sát về mức độ xung đột văn hoá. Điểm xung đột văn hoá của nữ có ít nhiều cao hơn nam nhưng sự khác biệt này không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Kết quả này khác biệt với một số kết quả trước đó về khác biệt giới trong xung đột văn hoá. Nghiên cứu của Sirin và Fine tìm ra rằng nữ thanh niên ít trải nghiệm xung đột văn hoá hơn nam thanh niên do nữ thanh niên có khả năng hài hoà giữa

các cái tôi văn hóa tốt hơn nam thanh niên [105]. Nguyên nhân có thể đến từ sự khác biệt về áp lực trong quá trình tiếp biến văn hóa. Với thanh niên Mỹ theo đạo Hồi như trong nghiên cứu của Sirin và Fine, những áp lực mà nam và nữ thanh niên phải đối mặt trong quá trình tiếp biến văn hóa là khác nhau: nam thanh niên phải đối mặt với nhiều kỳ thị xã hội hơn nữ thanh niên, và những vấn đề mà nam thanh niên bị kỳ thị cũng nghiêm trọng hơn nữ thanh niên. Trong khi đó, những kỳ thị mà nam và nữ thanh niên Việt Nam phải đối mặt trong quá trình tiếp biến văn hóa là như nhau, dẫn tới việc không tồn tại khác biệt giới trong mức độ xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam.

Khi xem xét từng khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá, nữ có mức độ xung đột về nhận thức cao hơn nam: $F(1,522)=5,26, p<0,05$. Về hai khía cạnh còn lại, không ghi nhận sự khác biệt giới trong mức độ xung đột văn hoá. Như vậy, mặc dù nữ thanh niên có nhận thức rõ rệt về xung đột văn hoá hơn nam thanh niên, nhưng sự khác biệt này không tác động tới các mặt tâm lý khác và không ảnh hưởng tới mức độ xung đột văn hoá chung của thanh niên.

Khi so sánh theo nhóm xung đột, không có sự khác biệt về giới trong mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên nói chung và trong từng khía cạnh của xung đột văn hoá ở thanh niên nói riêng. Như vậy, không có sự khác biệt giữa mức độ xung đột văn hoá của nam và nữ thanh niên, bất kể họ thuộc nhóm xung đột văn hoá cao hay nhóm xung đột văn hoá thấp.

4.2.1.2. Tác động của giới tới từng khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá

a. Tác động của giới tới khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá

Điểm trung bình nhận thức về xung đột văn hoá của nữ nhìn chung cao hơn nam ở hầu hết các nội dung nhận thức. Trong đó, có 2 nội dung nhận thức mà sự khác biệt này có ý nghĩa về mặt thống kê, là nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân và nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân, với điểm F lần lượt là $F(1,522) = 4,87, p<0,05$ và $F(1,522) = 9,69, p<0,05$.

Bảng 4.10: Nhận thức về xung đột văn hoá theo giới tính

TT	Nội dung nhận thức	Nam	Nữ
1	Nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân*	2,03	2,22
2	Nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân*	2,19	2,49
3	Nhận thức về sự tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá	2,96	2,93
	Trung bình chung	2,39	2,55

Ghi chú: *: sự khác biệt giữa các nhóm có $p < 0,05$.

Không có sự khác biệt giới trong nhận thức về sự tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá. Điều này cho thấy khi đòi hỏi nhận thức ở mức độ cao thì nữ thanh niên có xu hướng tự nhận thức sâu sắc hơn nam thanh niên, từ đó nhận thức được mức độ xung đột văn hoá cao hơn.

b. Tác động của giới tới khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá

Bảng 4.11: Cảm xúc về xung đột văn hoá theo giới tính

TT	Nội dung cảm xúc	Nam	Nữ
1	Cảm xúc về nguồn gốc văn hoá của bản thân	2,54	2,63
2	Cảm xúc về hệ giá trị của bản thân	2,82	2,97
3	Cảm xúc về khả năng tương tác văn hoá	2,41	2,47
	Trung bình chung	2,59	2,69

Ở cả ba nội dung của khía cạnh cảm xúc, không có sự khác biệt rõ rệt và có ý nghĩa về mặt thống kê giữa hai giới về mức độ xung đột văn hoá. Điều này cho thấy mức độ của cảm xúc giằng xé giữa cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng, giữa các giá trị văn hóa ở nam và nữ sinh viên được khảo sát không có sự khác biệt nhiều, nếu không nói là khá tương đồng.

c. Tác động của giới tới khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá

Về mặt hành vi, sự đa dạng của các hành vi giải quyết xung đột dẫn tới những khác biệt giới về tần suất sử dụng hành vi theo các hướng trái chiều nhau. Trong số 6 loại hành vi được liệt kê, hành vi lảng tránh và hành vi bảo thủ là hai hành vi có sự khác biệt nhiều hơn giữa nam và nữ sinh viên được khảo sát.

Bảng 4.12: Hành vi giải quyết xung đột văn hoá theo giới tính
(Theo điểm trung bình)

TT	Nội dung hành vi	Nam	Nữ
1	Hành vi lảng tránh*	3,82	3,58
2	Hành vi tìm hình mẫu	2,48	2,50
3	Hành vi đồng hoá	3,53	3,47
4	Hành vi bảo thủ*	2,93	3,19
5	Hành vi dung hoà	2,69	2,60
6	Hành vi xa lánh	3,13	3,20
	Trung bình chung	3,10	3,09

Ghi chú: *: sự khác biệt giữa các nhóm có $p < 0,05$.

Khi gặp tình huống xung đột văn hoá, nữ sinh viên thường lảng tránh vấn đề nhiều hơn nam sinh viên: $F(1,522) = 11,72$, $p < 0,05$. Có thể giải thích sự khác biệt giới này dựa trên kết quả về mối tương quan nghịch giữa khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá và hành vi lảng tránh. Do nhận thức về xung đột văn hoá của nữ rõ rệt hơn của nam nên tần suất lảng tránh xung đột nhằm làm giảm cảm giác ức chế khó chịu do xung đột mang lại cũng cao hơn. Tuy nhiên, về hành vi giải quyết xung đột một cách trực tiếp, mà cụ thể là hành vi bảo thủ, nam sinh viên lại có xu hướng thường xuyên thực hiện hơn nữ sinh viên: $F(1,517) = 7,97$, $p = 0,05$. Nói cách khác, nam thanh niên giải quyết xung đột văn hoá theo các quy tắc của văn hoá Việt Nam thường xuyên hơn nữ thanh niên.

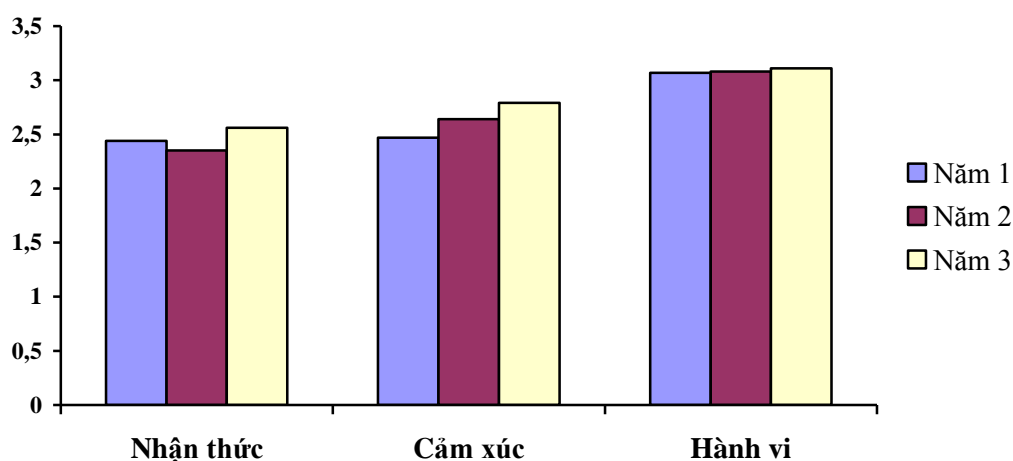
4.2.1.3. Đánh giá chung về khác biệt xung đột văn hoá theo giới tính

Nhìn chung, không có nhiều khác biệt giữa nam và nữ sinh viên được khảo sát về mức độ biểu hiện các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá. Nữ sinh viên trải nghiệm xung đột về mặt nhận thức ở mức cao hơn nam sinh viên, trong đó rõ rệt nhất là những xung đột đòi hỏi mức độ tư duy cao, bao gồm xung đột về nguồn gốc văn hoá và tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi. Sự khác biệt giới về mặt nhận thức của xung đột văn hoá dẫn tới việc nữ sinh viên hay giải quyết xung đột bằng hành vi lảng tránh, trái ngược với nam sinh viên ở mức độ xung đột nhận thức thấp hơn thì hay sử dụng hành vi bảo thủ. Như vậy, qua so sánh xung đột văn hoá theo giới tính, mối liên hệ giữa khía cạnh nhận thức và hành vi được tái khẳng định.

4.2.2. So sánh theo năm học

Năm học được đưa vào như một biến số để nghiên cứu xung đột văn hoá nhằm đánh giá sự khác biệt về tuổi, và quan trọng hơn là khác biệt về mức độ phát triển nhận thức giữa thanh niên sinh viên thuộc các khối học khác nhau ở đại học tới mức độ xung đột văn hoá. Mặc dù sự khác biệt về tuổi giữa sinh viên năm thứ nhất, năm thứ 2 và năm thứ 3 có thể không cao, nhưng mức độ trải nghiệm, độ rộng và sâu của kiến thức, và mức độ phát triển về mặt nhận thức và tư duy của sinh viên thuộc các khối học khác nhau có thể rất khác nhau. Chúng tôi đi tìm hiểu những khác biệt này ảnh hưởng đến mức độ trải nghiệm xung đột văn hoá ở thanh niên, đặc biệt là khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá như thế nào.

4.2.2.1. Tác động chung của năm học tới xung đột văn hoá



Biểu đồ 4.3: Mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên theo năm học

Nhìn chung, có sự khác biệt về mức độ xung đột văn hoá giữa thanh niên sinh viên thuộc các năm học khác nhau: $F(2,355) = 3,81, p < 0,05$. Trong đó, sự khác biệt có ý nghĩa về mặt thống kê nằm ở giữa sinh viên năm thứ 3 với sinh viên năm thứ nhất và năm thứ 2. Sinh viên năm thứ 3 có điểm xung đột văn hoá cao hơn cả năm thứ nhất và năm thứ 2, nhưng lại không có sự khác biệt giữa sinh viên năm thứ nhất và năm thứ 2. Điều này cho thấy sinh viên năm thứ 3 đã đạt mức độ phát triển về tư duy và cảm xúc nhất định để nhận thức được sự mâu thuẫn giữa các nền văn hoá khác nhau, từ đó trải nghiệm xung đột văn hoá cao hơn sinh viên ở các lớp nhỏ hơn.

Khi so sánh giữa nhóm thanh niên có xung đột văn hóa cao và nhóm thanh niên có xung đột văn hóa thấp cho thấy không có sự tương tác giữa biến số năm học và biến số nhóm xung đột văn hoá tới xung đột văn hoá ở thanh niên nói chung hay tới từng khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên nói riêng.

4.2.2.2. Tác động của năm học tới từng khía cạnh của xung đột văn hoá

a. Tác động của năm học tới khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá

Bảng 4.13: Nhận thức về xung đột văn hoá theo năm học

TT	Nội dung nhận thức	Năm thứ nhất	Năm thứ hai	Năm thứ ba
1	Nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân*	2,16	1,97	2,28
2	Nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân	2,29	2,26	2,47
3	Nhận thức về sự tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá	2,86	2,81	2,95
	ĐTB chung theo các năm học	2,44	2,35	2,56

Ghi chú: *: sự khác biệt giữa các nhóm có $p < 0,05$.

Trong số ba nội dung của nhận thức về xung đột văn hoá, chỉ có nội dung nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân là có sự khác biệt có ý nghĩa giữa các khối lớp: $F(2,355) = 3,44$, $p < 0,05$. Trong đó, sự khác biệt có ý nghĩa nằm ở giữa năm thứ 2 và năm thứ 3. Trong khi điểm nhận thức của sinh viên năm thứ nhất và năm thứ 2 tương đương nhau, thì sinh viên năm thứ 3 thể hiện sự thiếu rõ ràng trong nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân.

b. Tác động của năm học tới khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá

Về mặt cảm xúc, có sự khác biệt giữa các khối học về cảm xúc về hệ giá trị của bản thân: $F(2, 355) = 3,33$, $p < 0,05$ và về cảm xúc về khả năng tương tác văn hoá: $F(2, 355) = 8,44$, $p < 0,05$. Trong cả hai nội dung này của cảm xúc, điểm của sinh viên năm 3 đều cao hơn sinh viên năm thứ nhất và năm thứ 2. Điều này phản ánh sự xung đột về cảm xúc ở mức cao của sinh viên năm thứ 3 so với sinh viên thuộc các khối học thấp hơn.

Bảng 4.14: Cảm xúc về xung đột văn hoá (theo năm học)

TT	Nội dung cảm xúc	Năm 1	Năm 2	Năm 3
1	Cảm xúc về nguồn gốc văn hoá của bản thân	2,42	2,56	2,74
2	Cảm xúc về hệ giá trị của bản thân*	2,71	2,93	3,03
3	Cảm xúc về khả năng tương tác văn hoá*	2,29	2,43	2,62
	ĐTB chung theo năm học	2,47	2,64	2,79

Ghi chú: *: sự khác biệt giữa các nhóm có $p < 0,05$.

Kết quả trên cho thấy biến số năm học có ảnh hưởng tới cảm xúc của sinh viên được khảo sát trong xung đột văn hóa, tức là tác động đến cảm xúc bị giằng xé của họ khi lựa chọn giữa các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc và văn hóa phương Tây, giữa cái tôi văn hóa dân tộc và cái tôi văn hóa phương Tây của mình.

c. Tác động của năm học tới khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá

Bảng 4.15: Hành vi giải quyết xung đột văn hoá (theo năm học)

TT	Nội dung hành vi	Năm 1	Năm 2	Năm 3
1	Hành vi lảng tránh*	3,85	3,67	3,66
2	Hành vi tìm hình mẫu	2,40	2,38	2,46
3	Hành vi đồng hoá	3,52	3,63	3,58
4	Hành vi bảo thủ	3,07	2,90	3,00
5	Hành vi dung hoà	2,59	2,57	2,67
6	Hành vi xa lánh*	2,98	3,35	3,27
	ĐTB chung theo năm học	3,07	3,08	3,11

Ghi chú: *: sự khác biệt giữa các nhóm có $p < 0,05$.

Về mặt hành vi, sinh viên năm thứ nhất ít có hành vi lảng tránh hơn sinh viên năm thứ 2 và năm thứ 3: $F(2,355) = 3,22$, $p < 0,05$. Nguyên nhân có thể là do mức độ xung đột văn hoá cao hơn ở sinh viên năm thứ 3 đã thúc đẩy họ thường xuyên sử dụng hành vi lảng tránh xung đột. Ngoài ra, cũng có sự khác biệt về tần suất thực hiện hành vi xa lánh giữa các năm học: $F(2,354) = 3,94$, $p < 0,05$, trong đó sinh viên năm thứ 2 và năm thứ 3 ít thực hiện hành vi xa lánh hơn sinh viên năm 1.

4.2.2.3. Đánh giá chung về khác biệt xung đột văn hoá theo năm học

Những kết quả trên cho thấy có sự khác biệt theo biến số năm học trong xung đột văn hoá của sinh viên. Sinh viên năm thứ 3 có xung đột văn hoá cao hơn sinh viên các năm dưới. Sự ảnh hưởng của biến số năm học đến xung đột văn hoá của sinh viên được thể hiện ở cả 3 mặt (nhận thức, thái độ, hành vi). Sinh viên năm 3 trải nghiệm xung đột về nguồn gốc văn hoá rõ rệt hơn sinh viên năm 1 và năm 2, dẫn tới mức độ xung đột về cảm xúc về hệ giá trị của bản thân cũng cao hơn, và xu hướng dùng hành vi lánh tránh để giải quyết xung đột cũng rõ rệt hơn. Trong so sánh các khía cạnh của xung đột văn hoá theo biến số năm học, mối liên hệ giữa các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá được thể hiện một cách chặt chẽ.

4.2.3. So sánh theo trường học

Trường học được đưa vào như một biến so sánh nhằm gián tiếp thể hiện tác động của vùng miền tới xung đột văn hoá của thanh niên. Mặc dù trên thực tế, thanh niên từ nhiều địa phương khác nhau có thể cùng học tập tại một ngôi trường, nhưng môi trường học tập trong giai đoạn thanh niên – giai đoạn định hình nhân cách của thanh niên – có ảnh hưởng quan trọng đến khả năng tiếp xúc văn hoá của thanh niên, và từ đó là khả năng trải nghiệm xung đột văn hoá. Trong luận án này, chúng tôi khảo sát sinh viên ở 3 trường đại học lớn, trong đó có 2 trường đại học ở Hà Nội đại diện cho khu vực đô thị (Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) và 1 trường đại học ở Tuyên Quang đại diện cho khu vực miền núi (Trường Đại học Tân Trào). Chúng tôi đi tìm sự khác biệt về cả 3 khía cạnh của xung đột văn hoá giữa sinh viên thuộc các trường đại học khác nhau .

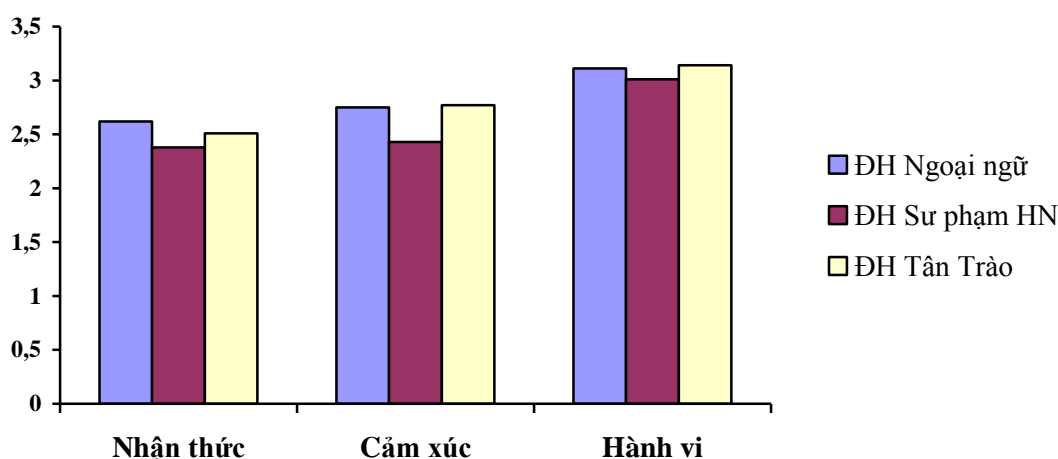
4.2.3.1. Đánh giá chung tác động của trường học tới xung đột văn hoá

Biểu đồ 4.4 cho thấy có sự khác biệt giữa sinh viên các trường về cả 3 mặt biểu hiện của xung đột văn hoá.

Về mặt nhận thức, sự khác biệt giữa sinh viên ba trường là có ý nghĩa: $F(2,535) = 5,45$, $p < 0,05$, trong đó sinh viên Trường Đại học Ngoại Ngữ có xung đột về mặt nhận thức cao hơn sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, nhưng không có khác biệt về nhận thức giữa sinh viên Trường Đại học Tân Trào và hai trường còn lại.

Về mặt cảm xúc, sự khác biệt giữa sinh viên ba trường cũng có ý nghĩa về mặt thống kê: $F(2,535) = 10,07, p < 0,05$. Trong đó, sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ và Trường Đại học Tân Trào có điểm xung đột về cảm xúc tương đương nhau và đều lớn hơn điểm của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Về mặt hành vi, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê nằm ở giữa sinh viên Trường Đại học Sư phạm và sinh viên Trường Đại học Tân Trào, trong đó, sinh viên Sư phạm thực hiện các hành vi giải quyết xung đột thường xuyên hơn sinh viên Tân Trào.



Biểu đồ 4.4: Mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam theo trường học

Khi so sánh theo nhóm thanh niên có xung đột văn hóa thấp và nhóm thanh niên có xung đột văn hóa cao, chúng tôi không tìm thấy sự khác biệt về tâm lý của xung đột văn hoá ở sinh viên thuộc các trường khác nhau.

Sự khác biệt về từng nội dung cụ thể của các khía cạnh của xung đột văn hoá được phân tích dưới đây.

4.2.3.2. Tác động của trường học tới từng khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá

a. Tác động của trường học tới khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá

Bảng 4.16: Nhận thức về xung đột văn hoá theo trường học

TT	Nội dung nhận thức	ĐH Ngoại ngữ	ĐH Sư phạm	ĐH Tân Trào
----	--------------------	--------------	------------	-------------

1	Nhận thức về nguồn gốc văn hoá của bản thân	2,22	2,11	2,17
2	Nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân*	2,58	2,23	2,42
3	Nhận thức về sự tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá*	3,07	2,79	2,93
	ĐTB chung cho các trường	2,62	2,38	2,51

Ghi chú: *: sự khác biệt giữa các nhóm có $p < 0,05$.

Trong ba nội dung của nhận thức, có sự khác biệt có ý nghĩa giữa sinh viên các trường qua nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân: $F(2,535) = 5,00$, $p < 0,05$ và nhận thức về sự tương tác của bản thân với các nhóm văn hoá: $F(2,535) = 4,63$, $p < 0,05$. Trong cả hai nội dung nhận thức này, thanh niên Trường Đại học Ngoại ngữ có mức độ xung đột cao hơn thanh niên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, nhưng không khác biệt với thanh niên Trường Đại học Tân Trào.

Như vậy, yếu tố trường học có tạo ra sự khác biệt về nhận thức của sinh viên được khảo sát đối với xung đột văn hóa. Hay nói cách khác môi trường học tập của sinh viên (văn hóa của nhà trường – địa bàn của nhà trường, chương trình, cách thức đào tạo...) có tác động đến nhận thức của sinh viên về vấn đề xung đột văn hóa.

b. Tác động của trường học tới khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá

Ở cả ba nội dung của cảm xúc cho thấy có sự khác biệt giữa sinh viên các trường, với các điểm F của nội dung cảm xúc về nguồn gốc văn hoá, cảm xúc về hệ giá trị văn hoá và cảm xúc về khả năng tương tác văn hoá lần lượt là: $F(2,535) = 5,71$, $p < 0,05$; $F(2,535) = 8,97$, $p < 0,05$ và $F(2,535) = 7,70$, $p < 0,05$. Trong đó, sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ và Trường Đại học Tân Trào có điểm xung đột về cảm xúc ở cả 3 nội dung cao hơn sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội. Không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ và sinh viên Trường Đại học Tân Trào.

Bảng 4.17: Cảm xúc về xung đột văn hoá (theo trường học)

TT	Nội dung cảm xúc	ĐH	ĐH	ĐH
----	------------------	----	----	----

		Ngoại ngữ	Sư phạm	Tân Trào
1	Cảm xúc về nguồn gốc văn hoá của bản thân*	2,71	2,36	2,71
2	Cảm xúc về hệ giá trị của bản thân*	3,06	2,66	3,04
3	Cảm xúc về khả năng tương tác văn hoá*	2,47	2,28	2,55
	ĐTB chung	2,75	2,43	2,77

Ghi chú: *: sự khác biệt giữa các nhóm có $p < 0,05$.

Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy rõ hơn sự khác biệt về cảm xúc xung đột giữa sinh viên Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Tân Trào. Khi được hỏi về một tình huống xung đột giữa văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam, sinh viên Trường Đại học Tân Trào thường sử dụng các từ ngữ như “*cảm thấy ngỡ ngàng*”, “*khó xử*”, “*lạ*”, “*bình thường*”, “*bất tiện*”. Một nữ sinh viên của trường này nêu rõ: “*Tôi cảm thấy bất ngờ và không đồng tình vì nó [văn hoá phương Tây] khác biệt với văn hoá mà mình đang theo*” (Nữ sinh viên 21 tuổi, Trường Đại học Tân Trào). Trong khi đó, sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội lại sử dụng những từ như “*tôn trọng*”, “*bình thường*”, “*khâm phục phương Tây*”, “ *hơi buồn vì không được làm những gì mình nghĩ*”, “*khó chịu*”. Như vậy, có thể thấy cảm xúc tiêu cực và cảm xúc ngạc nhiên là cảm xúc chủ đạo ở sinh viên Trường Đại học Tân Trào khi đối mặt với xung đột văn hoá, trong khi ở sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội cảm xúc nổi trội lại là cảm xúc tích cực hoặc cảm xúc tiêu cực ở mức độ nhẹ. Sự khác biệt này một lần nữa khẳng định sự xung đột cảm xúc trong xung đột văn hoá của sinh viên Trường Đại học Tân Trào rõ rệt hơn sinh viên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

c. Tác động của trường học tới khía cạnh hành vi của xung đột văn hoá

Về hành vi, có sự khác biệt có ý nghĩa giữa sinh viên ba trường về tất cả các hành vi được nghiên cứu.

Bảng 4.18: Hành vi giải quyết xung đột văn hoá (theo trường học)

TT	Nội dung hành vi	ĐH Ngoại ngữ	ĐH Sur phạm HN	ĐH Tân Trào
1	Hành vi lảng tránh*	3,48	3,70	3,77
2	Hành vi tìm hình mẫu*	2,67	2,43	2,40
3	Hành vi đồng hoá*	3,30	3,49	3,64
4	Hành vi bảo thủ*	3,38	3,09	2,93
5	Hành vi dung hoà*	2,67	2,45	2,73
6	Hành vi xa lánh*	3,16	2,93	3,38
	ĐTB chung	3,11	3,01	3,14

Ghi chú: *: sự khác biệt giữa các nhóm có $p < 0,05$.

Điểm hành vi càng cao thì tần suất thực hiện hành vi càng thấp

Với hành vi lảng tránh, sinh viên Trường Đại học Sur phạm Hà Nội và Trường Đại học Tân Trào ít thực hiện hơn sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ. Hành vi tìm hình mẫu thì ngược lại, sinh viên Đại học Ngoại ngữ ít thực hiện hơn sinh viên hai trường còn lại. Sinh viên Đại học Tân Trào ít có hành vi đồng hoá nhưng lại hay có hành vi bảo thủ và hành vi xa lánh hơn sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ. Hành vi dung hoà thường được sinh viên Đại học Sur phạm sử dụng hơn sinh viên Đại học Tân Trào

Những kết quả này cho thấy có sự khác biệt rõ về mặt hành vi giải quyết xung đột văn hoá giữa thanh niên sinh viên thuộc các trường học khác nhau. Thanh niên sinh viên Đại học Ngoại ngữ có xu hướng lảng tránh xung đột rõ rệt hơn hai trường còn lại, và khi phải giải quyết trực tiếp thì họ lựa chọn văn hoá phương Tây làm văn hoá chuẩn mực định hướng hành vi thường xuyên hơn là văn hoá Việt Nam. Thanh niên sinh viên đô thị từ Đại học Ngoại ngữ và Đại học Sur phạm Hà Nội cũng có xu hướng lựa chọn những hành vi kết hợp cả hai nền văn hoá để giải quyết xung đột, thể hiện ở việc thanh niên hai trường này thực hiện hành vi dung hoà và hành vi xa lánh (giải quyết theo trường hợp) thường xuyên hơn. Ngược lại, đại diện cho nhóm thanh niên miền núi, thanh niên sinh viên Đại học Tân Trào có xu hướng tìm cho mình một hình mẫu phù hợp để tham khảo ý kiến về cách thức xử

lý xung đột văn hoá hơn là lãng tránh xung đột. Khi giải quyết trực tiếp, họ có xu hướng lựa chọn văn hoá Việt Nam để định hướng hành vi.

4.2.3.3. Đánh giá chung về khác biệt xung đột văn hoá theo trường học

Có thể thấy biến số trường học (hay nói đúng hơn là biến số vùng miền, văn hóa nhà trường) có tác động lớn tới xung đột văn hoá ở sinh viên. Các kết quả nghiên cứu cho thấy có sự khác biệt giữa sinh viên khu vực đô thị (Trường Đại học Ngoại ngữ và Trường Đại học Sư phạm) và sinh viên khu vực miền núi (Trường Đại học Tân Trào) về cả ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá. Trong đó, sinh viên đô thị, đặc biệt là sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ, có mức độ xung đột văn hoá cao hơn thanh niên miền núi.

Đồng thời cũng tồn tại mối liên hệ chặt chẽ giữa cả ba khía cạnh của xung đột văn hoá khi so sánh theo trường học. Sinh viên đô thị có nhận thức về xung đột trong hệ giá trị và xung đột trong khả năng tương tác liên văn hoá ở mức cao hơn sinh viên miền núi, nên cảm xúc của sinh viên đô thị về hai nội dung xung đột này cũng cao hơn sinh viên miền núi. Sự khác biệt về nhận thức và cảm xúc dẫn tới sự khác biệt về hành vi, trong đó hành vi lãng tránh được ghi nhận nhiều hơn ở nhóm sinh viên có nhận thức về xung đột cao hơn (sinh viên Ngoại ngữ), và hành vi bảo thủ được thực hiện nhiều hơn ở nhóm sinh viên có nhận thức về xung đột thấp hơn (sinh viên Tân Trào). Sinh viên đô thị với mức độ xung đột về nhận thức và cảm xúc cao hơn cũng hay thực hiện những hành vi kết hợp văn hoá như hành vi dung hoà và hành vi xa lánh hơn sinh viên miền núi.

4.2.4. Đánh giá chung về xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam qua so sánh theo biến số

Những kết quả so sánh theo biến số cho thấy những khác biệt về mức độ xung đột văn hoá của thanh niên sinh viên thuộc các giới tính, năm học và trường học khác nhau. Trong ba biến số này, trường học có tác động rõ rệt nhất tới cả ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá.

So sánh các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá theo biến số cũng thêm một lần nữa khẳng định mối tương quan giữa mức độ xung đột về nhận thức với

hành vi lảng tránh và hành vi đồng hoá. Ở cả ba biến số so sánh, nhóm khách thể với mức độ xung đột về nhận thức cao hơn thì thường hay có hành vi lảng tránh xung đột hơn, và ít có hành vi bảo thủ trong giải quyết xung đột. Mặc dù khi phân tích trên toàn bộ mẫu nghiên cứu, tần suất thực hiện hành vi lảng tránh là không cao, nhưng có thể thấy hành vi này trở nên phổ biến ở nhóm có nhận thức rõ ràng về xung đột văn hoá. Có thể trạng thái xung đột trong nhận thức dẫn tới sự bối rối, giằng xé, không biết giải quyết vấn đề như thế nào, từ đó tạo tính ỳ, né tránh vấn đề. Những thanh niên có nhận thức rõ ràng về xung đột cũng đồng nghĩa với việc họ có hiểu biết tốt về cả hai nền văn hoá, vì thế nên xu hướng lựa chọn các chuẩn mực văn hoá Việt Nam làm cách duy nhất để giải quyết vấn đề trở nên mờ nhạt hơn.

Việc không tồn tại mối liên hệ giữa xung đột về nhận thức và hành vi dung hoà khi so sánh theo biến số bước đầu cho thấy sự mất phương hướng của sinh viên được khảo sát trong giải quyết xung đột văn hoá.

Đáng chú ý là không tồn tại sự tương tác giữa các biến số được khảo sát (giới tính, năm học, trường học) với nhóm xung đột văn hoá. Nói cách khác, trong số các thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức thấp, không có sự khác biệt về mức độ xung đột văn hoá giữa các thanh niên thuộc giới tính, năm học hay trường học khác nhau; và tương tự với các thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá cao. Như vậy, chúng tôi không tìm thấy những đặc điểm về giới tính, năm học hay trường học đặc trưng cho thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức độ cao.

4.3. Một số yếu tố ảnh hưởng tới các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam hiện nay

Như đã đề cập tới ở chương 2, xung đột văn hoá ở thanh niên chịu sự chi phối của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Trong nghiên cứu này, chúng tôi đề xuất 5 yếu tố được cho là có ảnh hưởng trực tiếp đến xung đột văn hoá, bao gồm: mức độ tiếp xúc văn hoá, mức độ gắn bó văn hoá, nhân cách, mức độ thống nhất trong gia đình, và áp lực tiếp biến văn hoá.

Bảng 4.19 thống kê mức độ tác động của các yếu tố này tới xung đột văn hoá. Tác động của từng yếu tố cụ thể tới xung đột văn hoá sẽ được phân tích cụ thể trong các mục tiếp theo.

Bảng 4.19: Hệ số hồi quy của các yếu tố ảnh hưởng tới các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên

Các yếu tố ảnh hưởng		Hệ số b	t	p
<i>Các yếu tố chủ quan</i>				
1. Mức độ tiếp xúc văn hoá	Mức độ tiếp xúc văn hoá Việt Nam	-0,007	-0,18	0,85
	Mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây	0,055	1,42	0,16
2. Mức độ gắn bó văn hoá	Mức độ gắn bó với văn hoá Việt Nam	-0,001	-0,04	0,97
	Mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây	0,04	2,01	0,04*
3. Nhân cách	Nhân cách hướng ngoại	-0,067	-1,92	0,05*
	Nhân cách cởi mở	0,017	0,41	0,68
	Nhân cách tận tâm	-0,102	-3,09	0,00*
	Nhân cách dễ chịu	-0,113	-2,76	0,01*
	Nhân cách nhiều tâm	0,041	1,21	0,23
<i>Các yếu tố khách quan</i>				
1. Mức độ thống nhất trong gia đình		-0,073	-2,34	0,02*
2. Áp lực tiếp biến văn hoá	Áp lực về ngôn ngữ	0,030	1,74	0,08
	Áp lực về phân biệt đối xử	0,104	4,06	0,00*
	Áp lực về quan hệ với các nhóm văn hoá	0,127	4,64	0,00*
	Áp lực về cô lập xã hội	0,057	2,89	0,00*
$R^2 = 0,34, F(14,503) = 18,30, p < 0,05$				

Ghi chú: *: $p < 0,05$

4.3.1. Ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan

4.3.1.1. Ảnh hưởng của yếu tố mức độ tiếp xúc với các nền văn hoá

Mức độ tiếp xúc văn hoá được chia làm hai khía cạnh: mức độ tiếp xúc với văn hoá Việt Nam và mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây.

Xét về tương quan, mức độ tiếp xúc với văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây đều có tương quan thuận với xung đột văn hoá. Trong đó, hệ số r giữa mức độ tiếp xúc với văn hoá Việt Nam và xung đột văn hoá là $r = -0,033, p = 0,45$; hệ số r

giữa mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây và xung đột văn hoá là $r = 0,108$, $p < 0,05$. Như vậy, chỉ có mối tương quan thuận giữa mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây và xung đột văn hoá là có ý nghĩa về mặt thống kê. Thanh niên Việt Nam càng tiếp xúc nhiều với văn hoá phương Tây thì lại càng dễ gặp xung đột văn hoá.

Các nghiên cứu trước đó đã chỉ ra những kết quả trái ngược về mối liên hệ giữa xung đột văn hoá và mức độ tiếp biến văn hoá. Một mặt, những nghiên cứu nền tảng như nghiên cứu của Berry và cộng sự (1987), nghiên cứu của Torbiorn (1982) chỉ ra mối liên hệ nghịch giữa hai biến số này. Người nhập cư tăng cường tiếp xúc với văn hoá mới (văn hoá đích) sẽ ít gặp những khó khăn xã hội và tăng sự hài lòng với cuộc sống [63]. Tuy các tác giả không trực tiếp đo tác động của tiếp xúc với văn hoá mới tới xung đột văn hoá, nhưng các tác giả đều chỉ rõ rằng việc hiểu biết rõ hơn về nền văn hoá mới giúp người nhập cư có những nhận thức phù hợp với hoàn cảnh sống mới, từ đó giúp họ có thái độ tích cực hơn và hành vi phù hợp hơn với nền văn hoá mới. Suy rộng ra là việc tăng cường tiếp xúc với văn hoá đích làm giảm mức độ xung đột văn hoá.

Phân tích kết quả phỏng vấn sâu trong nghiên cứu này cũng cho thấy sinh viên đô thị (thanh niên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội) – những người có điều kiện tiếp xúc nhiều hơn với văn hoá phương Tây – cho rằng họ dễ dung hoà giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây hơn sinh viên miền núi (thanh niên Đại học Tân Trào).

Sinh viên đô thị cho rằng có nhiều yếu tố tương đồng giữa hai nền văn hoá này như: “*Tính chất nhân văn, tính cộng đồng*” (Nữ, 21 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), “*Tôn sư trọng đạo, truyền thống gia đình, sự thích nghi với hoàn cảnh mới*” (Nam 24 tuổi, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội), v.v.. Những sự tương đồng này tạo tiền đề để dung hoà giữa hai nền văn hoá. Ngược lại, sinh viên miền núi cho rằng có rất ít sự tương đồng giữa hai nền văn hoá, và rất khó có thể dung hoà giữa hai nền văn hoá này. Nhận thức về sự tương đồng giữa các nền văn hoá là cơ sở quan trọng để dung hoà giữa hai nền văn hoá, từ đó làm giảm xung đột văn hoá.

Mặt khác, những nghiên cứu của Ward và cộng sự lại chỉ ra mối quan hệ thuận giữa mức độ tiếp xúc với văn hoá đích và xung đột văn hoá [114, 115]. Khi nghiên

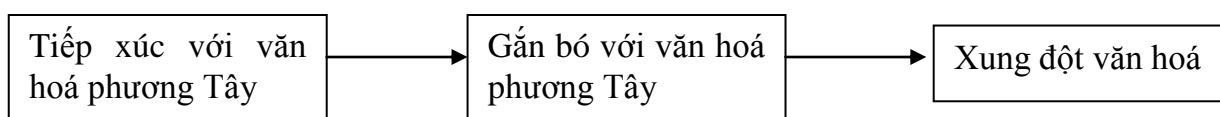
cứ xung đột văn hoá trên những nhóm người nhập cư khác nhau (người Trung Quốc, Malaysia, New Zealand) với văn hoá Singapore, nhóm tác giả này tìm ra rằng việc tăng cường tiếp xúc văn hoá với văn hoá Singapore (văn hoá đích) sẽ dẫn tới tăng xung đột văn hoá ở người nhập cư. Lý giải được đưa ra là việc tăng cường tiếp xúc với văn hoá đích đồng thời làm tăng áp lực tiếp biến văn hoá, từ đó làm tăng xung đột văn hoá.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi cũng tìm thấy mối quan hệ tương tự giữa việc tiếp xúc với văn hoá phương Tây và áp lực tiếp biến văn hoá. Cụ thể là tồn tại mối quan hệ thuận giữa mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây và áp lực do quan hệ liên văn hoá ($r=0,125$, $p<0,05$). Những thanh niên thường xuyên tiếp xúc với văn hoá phương Tây cảm thấy họ chịu nhiều áp lực xã hội khi hành xử theo kiểu phương Tây, họ thường bất đồng quan điểm với những người thế hệ trước vì họ thích văn hoá phương Tây, và những người khác tỏ ra không thích hay gây khó khăn cho họ khi họ xử sự theo kiểu phương Tây. Trong phỏng vấn sâu, khi được hỏi về những khó khăn gặp phải trong cuộc sống khi lựa chọn các giá trị của văn hoá phương Tây, thanh niên trả lời như sau: *“Phần lớn khó khăn là gặp phải những ý kiến trái chiều từ gia đình”* (Nữ sinh viên 21 tuổi, Đại học Sư phạm Hà Nội), *“Có một số mặt của cuộc sống văn hoá phương Tây chưa thực sự phù hợp. Bộ phận lớn người Việt Nam, lớp người trước chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá Việt Nam nên khó chấp nhận văn hoá phương Tây”* (Nam sinh viên 25 tuổi, Đại học Ngoại ngữ), *“Khó khăn ở chỗ phải chống lại một số lối sống cổ hủ của hầu hết thế hệ đi trước mà không được khẳng định bản thân theo cách của mình”* (Nữ sinh viên 24 tuổi, Đại học Sư phạm Hà Nội). Những ý kiến này cho thấy những áp lực xã hội (mà rõ rệt nhất là áp lực gia đình, áp lực thế hệ) mà thanh niên gặp phải khi hành xử theo các chuẩn mực văn hoá phương Tây.

Có lẽ với thanh niên Việt Nam, chính những áp lực tiếp biến văn hoá này đã tác động mạnh mẽ tới xung đột văn hoá, vượt lên ảnh hưởng của nhận thức về tương đồng văn hoá. Trong bối cảnh hội nhập văn hoá của thanh niên Việt Nam, khi không có chuẩn mực rõ rệt nào về văn hoá nào là đúng và là phù hợp hơn văn hoá

nào (khác với thanh niên nhập cư phải coi văn hoá đích là văn hoá chuẩn mực, buộc phải tuân theo nếu muốn thích ứng trong xã hội mới), thì áp lực tiếp biến văn hoá trở thành những động lực xã hội định hướng cho xu hướng tiếp biến văn hoá của họ. Chính vì vậy, trong trường hợp của thanh niên Việt Nam, tăng cường tiếp xúc với văn hoá phương Tây làm tăng mức độ xung đột văn hoá.

Về khả năng dự đoán xung đột văn hoá, mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây có thể dự đoán xung đột văn hoá dựa trên biến trung gian là mức độ gắn bó văn hoá (xem sơ đồ 4.5).



Sơ đồ 4.5: Mối quan hệ trung gian giữa mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây, mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây, và xung đột văn hoá

Chúng tôi thử nghiệm giả thuyết này bằng cách chạy hai phương trình hồi quy tuyến tính riêng biệt (xem bảng 4.20). Trong phương trình 1, mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây có thể dự đoán xung đột văn hoá, nhưng khi bổ sung yếu tố mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây vào phương trình thì sự thay đổi R^2 có ý nghĩa về mặt thống kê. Lúc này, mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây cũng có thể dự đoán xung đột văn hoá, nhưng mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây không còn khả năng dự đoán xung đột văn hoá. Trong phương trình 2, mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây có thể dự đoán xung đột văn hoá. Khi bổ sung mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây vào phương trình, sự thay đổi R^2 không có ý nghĩa về mặt thống kê.

Bảng 4.20: Phương trình thử nghiệm quan hệ trung gian giữa mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây, mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây, và xung đột văn hoá

Phương trình	Biến số	Hệ số b	t	p
1(a)	Tiếp xúc văn hoá phương Tây	0,098	2,42	0,02*
1(b)	Tiếp xúc văn hoá phương Tây	0,039	0,89	0,37
	Gắn bó văn hoá phương Tây	0,077	3,18	0,00*
$\Delta R^2 = 0,019, \Delta F = 0,79, p = 0,00^*$				

2(a)	Gắn bó văn hoá phương Tây	0,086	3,15	0,00*
2(b)	Gắn bó văn hoá phương Tây	0,077	3,18	0,00*
	Tiếp xúc văn hoá phương Tây	0,039	0,89	0,37
	$\Delta R^2 = 0,001, \Delta F = 0,79, p = 0,37$			

Ghi chú: (a) thể hiện bước 1 của phương trình; (b) thể hiện bước 2 của phương trình; Biến phụ thuộc ở cả hai phương trình là xung đột văn hoá; *: $p < 0,05$

Như vậy, mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây làm tăng mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây, và sự gắn bó này làm tăng mức độ xung đột văn hoá ở thanh niên sinh viên Việt Nam được khảo sát.

4.3.1.2. Ảnh hưởng của yếu tố mức độ gắn bó văn hoá

Mức độ gắn bó văn hoá thể hiện sự gắn bó của cá nhân với một nền văn hoá nào đó, hay chính là độ mạnh của cái tôi văn hoá đó. Trong nghiên cứu này, sự gắn bó của sinh viên được thể hiện ở mức độ gắn bó với cả văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây.

Kết quả khảo sát cho thấy nhìn chung, thanh niên sinh viên Việt Nam được khảo sát gắn bó với văn hoá Việt Nam chặt chẽ hơn văn hoá phương Tây. Điểm trung bình của mức độ gắn bó với văn hoá Việt Nam là: ĐTB = 4,19, ĐLC = 0,83, cao hơn so với điểm trung bình của mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây: ĐTB = 2,69, ĐLC = 0,96. Sự khác biệt giữa mức độ gắn bó với hai văn hoá này có ý nghĩa về mặt thống kê: $Md=1,50, t(532) = 27,10, p < 0,05$.

Mức độ gắn bó với văn hoá Việt Nam không có tương quan tuyến tính với xung đột văn hoá: $r=0,008, p=0,86$, trong khi mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây lại có quan hệ thuận với xung đột văn hoá: $r=0,167, p < 0,05$. Nói cách khác, những thanh niên cảm thấy mình gắn bó chặt chẽ với văn hoá phương Tây sẽ trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức cao hơn những thanh niên gắn bó ít hơn với văn hoá phương Tây.

Về khả năng dự đoán xung đột văn hoá, chỉ có mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây có thể dự đoán xung đột văn hoá: $b=0,04, t=2,01, p < 0,05$. Kết quả này kết hợp với những phân tích ở trên về quan hệ trung gian giữa tiếp xúc văn hoá, gắn bó văn hoá và xung đột văn hoá, cho thấy mối quan hệ trực tiếp giữa mức độ gắn bó

với văn hoá phương Tây và xung đột văn hoá. Cho dù kiểm nghiệm một mình, cùng với 1 biến số hay với 4 biến số khác, tác động của mức độ tiếp xúc với văn hoá phương Tây lên xung đột văn hoá vẫn luôn tồn tại. Với thanh niên Việt Nam, mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây là yếu tố quan trọng có thể trực tiếp dự đoán xung đột văn hoá.

4.3.1.3. Ảnh hưởng của yếu tố nhân cách

Nhân cách được đo theo Thuyết năm thành tố của nhân cách, bao gồm: nhân cách hướng ngoại, nhân cách cởi mở, nhân cách tận tâm, nhân cách dễ chịu, và nhân cách nhiều tâm.

Trong các yếu tố của nhân cách, nhân cách hướng ngoại, nhân cách tận tâm và nhân cách dễ chịu có tác động trực tiếp tới xung đột văn hoá (xem bảng 4.20). Cả ba loại nhân cách này đều có hướng tác động ngược chiều tới xung đột văn hoá. Nói cách khác, những thanh niên sinh viên có mức độ xung đột văn hoá thấp là những thanh niên có một (hay nhiều) đặc điểm nhân cách sau: 1) Nhân cách hướng ngoại: thân thiện, quảng giao, tự khẳng định, thích hoạt động tìm kiếm hứng thú, 2) Nhân cách tận tâm: ngăn nắp, trách nhiệm, thận trọng, 3) Nhân cách dễ chịu: chân tình, vị tha, khiêm tốn.

Kết quả này khác với một số nghiên cứu trước đó về ảnh hưởng của nhân cách tới xung đột văn hoá. Trong nghiên cứu của Benet-Martinez và Haritos (2005), các tác giả tìm ra rằng nhân cách nhiều tâm có tác động trực tiếp tới khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá (do khái niệm xung đột văn hoá trong nghiên cứu này tương ứng với khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá), còn nhân cách cởi mở có tác động trực tiếp tới nhận thức về khoảng cách văn hoá. Các thành tố nhân cách khác như nhân cách dễ chịu và nhân cách hướng ngoại có tác động gián tiếp tới khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá, còn nhân cách tận tâm không có tác động tới xung đột văn hoá [59].

Như vậy, kết quả nghiên cứu này không lặp lại những kết quả nghiên cứu trước đó về mối quan hệ giữa nhân cách và xung đột văn hoá. Tuy nhiên, những thành tố nhân cách trước đó có quan hệ gián tiếp tới xung đột văn hoá thì giờ đây

thể hiện quan hệ trực tiếp, rõ rệt hơn. Những thành tố nhân cách tích cực trở thành những nhân tố bảo vệ thanh niên trước xung đột văn hoá.

4.3.2. Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan

4.3.2.1. Ảnh hưởng của yếu tố mức độ thống nhất trong gia đình

Mức độ thống nhất trong gia đình phản ánh sự thống nhất giữa hành vi và thái độ của cha mẹ với hành vi và thái độ của con. Sự khác biệt trong tâm lý giữa hai thế hệ được hiểu là khoảng cách (tiếp biến) văn hoá giữa hai thế hệ.

Trong nghiên cứu này, mức độ thống nhất trong gia đình có tương quan nghịch với xung đột văn hoá: $r = -0,15$, $p < 0,05$. Mối tương quan dù không mạnh nhưng nó cho thấy sự xung đột văn hoá giữa các thế hệ trong gia đình là sự phản ánh của xung đột văn hoá giữa các cái tôi văn hoá của cá nhân. Kết quả nghiên cứu cho phép ta có thể dự đoán xung đột văn hoá với $b = -0,073$, $p < 0,05$. Sự thống nhất giữa hai thế hệ càng giảm thì xung đột văn hoá càng tăng. Nói cách khác, khi hai thế hệ trong gia đình (cha mẹ và con) đồng nhất quan điểm về giá trị văn hoá thể hiện qua những hoạt động hàng ngày như đặt mục tiêu trong cuộc sống, quan hệ bạn bè, sinh hoạt gia đình, cách xử lý vấn đề, v.v. thì sự thống nhất này có tác dụng bảo vệ thanh niên khỏi xung đột văn hoá. Kết quả này đồng nhất với các nghiên cứu trước đó về tác động của mức độ thống nhất trong gia đình tới xung đột văn hoá [109].

4.3.2.2. Ảnh hưởng của yếu tố áp lực nảy sinh trong quá trình tiếp biến văn hoá

Áp lực nảy sinh trong quá trình tiếp biến văn hoá bao gồm áp lực về ngôn ngữ, áp lực về phân biệt đối xử, áp lực về quan hệ liên nhóm văn hoá và áp lực về cô lập xã hội.

Trong bốn loại áp lực này, áp lực về phân biệt đối xử, quan hệ liên nhóm văn hoá và cô lập xã hội có tác động tới xung đột văn hoá ở thanh niên theo chiều thuận. Các áp lực này càng tăng thì mức độ xung đột văn hoá càng tăng.

Trong các loại áp lực này, áp lực về quan hệ liên nhóm văn hoá có tác động lớn nhất tới xung đột văn hoá ($b = 127$), tiếp theo là áp lực về phân biệt đối xử ($b = 0,104$) và cuối cùng là áp lực về cô lập văn hoá ($b = 0,057$). Kết quả này cho thấy

sự áp lực nảy sinh trong quá trình tương tác với các nhóm văn hoá là áp lực chi phối mạnh mẽ nhất tới xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam. Việc trải nghiệm phân biệt đối xử và bị cô lập văn hoá cũng có ảnh hưởng tới mức độ xung đột văn hoá nhưng ở mức ít hơn.

Như đã phân tích ở trên, các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam biểu hiện rõ nhất trong tương tác với các nhóm văn hoá khác. Chính vì vậy, không khó hiểu khi áp lực tiếp biến văn hoá nảy sinh khi trong mối quan hệ với các nhóm văn hoá khác nhau có ảnh hưởng trực tiếp nhất tới xung đột văn hoá.

4.3.3. Đánh giá chung về các yếu tố ảnh hưởng tới xung đột văn hoá

Những kết quả nghiên cứu trên cho thấy các yếu tố tâm lý chủ quan và khách quan được nghiên cứu trong luận án này đều có ảnh hưởng tới xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của các yếu tố này là khác nhau, trong đó rất nhiều yếu tố chỉ có một số thành phần tác động đến xung đột văn hoá.

Trong các yếu tố chủ quan, có thể thấy mức độ gắn bó với văn hoá phương Tây là yếu tố quan trọng nhất dự đoán xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam. Thông qua tiếp xúc nhiều với văn hoá phương Tây, thanh niên cảm thấy mình gắn bó chặt chẽ với nền văn hoá này, từ đó nảy sinh xung đột giữa cái tôi văn hoá phương Tây và cái tôi văn hoá Việt Nam của họ. Các thành tố nhân cách tích cực như nhân cách hướng ngoại, nhân cách dễ chịu hay nhân cách tận tâm có thể bảo vệ thanh niên trước xung đột văn hoá, nhưng tác động của các thành tố nhân cách này là không lớn.

Trong các yếu tố khách quan, tác động của áp lực tiếp biến văn hoá mạnh hơn tác động của mức độ thống nhất trong gia đình. Những áp lực nảy sinh trong quá trình thanh niên tiếp xúc và học hỏi nền văn hoá phương Tây khiến cho thanh niên dễ gặp phải xung đột văn hoá.

Nhìn lại các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hoá, có thể thấy áp lực tiếp biến văn hoá là yếu tố có tác động mạnh mẽ nhất, với hệ số β của yếu tố này trong phương trình hồi quy dự đoán xung đột văn hoá là cao nhất. Tuy nhiên, nếu xét mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng, đặc biệt là mối tương quan giữa mức độ tiếp

xúc văn hoá, mức độ gắn bó văn hoá và áp lực tiếp biến văn hoá, thì có thể thấy xung đột văn hoá chịu sự tác động của một nhóm các yếu tố ảnh hưởng, các yếu tố này tương tác lẫn nhau, hỗ trợ cho nhau để hình thành nên xung đột văn hoá ở thanh niên.

4.4. Kết quả thực nghiệm tác động

Trong chương 3, chúng tôi đã trình bày cụ thể mục đích, nội dung và cách thức tiến hành thực nghiệm tác động. Trong mục này, chúng tôi trình bày kết quả thực nghiệm tác động.

Thực nghiệm sử dụng hiệu ứng môi để tác động đến hành vi giải quyết xung đột văn hoá của thanh niên, mà cụ thể là sinh viên Trường Đại học Ngoại ngữ. Sau khi được gợi nhắc về vốn tri thức văn hoá của Việt Nam hoặc của phương Tây, nghiệm thể được yêu cầu xử lý hai tình huống xung đột văn hoá. Tình huống thứ nhất miêu tả xung đột văn hoá giữa cá nhân với tập thể lớp học, cũng chính là xung đột giữa sinh viên với bạn bè. Tình huống thứ hai miêu tả xung đột văn hoá giữa sinh viên với gia đình (bố mẹ và ông bà). Kết quả thực nghiệm được phản ánh qua bảng 4.21.

Bảng 4.21: Kết quả thực nghiệm tác động phân theo tình huống xung đột văn hoá

Tình huống xung đột	Văn hoá kích hoạt	Hành vi giải quyết xung đột văn hoá (%)			
		<i>Đồng hoá</i>	<i>Bảo thủ</i>	<i>Dung hoà</i>	<i>Xa lánh</i>
1. Xung đột với bạn bè	Văn hóa Phương Tây	19,4	54,8	25,8	0,0
	Văn hóa Việt Nam	6,5	64,5	25,8	3,2
2. Xung đột với gia đình	Văn hóa Phương Tây	9,7	64,5	25,8	0,0
	Văn hóa Việt Nam	0,0	71,0	29,0	0,0

Kết quả thực nghiệm tác động qua số liệu bảng 4.21 cho thấy có sự khác biệt rõ rệt trong tần suất lựa chọn các kiểu hành vi giải quyết xung đột văn hoá. Trong cả hai loại xung đột, hành vi bảo thủ vẫn là hành vi phổ biến nhất, chiếm từ 50-70% tần suất thực hiện hành vi. Xếp thứ hai là hành vi dung hoà, tiếp đến là hành vi đồng hoá. Hành vi xa lánh ít được lựa chọn để giải quyết xung đột trong thực tế. Ngoài ra, không có nghiệm thể nào sử dụng các hành vi giải quyết xung đột một cách gián tiếp (như lảng tránh, tìm hình mẫu) mặc dù hình thức câu hỏi sử dụng là câu hỏi mở.

Khi so sánh giữa các loại tình huống xung đột, không tìm thấy tác động của loại tình huống tới tần suất lựa chọn hành vi giải quyết xung đột: $\chi^2(6) = 5,50$, $p = 0,48$. Nói cách khác, bất kể tình huống xung đột với nhóm nào, sinh viên Việt Nam được khảo sát vẫn có xu hướng giải quyết xung đột văn hoá theo những cách tương tự nhau.

Khi so sánh giữa các loại văn hoá kích hoạt và giữa các loại tình huống xung đột, đề tài luận án không tìm thấy các mối quan hệ có ý nghĩa về mặt thống kê. Với từng tình huống xung đột, văn hoá kích hoạt không gây ra sự khác biệt trong hành vi giải quyết xung đột. Cụ thể, trong tình huống xung đột với bạn bè, sinh viên dù được kích hoạt văn hoá Việt Nam hay văn hoá phương Tây đều có tần suất thực hiện từng loại hành vi là như nhau: $\chi^2(3) = 3,24$, $p = 0,36$. Trong tình huống xung đột với gia đình, cũng không tồn tại sự khác biệt trong lựa chọn hành vi giải quyết xung đột văn hoá giữa sinh viên được kích hoạt văn hoá Việt Nam và sinh viên được kích hoạt văn hoá phương Tây: $\chi^2(3) = 3,15$, $p = 0,21$.

Mặc dù không tìm được những kết quả có ý nghĩa về mặt thống kê, nhưng khi so sánh giữa tần suất thực hiện các hành vi giải quyết xung đột văn hoá, chúng tôi nhận định có sự khác biệt ổn định trong xu hướng lựa chọn hành vi tùy theo văn hoá được kích hoạt. Cụ thể, khi văn hoá phương Tây được kích hoạt, sinh viên thực hiện hành vi đồng hoá nhiều hơn rõ rệt so với khi văn hoá Việt Nam được kích hoạt. Khi văn hoá Việt Nam được kích hoạt, sinh viên lựa chọn hành vi bảo thủ nhiều hơn so với khi văn hoá phương Tây được kích hoạt, mặc dù sự khác biệt này không nhiều. Với hành vi dung hoà và hành vi xa lánh, không có sự khác biệt theo văn hoá được kích hoạt.

Đây là một kết quả quan trọng, phù hợp với giả thuyết nghiên cứu ban đầu. Rõ ràng việc làm nổi trội vốn tri thức của văn hoá nào sẽ tác động trực tiếp tới hành vi giải quyết xung đột văn hoá theo chuẩn mực của văn hoá đó. Những sinh viên được gợi nhắc đến sự khác biệt của bản thân so với cộng đồng, gợi nhắc đến lối suy nghĩ cá nhân đặc trưng của văn hoá phương Tây, tỏ ra chuộng những hành vi xử lý xung đột theo kiểu phương Tây, trong đó thể hiện rõ chứng kiến và sở thích cá nhân.

Những sinh viên được gọi nhắc đến điểm chung giữa mình và cộng đồng, gọi nhắc đến lối suy nghĩ trọng tập thể theo kiểu Việt Nam, tỏ ra chuộng những hành vi xử lý xung đột theo kiểu văn hoá cộng đồng, trong đó duy trì lợi ích nhóm và tôn trọng quyết định của nhóm. Kết quả này tương đồng với những nghiên cứu về tác động của kích hoạt văn hoá tới các quá trình tâm lý của con người. Tuy nhiên, việc tồn tại những khác biệt do kích hoạt về văn hoá nhưng lại không có ý nghĩa về mặt thống kê cho thấy tác động của kích hoạt văn hoá tới hành vi giải quyết xung đột ở sinh viên Việt Nam được khảo sát là không mạnh. Nói cách khác, thanh niên Việt Nam có chịu sự chi phối của các cơ chế tâm lý tiềm thức trong việc giải quyết xung đột văn hoá, nhưng sự chi phối này kém rõ rệt hơn là sự chi phối của các cơ chế có ý thức (như thể hiện qua tác động của các yếu tố ảnh hưởng nêu ở phần 4.3).

Một điểm đáng chú ý nữa là kết quả thực nghiệm tác động cho thấy hành vi bảo thủ là hành vi được thanh niên ưa chuộng khi giải quyết xung đột văn hoá. Kết quả này có phần khác biệt với kết quả nghiên cứu định tính đã trình bày ở phần 4.1, trong đó hành vi đồng hoá mới là hành vi được thanh niên lựa chọn thực hiện với tần suất cao nhất khi xử lý xung đột văn hoá. Điều này phản ánh độ bền vững trong quan niệm của thanh niên về hành vi nên được thực hiện và hành vi thực tế. Khi đánh giá chung tần suất thực hiện hành vi giải quyết xung đột, thanh niên tự đánh giá mình thường xuyên thực hiện hành vi dung hoà văn hoá, kết hợp giữa văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam để đưa ra cách giải quyết vấn đề phù hợp nhất. Tuy nhiên, trong thực tế, khi phải đối mặt với một tình huống xung đột văn hoá cụ thể, trong tương tác với nhóm đa số (mà văn hoá đa số là văn hoá truyền thống Việt Nam) thì thanh niên lại thực hiện hành vi bảo thủ với tần suất cao rõ rệt.

Để giải thích sự khác biệt trong kết quả nghiên cứu định lượng và kết quả thực nghiệm tác động, chúng tôi cho rằng có hai cách lý giải như sau.

Cách lý giải thứ nhất dựa trên xu hướng trả lời lấy lòng của khách thể khi trả lời thang đo về xung đột văn hoá. Nghiên cứu này, cũng như những nghiên cứu trước đó về thang đo xung đột cái tôi văn hoá, chỉ ra xu hướng trả lời lấy lòng khi trả lời các câu hỏi về xung đột văn hoá. Thanh niên có xu hướng trả lời mình

thường xuyên thực hiện hành vi dung hoà văn hoá nhằm giải quyết xung đột văn hoá vì họ cho rằng cách thức tiếp biến văn hoá này được xã hội khuyến khích. Thực tế cho thấy những chính sách của Nhà nước cũng quan niệm xã hội đều cố gắng xu hướng “hoà nhập mà không hoà tan”, về bản chất chính là dung hoà văn hoá. Do vậy, khi được khảo sát định lượng, thanh niên thể hiện rõ xu hướng trả lời lấy lòng. Đây cũng có thể là lý do vì sau chúng tôi không tìm thấy mối tương quan giữa nhận thức về xung đột văn hoá và hành vi dung hoà văn hoá trong so sánh theo biến số. Tuy nhiên, thực nghiệm tác động loại bỏ được xu hướng này do cách thu thập thông tin trong thực nghiệm tác động là sử dụng câu hỏi mở áp dụng vào một tình huống nhất định. Do đó, thực nghiệm tác động thu thập được những kết quả “thật” hơn, chính xác hơn về xu hướng hành vi giải quyết xung đột văn hoá ở thanh niên.

Cách lý giải thứ hai dựa trên bản chất của thực nghiệm. Trong cả hai tình huống thực nghiệm, thanh niên phải tương tác với hai nhóm người Việt Nam. Nhóm gia đình rõ ràng là một nhóm đại diện cho văn hoá truyền thống Việt Nam, vì thế việc sử dụng hành vi bảo thủ (hành xử theo chuẩn mực văn hoá Việt Nam) trong giải quyết mâu thuẫn với nhóm gia đình là điều dễ hiểu. Nhóm bạn bè, dù không phải là hình mẫu hoàn hảo của nhóm văn hoá truyền thống, nhưng dù sao nó vẫn là nhóm văn hoá có tính Việt Nam cao hơn tính phương Tây. Đây có thể là lý do vì sao thanh niên sử dụng những chuẩn mực hành vi của văn hoá Việt Nam để tương tác với nhóm bạn bè Việt Nam thay vì sử dụng chuẩn hành vi văn hoá phương Tây. Theo cách lý giải này, có thể nói chính nhóm văn hoá mà thanh niên phải tương tác với trong tình huống xung đột cụ thể đã định hướng hành vi cho thanh niên.

Dù đi theo cách giải thích nào, thì thực nghiệm này cũng chỉ ra xu hướng hành vi giải quyết xung đột văn hoá chủ đạo ở thanh niên Việt Nam là hành vi đồng hoá. Nó cũng đồng thời chỉ ra những tác động nhất định, dù không nhiều, của cơ chế tâm lý tiềm thức tới xung đột văn hoá ở thanh niên, thể hiện qua tác động của hiệu ứng môi.

Tiểu kết chương 4

Từ phân tích thực trạng ở trên có thể nêu ra một số nhận xét sau:

Đa số thanh niên được khảo sát trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức trung bình. Nói cách khác, đa số thanh niên ít trải nghiệm mâu thuẫn giữa cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng. Để giải quyết xung đột, thanh niên Việt Nam nói chung thường xuyên thực hiện hành vi học hỏi hình mẫu nhất, sau đó đến hành vi dung hòa giữa hai cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng. Tuy nhiên, kết quả thực nghiệm tác động lại cho thấy trong thực tế, thanh niên Việt Nam sử dụng hành vi bảo thủ thường xuyên hơn cả, cho thấy xu hướng áp dụng những quy tắc văn hoá Việt Nam vào giải quyết tình huống xung đột vẫn là xu hướng chiếm ưu thế trong thực tiễn đời sống.

Không có sự khác biệt rõ rệt về giới tính, nhưng ghi nhận sự khác biệt về năm học và trường học trong mức độ trải nghiệm xung đột văn hóa. Sinh viên năm thứ ba trải nghiệm xung đột văn hóa ở mức cao hơn năm thứ nhất và năm thứ hai; sinh viên ở khu vực đô thị, đặc biệt là sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ, trải nghiệm xung đột văn hóa ở mức cao hơn sinh viên miền núi.

Chỉ có một bộ phận nhỏ thanh niên khảo sát trải nghiệm xung đột văn hóa ở mức độ cao, tuy nhiên nhóm thanh niên này thể hiện những đặc trưng tâm lý riêng biệt về nhận thức, cảm xúc và hành vi. Ở cả ba khía cạnh tâm lý này, thanh niên ở nhóm xung đột văn hóa cao trải nghiệm xung đột ở mức cao hơn rõ rệt hơn thanh niên ở nhóm xung đột văn hóa thấp. Các nội dung nhận thức và cảm xúc của xung đột văn hóa càng đi vào chiều sâu thì mức độ xung đột văn hóa mà thanh niên ở nhóm này trải nghiệm càng cao. Thanh niên ở nhóm này cũng ít thực hiện các hành vi giải quyết xung đột, bao gồm cả hành vi giải quyết xung đột trực tiếp và gián tiếp. Thanh niên ở nhóm này cũng thể hiện sự gắn bó chặt chẽ với cả cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng ở mức tương đương nhau.

Ở những thanh niên trải nghiệm xung đột văn hóa ở mức độ thấp, mức độ biểu hiện của cả ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa đều ở mức thấp và trung bình. Các nội dung nhận thức và cảm xúc của xung đột văn hóa càng đi vào chiều sâu thì mức độ xung đột văn hóa mà thanh niên ở nhóm này trải nghiệm càng giảm. Thanh

niên ở nhóm này cũng thể hiện sự gắn bó chặt chẽ với cái tôi văn hóa cộng đồng; cái tôi văn hóa cộng đồng của họ lấn át cái tôi văn hóa cá nhân.

Giữa ba yếu tố tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên có mối tương quan với nhau. Tồn tại mối tương quan chặt chẽ giữa khía cạnh nhận thức và khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá. Kết quả này cũng được phản ánh qua những phân tích về từng nội dung của nhận thức và cảm xúc của xung đột văn hoá. Trong các loại hành vi giải quyết xung đột văn hoá, hành vi lảng tránh và hành vi đồng hoá thường thấy nhất ở những người có nhận thức rõ rệt về xung đột văn hoá, trong khi hành vi dung hoà lại thường nảy sinh ở những người có mức độ xung đột văn hoá thấp.

Các yếu tố chủ quan và khách quan đều ảnh hưởng đến các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên sinh viên được khảo sát, trong đó yếu tố khách quan ảnh hưởng nhiều hơn yếu tố chủ quan. Trong các yếu tố thì yếu tố áp lực tiếp biến văn hóa là ảnh hưởng rõ nhất.

Kết quả thực nghiệm tác động cho thấy tồn tại tác động của các cơ chế tâm lý tiềm thức tới hành vi giải quyết xung đột văn hoá, nhưng tác động này không nhiều.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực trạng ở trên, chúng tôi đưa ra một số nhận xét có tính khái quát sau:

1) Các công trình nghiên cứu về xung đột văn hóa được nhìn nhận từ nhiều góc độ, như góc độ văn hóa học, xã hội học, triết học và tâm lý học. Từ góc độ văn hóa, xã hội học, triết học, các nghiên cứu chỉ ra tính tất yếu của xung đột văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay, và coi xung đột văn hoá như xung đột giữa các nhóm xã hội. Từ góc độ của tâm lý học, các nghiên cứu chỉ ra sự xung đột văn hóa là sự xung đột giữa các giá trị - giá trị của nền văn hóa truyền thống (văn hóa bản địa) và giá trị của những nền văn hóa mới; hoặc xung đột giữa các cái tôi văn hóa – cái tôi văn hóa truyền thống và cái tôi của các văn hóa mới mà chủ thể tiếp nhận. Qua phân tích các công trình nghiên cứu nói trên cho ta thấy các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa được thể hiện rõ nhất là khía cạnh nhận thức, cảm xúc và hành vi.

2) Khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên là các mặt biểu hiện tâm lý của thanh niên, phản ánh mâu thuẫn có thể nhận biết được giữa cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hoá cộng đồng cùng tồn tại trong mỗi thanh niên, được thể hiện qua nhận thức, cảm xúc và hành vi.

Ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên được nghiên cứu là khía cạnh nhận thức, khía cạnh cảm xúc và khía cạnh hành vi.

3) Kết quả nghiên cứu thực tiễn các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở sinh viên ba trường đại học tại Hà Nội và Tuyên Quang cho phép luận án rút ra một số kết luận sau:

Đa phần thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức trung bình. Tức là, họ trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức không rõ rệt; ở họ không có sự khác biệt nhiều giữa cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng. Điều này cũng cho thấy thanh niên Việt Nam được khảo sát có khả năng tiếp nhận và hòa nhập với văn hóa

phương Tây khá tốt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng ở nước ta hiện nay. Kết quả nghiên cứu này phản ánh tính chủ động của thanh niên trong quá trình tiếp biến văn hóa – một đặc trưng của thanh niên bản địa.

Điểm đáng lưu ý là có một tỷ lệ đáng kể trong số thanh niên được khảo sát có mức xung đột văn hóa ở mức độ cao. Ở những thanh niên này, cái tôi văn hóa cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng tồn tại mâu thuẫn với nhau, không cái tôi nào lấn át cái tôi nào, gây cho thanh niên những khó khăn nhất định về nhận thức, cảm xúc và hành vi.

Về nhận thức, thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá cao trải nghiệm mâu thuẫn nhận thức về cái tôi văn hoá cá nhân và cái tôi văn hóa cộng đồng của bản thân, trong đó mâu thuẫn thể hiện rõ rệt nhất ở nhận thức về tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân.

Về cảm xúc, thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá cao trải nghiệm cảm xúc giằng xé, băn khoăn rõ rệt nhất liên quan tới tính thống nhất trong hệ giá trị và hành vi của bản thân.

Về hành vi, thanh niên ở nhóm xung đột văn hoá cao ít thực hiện các hành vi giải quyết xung đột văn hoá. Khi có thực hiện hành vi thì theo tự đánh giá của thanh niên, thanh niên thực hiện hành vi tìm hình mẫu là phổ biến nhất, sau đó đến hành vi dung hoà văn hóa. Tuy nhiên, kết quả thực nghiệm cho thấy trong các tình huống thực tế, thanh niên thực hiện hành vi bảo thủ là thường xuyên nhất. Những kết quả trái ngược nhau này thể hiện độ vênh giữa tự nhận thức của thanh niên và hành vi của họ trong thực tế.

Tìm hiểu mối tương quan giữa ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên sinh viên được khảo sát cho thấy có sự tồn tại mối tương quan chặt chẽ giữa khía cạnh nhận thức và khía cạnh cảm xúc của xung đột văn hoá. Trong các loại hành vi giải quyết xung đột văn hoá, hành vi lảng tránh và hành vi đồng hoá thường thấy nhất ở những người có nhận thức rõ rệt về xung đột văn hoá, trong khi hành vi dung hoà lại thường nảy sinh ở những người có mức độ xung đột văn hoá thấp.

Nếu so sánh các biểu hiện tâm lý của xung đột văn hóa ở thanh niên sinh viên được khảo sát theo các biến số giới tính, năm học và trường học, ta thấy có những khác biệt nhất định. Trong ba biến số này, trường học có tác động rõ rệt nhất tới cả ba khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá. So sánh các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá theo biến số cũng cho thấy mối tương quan thuận giữa mức độ xung đột về nhận thức và hành vi lảng tránh cũng như hành vi đồng hoá.

4) Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố chủ quan và khách quan được khảo sát đều ảnh hưởng đến khía cạnh tâm lý của xung đột văn hóa ở sinh viên. Yếu tố khách quan ảnh hưởng nhiều hơn yếu tố chủ quan, trong đó áp lực tiếp biến văn hoá là yếu tố có ảnh hưởng rõ rệt nhất. Thanh niên càng gặp nhiều áp lực trong quá trình tiếp nhận văn hoá mới thì họ càng dễ nảy sinh xung đột văn hoá.

5) Kết quả thực nghiệm ghi nhận tác động của cơ chế tâm lý tiềm thức tới hành vi giải quyết xung đột văn hoá, mặc dù sự tác động này là không nhiều. Khi vốn tri thức văn hoá được kích hoạt, thanh niên có xu hướng giải quyết xung đột văn hoá theo vốn tri thức văn hoá tương ứng.

2. Kiến nghị

2.1. Đối với các trường đại học và các tổ chức thanh niên

Kết quả nghiên cứu cho thấy đa số thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá ở mức không cao. Điều này đồng nghĩa với việc quá trình tiếp biến văn hoá của đa số thanh niên Việt Nam diễn ra khá suôn sẻ; thanh niên tự biết cách giải quyết những khác biệt văn hoá nảy sinh trong quá trình tiếp biến văn hoá. Đây là cơ sở cho phép các trường đại học và các tổ chức thanh niên tạo điều kiện hơn nữa cho thanh niên – sinh viên tiếp cận với các nền văn hoá mới. Sự tiếp cận này sẽ giúp sinh viên hiểu và tiếp nhận được các giá trị văn hóa mới để họ làm giàu hơn cho hệ giá trị của mình và mở rộng kho tàng tri thức của bản thân.

Tuy nhiên, với những thanh niên trải nghiệm xung đột văn hoá cao thì lại ít có hành vi giải quyết xung đột văn hoá. Như vậy, khi đứng trước khó khăn, thanh niên không biết phải giải quyết bằng cách nào, dẫn tới việc họ ít thực hiện các hành vi giải quyết vấn đề, dù là hành vi giải quyết trực tiếp hay gián tiếp vấn đề. Vì vậy,

điều đáng quan tâm trong giáo dục văn hoá cho thanh niên sinh viên là giáo dục cho thanh niên cách thức xử lý những khác biệt văn hoá. Trong một xã hội hiện đại, hoà nhập văn hoá là xu hướng tất yếu, mà điều kiện tiên quyết để hoà nhập văn hoá thành công là biết chấp nhận sự khác biệt giữa các nền văn hoá và biết tiếp nhận những giá trị văn hoá mới sao cho phù hợp với bản thân. Vì vậy, trong quá trình giáo dục văn hoá cho thanh niên nên chú ý tới việc hình thành sự tôn trọng các khác biệt văn hoá, và khuyến khích tiếp nhận những giá trị văn hoá mới miễn là các giá trị văn hoá đó là phù hợp.

Nghiên cứu trong luận án này cũng chỉ ra rằng quá trình xung đột văn hoá có thể diễn ra ở bất cứ ai, trong những hoàn cảnh đời sống thường ngày. Vì thế, khi tính đến những ảnh hưởng của xung đột văn hoá, nên xem xét đa dạng đối tượng. Xung đột văn hoá không chỉ diễn ra khi thanh niên học hỏi các nền văn hoá nước ngoài du nhập vào nước ta, mà có thể diễn ra khi thanh niên học hỏi các nền văn hoá mới, khác với nền văn hoá vốn có của họ, như khi thanh niên ngoại tỉnh lên học tập và sinh sống ở thành phố, khi thanh niên chuyển sang môi trường học tập và sinh sống mới, v.v. Những đối tượng đa dạng này cũng cần được các tổ chức thanh niên quan tâm, tìm hiểu những khó khăn của họ trong quá trình thích nghi với nền văn hoá mới, và tìm hiểu những tác động có thể xảy ra của xung đột văn hoá tới đời sống tâm lý của họ, để từ đó giúp họ có những cách thức tiếp biến văn hoá hiệu quả hơn.

2.2. Đối với sinh viên

Sinh viên là nhóm xã hội năng động, sáng tạo nhất trong tiếp cận và tiếp thu các giá trị của các nền văn hóa (văn hóa phương Tây và văn hóa khu vực). Chính vì vậy mà trong quá trình tiếp nhận các giá trị văn hóa mới cần suy nghĩ cân nhắc xem những giá trị văn hoá nào cần tiếp thu. Điều này phụ thuộc vào truyền thống và bản sắc văn hóa của dân tộc, phụ thuộc vào điều kiện sống của gia đình và bản thân. Chẳng hạn, một sinh viên sống trong gia đình đa thế hệ (có ông bà, cha mẹ) thì việc tiếp thu những giá trị văn hóa nào cần được cân nhắc trong tương quan với các quan hệ của mình với ông bà, cha mẹ để không dẫn tới xung đột thế hệ xuất phát từ xung đột văn hóa.

Sẽ là một khiếm khuyết lớn nếu sinh viên chỉ quan tâm đến các giá trị văn hóa mới mà quên giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Việc tiếp nhận các giá trị văn hóa mới cần hướng đến mục tiêu làm giàu hệ giá trị văn hóa của bản thân mình, hướng đến sự phát triển của cá nhân.

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong các hành vi giải quyết xung đột văn hóa, hành vi bảo thủ, tức là chỉ chú trọng đến những giá trị của nền văn hóa nào đó mà sinh viên cho là đúng đắn. Điều này sẽ dẫn tới khuynh hướng cực đoan trong giải quyết xung đột văn hóa. Sinh viên cần kết hợp hài hòa giữa các nền văn hóa. Chỉ như vậy mới có thể giảm bớt được xung đột văn hóa trong nội tâm của mình.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ**

1. Vũ Thu Trang (2015). Xung đột văn hoá và hoà nhập văn hoá. *Tạp chí Tâm lý học, số 7*, tr. 93-99.
2. Vũ Thu Trang (2015). Những nghiên cứu tâm lý về xung đột văn hoá. *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 9*, tr. 11-19.
3. Vũ Thu Trang (2015). Những nghiên cứu ở nước ngoài về xung đột văn hoá. *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 10*, tr. 8-16.
4. Vũ Thu Trang (2015). Khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá ở thanh niên. *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 11*, tr. 1-9.
5. Vũ Thu Trang (2016). Khía cạnh cảm xúc và hành vi của xung đột văn hoá ở thanh niên. *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 2*, tr. 3-9.
6. Vũ Thu Trang (2016). Thực trạng khía cạnh nhận thức của xung đột văn hoá ở thanh niên. *Tạp chí Tâm lý học xã hội, số 10*, tr. 15-24.
7. Vũ Thu Trang (2016), Emotional and behavioral aspects of cultural conflict in young people. *Journal of Social Psychology, Vol 12, December 2016*.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (1998). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* (Số 03/NQ-TW ngày 16/7/1998).
2. Claret, P. (1998). *Cá tính tập thể của các dân tộc*, NXB Phương Đông, thành phố Hồ Chí Minh.
3. Vũ Dũng (2009). *Tâm lý học dân tộc*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
4. Vũ Dũng (2000), *Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
5. Vũ Dũng (Chủ biên, 2012). *Từ điển thuật ngữ Tâm lý học*. NXB Từ điển Bách Khoa, Hà Nội.
6. Vũ Dũng (2012). *Việc làm, thu nhập của thanh niên hiện nay – Nhìn từ góc độ tâm lý học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội
7. Dương Tự Đàm (1996). *Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam*, Luận án tiến sỹ Triết học, Hà Nội.
8. Fieldman, R. (2004). *Tâm lý học căn bản*, Minh Đức, Hồ Kim Chung biên dịch, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
9. Freud, S., Jung, C., Fromm, E., & Assagioli, R. (2001). *Phân tâm học và văn hóa tâm linh* (Đỗ Thúy Lai biên soạn). NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
10. Đỗ Ngọc Hà (2001). *Định hướng giá trị của thanh niên sinh viên hiện nay*, Luận án tiến sỹ tâm lý học, Hà Nội.
11. Phạm Minh Hạc (2005). Báo cáo tổng kết đề tài KX.05.07: *Xây dựng con người Việt Nam theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập quốc tế*
12. Phạm Minh Hạc (2011). *Định hướng giá trị con người Việt Nam thời kỳ đổi mới và hội nhập*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Cấn Hữu Hải (2002). *Ảnh hưởng của truyền thống gia đình đến định hướng giá trị của lứa tuổi đầu thanh niên*, Luận án tiến sỹ Tâm lý học, Hà Nội.
14. Lê Văn Hào (2005). *Nghiên cứu tính cộng đồng và tính cá nhân của người dân xã Tam Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội*, Luận án Tiến sỹ Tâm lý học.
15. Dương Phú Hiệp (2010). *Nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam hiện nay*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội
16. Dương Phú Hiệp (2011). *Vấn đề phát triển văn hóa và con người Việt Nam hiện nay*, NXB Thế giới, Hà Nội.
17. Lê Như Hoa (chủ biên, 2004). *Văn hóa ứng xử của các dân tộc Việt Nam*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Hội Tâm lý Giáo dục Việt Nam (2009), *Văn hóa học đường – lý luận và thực tiễn*, Kỷ yếu hội thảo, Tiền Giang.
19. Phạm Bích Hợp (1993). *Tâm lý học dân tộc, tính cách và bản sắc*, NXB Khoa học kỹ thuật, thành phố Hồ Chí Minh.
20. Huntington, S. (2007). Sự đưng độ văn hóa vẫn tiếp tục. *Thông tin khoa học xã hội*, 12 (300), 25-31
21. Đỗ Huy (2001). *Xây dựng môi trường văn hóa ở nước ta nhìn từ góc độ giá trị học*, NXB Văn hóa – Thông tin, Hà Nội.
22. Đỗ Huy & Trường Lưu (1990). *Bản sắc dân tộc của văn hóa*, Viện Văn hóa.
23. Lê Thị Thanh Hương (2012) Báo cáo tổng kết đề tài khoa học cấp bộ: *Thái độ chính trị và trách nhiệm xã hội của thanh n iên nước ta giai đoạn 2011-2020*. Viện Tâm lý học.
24. Lương Văn Kế (2011). Ảnh hưởng của văn hóa Âu, Bắc Mỹ đối với thế giới và Việt Nam trong quá trình toàn cầu hóa. Trong Dương Phú Hiệp (2011). *Vấn đề phát triển văn hóa và con người Việt Nam hiện nay*, NXB Thế giới, Hà Nội.
25. Đặng Cảnh Khanh (2003). *Gia đình, trẻ em và sự kế thừa các giá trị truyền thống*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội.

26. Đặng Cảnh Khanh (2006). *Xã hội học thanh niên*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
27. Đặng Cảnh Khanh (2010), Mô hình đa văn hóa trong kế thừa và phát triển văn hóa Việt Nam hiện nay. Trong Dương Phú Hiệp (2010, cb). *Nghiên cứu văn hóa và con người Việt Nam hiện nay*, Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia.
28. Đỗ Ngọc Khanh (2012) Báo cáo tổng kết đề tài khoa học cấp bộ: *Những vấn đề cơ bản của thanh niên nông thôn Việt Nam*. Viện Tâm lý học.
29. Knud S. Larsen, Lê Văn Hào (2010). *Tâm lý học xã hội*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
30. Lê Thị Lan (2002). Quan hệ giữa giá trị truyền thống và hiện đại trong xây dựng đạo đức, *Tạp chí Triết học*, số 7.
31. Đỗ Long & Phan Thị Mai Hương (1997). *Tính cộng đồng, tính cá nhân và “cái tôi” của người Việt Nam hiện nay*. NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
32. Trần Thị Thu Lương & Ahn Kyong Hwan (2012). Những đặc điểm của hôn nhân Hàn-Việt và các xung đột nảy sinh ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của gia đình đa văn hóa Hàn-Việt – Thực trạng và các định hướng giải pháp. *Tạp chí Khoa học xã hội*, 12, 5-15
33. Matsumoto, D. (2000), *Tâm lý học văn hóa*, NXB Wadsworth Thomson Learning, Bản dịch từ tiếng Nga của Hoàng Mộc Lan và cộng sự
34. Hoàng Nam (1998). *Văn hóa tộc người văn hóa Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
35. Lê Minh Nguyệt (2015). *Báo cáo tổng hợp đề tài nghiên cứu “Xung đột tâm lý giữa cha mẹ với con tuổi thiếu niên trong các gia đình Việt Nam hiện nay: Thực trạng, nguyên nhân và giải pháp”*, Hà Nội.
36. Đỗ Tiến Sâm (chủ biên, 2012). *Sự phát triển văn hóa và con người ở một số nước và vùng lãnh thổ Đông Á*. NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
37. Stafford – Clark, D. (1998). *Freud đã thực sự nói gì*, NXB thế giới, Hà Nội.
38. Stephanenko, T.G. (2003). *Tâm lý học dân tộc*, bản dịch của Lê Thị Minh Loan và Nguyễn Hữu Thụ (2006), NXB Thanh niên, Hà Nội.

39. Hà Văn Tấn (1982). Về sự hình thành bản sắc dân tộc Việt Nam, *Tạp chí Thông tin khoa học giáo dục*, số 12.
40. Lê Ngọc Thắng (1990). *Bản sắc văn hóa các dân tộc Việt Nam*, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
41. Trần Ngọc Thêm (Chủ biên, 2015). *Một số vấn đề về hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện tại*. NXB Đại học Quốc gia, thành phố Hồ Chí Minh.
42. Trần Ngọc Thêm (2016). *Hệ giá trị Việt Nam, từ truyền thống đến hiện đại và con đường tới tương lai*. NXB Văn hóa – văn nghệ, thành phố Hồ Chí Minh.
43. Ngô Đức Thịnh (2011). Văn hóa thông qua hệ giá trị tham gia điều tiết sự phát triển xã hội, Trong Dương Phú Hiệp (2011). *Vấn đề phát triển văn hóa và con người Việt Nam hiện nay*, NXB Thế giới, Hà Nội.
44. Đinh Thị Kim Thoa & Trần Văn Công (2010). Một số đặc điểm nhân cách sinh viên học các ngành học khác nhau (nghiên cứu qua trắc nghiệm – NEO PI-R). *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học xã hội và nhân văn*, 26, 198-202
45. Chu Khắc Thuật & Nguyễn Văn Thủ (Chủ biên, 1998). *Văn hóa, lối sống và môi trường*, NXB Văn hóa – thông tin, Hà Nội.
46. Tillman, D.D. (2000). *Các hoạt động giá trị dành cho thanh niên*, Tài liệu thuộc chương trình Giáo dục các giá trị sống ở Việt Nam.
47. Toffer, A. (1996) *Đợt sóng thứ ba*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội
48. Phạm Hồng Tung (2008). Văn hóa và lối sống của thanh niên Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế: Một số vấn đề về khái niệm và cách tiếp cận. *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Khoa học xã hội và nhân văn*, 24, 148-156
49. Phạm Hồng Tung (2011). *Thanh niên và lối sống của thanh niên Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia – Sự thật.

50. Thái Duy Tuyên (chủ biên, 1994). *Tìm hiểu định hướng giá trị của thanh niên Việt Nam trong điều kiện kinh tế thị trường*, Báo cáo đề tài Chương trình khoa học và công nghệ cấp nhà nước KX-07, Hà Nội.
51. Đặng Nghiêm Vạn (2003). *Cộng đồng quốc gia dân tộc Việt Nam*, NXB Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
52. Viện Ngôn ngữ học (2003). *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng, Đà Nẵng.
53. Viện Thông tin khoa học xã hội (1999). *Truyền thống và hiện đại trong văn hóa*, Hà Nội.
54. Phạm Thái Việt (2010). Xung đột văn hóa. *Triết học*, 6, 54-60
55. Trần Quốc Vượng (Chủ biên, 1996). *Văn hóa đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.

B. Tài liệu tiếng Anh

56. Antin, M. (1912). *The promised land*. New York: Penguin.
57. Baumeister, R., Shapiro, J. P., & Tice, D. M. (1985). Two kinds of identity crisis. *Journal of Personality*, 53, 407–424
58. Benet-Martinez (2003). *The Riverside Acculturation Stress Inventory (RA SI): Development and psychometric properties*. Technical report, Department of Psychology, University of California at Riverside.
59. Benet-Martínez, V., & Haritatos, J. (2005). Bicultural identity integration (BII): Components and psychosocial antecedents. *Journal of Personality*, 73, 1015–1050
60. Benet-Martinez, V. & John, O.P. (1998). *Los Cinco Grandes* across cultures and ethnic groups: Multitrait Multimethod analyses of the Big Five in Spanish and English. *Journal of Personality and Social Psychology*, 75, 729-750.
61. Benet-Martínez, V., Leu, J., Lee, F., & Morris, M. (2002). Negotiating biculturalism: Cultural frame switching in biculturals with oppositional

- versus compatible cultural identities. *Journal of Cross-Cultural Psychology*, 33, 492–516.
62. Berry, J. W. (1992). Acculturation and adaptation in a new society. *International migration*, 30, 69-85.
63. Berry, J. W. (1997). Immigration, acculturation, and adaptation. *Applied psychology*, 46(1), 5-34.
64. Berry, J.W. (2004). Acculturation. In Spielberger, C. (2004). *Encyclopedia of Applied Psychology*, Elsevier
65. Berry, J.W. (2005). Acculturation: Living successfully in two cultures, *International Journal of Intercultural Relations*, 29,697-712
66. Berry, J. W., Phinney, J. S., Sam, D. L., & Vedder, P. (2006). Immigrant youth: Acculturation, identity, and adaptation. *Applied psychology*, 55, 303-332.
67. Bhawuk, D.P.S. & Brislin, R.W. (1992). The measurement of intercultural sensitivity using the concepts of individualism and collectivism. *International Journal of Intercultural Relations*, 16, 413-436
68. Brown, J.S. (1957). Principles of intrapersonal conflict. *Conflict Resolution*, 1, 135-154
69. Chaplin, J.P. (1968). *Dictionary of Psychology*, New York: Dell Publishing.
70. Cooper, J. (2007). *Cognitive dissonance: 50 years of a classic theory*, Sage: London
71. Corsini, R. J. (1999). *The dictionary of psychology*. Psychology Press.
72. Craighead, W.E. & Nemeroff, C.B. (2004). The concise Corsini encyclopedia of psychology and behavioral science, 3rd ed, Wiley.
73. Dennis, J., Basanez, T., & Farahmand, A. (2010). Intergenerational conflicts among Latinos in early adulthood: Separating value conflicts with parents from acculturation conflicts. *Hispanic Journal of Behavioural Sciences*. 32, 118-135.

74. Featherstone, M. (1991). *Consumer Culture and Postmodernism*, London: Sage.
75. Fuligni, A. J. (1998). Authority, autonomy, and parent-adolescent conflict and cohesion: A study of adolescents from Mexican, Chinese, Filipino and European backgrounds. *Developmental Psychology*, 34(4), 782–792
76. Giguere, B., Lalonde, R., & Lou, E. (2010). Living at the crossroads of cultural worlds: The experience of normative conflicts by second generation immigrant youth. *Social and Personality Psychology Compass*, 4(1), 14-29.
77. Gil, A. G., Vega, W. A., & Dimas, J. M. (1994). Acculturative stress and personal adjustment among Hispanic adolescent boys. *Journal of Community Psychology*, 22, 43-54.
78. Harmon-Jones, E. & Harmon-Jones, C. (2002). Testing the action-based model of cognitive dissonance: The effect of action orientation on postdecisional attitudes. *Personality and Social Psychology Bulletin*, 6, 711-723
79. Higgins, E.T. (1987). Self-discrepancy: A theory relating self and affect. *Psychological Review*, 94, 319-340
80. Hong, Y. Y., Morris, M. W., Chiu, C. Y., & Benet-Martinez, V. (2000). Multicultural minds: A dynamic constructivist approach to culture and cognition. *American psychologist*, 55(7), 709.
81. Hunter, J.D. (1991). *Cultural wars: The struggle to define America*. New York: Basic Books
82. Huynh, Q.L. (2009). *Variations in biculturalism: Measurements, validity, mental and physical health correlates, and group differences*. Doctoral dissertation. University of California Riverside.
83. Huynh, Q.-L., & Benet-Martínez, V. (2010). *Bicultural Identity Integration Scale-Version 2: Development and Validation*. Manuscript in preparation.

84. Inman, A. G., Ladany, N., Constantine, M. G., & Morano, C. K. (2001). Development and preliminary validation of the Cultural Values Conflict Scale for South Asian women. *Journal of Counseling Psychology*, 48(1), 17.
85. John, O.P., Dunahuc, E.M., & Kentle, R.L. (1991). *The "Big Five" Inventory – Version 4a and 54*. Berkely: University of California
86. Lau, A. S., McCabe, K. M., Yeh, M., Garland, A. F., Wood, P. A., & Hough, R. L. (2005). The acculturation gap-distress hypothesis among high-risk Mexican American families. *Journal of Family Psychology*, 19, 367-375.
87. Lee, L.S. (1985). To Soar with the Eagles: Enculturation and Acculturation of Indian Children, *Childhood Education*, 61:3, 185-191
88. Leong, C.H. & Ward, C. (2000). Identity conflict in sojourners. *International Journal of Intercultural Relations*, 24, 763-776
89. Lin, E (2008). Family and social influences on identity conflict in overseas Chinese. *International Journal of Intercultural Relations*, 32, 130-141
90. Martin, B. (1981). *A Sociology of Contemporary Cultural Change*. Wiley-Blackwell.
91. Martin D.W. (2008). *Doing psychology experiments*, 7th edition. California: Thompson Wadsworth
92. Matsumoto, D. (2001). *The handbook of culture and psychology*. Oxford University Press: New York
93. Matsumoto, D. & Juang, L. (1996). *Culture and psychology*, 5th ed, Wadsworth Publishing: New York.
94. Milkman, K.L., Rogers, T. & Bazerman, M.H. (2008). Harnessing our inner angles and demons: What we have learned about want/should conflicts and how that knowledge can help us reduce short-sighted decision making. *Perspectives on Psychological Science*, 3, 324-338.
95. Matsumoto, D. (2009). *The Cambridge dictionary of Psychology*. UK: Cambridge University Press

96. Neely, J.H. (2006). Priming. In Nadel (ed). *Encyclopedia of Cognitive Science*. Wiley Online.
97. Nguyen, H.H. & von Eye, A. (2002). The acculturation scale for Vietnamese adolescents (ASVA): A bidimensional perspective. *International Journal of Behavioral Development*, 26, 202-213
98. Oyserman, D., Coon, H. M., & Kemmelmeier, M. (2002). Rethinking individualism and collectivism: evaluation of theoretical assumptions and meta-analyses. *Psychological bulletin*, 128(1), 3-72
99. Oyserman, D., & Lee, S. W. (2008). Does culture influence what and how we think? Effects of priming individualism and collectivism. *Psychological bulletin*, 134(2), 311
100. Phinney, J. S., & Devich-Navarro, M. (1997). Variations in bicultural identification among African American and Mexican American adolescents. *Journal of Research on Adolescence*, 7(1), 3-32.
101. Rasmi, S. (2012). *Perceived Dyadic Cultural Discrepancies, Intergenerational Conflict, and Ethnocultural Identity Conflict in Arab Canadian Families* (Doctoral dissertation).
102. Rosen, C. F. (1997). *Cultural dimensions of individualism-collectivism and power distance: Their influence on Vietnamese and Anglo-American undergraduates' conflict resolution preferences in developmental education*. Doctoral dissertation. University of Minnesota.
103. Rosenthal, D. (1985). Annotation: Bicultural conflict in families. *Australian Paediatric Journal*, 21, 1-3
104. Singelis, T.M. (1994). The measurement of independent and interdependent self-construals. *Personality and Social Psychology Bulletin*, 20, 580-591
105. Sirin, S. R., & Fine, M. (2007). Hyphenated selves: Muslim American youth negotiating identities on the fault lines of global conflict. *Applied Development Science*, 11(3), 151-163.

106. Smokowski, P. R., Roderick, R., & Bacalloa, M. C. (2008). Acculturation and Latino family processes: How cultural involvement, biculturalism, and acculturation gaps influence family dynamics. *Family Relations*, 57, 295-308.
107. Steinberg, L., Vandell, D.L., Bornstein, M.H. (2009) *Development: Infancy through adolescence*. Wadsworth Cengage Learning: Australia
108. Stonequist, E. (1937). *Marginal man*. New York: Charles Scribner's Son
109. Stuart, J. & Ward, C. (2011) Predictors of ethno-cultural identity conflict among South Asian immigrant youth in New Zealand, *Applied Developmental Science*, 15, 117-128
110. Sung, B.L. (1995). Bicultural conflicts in Chinese immigrant children. *Journal of Comparative Family Studies*, 16 (2), 255-269
111. Trafimow, D., Triandis, H.C. & Goto, S.G. (1991). Some tests of the distinction between the private self and the collective self. *Journal of Personality and Social Psychology*, 60, 649-655
112. Varghese, A. & Jenkins, S.R. (2009). Parental overprotection, cultural value conflict, and psychological adaptation among Asian Indian women in America. *Sex Roles*, 61, 235-251
113. Vega, W.A., Khoury, E.L., Gil, A.G. & Warheit, G.J. (1995). Cultural conflicts and problem behaviors of Latino adolescents in home and school environments, *Journal of Communication Psychology*, 23, 167-179
114. Ward, C., & Kennedy, A. (1993). Psychological and sociocultural adjustment during cross-cultural transitions: A comparison of secondary students overseas and at home. *International Journal of Psychology*, 28, 129-147.
115. Ward, C., Stuart, J. & Kus, L. (2011). The construction and validation of a measure of ethnocultural identity conflict. *Journal of Personality Assessment*, 93, 462-473

116. Wong, A., Peiris-John, R., Sobrun-Maharaj, A., & Ameratunga, S. (2015). Priorities and approaches to investigating Asian youth health: perspectives of young Asian New Zealanders. *Journal of Primary Health Care*, 7(4), 282-290.
117. Xin, G., & Sandel, T. L. (2015). The acculturation and identity of new immigrant youth in Macao. *China Media Research*, 11(1), 112-125.
118. Yau, J., & Smetana, J. (1996). Adolescent-parent conflict among Chinese adolescents in Hong Kong. *Child Development*, 67(3), 1262-1275
119. Ying, Y., Lee, P.A. & Tsai, J.L. (2004). Properties of the intergenerational congruence in immigrant families: Child scale in Chinese Americans. *Journal of Comparative Family Studies*, 35, 91-103.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU TRUNG CẦU Ý KIẾN (Dành cho sinh viên)

Kính thưa anh/chị.

Trong những năm gần đây, ngày càng có nhiều nền văn hóa nước ngoài du nhập vào nước ta. Điều này cho phép chúng ta tiếp nhận được những giá trị văn hóa mới, song những khác biệt giữa văn hóa Việt Nam và văn hóa nước ngoài cũng tạo nên sự xung đột giữa các giá trị của các nền văn hóa khác nhau ở cả cấp độ cá nhân và cộng đồng. Nghiên cứu này đặt ra mục đích là tìm hiểu trải nghiệm xung đột văn hóa ở thanh niên Việt Nam hiện nay nhằm đề xuất những kiến nghị giúp thanh niên tiếp nhận và bảo lưu các giá trị văn hóa một cách phù hợp hơn. Những ý kiến của các anh/chị sẽ giúp ích rất nhiều cho việc thực hiện mục tiêu này.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của anh/chị.

Câu 1: Xin anh/chị cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau. Anh/chị hãy chọn một phương án trả lời phù hợp với suy nghĩ của mình bằng cách đánh dấu vào một trong 5 cột ở bên phải

TT	Nội dung	Ý kiến của anh/chị				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý một phần	Bình thường (không đồng ý cũng không phản đối)	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
1.	Bạn bè của tôi chủ yếu là người thích văn hóa phương Tây					
2.	Tôi thường sử dụng các từ tiếng Anh trong giao tiếp hằng ngày					
3.	Tôi thường xuyên xem các chương trình truyền hình và phim ảnh do Việt Nam sản xuất					
4.	Tôi thích tham gia các buổi tiệc tùng mang phong cách phương Tây					
5.	Tôi cảm thấy thoải mái khi tiếp xúc với người phương Tây					

6.	Tôi thường xuyên xem các chương trình truyền hình bằng tiếng Anh					
7.	Tôi thích ăn đồ ăn phương Tây					
8.	Tôi thường xuyên nghe nhạc tiếng Anh					
9.	Tôi cho rằng bố mẹ nên lắng nghe ý kiến của con cái					
10.	Tôi tin rằng mình nên hành động vì lợi ích chung của mọi người					
11.	Tôi muốn tự làm mọi việc					
12.	Bạn bè của tôi chủ yếu là người thích văn hóa truyền thống của Việt Nam					
13.	Tôi thích đến dự các lễ hội truyền thống					
14.	Tôi thường nghe nhạc Việt Nam					
15.	Tôi tin rằng mình biết điều gì là tốt nhất cho bản thân mình					
16.	Tôi thích ăn đồ ăn Việt Nam					
17.	Tôi thường lắng nghe ý kiến của bố mẹ trước khi đưa ra quyết định cho một vấn đề gì đó trong cuộc sống					
18.	Tôi thích dùng tiếng Việt thuần túy					

Câu 2: Xin anh/chị cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau

TT	Nội dung	Ý kiến của anh/chị				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý một phần	Bình thường	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
1	Tôi cảm thấy gắn bó chặt chẽ với văn hóa truyền thống của Việt Nam					
2	Tôi cảm thấy gắn bó chặt chẽ với văn hóa phương Tây					

Câu 3: Xin anh/chị cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau

TT	Nội dung	Ý kiến của anh/chị				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý một phần	Bình thường	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
1.	Tôi luôn hiểu rõ về mình và gốc gác văn hóa của mình					
2.	Là một người Việt Nam, tôi cảm thấy khó có thể hòa nhập vào môi trường mang đậm nét văn hóa phương Tây					
3.	Những người lớn tuổi trong gia đình (ông bà, bố mẹ, chú bác) không hiểu và đồng cảm với tôi					
4.	Nhiều khi tôi không biết mình thuộc về nền văn hóa nào (văn hóa truyền thống hay văn hóa phương Tây)					
5.	Tôi cảm thấy lối sống của mình không hẳn là “tây” mà cũng không hẳn là “truyền thống”					
6.	Mặc dù là người Việt Nam, nhưng nhiều khi tôi tự hỏi mình thuộc về nền văn hóa nào					
7.	Tôi cảm thấy tôi sống giữa những nền văn hóa trái ngược nhau					
8.	Tôi nhận thấy khó có thể hài hòa giữa những giá trị truyền thống và giá trị phương Tây					
9.	Tôi cảm thấy hệ giá trị và niềm tin của mình chưa rõ ràng					
10.	Tôi rất băn khoăn về hệ giá trị và niềm tin của mình					

11.	Mọi người đều nhìn nhận tôi giống như cách tôi nhìn nhận chính mình					
12.	Tôi không biết lối sống của mình là kiểu Việt Nam hay kiểu phương Tây					
13.	Trong cuộc sống hàng ngày, tôi thấy khó mà sống theo kiểu truyền thống như thế hệ ông bà/bố mẹ tôi					
14.	Tôi thường nghi ngờ các giá trị văn hóa mà mình đã chọn					
15.	Nhiều khi bạn bè tôi có quan niệm sống và cách ứng xử khác với gia đình tôi khiến tôi bối rối không biết nên theo bên nào					
16.	Nhiều khi tôi không hiểu mình thuộc về nền văn hóa nào					
17.	Tôi vẫn giữ được văn hóa truyền thống của dân tộc mình, mà vẫn dễ dàng hòa nhập vào văn hóa phương Tây hiện đại					
18.	Tôi tự tin rằng mình có thể ứng xử kiểu truyền thống khi cần và ứng xử kiểu phương Tây những lúc cần thiết					
19.	Tôi thấy khó hòa đồng với những người sống kiểu truyền thống					
20.	Nhiều khi tôi băn khoăn mình thực sự là ai trong xã hội đa dạng văn hóa này					

Câu 4: Giả sử anh/chị gặp phải một tình huống với nhiều cách giải quyết khác nhau, trong đó nếu giải quyết theo cách truyền thống của người Việt Nam thì sẽ xung đột với cách lựa chọn của người phương Tây. Nếu phải lựa chọn giữa những cách thức giải quyết vấn đề khác nhau như vậy, anh/chị sẽ xử sự như thế nào?

TT	Nội dung	Ý kiến của anh/chị				
		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ
1.	Tạm thời gác sang một bên					
2.	Tránh tiếp xúc với những người gọi nhắc về việc phải lựa chọn giữa cách truyền thống và cách thức phương Tây					
3.	Mặc kệ, làm việc khác để quên đi					
4.	Tham khảo những người đã gặp tình huống tương tự					
5.	Đọc sách báo, xem phim để tìm gợi ý về cách giải quyết vấn đề					
6.	Tham khảo ý kiến của bố mẹ, ông bà					
7.	Tham khảo ý kiến của bạn bè					
8.	Lựa chọn cách thức giải quyết vấn đề của người phương Tây					
9.	Hành động theo cách thức giải quyết vấn đề truyền thống của người Việt Nam					
10.	Cố gắng dung hòa giữa hai nền văn hóa, tìm cách kết hợp giữa cách thức giải quyết vấn đề của người Việt Nam và người phương Tây					
11.	Tìm cách giải quyết của riêng mình vì cho rằng cả cách thức truyền thống và cách thức phương Tây là không phù hợp					

Câu 5: Xin anh/chị cho biết những từ sau có miêu tả anh/chị hay không?

TT	Nội dung	Ý kiến của anh/chị				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý một phần	Bình thường	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
1.	Nói nhiều					
2.	Hay nhìn ra lỗi của người khác					
3.	Làm việc đến nơi đến chốn					
4.	Thường hay buồn phiền					
5.	Sáng tạo, hay đưa ra ý tưởng mới					
6.	Kín đáo					
7.	Hay giúp đỡ người khác					
8.	Cầu thả					
9.	Ít bị stress					
10.	Tò mò					
11.	Tràn đầy năng lượng					
12.	Thích làm những việc mang tính thường xuyên					
13.	Hay gây gổ với người khác					
14.	Đáng tin cậy					
15.	Hay căng thẳng					
16.	Ít nói					
17.	Thích nghệ thuật					
18.	Bừa bộn					

19.	Dễ xúc động					
20.	Có trí tưởng tượng phong phú					
21.	Kiên trì hoàn thành công việc					
22.	Đôi khi thô lỗ với người khác					
23.	Hay chế tạo ra các đồ vật mới					
24.	Hay tin người					
25.	Lười biếng					
26.	Hay lo lắng					
27.	Hay ngượng ngùng					
28.	Dễ tha thứ					
29.	Làm việc hiệu quả					
30.	Tâm trạng thất thường					
31.	Hay suy nghĩ sâu sắc					
32.	Biết khuấy động người khác					
33.	Lạnh lùng					
34.	Thường xuyên lên kế hoạch và làm việc theo kế hoạch					
35.	Luôn bình tĩnh trong mọi hoàn cảnh					
36.	Hay biến tấu các ý tưởng					
37.	Quan tâm tới người khác					
38.	Dễ lo lắng					
39.	Am hiểu nghệ thuật					
40.	Quyết đoán					

41.	Thích hợp tác với người khác					
42.	Dễ bị xao nhãng					
43.	Quảng giao					
44.	Ít quan tâm tới nghệ thuật					

Câu 6: Xin anh/chị cho biết, trong cuộc sống hàng ngày, anh/chị và bố mẹ của mình có đồng ý với nhau về những vấn đề sau hay không?

TT	Nội dung	Ý kiến của anh/chị				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý một phần	Bình thường	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
1.	Đồng ý về những mục tiêu quan trọng trong cuộc sống					
2.	Đồng ý về quan hệ bạn bè của anh/chị					
3.	Đồng ý về thời gian sinh hoạt chung của gia đình					
4.	Đồng ý về mức độ biểu lộ tình cảm giữa các thành viên trong gia đình với nhau					
5.	Cùng nói chuyện để giải quyết vấn đề					
6.	Đồng ý về cách hành xử trong một tình huống đậm tính truyền thống					
7.	Đồng ý về cách hành xử trong một tình huống đậm tính phương Tây					

Câu 7: Xin anh/chị cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau?

TT	Nội dung	Ý kiến của anh/chị				
		Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý một phần	Bình thường	Đồng ý một phần	Hoàn toàn đồng ý
1.	Vốn tiếng Anh kém gây cho tôi nhiều khó khăn trong học tập và cuộc sống hàng ngày					
2.	Tôi rất phiền lòng về khả năng tiếng Anh hạn chế của mình					
3.	Tôi cảm thấy việc mình theo đuổi các giá trị phương Tây khiến mình trở nên lạc lõng trong xã hội					
4.	Mọi người khó chịu với tôi nếu tôi hành động hay nói năng theo kiểu phương Tây					
5.	Tôi cảm thấy mọi người thường hiểu lầm thanh niên như tôi vì họ cho rằng chúng tôi đều sành văn hóa phương Tây					
6.	Tôi thường hay bất đồng quan điểm với những người thuộc thế hệ trước vì tôi thích văn hóa phương Tây					
7.	Tôi cảm thấy cách xử sự mang hơi hướng phương Tây của mình gây khó khăn cho tôi trong quan hệ hàng ngày					
8.	Nhiều người không thích cách ăn mặc hơi “Tây” của tôi					
9.	Tôi thấy ít người thích văn hóa phương Tây giống mình					

Câu 7: Xin anh/chị cho biết một số thông tin sau

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

- Tuổi:

- Nơi sinh:

PHỤ LỤC 2

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU (Dành cho sinh viên)

Kính thưa anh/chị,

Trong những năm gần đây, ảnh hưởng của văn hoá phương Tây tới đời sống của thanh niên ngày càng rõ rệt. Điều này cho phép chúng ta tiếp nhận được những giá trị văn hoá mới, song những khác biệt giữa văn hoá truyền thống Việt Nam và văn hoá phương Tây cũng tạo ra nhiều xung đột giữa hai nền văn hoá. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu trải nghiệm xung đột văn hoá của thanh niên Việt Nam nhằm đề xuất những kiến nghị giúp thanh niên tiếp nhận và bảo lưu các giá trị văn hoá một cách phù hợp hơn. Những ý kiến của anh/chị sẽ giúp ích rất nhiều cho việc thực hiện mục tiêu này.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của anh/chị.

1. Tìm hiểu về mức độ hiểu biết văn hoá

Câu 1: Anh/chị có tiếp xúc nhiều với văn hoá phương Tây không? Xin anh/chị cho biết anh/chị tiếp xúc qua phương tiện nào và trong các dịp nào?

.....
.....

Câu 2: Anh/chị có thích văn hoá phương Tây không? Tại sao? Nếu thích thì thích những vấn đề gì của văn hoá phương Tây?

.....
.....

Câu 3: Anh/chị có thích văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam không? Tại sao? Nếu thích thì thích những vấn đề gì của văn hoá Việt Nam?

.....
.....

Câu 4: Theo anh/chị, văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam có khác biệt nhau nhiều không? Sự khác biệt, nếu có, thể hiện trong lĩnh vực nào?

.....
.....

Câu 5: Theo anh/chị, có sự tương đồng giữa văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam không? Liệu có thể dung hoà giữa hai nền văn hoá này không? Nếu có, xin anh/chị cho một ví dụ.

.....
.....

Câu 6: Văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam thì văn hoá nào ảnh hưởng nhiều hơn đến cách ứng xử hàng ngày của anh/chị? Tại sao?

.....
.....

Câu 7: Xin anh/chị cho biết anh/chị gắn bó với nền văn hoá Việt Nam nhiều hơn hay văn hoá phương Tây nhiều hơn (hay không gắn bó với văn hoá nào)? Tại sao lại gắn bó ở mức độ như vậy?

.....
.....

Câu 8: Khi suy nghĩ hay quyết định một vấn đề gì đó thì anh/chị bị chi phối bởi nền văn hoá nào (văn hoá truyền thống hay văn hoá phương Tây)? Tại sao?

.....
.....

2. Tìm hiểu về mức độ xung đột văn hoá

Câu 9: Văn hoá phương Tây thường coi trọng tính độc lập, tự chủ trong khi văn hoá Việt Nam đề cao tính cộng đồng và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong một gia đình hay một cộng đồng. Anh/chị có thường xuyên trải nghiệm những tình huống mà sự khác biệt văn hoá trên thể hiện rõ rệt không? Nếu có, xin cho một ví dụ.

.....
.....

Câu 10: Những tình huống như vậy thường xảy ra khi nào? Giữa anh/chị với ai?

.....
.....

Câu 11: Khi gặp phải những tình huống khác biệt văn hoá như vậy, anh/chị thường cảm thấy như thế nào? Vì sao?

.....
.....

Câu 12: Những tình huống xung đột văn hoá như vậy có ảnh hưởng gì đến hình ảnh bản thân của anh/chị hay không? Anh/chị có cảm thấy mình hiểu rõ mình đồng tình với giá trị văn hoá nào và hành động thống nhất với hệ giá trị đó không?

.....
.....

Câu 13: Anh/chị có niềm tin vào các giá trị văn hoá mà mình đã lựa chọn không? Các giá trị văn hoá mà anh/chị lựa chọn là những giá trị của nền văn hoá nào?

.....
.....

3. Tìm hiểu về khả năng giải quyết xung đột văn hoá

Câu 14: Khi gặp xung đột văn hoá, anh/chị thường tìm đến ai để tham khảo ý kiến?

.....
.....

Câu 15: Nếu phải lựa chọn giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây, theo anh/chị cách giải quyết vấn đề của nền văn hoá nào phù hợp với anh/chị hơn?

.....
.....

Câu 16: Theo anh/chị, có thể dung hoà giữa cách tư duy kiểu phương Tây và cách tư duy kiểu Việt Nam hay không? Anh/chị có thường xuyên kết hợp hai văn hoá này không? Xin cho một ví dụ về một tình huống xung đột văn hoá mà anh/chị đã kết hợp giữa hai văn hoá này.

.....
.....

Câu 17: Nếu chọn các giá trị của văn hoá phương Tây thì có gây cho anh/chị những khó khăn gì trong cuộc sống?

.....
.....

Câu 18: Nếu chọn giá trị phương Tây thì động cơ nào thôi thúc anh/chị?

.....
.....

4. Xin anh/chị cho biết một số thông tin cá nhân sau:

- Tên (viết tắt chữ in):

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

- Tuổi:

- Năm học:

- Trường:

PHỤ LỤC 3

PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU (Dành cho giáo viên)

Kính thưa Thầy/Cô,

Trong những năm gần đây, ảnh hưởng của văn hoá phương Tây tới đời sống của thanh niên ngày càng rõ rệt. Điều này cho phép chúng ta tiếp nhận được những giá trị văn hoá mới, song những khác biệt giữa văn hoá truyền thống Việt Nam và văn hoá phương Tây cũng tạo ra nhiều xung đột giữa hai nền văn hoá. Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu trải nghiệm xung đột văn hoá của thanh niên Việt Nam nhằm đề xuất những kiến nghị giúp thanh niên tiếp nhận và bảo lưu các giá trị văn hoá một cách phù hợp hơn. Những ý kiến của Thầy/Cô sẽ giúp ích rất nhiều cho việc thực hiện mục tiêu này.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Thầy/Cô.

Câu 1: Xin Thầy/Cô cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau:

1. Thanh niên Việt Nam hiện nay có thích văn hoá phương Tây không? Tại sao?

Nếu thích thì họ thích những vấn đề gì của văn hoá phương Tây?

.....
.....

2. Thanh niên Việt Nam hiện nay có thích văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam không? Tại sao? Nếu thích thì họ thích những vấn đề gì của văn hoá Việt Nam?

.....
.....

3. Văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam thì văn hoá nào ảnh hưởng nhiều hơn đến cách ứng xử hàng ngày của thanh niên Việt Nam hiện nay? Tại sao?

.....
.....

Câu 2: Xin Thầy/Cô cho biết mức độ gắn bó của thanh niên Việt Nam với nền văn hoá Việt Nam nhiều hơn hay văn hoá phương Tây (hay không gắn bó với văn hoá nào)? Tại sao lại gắn bó ở mức độ như vậy?

.....
.....

Câu 3: Xin Thầy/Cô cho biết, khi suy nghĩ hay quyết định một vấn đề gì đó thì thanh niên bị chi phối bởi nền văn hoá nào (văn hoá truyền thống hay văn hoá phương Tây)? Tại sao?

.....
.....

Câu 4: Xin Thầy/Cô cho biết thanh niên hiện nay có thể hoà nhập các giá trị văn hoá phương Tây với văn hoá truyền thống trong cuộc sống của họ không? Tại sao?

.....
.....

Câu 5: Văn hoá phương Tây thường coi trọng tính độc lập, tự chủ trong khi văn hoá Việt Nam đề cao tính cộng đồng và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong một gia đình hay một cộng đồng. Theo Thầy/Cô, thanh niên có thường xuyên trải nghiệm những tình huống mà sự khác biệt văn hoá trên thể hiện rõ rệt không?

.....
.....

Câu 6: Xin Thầy/Cô cho biết, trong cuộc sống thường ngày, thanh niên và bố mẹ của họ có xung đột với nhau về những vấn đề trong cuộc sống không? Tại sao? Nếu có xung đột thì xung đột ở vấn đề nào nhiều nhất?

.....
.....

Câu 7: Theo Thầy/Cô, thanh niên có niềm tin vào các giá trị văn hoá mà mình đã lựa chọn không? Các giá trị văn hoá mà anh/chị lựa chọn là những giá trị của nền văn hoá nào?

.....
.....

Câu 8: Theo Thầy/Cô, nếu thanh niên chọn các giá trị của văn hoá phương Tây thì có gây cho thanh niên những khó khăn gì trong cuộc sống?

.....
.....

Câu 9: Nếu chọn giá trị phương Tây thì động cơ nào thôi thúc thanh niên?

.....
.....

Câu 10: Xin Thầy/Cô cho biết yếu tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến sự lựa chọn các giá trị văn hoá của thanh niên?

.....
.....

Câu 11: Xin Thầy/Cô cho biết một số thông tin cá nhân sau:

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ

- Tuổi:

- Trường:

PHỤ LỤC 4

TÀI LIỆU THỰC NGHIỆM TÁC ĐỘNG

Phiếu thông tin cá nhân

(Trường hợp kích hoạt văn hoá Việt Nam)

Trong hai phút tới, hãy nghĩ về chủ đề sau và viết từ 5-10 dòng về chủ đề này trong khoảng trống cho sẵn.

Điểm chung giữa bạn và bạn bè và gia đình của mình là gì? Họ kỳ vọng bạn trở thành người như thế nào?

.....
.....
.....
.....
.....

Phiếu thông tin cá nhân

(trường hợp kích hoạt văn hoá phương Tây)

Trong hai phút tới, hãy nghĩ về chủ đề sau và viết từ 5-10 dòng về chủ đề này trong khoảng trống cho sẵn.

Điều gì khiến bạn khác biệt với bạn bè và gia đình của bạn? Bạn kỳ vọng mình trở thành người như thế nào?

.....
.....
.....
.....
.....

Phiếu năng lực trí tuệ

Hãy thực hiện các phép tính sau trong vòng 5 phút:

$3+1=$

$69-10=$

$32+12=$

$815-124=$

$55+69=$

$815+21-12=$

$1+3+15=$

$(8+3)\times 4=$

$2\times 4=$

$(55-17):2=$

$24\times 11=$

$214:2-3=$

Phiếu năng lực xử lý tình huống

Bạn hãy tưởng tượng bản thân mình đang trải nghiệm các tình huống sau. Bạn sẽ xử lý tình huống như thế nào?

Tình huống 1:

Lớp của bạn đang thảo luận về mẫu đồng phục lớp. Bạn thích nam và nữ có đồng phục riêng, vì thế bạn đề xuất may áo sơ mi cho nam và váy cho nữ. Tuy nhiên đa số các bạn trong lớp muốn may đồng phục giống nhau cho nam và nữ nên số đông đề xuất may áo phông mà cả nam và nữ đều mặc được. Bạn sẽ làm gì trong tình huống này?

.....
.....
.....

Vì sao bạn lại chọn hành động như vậy?

.....
.....
.....

Tình huống 2:

Trong đợt nghỉ lễ 2/9 sắp tới, bố mẹ bạn muốn đưa cả gia đình đi chơi xa. Bố mẹ và ông bà bạn thích đi nghỉ dưỡng nên muốn chọn một nơi yên tĩnh, biệt lập để nghỉ ngơi thư giãn. Bạn lại thích sự sôi động của thành phố nên đề nghị cả nhà cùng đi du lịch tịa một thành phố lớn đang được nhiều bạn trẻ lựa chọn. Bố mẹ của bạn không đồng ý nhưng vẫn muốn bạn đi cùng cả nhà nên bố mẹ đã kiên trì thuyết phục bạn nhiều hôm nay. Bạn sẽ làm gì trong tình huống này?

.....
.....
.....

Vì sao bạn lại chọn hành động như vậy?

.....
.....
.....

PHỤ LỤC 5
ĐỘ TIN CẬY VÀ HIỆU LỰC CỦA BẢNG HỎI

1. Thang đo tiếp xúc văn hoá

1.1. Mức độ tiếp xúc văn hoá Việt Nam

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Squared Multiple Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C1.3	28,53	19,450	,457	,301	,792
C1.10	27,43	22,627	,360	,142	,799
C1.12	28,36	19,778	,565	,346	,771
C1.13	27,91	19,068	,620	,408	,761
C1.14	28,08	18,899	,574	,386	,769
C1.16	27,54	20,833	,545	,384	,776
C1.17	27,64	20,905	,492	,300	,782
C1.18	27,77	20,324	,505	,320	,780

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
,801	,803	8

1.2. Mức độ tiếp xúc văn hoá phương Tây

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C1.1	32,59	22,783	,337	,656
C1.2	33,12	22,082	,327	,658
C1.4	32,90	20,227	,480	,624
C1.5	32,54	21,222	,424	,638
C1.6	32,81	20,530	,426	,636
C1.7	32,50	21,387	,426	,638
C1.8	32,13	20,993	,470	,629
C1.9	31,33	25,571	,080	,690
C1.11	31,97	23,709	,244	,671
C1.15	31,91	24,836	,102	,694

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,679	10

2. Thang đo xung đột văn hoá**Item-Total Statistics**

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C3.1	49,06	180,923	,147	,883
C3.2	47,67	174,514	,290	,881
C3.3	47,83	172,470	,370	,878
C3.4	48,26	162,223	,613	,870
C3.5	47,58	164,834	,508	,874
C3.6	48,35	159,200	,713	,867
C3.7	47,97	164,338	,538	,873
C3.8	48,11	165,958	,535	,873
C3.9	48,04	161,017	,675	,868
C3.10	48,07	161,119	,677	,868
C3.11	47,61	185,220	-,056	,891
C3.12	48,22	161,369	,659	,869
C3.13	47,57	167,685	,486	,875
C3.14	48,47	164,724	,642	,870
C3.15	47,74	166,236	,510	,874
C3.16	48,29	159,821	,701	,867
C3.17	48,79	178,574	,201	,882
C3.18	48,75	177,620	,231	,882
C3.19	48,15	166,900	,517	,874
C3.20	48,11	162,644	,587	,871

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,880	20

3. Thang đo Nhân cách

3.1. Nhân cách hướng ngoại

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,624	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C5.1	21,27	16,341	,414	,564
C5.43	21,41	18,781	,178	,627
C5.40	21,73	16,889	,353	,582
C5.32	21,38	16,214	,429	,560
C5.11	21,09	18,098	,319	,594
C5.6	22,54	18,678	,163	,633
C5.27	22,36	17,439	,280	,603
C5.16	21,72	15,346	,423	,558

3.2. Nhân cách cởi mở

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,576	10

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C5.23	31,04	18,746	,308	,535
C5.5	30,38	19,288	,378	,523
C5.17	30,17	17,628	,442	,496
C5.20	30,06	18,510	,419	,509
C5.36	30,57	18,324	,394	,512

C5.39	31,00	18,889	,355	,524
C5.31	30,03	19,595	,276	,545
C5.10	30,06	20,323	,181	,569
C5.12	31,60	24,561	-,243	,664
C5.44	30,46	20,370	,151	,578

3.3. Nhân cách tận tâm

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,765	9

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C5.3	27,49	27,614	,514	,735
C5.29	27,54	28,526	,451	,744
C5.34	28,02	27,411	,405	,749
C5.14	27,13	29,289	,342	,757
C5.21	27,49	27,863	,444	,743
C5.42	28,62	28,113	,333	,761
C5.8	28,17	25,842	,514	,731
C5.25	28,22	25,692	,482	,737
C5.18	28,03	24,888	,546	,726

3.4. Nhân cách dễ chịu

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,518	9

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C5.37	28,24	15,499	,411	,434
C5.41	28,78	16,348	,233	,487

C5.7	28,21	16,089	,327	,460
C5.28	28,31	15,668	,335	,454
C5.24	28,61	16,548	,182	,504
C5.2	29,83	17,973	,043	,545
C5.13	28,29	14,789	,376	,434
C5.33	29,34	17,300	,076	,542
C5.22	29,24	16,435	,156	,515

3.5. Nhân cách nhiều tâm

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,592	8

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C5.26	21,95	15,623	,546	,478
C5.15	22,20	15,797	,504	,491
C5.38	21,77	16,055	,476	,501
C5.4	22,11	16,171	,486	,499
C5.30	21,86	16,257	,461	,506
C5.35	22,88	19,340	,130	,606
C5.19	23,28	24,907	-,382	,737
C5.9	22,41	17,326	,322	,551

4. Thang đo Thống nhất trong gia đình

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	N of Items
,795	7

Item-Total Statistics

	Scale Mean if Item Deleted	Scale Variance if Item Deleted	Corrected Item-Total Correlation	Cronbach's Alpha if Item Deleted
C6.1	22,67	16,117	,474	,778
C6.2	22,79	15,508	,559	,764
C6.3	22,81	15,373	,535	,767
C6.4	22,96	14,809	,626	,750
C6.5	22,93	14,284	,630	,748
C6.6	23,19	14,612	,565	,761
C6.7	23,92	16,360	,317	,810

PHỤ LỤC 6

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CÁC KHÍA CẠNH TÂM LÝ CỦA XUNG ĐỘT VĂN HOÁ Ở THANH NIÊN THEO BẢNG HỎI

1. Thống kê mô tả các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam

	N	Minimum	Maximum	Mean	Std. Deviation
NT nguồn gốc	539	1,00	4,75	2,1664	,89444
NT giá trị	538	1,00	5,00	2,4201	1,00758
NT tương tác	538	1,00	5,00	2,9377	,84965
CX nguồn gốc	538	1,00	5,00	2,6106	1,09907
CX giá trị	538	1,00	5,00	2,9377	,97993
CX tương tác	539	1,00	4,00	2,4472	,67015
HV lang tránh	537	1,00	5,00	3,6527	,72410
HV tìm hình mẫu	537	1,00	5,00	2,4986	,72024
NT	539	1,00	4,31	2,5060	,69466
CX	539	1,00	4,50	2,6642	,77402
HV	537	1,00	4,63	3,0948	,46482
XDVH	539	1,50	4,02	2,7540	,49457
Valid N (listwise)	537				

2. Tương quan giữa các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá

Correlations

		Nhan thuc	Cam xuc	Hanh vi
Nhan thuc	Pearson Correlation	1	,749**	,040
	Sig. (2-tailed)		,000	,354
	N	539	539	537
Cam xuc	Pearson Correlation	,749**	1	,079
	Sig. (2-tailed)	,000		,068
	N	539	539	537
Hanh vi	Pearson Correlation	,040	,079	1
	Sig. (2-tailed)	,354	,068	
	N	537	537	537
**. Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).				

3. So sánh các khía cạnh tâm lý theo biến số

3.1. So sánh theo giới

ANOVA Table

			Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
NTnguồn gốc * Giới tính	Between Groups	(Combined)	3,850	1	3,850	4,871	,028
	Within Groups		412,615	522	,790		
	Total		416,465	523			
NTgia trị * Giới tính	Between Groups	(Combined)	9,597	1	9,597	9,687	,002
	Within Groups		517,187	522	,991		
	Total		526,785	523			
NTtương tác * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,103	1	,103	,141	,707
	Within Groups		381,005	522	,730		
	Total		381,108	523			
CXnguồn gốc * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,848	1	,848	,698	,404
	Within Groups		634,810	522	1,216		
	Total		635,658	523			
CXgiatri * Giới tính	Between Groups	(Combined)	2,603	1	2,603	2,718	,100
	Within Groups		499,887	522	,958		
	Total		502,489	523			
CXtương tác * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,372	1	,372	,834	,362
	Within Groups		232,600	522	,446		
	Total		232,972	523			
HVlãng tránh * Giới tính	Between Groups	(Combined)	6,067	1	6,067	11,718	,001
	Within Groups		270,256	522	,518		
	Total		276,322	523			
HVtìm hình mau * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,037	1	,037	,071	,789
	Within Groups		267,462	522	,512		

	Total		267,499	523			
HVDồng hoá * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,345	1	,345	,423	,516
	Within Groups		424,347	521	,814		
	Total		424,692	522			
HV bảo thủ * Giới tính	Between Groups	(Combined)	6,924	1	6,924	7,966	,005
	Within Groups		449,369	517	,869		
	Total		456,293	518			
HV dung hoà * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,943	1	,943	,864	,353
	Within Groups		569,095	521	1,092		
	Total		570,038	522			
HV xa lánh * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,510	1	,510	,408	,523
	Within Groups		645,826	517	1,249		
	Total		646,335	518			
Nhan thuc * Giới tính	Between Groups	(Combined)	2,496	1	2,496	5,260	,022
	Within Groups		247,677	522	,474		
	Total		250,173	523			
Cam xuc * Giới tính	Between Groups	(Combined)	1,098	1	1,098	1,817	,178
	Within Groups		315,597	522	,605		
	Total		316,696	523			
Hanh vi * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,004	1	,004	,019	,891
	Within Groups		112,505	522	,216		
	Total		112,509	523			
XDVH * Giới tính	Between Groups	(Combined)	,730	1	,730	3,033	,082
	Within Groups		125,686	522	,241		
	Total		126,417	523			

3.2. So sánh theo năm học

Mean	Năm học	năm 1	năm 2	năm 3	Total
		NT nguon goc	2,1643	1,9691	2,2780

NTgia tri	2,2929	2,2654	2,4742	2,3403
NT tuong tac	2,8571	2,8102	2,9455	2,8701
CX nguon goc	2,4214	2,5602	2,7364	2,5601
CX gia tri	2,7095	2,9290	3,0273	2,8734
CX tuong tac	2,2912	2,4318	2,6218	2,4352
HV lang tranh	3,8548	3,6682	3,6652	3,7402
HVtim hình mau	2,4000	2,3781	2,4652	2,4134
HV đồng hoá	3,52	3,63	3,58	3,57
HV bảo thủ	3,07	2,90	3,00	3,00
HV dung hoà	2,59	2,57	2,67	2,61
HV xa lánh	2,98	3,35	3,27	3,18
Nhan thuc	2,4381	2,3483	2,5659	2,4503
Cam xuc	2,4740	2,6403	2,7952	2,6229
Hanh vi	3,0695	3,0839	3,1102	3,0864
XDVH	2,6606	2,6908	2,8238	2,7198

ANOVA Table

		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
NTnguon goc * Năm học	Between Groups (Combined)	5,331	2	2,666	3,438	,033
	Within Groups	275,261	355	,775		
	Total	280,593	357			
NTgiatri * Năm học	Between Groups (Combined)	2,894	2	1,447	1,481	,229
	Within Groups	346,783	355	,977		
	Total	349,677	357			

NTtuongtac * Năm học	Between Groups	(Combined)	1,036	2	,518	,712	,491
	Within Groups		258,174	355	,727		
	Total		259,210	357			
CXnguogoc * Năm học	Between Groups	(Combined)	6,110	2	3,055	2,508	,083
	Within Groups		432,349	355	1,218		
	Total		438,459	357			
CXgiatri * Năm học	Between Groups	(Combined)	6,698	2	3,349	3,329	,037
	Within Groups		357,172	355	1,006		
	Total		363,871	357			
CXtuongtac * Năm học	Between Groups	(Combined)	6,736	2	3,368	8,441	,000
	Within Groups		141,643	355	,399		
	Total		148,379	357			
HVlangtranh * Năm học	Between Groups	(Combined)	3,017	2	1,508	3,217	,041
	Within Groups		166,435	355	,469		
	Total		169,452	357			
HVtimhinhmau * Năm học	Between Groups	(Combined)	,454	2	,227	,466	,628
	Within Groups		173,167	355	,488		
	Total		173,621	357			
HV đồng hoá * Năm học	Between Groups	(Combined)	,727	2	,364	,473	,624
	Within Groups		272,885	355	,769		
	Total		273,612	357			
HV bảo thủ * Năm học	Between Groups	(Combined)	1,847	2	,924	1,006	,367
	Within Groups		323,150	352	,918		
	Total		324,997	354			
HV dung hoà * Năm học	Between Groups	(Combined)	,654	2	,327	,289	,750
	Within Groups		402,597	355	1,134		
	Total		403,251	357			
HV xa lánh * Năm học	Between Groups	(Combined)	9,782	2	4,891	3,941	,020
	Within Groups		439,383	354	1,241		
	Total		449,165	356			

nhanthuc * Năm học	Between Groups	(Combined)	2,616	2	1,308	2,745	,066
	Within Groups		169,172	355	,477		
	Total		171,788	357			
camxuc * Năm học	Between Groups	(Combined)	6,399	2	3,199	5,414	,005
	Within Groups		209,795	355	,591		
	Total		216,194	357			
hanhvi * Năm học	Between Groups	(Combined)	,103	2	,051	,249	,779
	Within Groups		73,212	355	,206		
	Total		73,315	357			
XDVH * Năm học	Between Groups	(Combined)	1,771	2	,885	3,812	,023
	Within Groups		82,446	355	,232		
	Total		84,217	357			

ANOVA

XDVH

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	1,771	2	,885	3,812	,023
Within Groups	82,446	355	,232		
Total	84,217	357			

Post Hoc Tests

Multiple Comparisons

Dependent Variable: XDVH

LSD

(I) Năm học	(J) Năm học	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
năm 1	năm 2	-,03026	,06172	,624	-,1516	,0911
	năm 3	-,16320*	,06140	,008	-,2840	-,0424
năm 2	năm 1	,03026	,06172	,624	-,0911	,1516
	năm 3	-,13294*	,06528	,042	-,2613	-,0045
năm 3	năm 1	,16320*	,06140	,008	,0424	,2840

	năm 2	,13294*	,06528	,042	,0045	,2613
--	-------	---------	--------	------	-------	-------

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

ANOVA

NTnguồn gốc

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	5,331	2	2,666	3,438	,033
Within Groups	275,261	355	,775		
Total	280,593	357			

Post Hoc Tests

Multiple Comparisons

Dependent Variable: NTnguồn gốc

LSD

(I) Năm học	(J) Năm học	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
năm 1	năm 2	,19515	,11277	,084	-,0266	,4169
	năm 3	-,11374	,11219	,311	-,3344	,1069
năm 2	năm 1	-,19515	,11277	,084	-,4169	,0266
	năm 3	-,30889*	,11928	,010	-,5435	-,0743
năm 3	năm 1	,11374	,11219	,311	-,1069	,3344
	năm 2	,30889*	,11928	,010	,0743	,5435

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

ANOVA

		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
CX giá trị	Between Groups	6,698	2	3,349	3,329	,037
	Within Groups	357,172	355	1,006		
	Total	363,871	357			

CX tuong tac	Between Groups	6,736	2	3,368	8,441	,000
	Within Groups	141,643	355	,399		
	Total	148,379	357			

Post Hoc Tests

Multiple Comparisons

LSD

Dependent Variable	(I) Năm h?c	(J) Năm h?c	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
CX gia tri	năm 1	năm 2	-,21949	,12846	,088	-,4721	,0332
		năm 3	-,31775*	,12780	,013	-,5691	-,0664
	năm 2	năm 1	,21949	,12846	,088	-,0332	,4721
		năm 3	-,09826	,13588	,470	-,3655	,1690
	năm 3	năm 1	,31775*	,12780	,013	,0664	,5691
		năm 2	,09826	,13588	,470	-,1690	,3655
CX tuong tac	năm 1	năm 2	-,14060	,08090	,083	-,2997	,0185
		năm 3	-,33063*	,08048	,000	-,4889	-,1723
	năm 2	năm 1	,14060	,08090	,083	-,0185	,2997
		năm 3	-,19003*	,08557	,027	-,3583	-,0217
	năm 3	năm 1	,33063*	,08048	,000	,1723	,4889
		năm 2	,19003*	,08557	,027	,0217	,3583

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

3.3. So sánh theo trường học

	Trường	ĐH Ngoại ngữ	ĐH Sư phạm Hà Nội	ĐH Sư phạm Tuyên Quang	Total
Mean	NTnguongoc	2,2245	2,1068	2,1663	2,1685
	NTgiatri	2,5787	2,2329	2,4233	2,4201
	NTtuongtac	3,0722	2,7917	2,9307	2,9377
	CXnguongoc	2,7111	2,3622	2,7129	2,6106
	CXgiatri	3,0657	2,6624	3,0363	2,9377

	CXtuongtac	2,4735	2,2810	2,5543	2,4480
	HVlangtranh	3,4777	3,7041	3,7682	3,6527
	HVtimhinhmau	2,6690	2,4300	2,4006	2,4986
	HV đồng hoá	3,30	3,49	3,64	3,48
	HV bảo thủ	3,38	3,09	2,93	3,12
	HV dung hoà	2,67	2,45	2,73	2,63
	HV xa lánh	3,16	2,93	3,38	3,17
	nhanthuc	2,6252	2,3771	2,5067	2,5088
	camxuc	2,7501	2,4352	2,7678	2,6654
	hanhvi	3,1118	3,0157	3,1409	3,0948
	XDVH	2,8289	2,6093	2,8052	2,7563

ANOVA Table

			Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
NTnguongoc * Trường	Between Groups	(Combined)	1,159	2	,580	,725	,485
	Within Groups		427,894	535	,800		
	Total		429,054	537			
NTgiatri * Trường	Between Groups	(Combined)	9,996	2	4,998	4,997	,007
	Within Groups		535,178	535	1,000		
	Total		545,174	537			
NTtuongtac * Trường	Between Groups	(Combined)	6,594	2	3,297	4,629	,010
	Within Groups		381,070	535	,712		
	Total		387,664	537			
CXnguongoc * Trường	Between Groups	(Combined)	13,558	2	6,779	5,711	,004
	Within Groups		635,111	535	1,187		
	Total		648,670	537			
CXgiatri * Trường	Between Groups	(Combined)	16,739	2	8,369	8,975	,000
	Within Groups		498,925	535	,933		
	Total		515,664	537			

CXtuongtac * Trường	Between Groups	(Combined)	6,751	2	3,375	7,696	,001
	Within Groups		234,665	535	,439		
	Total		241,416	537			
HVlangtranh * Trường	Between Groups	(Combined)	8,589	2	4,294	8,417	,000
	Within Groups		272,445	534	,510		
	Total		281,034	536			
HVtimhinhmau * Trường	Between Groups	(Combined)	7,872	2	3,936	7,779	,000
	Within Groups		270,176	534	,506		
	Total		278,048	536			
HV đồng hoá * Trường	Between Groups	(Combined)	11,001	2	5,501	6,934	,001
	Within Groups		422,812	533	,793		
	Total		433,813	535			
HV bảo thủ * Trường	Between Groups	(Combined)	19,694	2	9,847	11,603	,000
	Within Groups		448,102	528	,849		
	Total		467,797	530			
HV dung hoà * Trường	Between Groups	(Combined)	7,492	2	3,746	3,451	,032
	Within Groups		577,487	532	1,086		
	Total		584,979	534			
HV xa lánh * Trường	Between Groups	(Combined)	17,762	2	8,881	7,369	,001
	Within Groups		636,298	528	1,205		
	Total		654,060	530			
nhanthuc * Trường	Between Groups	(Combined)	5,142	2	2,571	5,454	,005
	Within Groups		252,196	535	,471		
	Total		257,338	537			
camxuc * Trường	Between Groups	(Combined)	11,679	2	5,839	10,071	,000
	Within Groups		310,198	535	,580		
	Total		321,877	537			
hanhvi * Trường	Between Groups	(Combined)	1,459	2	,729	3,406	,034
	Within Groups		114,349	534	,214		
	Total		115,807	536			

XDVH * Trường	Between Groups	(Combined)	4,800	2	2,400	10,254	,000
	Within Groups		125,221	535	,234		
	Total		130,021	537			

ANOVA

		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
nhanthuc	Between Groups	5,142	2	2,571	5,454	,005
	Within Groups	252,196	535	,471		
	Total	257,338	537			
camxuc	Between Groups	11,679	2	5,839	10,071	,000
	Within Groups	310,198	535	,580		
	Total	321,877	537			
hanhvi	Between Groups	1,459	2	,729	3,406	,034
	Within Groups	114,349	534	,214		
	Total	115,807	536			

Post Hoc Tests

Multiple Comparisons

LSD

Dependent Variable	(I) Trường	(J) Trường	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
nhanthuc	ĐH Ngoại ngữ	ĐH Sư phạm Hà Nội	,24802*	,07510	,001	,1005	,3956
		ĐH Sư phạm Tuyên Quang	,11842	,07037	,093	-,0198	,2567
	ĐH Sư phạm Hà Nội	ĐH Ngoại ngữ	-,24802*	,07510	,001	-,3956	-,1005

		ĐH Sư phạm Tuyên Quang	-,12960	,07318	,077	-,2734	,0142
	ĐH Sư phạm Tuyên Quang	ĐH Ngoại ngữ	-,11842	,07037	,093	-,2567	,0198
		ĐH Sư phạm Hà Nội	,12960	,07318	,077	-,0142	,2734
camxuc	ĐH Ngoại ngữ	ĐH Sư phạm Hà Nội	,31494*	,08329	,000	,1513	,4786
		ĐH Sư phạm Tuyên Quang	-,01770	,07805	,821	-,1710	,1356
	ĐH Sư phạm Hà Nội	ĐH Ngoại ngữ	-,31494*	,08329	,000	-,4786	-,1513
		ĐH Sư phạm Tuyên Quang	-,33264*	,08116	,000	-,4921	-,1732
	ĐH Sư phạm Tuyên Quang	ĐH Ngoại ngữ	,01770	,07805	,821	-,1356	,1710
		ĐH Sư phạm Hà Nội	,33264*	,08116	,000	,1732	,4921
hanhvi	ĐH Ngoại ngữ	ĐH Sư phạm Hà Nội	,09617	,05068	,058	-,0034	,1957
		ĐH Sư phạm Tuyên Quang	-,02910	,04750	,540	-,1224	,0642
	ĐH Sư phạm Hà Nội	ĐH Ngoại ngữ	-,09617	,05068	,058	-,1957	,0034
		ĐH Sư phạm Tuyên Quang	-,12527*	,04932	,011	-,2222	-,0284
	ĐH Sư phạm Tuyên Quang	ĐH Ngoại ngữ	,02910	,04750	,540	-,0642	,1224
		ĐH Sư phạm Hà Nội	,12527*	,04932	,011	,0284	,2222

*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

4. Tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng đến xung đột văn hoá ở thanh niên Việt Nam

Correlations

		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1. NC huongn goai	P	1	,29 9**	,19 2**	,04 8	- ,29 5**	,12 4**	- ,04 3	- ,02 3	,05 3	,06 7	,16 2**	,05 7	,03 4	- ,09 9*	,05 9
	Sig. (2-tailed)		,00 0	,00 0	,26 8	,00 0	,00 4	,32 6	,60 2	,22 5	,12 0	,00 0	,19 2	,43 5	,02 2	,17 7
	N	537	53 7	53 7	53 7	53 7	53 3	52 7	52 8	52 8	53 7	53 7	53 3	53 2	53 7	526
2. NC coimo	P	,29 9**	1	,14 3**	,18 7**	,05 4	,14 0**	- ,05 7	,07 4	,10 7*	,12 6**	,22 6**	,01 1	,07 2	,02 0	,08 3
	Sig. (2-tailed)	,00 0		,00 1	,00 0	,20 8	,00 1	,18 8	,08 8	,01 4	,00 4	,00 0	,79 2	,09 5	,63 7	,05 9
	N	537	53 7	53 7	53 7	53 7	53 3	52 7	52 8	52 8	53 7	53 7	53 3	53 2	53 7	526
3. NC tan tam	P	,19 2**	,14 3**	1	,41 1**	- ,25 1**	,28 5**	,01 9	- ,00 1	- ,00 6	,36 8**	,03 2	,20 0**	- ,05 4	- ,21 9**	,07 9
	Sig. (2-tailed)	,00 0	,00 1		,00 0	,00 0	,00 0	,67 0	,97 9	,89 5	,00 0	,45 7	,00 0	,21 4	,00 0	,07 1
	N	537	53 7	53 7	53 7	53 7	53 3	52 7	52 8	52 8	53 7	53 7	53 3	53 2	53 7	526
4. NC dechiu	P	,04 8	,18 7**	,41 1**	1	,05 2	,22 5**	,14 5**	- ,03 1	,02 2	,30 2**	,04 0	,12 1**	- ,04 7	- ,17 7**	,03 6
	Sig. (2-tailed)	,26 8	,00 0	,00 0		,22 6	,00 0	,00 1	,47 4	,61 2	,00 0	,35 0	,00 5	,27 8	,00 0	,41 1
	N	537	53 7	53 7	53 7	53 7	53 3	52 7	52 8	52 8	53 7	53 7	53 3	53 2	53 7	526
5. NC nhieu tam	P	- ,29 5**	,05 4	- ,25 1**	- ,05 2	1	,01 8	,03 9	,17 1**	,01 5	,02 0	,00 5	,06 9	,04 6	,16 1**	,02 4
	Sig. (2-tailed)	,00 0	,20 8	,00 0	,22 6		,68 5	,37 8	,00 0	,73 6	,64 7	,91 4	,10 9	,29 0	,00 0	,58 6

	N	537	53 7	53 7	53 7	53 7	53 3	52 7	52 8	52 8	53 7	53 7	53 3	53 2	53 7	526
6. thongn hat gd	P	,12 4**	,14 0**	,28 5**	,22 5**	,01 8	- 1	,10 6*	,03 8	- 0	,36 9**	,11 2**	,27 8**	,02 3	- 5**	,00 9
	Sig. (2- tailed)	,00 4	,00 1	,00 0	,00 0	,68 5		,01 5	,38 6	,81 8	,00 0	,01 0	,00 0	,59 0	,00 0	,84 4
	N	533	53 3	53 3	53 3	53 3	53 3	52 6	52 6	52 6	53 3	53 3	52 9	52 8	53 3	524
7. stressng on ngu	P	- 04 3	- 05 7	,01 9	,14 5**	,03 9	,10 6*	1	,15 5**	,08 2	,13 9**	- 07 7	,04 2	- 06 9	,09 6*	,14 7**
	Sig. (2- tailed)	,32 6	,18 8	,67 0	,00 1	,37 8	,01 5		,00 0	,06 1	,00 1	,07 6	,33 3	,11 7	,02 8	,00 1
	N	527	52 7	52 7	52 7	52 7	52 6	52 7	52 7	52 7	52 7	52 7	52 3	52 2	52 7	525
8. stressph an biet	P	- 02 3	,07 4	- 00 1	- 03 1	,17 1**	,03 8	,15 5**	1	,57 5**	,11 2**	,04 5	,16 5**	,10 3*	,41 4**	,42 8**
	Sig. (2- tailed)	,60 2	,08 8	,97 9	,47 4	,00 0	,38 6	,00 0		,00 0	,01 0	,30 0	,00 0	,01 8	,00 0	,00 0
	N	528	52 8	52 8	52 8	52 8	52 6	52 7	52 8	52 8	52 8	52 8	52 4	52 3	52 8	526
9. stressqu an he	P	,05 3	,10 7*	- 00 6	,02 2	,01 5	- 01 0	,08 2	,57 5**	1	,17 3**	,12 5**	,15 5**	,11 7**	,43 9**	,55 7**
	Sig. (2- tailed)	,22 5	,01 4	,89 5	,61 2	,73 6	,81 8	,06 1	,00 0		,00 0	,00 4	,00 0	,00 8	,00 0	,00 0
	N	528	52 8	52 8	52 8	52 8	52 6	52 7	52 8	52 8	52 8	52 8	52 4	52 3	52 8	526
10. tiep xucVN	P	,06 7	,12 6**	,36 8**	,30 2**	,02 0	,36 9**	,13 9**	,11 2**	,17 3**	1	,01 8	,55 6**	- 05 6	- 03 3	,20 9**
	Sig. (2- tailed)	,12 0	,00 4	,00 0	,00 0	,64 7	,00 0	,00 1	,01 0	,00 0		,67 7	,00 0	,19 9	,44 6	,00 0
	N	537	53 7	53 7	53 7	53 7	53 3	52 7	52 8	52 8	53 9	53 9	53 5	53 4	53 9	526

11. tiep xuc Tay	P	,162**	,226**	,032	,040	-,005	,112**	-,077	,045	,125**	-,018	1	-,046	,418**	,108*	-,013
	Sig. (2-tailed)	,000	,000	,457	,350	,914	,010	,076	,300	,004	,677		,287	,000	,012	,761
	N	537	537	537	537	537	533	527	528	528	539	539	535	534	539	526
12. gan bo VN	P	,057	,011	,200**	,121**	-,069	,278**	,042	,165**	,155**	,556**	-,046	1	-,003	,008	,130**
	Sig. (2-tailed)	,192	,792	,000	,005	,109	,000	,333	,000	,000	,000	,287		,939	,862	,003
	N	533	533	533	533	533	529	523	524	524	535	535	535	533	535	522
13. gan bo Tay	P	,034	,072	-,054	-,047	,046	,023	-,069	,103*	,117**	-,056	,418**	-,003	1	,167**	,068
	Sig. (2-tailed)	,435	,095	,214	,278	,290	,590	,117	,018	,008	,199	,009	,939		,000	,121
	N	532	532	532	532	532	528	522	523	523	534	534	533	534	534	521
14. XDVH	P	-,099*	,020	-,219**	-,177**	,161**	-,155**	,096*	,414**	,439**	-,033	,108*	,008	,167**	1	,345**
	Sig. (2-tailed)	,022	,637	,000	,000	,000	,000	,028	,000	,000	,446	,012	,862	,000		,000
	N	537	537	537	537	537	533	527	528	528	539	539	535	534	539	526
15. stress co lap	P	,059	,083	,079	,036	,024	,009	,147**	,428**	,557**	,209**	-,013	,130**	,068	,345**	1
	Sig. (2-tailed)	,177	,059	,071	,411	,586	,844	,001	,000	,000	,000	,761	,003	,121	,000	
	N	526	526	526	526	526	524	525	526	526	526	526	522	521	526	526

** . Correlation is significant at the 0.01 level (2-tailed).

*. Correlation is significant at the 0.05 level (2-tailed).

5. Phương trình hồi quy tuyến tính dự đoán mức độ ảnh hưởng của các yếu tố ảnh hưởng tới các khía cạnh tâm lý của xung đột văn hoá

Model Summary

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	,581 ^a	,337	,319	,40062

a. Predictors: (Constant), gan bo Tay, gan bo VN, NChuongngoai, stressngonngu, NCdechiu, stress co lap, NCnhieutam, thongnhatgd, NCcoimo, tiepxucTay, stressphanbiet, NClantam, tiepxucVN, stressquanhe

ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	41,123	14	2,937	18,302	,000 ^b
	Residual	80,728	503	,160		
	Total	121,851	517			

a. Dependent Variable: XDVH

b. Predictors: (Constant), gan bo Tay, gan bo VN, NChuongngoai, stressngonngu, NCdechiu, stress co lap, NCnhieutam, thongnhatgd, NCcoimo, tiepxucTay, stressphanbiet, NClantam, tiepxucVN, stressquanhe

Coefficients^a

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)	2,624	,260		10,099	,000
	tiepxucVN	-,007	,037	-,009	-,184	,854
	tiepxucTay	,055	,039	,060	1,422	,156
	NChuongngoai	-,067	,035	-,079	-1,925	,055
	NCcoimo	,017	,041	,017	,406	,685
	NClantam	-,102	,033	-,136	-3,090	,002
	NCdechiu	-,113	,041	-,115	-2,762	,006
	NCnhieutam	,041	,034	,049	1,206	,228
	thongnhatgd	-,073	,031	-,096	-2,337	,020
	stressngonngu	,030	,017	,066	1,741	,082
	stressphanbiet	,104	,025	,192	4,065	,000
	stressquanhe	,127	,027	,235	4,636	,000
	stress co lap	,057	,020	,132	2,887	,004
	gan bo VN	-,001	,026	-,002	-,036	,971
gan bo Tay	,041	,020	,081	2,010	,045	

a. Dependent Variable: XDVH

PHỤ LỤC 7

BIÊN BẢN PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU SINH VIÊN

1. Tìm hiểu về mức độ hiểu biết văn hoá

Câu 1: Anh/chị có tiếp xúc nhiều với văn hoá phương Tây không? Xin anh/chị cho biết anh/chị tiếp xúc qua phương tiện nào và trong các dịp nào?

Có tiếp xúc nhiều với văn hoá phương Tây qua phim ảnh, truyền hình, âm thực. Trong các dịp gặp gỡ bạn bè, trong đời sống.

Câu 2: Anh/chị có thích văn hoá phương Tây không? Tại sao? Nếu thích thì thích những vấn đề gì của văn hoá phương Tây?

Có thích văn hoá phương Tây, vì văn hoá ở đây có phần mới mẻ hơn, dễ thích ứng trong quá trình hội nhập. Thích về nghệ thuật: điện ảnh, trang phục, phong cách sống, sinh hoạt.

Câu 3: Anh/chị có thích văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam không? Tại sao? Nếu thích thì thích những vấn đề gì của văn hoá Việt Nam?

Có thích văn hoá dân tộc, vì nó mang bản sắc dân tộc, là đặc trưng cần được gìn giữ và phát huy. Thích về ẩm thực, nghệ thuật dân gian, lối sống và tín ngưỡng của dân tộc.

Câu 4: Theo anh/chị, văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam có khác biệt nhau nhiều không? Sự khác biệt, nếu có, thể hiện trong lĩnh vực nào?

Văn hoá phương Tây khác nhiều [so với] văn hoá Việt Nam. Sự khác biệt thể hiện trong nhiều lĩnh vực:

- lối sống phóng khoáng hơn*
- suy nghĩ đơn giản, không gò bó trong khuôn phép.*

Câu 5: Theo anh/chị, có sự tương đồng giữa văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam không? Liệu có thể dung hoà giữa hai nền văn hoá này không? Nếu có, xin anh/chị cho một ví dụ.

Cũng có sự tương đồng. Dung hoà được nhưng cần chọn lọc, hoà hợp nhưng không hoà tan. Ví dụ, tôi học hỏi sự năng động, tư duy tiến bộ nhưng không học hỏi cách sống quá buông thả, ăn chơi.

Câu 6: Văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam thì văn hoá nào ảnh hưởng nhiều hơn đến cách ứng xử hàng ngày của anh/chị? Tại sao?

Văn hoá Việt Nam ảnh hưởng nhiều hơn vì [tôi] được rèn luyện, tiếp thu [văn hoá Việt Nam] ngay từ nhỏ nên [văn hoá Việt Nam] phần nào đi sâu vào con người.

Câu 7: Xin anh/chị cho biết anh/chị gắn bó với nền văn hoá Việt Nam nhiều hơn hay văn hoá phương Tây nhiều hơn (hay không gắn bó với văn hoá nào)? Tại sao lại gắn bó ở mức độ như vậy?

70% gắn bó với văn hoá Việt Nam, vì là truyền thống, được học hỏi từ gia đình từ nhỏ.

Câu 8: Khi suy nghĩ hay quyết định một vấn đề gì đó thì anh/chị bị chi phối bởi nền văn hoá nào (văn hoá truyền thống hay văn hoá phương Tây)? Tại sao?

Cả hai

2. Tìm hiểu về mức độ xung đột văn hoá

Câu 9: Văn hoá phương Tây thường coi trọng tính độc lập, tự chủ trong khi văn hoá Việt Nam đề cao tính cộng đồng và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong một gia đình hay một cộng đồng. Anh/chị có thường xuyên trải nghiệm những tình huống mà sự khác biệt văn hoá trên thể hiện rõ rệt không? Nếu có, xin cho một ví dụ.

Có. Ví dụ, với phương Tây, bố mẹ thường sống theo cách riêng, ở Việt Nam, bố mẹ sống vì con cái. Phương Tây họ có tiền là hưởng thụ cuộc sống, đi du lịch, ở Việt Nam bố mẹ vất vả chiu để giành cho con.

Câu 10: Những tình huống như vậy thường xảy ra khi nào? Giữa anh/chị với ai?

Thường xảy ra trong mối quan hệ bố mẹ - con cái.

Câu 11: Khi gặp phải những tình huống khác biệt văn hoá như vậy, anh/chị thường cảm thấy như thế nào? Vì sao?

[Tôi thấy rằng] có những việc cần thay đổi, để tốt. [Tôi] thường có xu hướng học hỏi, thay đổi cho phù hợp.

Câu 12: Những tình huống xung đột văn hoá như vậy có ảnh hưởng gì đến hình ảnh bản thân của anh/chị hay không? Anh/chị có cảm thấy mình hiểu rõ mình đồng tình với giá trị văn hoá nào và hành động thống nhất với hệ giá trị đó không?

Thường không ảnh hưởng nhiều. Mọi hệ giá trị đều có thể thay đổi, giá trị văn hoá cũng cần thay đổi để tốt lên.

Câu 13: Anh/chị có niềm tin vào các giá trị văn hoá mà mình đã lựa chọn không? Các giá trị văn hoá mà anh/chị lựa chọn là những giá trị của nền văn hoá nào?

Một phần có niềm tin vào các giá trị văn hoá mà mình đã chọn. Vì nó giúp bản thân có mục đích để hướng tới, giúp bản thân cố gắng hơn. Đó là những giá trị của văn hoá truyền thống.

3. Tìm hiểu về khả năng giải quyết xung đột văn hoá

Câu 14: Khi gặp xung đột văn hoá, anh/chị thường tìm đến ai để tham khảo ý kiến?

Tự ngắm, tư duy [xem nên] chấp nhận hay không chấp nhận.

Câu 15: Nếu phải lựa chọn giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá phương Tây, theo anh/chị cách giải quyết vấn đề của nền văn hoá nào phù hợp với anh/chị hơn?

Dung hoà cả hai có chọn lọc. Cần có nền văn hoá Việt Nam cộng thêm tư tưởng tiến bộ phương Tây.

Câu 16: Theo anh/chị, có thể dung hoà giữa cách tư duy kiểu phương Tây và cách tư duy kiểu Việt Nam hay không? Anh/chị có thường xuyên kết hợp hai văn hoá này không? Xin cho một ví dụ về một tình huống xung đột văn hoá mà anh/chị đã kết hợp giữa hai văn hoá này.

Có thể dung hoà nhưng cần thời gian.

Câu 17: Nếu chọn các giá trị của văn hoá phương Tây thì có gây cho anh/chị những khó khăn gì trong cuộc sống?

Không có khó khăn nhiều. Phần lớn khó khăn là gặp phải những ý kiến trái chiều từ gia đình.

Câu 18: Nếu chọn giá trị phương Tây thì động cơ nào thôi thúc anh/chị?

Giúp bản thân hội nhập được tốt hơn.

4. Xin anh/chị cho biết một số thông tin cá nhân sau:

- Tên (viết tắt chữ in): V.T.K.G.
- Giới tính: Nữ
- Tuổi: 21
- Năm học: 4
- Trường: Đại học Sư phạm Hà Nội

PHỤ LỤC 8

BIÊN BẢN PHIẾU PHÒNG VẤN SÂU GIÁO VIÊN

Câu 1: Xin Thầy/Cô cho biết ý kiến của mình về những vấn đề sau:

1. Thanh niên Việt Nam hiện nay có thích văn hoá phương Tây không? Tại sao? Nếu thích thì họ thích những vấn đề gì của văn hoá phương Tây?

Có thích vì nhu cầu học tập, giải trí, du lịch. Thích những vấn đề về âm nhạc, điện ảnh, thời trang, ẩm thực.

2. Thanh niên Việt Nam hiện nay có thích văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam không? Tại sao? Nếu thích thì họ thích những vấn đề gì của văn hoá Việt Nam?

Có thích vì nó lưu giữ được nhiều nét đẹp truyền thống của dân tộc, ví dụ Tết cổ truyền, các lễ hội truyền thống, văn hoá ẩm thực truyền thống của các vùng địa phương.

3. Văn hoá phương Tây và văn hoá Việt Nam thì văn hoá nào ảnh hưởng nhiều hơn đến cách ứng xử hàng ngày của thanh niên Việt Nam hiện nay? Tại sao?

Văn hoá Việt Nam vì cách ứng xử hàng ngày phần lớn chịu tác động trực tiếp từ môi trường sống (giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình, môi trường giao tiếp xã hội khác).

Câu 2: Xin Thầy/Cô cho biết mức độ gắn bó của thanh niên Việt Nam với nền văn hoá Việt Nam nhiều hơn hay văn hoá phương Tây (hay không gắn bó với văn hoá nào)? Tại sao lại gắn bó ở mức độ như vậy?

Gắn bó với văn hoá truyền thống.

Câu 3: Xin Thầy/Cô cho biết, khi suy nghĩ hay quyết định một vấn đề gì đó thì thanh niên bị chi phối bởi nền văn hoá nào (văn hoá truyền thống hay văn hoá phương Tây)? Tại sao?

Bị chi phối bởi nền văn hoá truyền thống vì: Khi sống, học tập, làm việc ở Việt Nam thì việc suy nghĩ hay quyết định một vấn đề gì đó sẽ phải cân nhắc đến nhiều yếu tố,

như mục tiêu, hiệu quả mang lại, những yếu tố tác động đến việc thực hiện quyết định từ môi trường sống.

Câu 4: Xin Thầy/Cô cho biết thanh niên hiện nay có thể hoà nhập các giá trị văn hoá phương Tây với văn hoá truyền thống trong cuộc sống của họ không? Tại sao?

Có thể hoà nhập vì:

- Tùy hoàn cảnh, điều kiện cụ thể để sự hoà nhập đó là phù hợp.

- Sự tự chủ quyết định trong cuộc sống của thanh niên cho phép họ hoàn toàn tự do lựa chọn sự hoà nhập này.

Câu 5: Văn hoá phương Tây thường coi trọng tính độc lập, tự chủ trong khi văn hoá Việt Nam đề cao tính cộng đồng và sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các thành viên trong một gia đình hay một cộng đồng. Theo Thầy/Cô, thanh niên có thường xuyên trải nghiệm những tình huống mà sự khác biệt văn hoá trên thể hiện rõ rệt không?

Có thường xuyên trải nghiệm.

Câu 6: Xin Thầy/Cô cho biết, trong cuộc sống thường ngày, thanh niên và bố mẹ của họ có xung đột với nhau về những vấn đề trong cuộc sống không? Tại sao? Nếu có xung đột thì xung đột ở vấn đề nào nhiều nhất?

Có. Vì sự ảnh hưởng của văn hoá phương Tây và những thay đổi về sự tiến bộ của khoa học công nghệ mà thanh niên hiện nay được tiếp nhận mà có thể bố mẹ không rõ. Xung đột ở những vấn đề sau:

- Cách hưởng thụ, giải trí.

- Cách chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cái.

Câu 7: Theo Thầy/Cô, thanh niên có niềm tin vào các giá trị văn hoá mà mình đã lựa chọn không? Các giá trị văn hoá mà anh/chị lựa chọn là những giá trị của nền văn hoá nào?

Có niềm tin vào các giá trị văn hoá mà họ đã lựa chọn vì họ còn chịu ảnh hưởng rất lớn từ điều kiện kinh tế - xã hội của môi trường sống của nền văn hoá truyền thống.

Câu 8: Theo Thầy/Cô, nếu thanh niên chọn các giá trị của văn hoá phương Tây thì có gây cho thanh niên những khó khăn gì trong cuộc sống?

Sự theo đuổi và hướng đến các giá trị văn hoá phương Tây sẽ làm thanh niên càng không hiểu hết được giá trị và những nét đẹp của văn hoá truyền thống, dẫn đến dễ có cái nhìn tiêu cực về văn hoá truyền thống.

Câu 9: Nếu chọn giá trị phương Tây thì động cơ nào thôi thúc thanh niên?

Động cơ tích cực: Muốn tiếp nhận những mặt tích cực của văn hoá phương Tây như tác phong học tập và làm việc công nghiệp, để nâng cao hiểu biết và học hỏi được những nét đẹp mới.

Động cơ tiêu cực: Chỉ để thoả mãn nhu cầu giải trí một cách thái quá, không thể tự chủ được bản thân.

Câu 10: Xin Thầy/Cô cho biết yếu tố nào ảnh hưởng nhiều nhất đến sự lựa chọn các giá trị văn hoá của thanh niên?

- Yếu tố chủ quan: thoả mãn các nhu cầu cá nhân (giải trí, âm nhạc, điện ảnh, du lịch, ẩm thực), học tập (lựa chọn du học tại các trường đại học)

- Yếu tố khách quan: môi trường bạn bè, sự tiếp cận các phương tiện truyền thông ở lứa tuổi thanh niên có quá nhiều nội dung và vấn đề thông tin từ văn hoá phương Tây.

Câu 11: Xin Thầy/Cô cho biết một số thông tin cá nhân sau:

- Giới tính: Nữ
- Tuổi: 56
- Trường: Đại học Sư phạm Hà Nội

PHỤ LỤC 9

BIÊN BẢN KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM TÁC ĐỘNG

Phiếu năng lực xử lý tình huống

Bạn hãy tưởng tượng bản thân mình đang trải nghiệm các tình huống sau. Bạn sẽ xử lý tình huống như thế nào?

Tình huống 1:

Lớp của bạn đang thảo luận về mẫu đồng phục lớp. Bạn thích nam và nữ có đồng phục riêng, vì thế bạn đề xuất may áo sơ mi cho nam và váy cho nữ. Tuy nhiên đa số các bạn trong lớp muốn may đồng phục giống nhau cho nam và nữ nên số đồng phục đề xuất may áo phông mà cả nam và nữ đều mặc được. Bạn sẽ làm gì trong tình huống này?

Tôi sẽ cố gắng thuyết phục mọi người về những ưu điểm khi nam và nữ mặc đồng phục khác nhau. Nếu không được tôi sẽ theo ý kiến số đông.

Vì sao bạn lại chọn hành động như vậy?

Vì mỗi chúng ta nên có chính kiến của riêng mình nhưng không phải là đi ngược lại đám đông và không biết lắng nghe người khác.

Tình huống 2:

Trong đợt nghỉ lễ 2/9 sắp tới, bố mẹ bạn muốn đưa cả gia đình đi chơi xa. Bố mẹ và ông bà bạn thích đi nghỉ dưỡng nên muốn chọn một nơi yên tĩnh, biệt lập để nghỉ ngơi thư giãn. Bạn lại thích sự sôi động của thành phố nên đề nghị cả nhà cùng đi du lịch tịa một thành phố lớn đang được nhiều bạn trẻ lựa chọn. Bố mẹ của bạn không đồng ý nhưng vẫn muốn bạn đi cùng cả nhà nên bố mẹ đã kiên trì thuyết phục bạn nhiều hôm nay. Bạn sẽ làm gì trong tình huống này?

Theo ý kiến của gia đình

Vì sao bạn lại chọn hành động như vậy?

Không nên vì một mình mình mà làm chuyến đi mất vui.

PHỤ LỤC 10
KẾT QUẢ THỰC NGHIỆM TÁC ĐỘNG

xungdot1 * vanhoa Crosstabulation

			vanhoa		Total
			phuong Tay	Viet Nam	
xungdot1	dong hoa	Count	6	2	8
		Expected Count	4,0	4,0	8,0
		% within xungdot1	75,0%	25,0%	100,0%
		% within vanhoa	19,4%	6,5%	12,9%
	bao thu	Count	17	20	37
		Expected Count	18,5	18,5	37,0
		% within xungdot1	45,9%	54,1%	100,0%
		% within vanhoa	54,8%	64,5%	59,7%
	dung hoa	Count	8	8	16
		Expected Count	8,0	8,0	16,0
		% within xungdot1	50,0%	50,0%	100,0%
		% within vanhoa	25,8%	25,8%	25,8%
	xa lanh	Count	0	1	1
		Expected Count	,5	,5	1,0
		% within xungdot1	0,0%	100,0%	100,0%
		% within vanhoa	0,0%	3,2%	1,6%
Total	Count	31	31	62	
	Expected Count	31,0	31,0	62,0	
	% within xungdot1	50,0%	50,0%	100,0%	
	% within vanhoa	100,0%	100,0%	100,0%	

Chi-Square Tests

	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	3,243 ^a	3	,356
Likelihood Ratio	3,723	3	,293
Linear-by-Linear Association	1,342	1	,247
N of Valid Cases	62		

a. 4 cells (50,0%) have expected count less than 5. The minimum expected count is ,50.

Symmetric Measures

		Value	Approx. Sig.
Nominal by Nominal	Phi	,229	,356
	Cramer's V	,229	,356
N of Valid Cases		62	

a. Not assuming the null hypothesis.

b. Using the asymptotic standard error assuming the null hypothesis.

xungdot2 * vanhoa Crosstabulation

			vanhoa		Total
			phuong Tay	Viet Nam	
xungdot2	dong hoa	Count	3	0	3
		Expected Count	1,5	1,5	3,0
		% within xungdot2	100,0%	0,0%	100,0%
		% within vanhoa	9,7%	0,0%	4,8%
	bao thu	Count	20	22	42
		Expected Count	21,0	21,0	42,0
		% within xungdot2	47,6%	52,4%	100,0%
		% within vanhoa	64,5%	71,0%	67,7%
	dung hoa	Count	8	9	17
		Expected Count	8,5	8,5	17,0
		% within xungdot2	47,1%	52,9%	100,0%
		% within vanhoa	25,8%	29,0%	27,4%
Total	Count	31	31	62	
	Expected Count	31,0	31,0	62,0	
	% within xungdot2	50,0%	50,0%	100,0%	
	% within vanhoa	100,0%	100,0%	100,0%	

Chi-Square Tests

	Value	df	Asymp. Sig. (2-sided)
Pearson Chi-Square	3,154 ^a	2	,207
Likelihood Ratio	4,313	2	,116
Linear-by-Linear Association	,935	1	,334
N of Valid Cases	62		

a. 2 cells (33,3%) have expected count less than 5. The minimum expected count is 1,50.

Symmetric Measures

		Value	Approx. Sig.
Nominal by Nominal	Phi	,226	,207
	Cramer's V	,226	,207
N of Valid Cases		62	

- a. Not assuming the null hypothesis.
- b. Using the asymptotic standard error assuming the null hypothesis.